

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang**  
**thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Thực hiện Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 245/VPCP-QHĐP ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc trình phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh.

**2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

Thực hiện điểm i khoản 4 Điều 16 về Quy trình lập quy hoạch theo Luật Quy hoạch năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Quy hoạch tỉnh là một trong những công cụ quản lý nhà nước hết sức quan trọng, là căn cứ khoa học và công cụ pháp lý để chính quyền các cấp sử dụng trong hoạch định cơ chế, chính sách, xây dựng và triển khai các kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội, hướng tới phát triển bền vững trên cả 03 trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết phải đảm bảo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

## **2. Mục đích xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Nghị quyết này được xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định tại điểm i khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 783/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ quan lập Quy hoạch tỉnh là Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố triển khai các nhiệm vụ quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 783/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức Hội nghị báo cáo đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ để lấy ý kiến góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và dự thảo Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 420/UBND-TH gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, đã gửi Công văn xin ý kiến các Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, cơ quan lập Quy hoạch tỉnh đã phối hợp với Vụ Quản lý quy hoạch - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng chủ trì Hội thảo tham vấn ý kiến các Bộ, ngành Trung ương và chuyên gia đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và dự thảo đánh giá môi trường chiến lược. Qua đó, đơn vị tư vấn đã tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, cơ quan lập Quy hoạch tỉnh tổ chức buổi làm việc với các Sở, ban, ngành tỉnh để thống nhất các phương án chính của dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050, báo cáo Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quá trình lập Quy hoạch tỉnh có sự trao đổi thường xuyên, liên tục giữa cơ quan lập quy hoạch, liên danh tư vấn với các sở, ngành; giữa các Sở, ban, ngành với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, sự liên kết giữa các nội dung của quy hoạch, xử lý các mâu thuẫn giữa các nội dung.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; ý kiến tư vấn, phản biện của lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, các chuyên gia, nhà khoa học; ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang; ý kiến của các cơ quan, Sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh và ý kiến của cộng đồng dân cư, cơ quan lập Quy hoạch tỉnh đã phối hợp đơn vị tư vấn nghiên cứu, nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản số 1141/UBND-TH thống nhất đề cơ quan lập Quy hoạch tỉnh trình hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang đến Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, cơ quan lập Quy hoạch tỉnh đã gửi văn bản xin ý kiến góp ý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang và Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh đã tổ chức phiên họp thẩm định Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và đã có Báo cáo thẩm định số 8579/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về kết quả thẩm định Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

Tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng thẩm định và các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Về bố cục:** dự thảo Nghị quyết gồm căn cứ ban hành và 03 điều.

**“Điều 1.** Thống nhất thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện thủ tục hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng

nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, Kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023”.

**2. Các nội dung chính của Nghị quyết:** Phụ lục đính kèm.

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết; bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và các tài liệu khác.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Phước**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**  
*(Kèm theo Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 08/03/2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

---

## **1. Quan điểm, mục tiêu và các đột phá phát triển của tỉnh**

Tỉnh An Giang có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh biên giới và đối ngoại của khu vực Tây Nam bộ cũng như của cả nước.

### **1.1. Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh**

- Phát triển An Giang trở thành tỉnh năng động, hiện đại, văn minh, sinh thái và bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia<sup>1</sup>; phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm phát triển bao trùm<sup>2</sup> và hướng tới thịnh vượng; phát triển vì con người, chú trọng gìn giữ và tôn tạo sự đa dạng văn hóa, các giá trị truyền thống, lịch sử; tôn trọng quy luật tự nhiên và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên.

- Phát triển nhanh, mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hướng đến tăng năng suất, giảm giá thành, tăng hiệu quả và tăng giá trị. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế tỉnh theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi mô hình sinh kế theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp, các khu vực kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế hợp tác xã.

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước ngọt của vùng đất đầu nguồn, hạn chế các tác động xấu đến môi trường sinh thái; bảo đảm phục hồi và phát huy giá trị sinh thái cho thế hệ mai sau như: tăng diện tích dành cho rừng và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên; phục hồi và tăng đa dạng sinh học; phục hồi đất; phát triển các giá trị cảnh quan đặc thù của từng tiểu vùng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

---

<sup>1</sup> Hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch.

<sup>2</sup> Quan điểm phát triển bao trùm nhấn mạnh đến khía cạnh mọi người đều được tham gia quá trình phát triển và cùng được hưởng thụ thành quả của phát triển, không bỏ ai lại phía sau, không bỏ bên lề đối với một thành viên nào của xã hội.

- Đảm bảo bộ máy quản lý nhà nước thực sự năng động, thân thiện, kỷ luật, hiệu quả. Chính quyền địa phương giữ vai trò kiến tạo, then chốt trong việc thúc đẩy hợp tác địa phương, liên kết vùng và hội nhập quốc tế; tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên, thu hút đầu tư, tăng cơ hội việc làm, giảm bất bình đẳng, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng sống của cư dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động mở rộng các quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

### 1.2. Quan điểm về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển kinh tế - xã hội

- Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển đảm bảo phát huy vị thế chiến lược của tỉnh và tầm quan trọng của liên kết với vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng thành phố Hồ Chí Minh và vùng thủ đô Phnôm Pênh (Campuchia); đảm bảo tính có thể mở rộng, có thể liên kết của các không gian phát triển mới trong tổng thể mối quan hệ liên ngành, liên vùng. Ưu tiên phát triển các hành lang kinh tế, khu vực trọng điểm, cực tăng trưởng để tạo động lực phát triển.

- Phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính bình đẳng về cơ hội phát triển, tiếp cận của người dân; đồng thời, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế tự nhiên, văn hóa... của các tiểu vùng, các địa phương, tạo dựng nền tảng phát triển bền vững cho tỉnh.

### 1.3. Quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Ưu tiên phát triển nhanh hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu chức năng như khu kinh tế cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch..., hạ tầng phục vụ chuyển đổi số phù hợp với định hướng tổ chức và khai thác lãnh thổ, tạo ra các không gian phát triển mới với tầm nhìn dài hạn. Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ tại các khu vực động lực, hành lang kinh tế, những điểm đầu mối (hub) cấp vùng, xuyên biên giới, tạo động lực phát triển đột phá ở những địa bàn có tiềm năng, lợi thế; đồng thời, từng bước mở rộng hạ tầng kết nối giữa các khu vực, bảo đảm sự phát triển hài hòa, cân đối giữa các tiểu vùng trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách địa phương, kết hợp với ngân sách Trung ương để tập trung đầu tư tạo sự kết nối giữa hạ tầng nội tỉnh với hạ tầng của quốc gia và của vùng. Huy động nguồn lực doanh nghiệp và dân cư tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### 1.4. Mục tiêu phát triển tỉnh đến năm 2030

#### a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển vững chắc hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và một số ngành

công nghiệp chế tác<sup>3</sup>, là trung tâm sản xuất nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển giống nông nghiệp, giống thủy sản và dược liệu, là đầu mối giao thương, hợp tác quốc tế với Campuchia và các nước khu vực ASEAN, là trung tâm du lịch tâm linh và du lịch sinh thái của vùng; không gian kinh tế - xã hội được bố trí hợp lý, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối hiệu quả với các địa phương trong vùng; đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao; an sinh xã hội được bảo đảm; các giá trị văn hóa truyền thống, tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được gìn giữ, bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được cải thiện; tiềm lực quốc phòng được củng cố, ngày càng vững chắc; chính trị, an ninh trật tự được ổn định.

#### b) Mục tiêu cụ thể

##### *Mục tiêu phát triển kinh tế*

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7%/năm.
- Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: khu vực nông lâm thủy sản chiếm 20%, công nghiệp - xây dựng chiếm 25%, dịch vụ chiếm 50%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5%.
- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 157,5 triệu đồng (khoảng 6.000 USD).
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 10 năm 2021-2030 là 653 ngàn tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn 05 năm 2021-2025 đạt 41.300 tỷ đồng; 05 năm 2026-2030 đạt 63.000 tỷ đồng.
- Tổng thu từ hoạt động du lịch đạt 10.000 tỷ đồng vào năm 2030.
- Đến năm 2030, kinh tế số đạt trên 20% GRDP của tỉnh.

##### *Mục tiêu phát triển xã hội*

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50% vào năm 2030.
- Hoàn thành cơ bản mục tiêu xây dựng nông thôn mới vào năm 2030.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân dưới 0,9%/năm thời kỳ 2021-2030. Dân số trung bình năm 2030 là 1.945 ngàn người.
- Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 70%.
- Đến năm 2030 đạt 30,5 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân.
- Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó: tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 39%.
- Đến năm 2030, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1%/năm; cơ bản không

<sup>3</sup> Đó là các ngành công nghiệp chế tác phù hợp với trình độ nhân lực của tỉnh, đồng thời, có thể giải quyết nhu cầu việc làm, ổn định xã hội trong quá trình chuyển đổi, hội nhập quốc tế của tỉnh (chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào chiều rộng sang chiều sâu; chuyển đổi từ nông nghiệp, nông thôn sang phi nông nghiệp, đô thị...).

còn xã đặc biệt khó khăn.

*Mục tiêu về bảo vệ môi trường*

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng<sup>4</sup> từ 2,78% - 3,10% thời kỳ 2021-2030.
- Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt tại đô thị đạt 100%, tại nông thôn đạt trên 80%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại đạt 100%.
- Đến năm 2030, 100% số khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

*Mục tiêu về quốc phòng - an ninh*

- Chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; đảm bảo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- Đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

*Mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng*

- Phát triển hệ thống kết cấu giao thông vận tải đa phương thức kết nối liên tỉnh và quốc tế, trong đó chú trọng phát huy thế mạnh của tỉnh về giao thông thủy nội địa.
- Phát triển hạ tầng năng lượng, năng lượng tái tạo đảm bảo chủ động cân đối năng lượng cho nhu cầu phát triển của tỉnh.
- Hạ tầng thủy lợi được xây dựng đồng bộ phù hợp với chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời đảm bảo chủ động kiểm soát lũ, ứng phó với lũ cực đoan, phòng, chống sạt lở.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn; từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch. Đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%.

1.5. Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Chuyển đổi nhanh sang mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững.
- Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh.
- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, bảo đảm tính kết nối, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông và các khu chức năng kinh tế, xã hội quan trọng.

---

<sup>4</sup> Không bao gồm diện tích trồng cây phân tán trên địa bàn.



- Phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa, con người An Giang.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tăng trưởng xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

#### b) Các khâu đột phá phát triển của tỉnh

- Cải cách mạnh mẽ nền hành chính, xây dựng chính quyền số, thể hiện cam kết nhất quán của các cấp lãnh đạo trong điều hành, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Quy hoạch tỉnh.

- Thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hành lang kinh tế dọc theo tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, nhất là hệ thống giao thông kết nối đến Khu kinh tế cửa khẩu An Giang, các khu, cụm công nghiệp, các đô thị động lực - nơi tập trung các dịch vụ và công nghiệp đa dạng nhất, các vùng nguyên liệu nông thủy sản, các trung tâm đầu mối xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế số, xã hội số và thu hút đầu tư phát triển trọng điểm một số hạ tầng dịch vụ xã hội như: đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### 1.6. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, An Giang là tỉnh phát triển toàn diện, hiện đại, văn minh, sinh thái, bền vững và mang bản sắc văn hóa sông nước của vùng đất đầu nguồn sông Cửu Long; có trình độ phát triển khá so với cả nước; chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao; là điểm đến hấp dẫn cho người dân và du khách từ mọi miền đất nước; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là kết nối thông suốt với khu vực, trong nước và quốc tế; là thủ phủ của ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tinh của cả nước; là đích đến của các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, chế biến thực phẩm lớn của thế giới; là đầu mối giao thương hàng hóa, dịch vụ của vùng với thị trường Campuchia và các nước khu vực ASEAN; là địa phương gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử, đa dạng sinh học, đồng thời là phát triển bền vững mô hình kết hợp giữa du lịch tâm linh, du lịch sinh thái với thương mại hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của địa phương. Quốc phòng và an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

### 2. Phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng.

2.2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu.

2.3. Tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực.

2.4. Phương án phát triển mạng lưới giao thông.

- 2.5. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện.
- 2.6. Phương án phát triển hạ tầng thông tin truyền thông.
- 2.7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước.
- 2.8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải.
- 2.9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.

### **3. Phát triển không gian lãnh thổ**

- 3.1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
- 3.2. Phương án phát triển hệ thống đô thị.
- 3.3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn.
- 3.4. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp.
- 3.5. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai.

### **4. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn**

- 4.1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.
- 4.2. Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên.
- 4.3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
- 4.4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **5. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch**

- 5.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư.
- 5.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.
- 5.3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ.
- 5.4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.
- 5.5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn.
- 5.6. Giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước.
- 5.7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

*(Các nội dung tại **khảo 2, 3, 4, 5** được nêu cụ thể tại Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đính kèm)*

Số: 1648/STP-XDKT&TDTHPL  
V/v góp ý dự thảo Tờ trình và Nghị  
quyết thông qua Quy hoạch tỉnh  
An Giang thời kỳ 2021-2030,  
tầm nhìn đến năm 2050

An Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2848/SKHĐT-THQH ngày 27/10/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc góp ý dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

**1. Về dự thảo Tờ trình:**

***a) Thẩm quyền và sự cần thiết ban hành:***

Căn cứ khoản 1 Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, điểm i khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017, Phụ lục II Hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết cá biệt của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 1212/UBND-NC ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thì việc UBND tỉnh ban hành Tờ trình để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

***b) Về thể thức, kỹ thuật trình bày và nội dung dự thảo Tờ trình:***

Đối chiếu với Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, Phụ lục II Hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết cá biệt của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 1212/UBND-NC ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp nhận thấy:

- Định lề trang: Đề nghị sửa lề trang từ 30 – 20 – 20 – 15 thành 30 – 20 – 20 – 20 (theo quy định: Cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm, cách mép trái 30 - 35 mm, cách mép phải 15 - 20 mm).

- Các dòng kẻ ngang bên dưới tên cơ quan ban hành, tiêu ngữ, trích yếu nội dung: Đề nghị canh chỉnh lại cho cân đối, thẩm mỹ.

- Địa danh và thời gian ban hành văn bản: Đề nghị điều chỉnh cỡ chữ từ 13 sang 14.

- Đề nghị điều chỉnh Mục I “**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**” thành “**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**”.

- Đề nghị điều chỉnh Mục 1 “1. Căn cứ xây dựng Nghị quyết” thành “1. Cơ sở pháp lý”.

- Đề nghị bổ sung vào Mục II nội dung về quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết.

- Đề nghị điều chỉnh nội dung Mục IV “**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**” như sau:

**1. Bố cục:** dự thảo Nghị quyết gồm căn cứ ban hành và 03 điều.

**2. Nội dung chính của Nghị quyết:**

“**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng .... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...”.

- Đề nghị bổ sung cuối nội dung dự thảo Tờ trình: Xin gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết; bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và các tài liệu khác (nếu có).

- Phần Nơi nhận: Đề nghị bổ sung thêm Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa X.

**2. Về dự thảo Nghị quyết:**

**a) Thẩm quyền và sự cần thiết ban hành Nghị quyết:**

Căn cứ Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, điểm i khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết, đúng thẩm quyền và là cơ sở để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch.

**b) Về thể thức, kỹ thuật trình bày và nội dung dự thảo Nghị quyết:**

Đối chiếu với Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, Phụ lục II Hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết cá biệt của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 1212/UBND-NC ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện quy trình xây dựng, ban hành Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp nhận thấy:

- Định lề trang: Đề nghị sửa lề trang từ 30 – 20 – 20 – 15 thành 30 – 20 – 20 – 20 (theo quy định: Cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm, cách mép trái 30 - 35 mm, cách mép phải 15 - 20 mm).

- Các dòng kẻ ngang bên dưới tên cơ quan ban hành, tiêu ngữ, trích yếu nội dung: Đề nghị canh chỉnh lại cho cân đối, thẩm mỹ.

- Địa danh và thời gian ban hành văn bản: Đề nghị điều chỉnh cỡ chữ từ 13 sang 14.

- Đề nghị bổ sung dấu chấm phẩy vào cuối căn cứ thứ nhất.

- Đề nghị điều chỉnh cách trình bày ngày tháng năm của văn bản cho thống nhất là “ngày ... tháng ... năm ...”.

- Đề nghị điều chỉnh Điều 1 “**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:” thành “**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như Phụ lục kèm theo Nghị quyết này” và bổ cục nội dung chủ yếu của Nghị quyết dưới dạng Phụ lục kèm theo Nghị quyết, như cách trình bày của Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đề nghị điều chỉnh khoản 1 Điều 2 “1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng.” thành “1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng.”. Vì theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch thì sau khi Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thông qua và có kết luận những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện thì cơ quan lập quy hoạch phải chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- Đề nghị điều chỉnh Điều 3 “**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa...., Kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng .... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký.” Thành “**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa...., Kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng .... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm ...”./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**GIÁM ĐỐC**

Người ký: SỞ TỰ  
PHÁP  
Email:  
sotuphap@angiang.gov  
.vn  
Cơ quan: ỦY BAN  
NHÂN DÂN TỈNH AN  
GIANG  
Thời gian ký:  
02.11.2022 08:34:21  
+07:00



**Cao Thanh Sơn**

**VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ MIỀN NAM  
---o0o---**

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG  
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

Tháng 02 năm 2023





## PHỤ LỤC 0

### TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU THEO Ý KIẾN ĐÓNG GÓP CỦA SỞ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH AN GIANG TẠI HỘI NGHỊ THÔNG QUA BAN CÁN SỰ ĐẢNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH DỰ THẢO TỜ TRÌNH, NGHỊ QUYẾT TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÔNG QUA QUY HOẠCH TỈNH NGÀY 17/02/2023

(Phụ lục đính kèm văn bản số .../TTNCKTMN-BC ngày ... tháng 02 năm 2023 của Trung tâm Nghiên cứu kinh tế miền Nam)

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
I	Nội dung góp ý từ các Sở, ngành dự họp tại Hội nghị thông qua Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 17/02/2023	
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	
	<p>- Đối với phương án phân bổ đất đai, đề xuất không chia nhỏ phân bổ từng loại đất như đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất trồng cây lâu năm,...</p>	<p>Về các chỉ tiêu phân bổ đất đai trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tư vấn xin được bảo lưu ý kiến, vì nội dung phương án Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện được thực hiện gồm 8 nội dung chính theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh An Giang đã được thực hiện phù hợp quyết định phân bổ chỉ tiêu từ cấp quốc gia theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai sẽ là</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
		<p>Cơ sở cho lập Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Do đó, các chỉ tiêu sử dụng đất đã được lập theo đúng quy định.</p>
	<p>- Đề nghị bỏ câu “không chuyên mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất trồng lúa 02 vụ”.</p>	<p>Đã sử dụng thuật ngữ thay thế thuật ngữ “không chuyên mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất trồng lúa 02 vụ” trong giải trình Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
<b>2</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	
	<p>Cập nhật, bổ sung một số tuyến đường tỉnh phát sinh vào Quy hoạch tỉnh</p>	<p>Đã cập nhật một số tuyến giao thông mới phát sinh gồm: ĐT 941 nối dài, tuyến đường nối từ nút giao km 38 đến quốc lộ 91 thuộc địa phận huyện Châu Thành, quy hoạch ĐT 946 đoạn tránh nội ô thị trấn Hội An, quy hoạch ĐT943B đoạn nối từ nội ô thị trấn Núi Sập đến đường tránh Long Xuyên; điều chỉnh quy hoạch ĐT 948 và ĐT 957,...trong báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh và điểm note thứ 7, trang 12 trong dự thảo Nghị quyết thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh theo văn bản số 295/SGTVT-QLLCHTGT ngày 14/02/2023 của Sở Giao thông Vận tải.</p>
<b>3</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	
	<p>Đối với nội dung giải trình ý kiến Bộ Xây dựng về phát triển hệ thống đô thị: Bộ Xây dựng góp ý tỉnh An Giang chưa bám sát Quyết định số 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị tư vấn bổ sung thêm phần căn cứ văn bản của tỉnh kiến nghị Bộ Xây dựng</p>	<p>Về ý kiến bổ sung căn cứ pháp lý liên quan lĩnh vực xây dựng, cơ quan tư vấn đã bổ sung căn cứ pháp lý liên quan cụ thể văn bản số 203/UBND-KTN ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 trong báo cáo giải trình của Bộ Xây dựng.</p>
<b>4</b>	<b>Sở Y tế</b>	
	<p>Thống nhất đề nghị của đơn vị tư vấn về việc nâng chỉ tiêu số giường bệnh/vạn dân thành 30,5 giường bệnh/vạn dân (tương đương tăng 800 giường bệnh). Mức tăng này phù hợp do vừa qua BCSD đã thông qua chủ trương cho</p>	<p>Cơ quan tư vấn nhất trí với ý kiến của quý Sở.</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	xây dựng 2 bệnh viện mới (tương đương quy mô 1000 giường bệnh).	
<b>5</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	
	Đối với lĩnh vực du lịch, đề nghị không đưa chỉ tiêu phát triển là “tổng lượt khách du lịch đến năm 2030”. Thay vào đó điều chỉnh thành chỉ tiêu “Tổng doanh thu từ du lịch” để phù hợp với chủ trương chung về phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường.	Cơ quan tư vấn đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý của quý Sở tại mục Mục tiêu phát triển.
<b>6</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	
	Bổ sung chủ trương phát triển khu công nghệ thông tin tập trung để phục vụ phát triển kinh tế số của tỉnh.	Đã tiếp thu ý kiến của Sở và đã chỉnh sửa chi tiết theo văn bản số (Văn bản số 202/STTTT-KHTC) của Sở.
<b>7</b>	<b>Sở Công Thương</b>	
	Bổ sung, hoàn chỉnh nội dung phương án phát triển điện lực cho phù hợp theo góp ý của Bộ Công Thương trong báo cáo tổng hợp	Nội dung bổ sung như góp ý chi tiết không ảnh hưởng đến nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thông qua, cơ quan tư vấn sẽ bổ sung và hoàn thiện vào báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt trước ngày báo cáo thông qua Ban Thường Vụ Tỉnh ủy.
<b>8</b>	<b>Sở Tài chính</b>	
	- Thống nhất nội dung chỉ tiêu thu ngân sách.	Cơ quan tư vấn nhất trí với ý kiến của quý Sở.
	- Đề nghị xem lại tốc độ tăng trưởng dân số 0,9%/năm có phù hợp không do tốc độ tăng dân số sẽ ảnh hưởng đến tình hình thu chi ngân sách của tỉnh.	Về vấn đề tốc độ tăng trưởng dân số 0,9%/năm, cơ quan tư vấn đã rà soát lại và mức tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng dân số của các tỉnh, thành phố trong vùng và của vùng đồng bằng sông Cửu Long
<b>II</b>	<b>Văn bản góp ý từ các Sở, ngành nhận được ngày 20/02/2023</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Thông tin và truyền thông (Văn bản số 202/STTTT-KHTC)</b>	
	1. Đề nghị sử dụng thống nhất cụm từ “Hạ tầng thông tin	Về vấn đề này cơ quan tư vấn đã sử dụng thống nhất

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	và truyền thông” trong toàn bộ nội dung Quy hoạch, Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định Thủ tướng Chính phủ và các văn bản, hồ sơ quy hoạch có liên quan.	cụm từ “Hạ tầng thông tin và truyền thông” trong toàn bộ nội dung Quy hoạch, Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định Thủ tướng Chính phủ và các văn bản, hồ sơ quy hoạch có liên quan.
	<p>2. Trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đề nghị xem xét, điều chỉnh nội dung tại trang 14, 15, mục 4 đề nghị điều chỉnh lại như sau:</p> <p>c) Công nghệ thông tin, Chuyển đổi số</p> <p>Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, giáo dục - đào tạo, y tế, tài nguyên - môi trường, giao thông vận tải và logistics, hoạt động báo chí, bưu chính viễn thông.</p>	Về vấn đề này cơ quan tư vấn đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung như góp ý của Sở trong dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
	3. Đề nghị bổ sung vào nội dung về “Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang” vào Quy hoạch, Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định Thủ tướng Chính phủ. Do đây là giải pháp quan trọng để đạt mục tiêu của Quy hoạch: Đến năm 2030, kinh tế số đạt trên 20% GRDP của tỉnh.	Cơ quan tư vấn đã bổ sung vào nội dung về “Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang” vào Quy hoạch, Nghị quyết HĐND tỉnh, Quyết định Thủ tướng Chính phủ
2	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b> <b>(Văn bản số 208/SKH-CN-KHTC)</b>	
	Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất với nội dung hồ sơ kèm theo Công văn số 257/SKHĐT-THQH ngày 09/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thông qua dự thảo Tờ trình ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cơ quan tư vấn nhất trí với ý kiến của quý Sở.
3	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b> <b>(Văn bản số 508/SGDDĐT-KHTC)</b>	
	Đề nghị điều chỉnh số liệu 45% huyện, thị, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 thành 54% huyện, thị, thành	Cơ quan tư vấn nhất đã điều chỉnh số liệu 45% huyện, thị, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	phổ đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trong dự thảo Quyết định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	thành 54% huyện, thị, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trong dự thảo Quyết định Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
	Các nội dung khác thống nhất	Cơ quan tư vấn nhất trí với ý kiến của quý Sở.
4	<b>Sở Tài chính</b> <b>(Văn bản số 464/STC-TCĐT)</b>	
	Đề nghị đơn vị rà soát lại cho phù hợp tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	Cơ quan tư vấn đã rà soát lại và mức tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng dân số của các tỉnh, thành phố trong vùng và của vùng đồng bằng sông Cửu Long
5	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> <b>(Văn bản số 324/SNNPTNT-KHTC)</b>	
	1. Báo cáo tổng hợp phần 1.1.2. Mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp (trang 305): Đề nghị chỉnh lại là (1) Duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân từ 2,5 - 3%/năm, (trong đó, lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi tăng bình quân 2,3-2,8%/năm; thủy sản tăng bình quân 4-5%/năm).	Cơ quan tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa như góp ý tại mục 1.1.2. Mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp trong báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt.
	Phần 1.1.3. Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2030 của ngành nông nghiệp (trang 306) Đề nghị bổ sung: tạo quỹ đất mời gọi doanh nghiệp lớn đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, thủy sản và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.	Cơ quan tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa như góp ý tại mục 1.1.3. Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021-2030 của ngành nông nghiệp trong báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt.
	Mục 1.1. Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh: đề nghị chỉnh lại thành “hướng đến tăng năng suất, tăng hiệu quả và tăng giá trị”. Đề nghị điều chỉnh là “hướng đến tăng năng suất, giảm giá thành, tăng hiệu quả và tăng giá trị”	Cơ quan tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa như góp ý tại mục 1.1. Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong dự thảo Nghị quyết, tờ trình, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt và các tài liệu liên quan.
	Tại mục a) Sản xuất lúa gạo của Phần 1.2.1. Phát triển	Trên cơ sở nghiên cứu góp ý của quý Sở và tham

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>các ngành nông nghiệp chủ lực (trang 307). Đề nghị bổ sung Xây dựng An Giang trở thành trung tâm đầu mối sản xuất lúa gạo. Thực hiện Dự án “Trung tâm đầu mối sản xuất và phân phối lúa gạo cấp vùng tại tỉnh An Giang” Dự án được triển khai thực hiện trên địa bàn xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành với tổng diện tích 200 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 9.000 tỷ đồng. Dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng về phê duyệt quy hoạch Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định một trong các phương hướng phát triển nông nghiệp của ĐBSCL là “Trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt”, đồng thời phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>	<p>chiều Thông báo số 83/TB-VPUBND ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc Thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Anh Thư tại Hội nghị Tổng kết năm 2022, Kế hoạch năm 2023 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; công tác phòng, cháy chữa cháy rừng và phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; cơ quan tư vấn đã chỉnh sửa, tại trang 315, trong báo cáo tổng hợp như sau:</p> <p>“ h) Phát triển khu nông nghiệp công nghệ cao Giai đoạn 2021-2030, định hướng hình thành Khu Nông nghiệp công nghệ cao tỉnh An Giang (gắn với mô hình điện năng lượng mặt trời, trung tâm phân phối, chế biến lúa gạo, nông sản, trung tâm nghiên cứu giống rau, hoa, dược liệu...) trên cơ sở mở rộng quy mô, nâng cấp cơ sở vật chất hiện hữu của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang tại xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, quy mô từ 36 ha lên 200 ha”.</p>
6	<p><b>Sở Nội vụ</b> <b>(Văn bản dự thảo)</b></p>	
	<p>Đề nghị bổ sung giải trình nội dung Bộ Nội vụ góp ý theo đề nghị của Sở</p>	<p>Cơ quan tư vấn đã tiếp thu chỉnh sửa vào báo cáo giải trình Bộ Nội vụ như góp ý của Sở</p>
III	<p><b>Văn bản góp ý từ các Sở, ngành nhận được sau ngày 20/02/2023</b></p>	
1	<p><b>Sở Tài Nguyên và Môi trường</b> <b>(Văn bản số 506 /STNMT- KSN&amp;BDKH)</b></p>	
	<p>1.Thống nhất dự thảo các văn bản: Dự thảo Tờ trình Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến</p>	<p>Cơ quan tư vấn nhất trí với ý kiến tham gia của Sở.</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	năm 2050; Dự thảo Tờ trình HĐND tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Dự thảo Nghị quyết HĐND về quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	
	<p>2. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề nghị chỉnh sửa các mục như văn bản góp ý: 2.1.Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên; 2.2. Phương án khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; 2.3.Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu;</p>	<p>Cơ quan tư vấn đã tiếp thu đầy đủ và chỉnh sửa theo như góp ý của Sở Tài nguyên và Môi trường tại các mục 2. Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên, trang 24; điểm a, b, c mục 3, trang 25, 26 và điểm a, b của mục 4 trang 26 và phụ lục XXI của Dự thảo Quyết định của Thủ tướng.</p>
	<p><b>3. Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nội dung đề nghị chỉnh sửa chi tiết đính kèm văn bản.</b></p>	
	3.1. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên	
	<p>Tại trang 796: Nhiệm vụ “Quy hoạch khai thác, chế biến, sử dụng nước khoáng, nước nóng thiên nhiên: Dự án khai thác nước khoáng đóng chai tại NC-TC, Nguồn An Hòa (Tỉnh Biên); Ấp An Hòa, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên 19,2 m<sup>3</sup>/ngày (giai đoạn 2021-2050)”. Đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu bỏ nội dung này do quy hoạch khai thác, chế biến, sử dụng nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.</p>	<p>Về vấn đề này, cơ quan tư vấn xin được giải trình như sau:</p> <p>1. Căn cứ khoản 1, Điều 27, Luật Quy hoạch 2017, đề cập như sau: Nội dung quy hoạch tỉnh thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch vùng; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.</p> <p>2. Tuy Dự án khai thác nước khoáng đóng chai tại NC-TC, Nguồn An Hòa (Tỉnh Biên); Ấp An Hòa, xã An Hảo, huyện Tịnh Biên 19,2 m<sup>3</sup>/ngày (giai đoạn 2021-2050)</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
		<p>không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh nhưng đã được xác định trong quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (quy hoạch ngành quốc gia).          Xuất phát từ 02 căn cứ và cơ sở nêu trên, cơ quan tư vấn xin bảo lưu nội dung và không bỏ nội dung như đề nghị của quý Sở.</p>
	<p>Bảng 115 (Trang 805): Quy hoạch <b>53</b> khu vực (Than bùn: 01 khu, Đá xây dựng: 03 khu, Sét: 23 khu, Cát xây dựng-san lấp: 26 khu. Tuy nhiên, tại Phụ lục đính kèm báo cáo tổng hợp, cụ thể là Phụ lục số 21: Sét : 09 khu, Cát xây dựng – san lấp: 16 khu. Đề nghị đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp số liệu của 02 bảng trên cho thống nhất số liệu. Đồng thời đề nghị quy hoạch thăm dò khai thác <b>51</b> khu vực cụ thể: Than bùn: 01 khu, Đá xây dựng: 03 khu, Sét: 23 khu, Cát xây dựng - san lấp: 24 khu. Đề nghị không đưa vào quy hoạch các loại khoáng sản như: Felspat, đá ốp lát, diatomit, sét nguyên liệu Keramzit, nước khoáng do đây là các khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền quy hoạch của Bộ Xây dựng và thẩm quyền cấp phép khai thác của Bộ Tài nguyên và Môi trường chứ không phải của UBND tỉnh.</p>	<p>Cơ quan tư vấn đã tiếp thu và chỉnh sửa như góp ý tại Bảng 116: Các khu vực thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>
	<p><b>Phụ lục VIII.</b> Các thông số về tọa độ vị trí các điểm khép góc, diện tích và hiện trạng tài nguyên của các khu vực quy hoạch, cụ thể như sau:</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại phụ lục VIII</p>
	<p><b>a.</b> Không đưa vào quy hoạch khoáng sản các khu vực thuộc dự án nạo vét. Vì vậy, đề nghị <b>loại bỏ 03</b> khu cát sông: Khu vực có ký hiệu <b>Cxd-10 (TP. Long Xuyên - Hòa Bình - Diện tích 179,8 ha), Cxd-11.2 (Vĩnh Hòa - Diện</b></p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại phụ lục VIII</p>



STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình																																							
	tích 98,5 ha), <b>Cxd-12.1 (Tân Mỹ - Mỹ Hiệp 3</b> - Diện tích 85 ha).																																								
	<p><b>b.</b> Đề nghị <b>bổ sung lại</b> quy hoạch khu vực cát sông thuộc xã <b>Vĩnh Hòa – Tân An</b> với diện 223,1 ha (Khu vực đang có các khu mỏ đang hoạt động khai thác) được giới hạn bởi các điểm góc tọa độ:</p> <table border="1" data-bbox="371 523 1032 1241"> <thead> <tr> <th data-bbox="371 523 521 616">Điểm góc</th> <th colspan="2" data-bbox="521 523 1032 616">Tọa độ VN2000-Múi 6 độ, kinh tuyến trục 105°</th> </tr> </thead> <tbody> <tr><td data-bbox="371 616 521 667">1</td><td data-bbox="521 616 804 667">522.107,81</td><td data-bbox="804 616 1032 667">1.199.824,75</td></tr> <tr><td data-bbox="371 667 521 718">2</td><td data-bbox="521 667 804 718">522.354,15</td><td data-bbox="804 667 1032 718">1.199.977,05</td></tr> <tr><td data-bbox="371 718 521 769">3</td><td data-bbox="521 718 804 769">522.852,12</td><td data-bbox="804 718 1032 769">1.199.433,58</td></tr> <tr><td data-bbox="371 769 521 820">4</td><td data-bbox="521 769 804 820">523.109,94</td><td data-bbox="804 769 1032 820">1.198.714,66</td></tr> <tr><td data-bbox="371 820 521 871">5</td><td data-bbox="521 820 804 871">523.512,66</td><td data-bbox="804 820 1032 871">1.198.144,05</td></tr> <tr><td data-bbox="371 871 521 922">6</td><td data-bbox="521 871 804 922">523.939,96</td><td data-bbox="804 871 1032 922">1.197.826,98</td></tr> <tr><td data-bbox="371 922 521 973">7</td><td data-bbox="521 922 804 973">524.075,55</td><td data-bbox="804 922 1032 973">1.197.618,66</td></tr> <tr><td data-bbox="371 973 521 1024">8</td><td data-bbox="521 973 804 1024">524.084,50</td><td data-bbox="804 973 1032 1024">1.196.906,04</td></tr> <tr><td data-bbox="371 1024 521 1075">9</td><td data-bbox="521 1024 804 1075">524.181,61</td><td data-bbox="804 1024 1032 1075">1.196.462,20</td></tr> <tr><td data-bbox="371 1075 521 1126">10</td><td data-bbox="521 1075 804 1126">524.276,41</td><td data-bbox="804 1075 1032 1126">1.196.305,68</td></tr> <tr><td data-bbox="371 1126 521 1177">11</td><td data-bbox="521 1126 804 1177">524.003,19</td><td data-bbox="804 1126 1032 1177">1.196.181,47</td></tr> <tr><td data-bbox="371 1177 521 1228">12</td><td data-bbox="521 1177 804 1228">523.540,35</td><td data-bbox="804 1177 1032 1228">1.196.740,18</td></tr> </tbody> </table> <p>Từ góp ý nêu trên, đề nghị rà soát, hoàn chỉnh lại bảng 115 của Báo cáo tổng hợp.</p>	Điểm góc	Tọa độ VN2000-Múi 6 độ, kinh tuyến trục 105°		1	522.107,81	1.199.824,75	2	522.354,15	1.199.977,05	3	522.852,12	1.199.433,58	4	523.109,94	1.198.714,66	5	523.512,66	1.198.144,05	6	523.939,96	1.197.826,98	7	524.075,55	1.197.618,66	8	524.084,50	1.196.906,04	9	524.181,61	1.196.462,20	10	524.276,41	1.196.305,68	11	524.003,19	1.196.181,47	12	523.540,35	1.196.740,18	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại phụ lục VIII</p>
Điểm góc	Tọa độ VN2000-Múi 6 độ, kinh tuyến trục 105°																																								
1	522.107,81	1.199.824,75																																							
2	522.354,15	1.199.977,05																																							
3	522.852,12	1.199.433,58																																							
4	523.109,94	1.198.714,66																																							
5	523.512,66	1.198.144,05																																							
6	523.939,96	1.197.826,98																																							
7	524.075,55	1.197.618,66																																							
8	524.084,50	1.196.906,04																																							
9	524.181,61	1.196.462,20																																							
10	524.276,41	1.196.305,68																																							
11	524.003,19	1.196.181,47																																							
12	523.540,35	1.196.740,18																																							
	<p><b>c.</b> Đối với khu vực quy hoạch <b>đá Nam núi Cô Tô</b> (số ký hiệu <b>XD-5</b>, diện tích 221,3 ha) do hiện trạng đã có các khu</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại phụ lục VIII</p>																																							

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình																																	
	<p>vực được cấp phép khai thác. Để thuận lợi trong quá trình quản lý, đề nghị bổ sung thêm các điểm tọa độ sau:</p> <table border="1" data-bbox="360 357 1041 970"> <thead> <tr> <th data-bbox="360 357 555 443">Điểm góc</th> <th colspan="2" data-bbox="555 357 1041 443">Tọa độ VN2000-Múi 6 độ, kinh tuyến trực 105°</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="360 443 555 499">24</td> <td data-bbox="555 443 797 499">500.597,51</td> <td data-bbox="797 443 1041 499">1.145.434,02</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 499 555 555">25</td> <td data-bbox="555 499 797 555">500.297,60</td> <td data-bbox="797 499 1041 555">1.145.434,26</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 555 555 611">26</td> <td data-bbox="555 555 797 611">498.397,59</td> <td data-bbox="797 555 1041 611">1.145.934,60</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 611 555 667">27</td> <td data-bbox="555 611 797 667">500.548,31</td> <td data-bbox="797 611 1041 667">1.145.787,24</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 667 555 722">28</td> <td data-bbox="555 667 797 722">500.797,12</td> <td data-bbox="797 667 1041 722">1.146.284,60</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 722 555 778">29</td> <td data-bbox="555 722 797 778">500.779,16</td> <td data-bbox="797 722 1041 778">1.146.333,60</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 778 555 834">30</td> <td data-bbox="555 778 797 834">500.779,47</td> <td data-bbox="797 778 1041 834">1.146.733,48</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 834 555 890">31</td> <td data-bbox="555 834 797 890">500.797,59</td> <td data-bbox="797 834 1041 890">1.146.884,41</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 890 555 946">32</td> <td data-bbox="555 890 797 946">500.547,89</td> <td data-bbox="797 890 1041 946">1.147.164,53</td> </tr> <tr> <td data-bbox="360 946 555 970">33</td> <td data-bbox="555 946 797 970">500.716,97</td> <td data-bbox="797 946 1041 970">1.147.334,33</td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="280 975 1122 1050"><b>Danh sách khu vực khoáng sản của Phụ lục VIII sau khi hoàn chỉnh (Chi tiết theo phụ lục đính kèm Công văn).</b></p>	Điểm góc	Tọa độ VN2000-Múi 6 độ, kinh tuyến trực 105°		24	500.597,51	1.145.434,02	25	500.297,60	1.145.434,26	26	498.397,59	1.145.934,60	27	500.548,31	1.145.787,24	28	500.797,12	1.146.284,60	29	500.779,16	1.146.333,60	30	500.779,47	1.146.733,48	31	500.797,59	1.146.884,41	32	500.547,89	1.147.164,53	33	500.716,97	1.147.334,33	
Điểm góc	Tọa độ VN2000-Múi 6 độ, kinh tuyến trực 105°																																		
24	500.597,51	1.145.434,02																																	
25	500.297,60	1.145.434,26																																	
26	498.397,59	1.145.934,60																																	
27	500.548,31	1.145.787,24																																	
28	500.797,12	1.146.284,60																																	
29	500.779,16	1.146.333,60																																	
30	500.779,47	1.146.733,48																																	
31	500.797,59	1.146.884,41																																	
32	500.547,89	1.147.164,53																																	
33	500.716,97	1.147.334,33																																	
	<p><b>3.2. Phương án khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</b></p>																																		
	<p>Đề nghị tiếp tục cập nhật, kế thừa và chỉnh sửa, bổ sung các nội dung có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước tại Dự thảo Quy hoạch nêu trên, như: Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 của</p>	<p>Đã cập nhật các văn bản như góp ý và bổ sung chỉnh sửa hoàn thiện tại mục 3. Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn nước trong trường hợp bình thường, trong trường hợp hạn hán, thiếu nước và mục 7. Giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước của tại mục XII.</p>																																	

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	UBND tỉnh phê duyệt vùng hạn chế và vùng phải đăng ký, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.	Phương án khai thác, sử dụng bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra
	3.3.Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học	
	<p>Tại Đoạn thứ nhất của trang 29: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Hiện tỉnh có 06 khu xử lý rác thải tập trung, gồm: (1) Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hoà, huyện Châu Thành: hiện đang vận hành chôn lấp hợp vệ sinh và đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác (công nghệ đốt), công suất 300 tấn/ngày, dự kiến đưa vào hoạt động năm 2023; (2) đang vận hành chôn lấp hợp vệ sinh tại Khu xử lý rác thải Kênh 10 - TP. Châu Đốc với công suất 200 tấn/ngày và tại Khu xử lý chất thải rắn Phú Thạnh - huyện Phú Tân với công suất 120 tấn/ngày; (3) dự kiến đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác (công nghệ đốt) liên huyện tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hoà, huyện Châu Thành với công suất 1000 tấn/ngày (dự kiến chia thành 02 giai đoạn, mỗi giai đoạn với công suất khoảng 500 tấn/ngày.đêm); (4) Nhà máy xử lý rác Thoại Sơn (công nghệ đốt), 50 tấn/ngày, đang vận hành ổn định; (5) Nhà máy xử lý rác Chợ Mới (công nghệ đốt), 100 tấn/ngày, đang lắp đặt lò đốt, dự kiến đưa vào hoạt động trong quý I/2023; (6) đang chuẩn bị đầu tư lò đốt rác sinh hoạt tại huyện Tri Tôn với quy mô 50 tấn/ngày.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại đoạn thứ nhất của trang 29</p>
	<p>Tại Đoạn thứ hai của trang 29: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Ngoài ra, trên địa bàn hiện có</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại đoạn thứ hai của trang 29</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>29 bãi rác sinh hoạt ô nhiễm môi trường phải đóng cửa xử lý ô nhiễm môi trường, trong đó Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư 02 dự án: Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang (xử lý 25 bãi rác ô nhiễm môi trường) và Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang – giai đoạn 2 (gồm 02 bãi rác: thị trấn Núi Sập và thị trấn Chợ Mới); UBND thị xã Tân Châu làm chủ đầu tư dự án đóng cửa bãi rác Long Phú, thị xã Tân Châu và UBND huyện Châu Thành làm chủ đầu tư dự án đóng cửa bãi rác Bình Hòa, huyện Châu Thành.</p>	
	<p>Tại Mục 4.4. Mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí (trang 29 – 32):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại Bảng 6: Hiện trạng mạng lưới quan trắc chất lượng nước mặt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đề nghị chỉnh sửa “Quan trắc liên tục <i>tự động</i>” tại sông Tiền, sông Hậu thành “Quan trắc liên tục”.</li> <li>+ Đề nghị chỉnh sửa quan trắc môi trường đất tần suất “2 đợt/năm” thành “05 năm/lần”.</li> <li>+ Đề nghị chỉnh sửa tần suất quan trắc nước dưới đất thành “4 đợt/năm”.</li> </ul> </li> <li>- Tại đoạn nhận xét trang 31: <ul style="list-style-type: none"> <li>Đề nghị chỉnh sửa “(1) Môi trường nước, chất lượng nước trên sông Hậu, sông Phú Hội và sông Châu Đốc có dấu hiệu ô nhiễm; chất lượng nước mặt khu vực bị tác động từ CCN, khu đô thị có dấu hiệu ô nhiễm cao; môi trường nước dưới đất có dấu hiệu bị ô nhiễm về độ cứng, Amoni, Mn và vi sinh, hàm lượng Asen có khuynh hướng tăng,...</li> </ul> </li> </ul>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại mục 4.4. Mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường đất, nước, không khí</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>(2) Chất lượng môi trường không khí ô nhiễm chủ yếu bởi bụi, tiếng ồn, mang tính cục bộ tại: khu vực đô thị Long Xuyên, các khu khai thác đá, lò gạch thủ công, khu du lịch núi Sam, khu vực giao thông tại các nút phà An Hòa, phà Vàm Cống, bến xe Long Xuyên và bến xe Châu Đốc; (3) Môi trường đất: chất dinh dưỡng trong đất ở các vùng sản xuất nông nghiệp có sự xáo trộn, thay đổi tính chất, đây là biểu hiện của thoái hóa đất, chất lượng đất tại các bãi rác có phát hiện kim loại nặng như chì, Asen, thủy ngân... (4) Chất lượng môi trường của tỉnh phụ thuộc vào tác động của nhiều hoạt động KT-XH trên địa bàn, bao gồm: quá trình đô thị hóa; hoạt động công nghiệp; hoạt động xây dựng; hoạt động phát triển năng lượng; hoạt động giao thông vận tải; hoạt động nông - lâm nghiệp và thủy sản; hoạt động y tế; hoạt động du lịch, dịch vụ, kinh doanh, thương mại và xuất nhập khẩu” thành “(1) <i>Chất lượng môi trường nước</i> trên sông Hậu, sông Phú Hội và sông Châu Đốc có dấu hiệu ô nhiễm bởi hữu cơ, vi sinh; chất lượng nước mặt khu vực bị tác động (từ khu đô thị, CCN, khu du lịch, vùng kiểm soát lũ Bắc Vàm Nao, khu nuôi trồng thủy sản, khu bãi rác) có dấu hiệu ô nhiễm cao hơn sông khu vực sông Tiền, sông Hậu; môi trường nước dưới đất có dấu hiệu bị ô nhiễm về độ cứng, Amoni, Mn và vi sinh; (2) Chất lượng môi trường không khí ô nhiễm chủ yếu bởi bụi, tiếng ồn, mang tính cục bộ tại: khu vực đô thị Long Xuyên, các khu khai thác đá, lò gạch thủ công, khu du lịch núi Sam, khu vực giao thông tại các nút phà An Hòa, phà Vàm Cống, bến xe Long Xuyên và bến xe Châu Đốc; (3) Môi trường đất: chất dinh dưỡng trong đất ở các vùng sản xuất nông nghiệp có sự xáo trộn,</p>	

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>thay đổi tính chất và có biểu hiện của thoái hóa đất.</p> <p>Chất lượng môi trường của tỉnh phụ thuộc vào tác động của nhiều hoạt động KT-XH trên địa bàn, bao gồm: quá trình đô thị hóa; hoạt động công nghiệp; hoạt động xây dựng; hoạt động giao thông vận tải; hoạt động nông - lâm nghiệp và thủy sản; hoạt động du lịch; hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ”.</p>	
	<p>Tại Bảng 106: Mạng lưới ...các khu xử lý CTR...năm 2050: có chỉnh số liệu.</p> <p>- Phạm vi phục vụ của Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hòa, huyện Châu Thành đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Xử lý CTR sinh hoạt cho TP. Long Xuyên, huyện Châu Thành, huyện Tri Tôn, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú, huyện Châu Phú và TP. Châu Đốc; Xử lý chất thải nguy hại (bao gồm: CTR công nghiệp nguy hại, nông nghiệp nguy hại, y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác) và chất thải công nghiệp thông thường, xây dựng, bùn nạo vét,...; Tái chế, thu hồi vật liệu trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <p>- Phạm vi phục vụ của Nhà máy xử lý chất thải rắn thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Thoại Sơn (Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải có khả năng tái chế và chế biến phân hữu cơ chuyển tới nhà máy tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hòa, huyện Châu Thành).</p> <p>- Phạm vi phục vụ của Nhà máy xử lý chất thải rắn thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới xử lý CTR sinh hoạt cho huyện Chợ Mới (Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại bảng 108: Mạng lưới, quy mô, công suất các khu xử lý CTR tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>thông thường, chất thải có khả năng tái chế và chế biến phân hữu cơ chuyển tới nhà máy tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hòa, huyện Châu Thành).</p> <p>- Phạm vi phục vụ của Khu xử lý chất thải rắn Phú Thạnh, huyện Phú Tân xử lý CTR sinh hoạt cho thị xã Tân Châu, huyện Phú Tân và một phần của huyện An Phú (Chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải có khả năng tái chế và chế biến phân hữu cơ chuyển tới nhà máy tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hòa, huyện Châu Thành).</p>	
	<p>Tại Bảng 107: Mạng lưới quan trắc chất lượng nước giai đoạn 2021-2030 theo dự thảo không đúng theo định hướng của Sở và chưa có nội dung quan trắc xâm nhập mặn: đề nghị cập nhật nội dung theo 2 file đính kèm. Đồng thời điều chỉnh nội dung ở mục 5. Phương án phát triển mạng lưới quan trắc cho phù hợp với số liệu cập nhật mới.</p> <p>Mạng lưới quan trắc chất lượng nước đến năm 2030 chỉ đúng cho năm 2023 trở về sau (không đúng cho giai đoạn 2021-2022).</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 5. Phương án phát triển mạng lưới quan trắc</p>
	<p>Đồng thời, chỉnh sửa và viết lại Đoạn 1 và 2 thuộc mục 7 (trang 264) về các khu xử lý chất thải theo 02 nội dung đã nêu trên.</p>	<p>Mục 7, trang 264 đã bố trí về mục X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC theo Thông tư 02/2022/TT-BTMT ngày 10/01/2022 và khoản 9, Điều 28, Nghị định 37/2019/NĐ-CP</p>
	<p>Tại khoản (3) mục c) mục tiêu về bảo vệ môi trường (trang 308): đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Đến năm 2025, tỷ lệ thu gom CTR ở đô thị đạt 90%, ở nông thôn đạt 80%; tỷ lệ chất thải nguy hại được</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa lại như góp ý tại mục c) mục tiêu về bảo vệ môi trường</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>tiêu huỷ, xử lý đạt 100%; duy trì tỷ lệ xử lý CTR y tế đạt tiêu chuẩn đạt 100%. Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại đô thị đạt 100%, tại nông thôn đạt trên 80%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề được thu gom, vận chuyển và xử lý đạt 100%.</p>	
	<p>Tại gạch đầu dòng thứ 7 trang 449: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 95%; chất thải rắn khu công nghiệp, chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường đạt khoảng 100%.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1.1 Mục tiêu phát triển của mục 1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị</p>
	<p>Tại trang 719 có nêu: “- Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương đạt 100%.”.</p> <p>Xem lại quy định vì không phải cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nào cũng lắp đặt hệ thống quan trắc online. Đề nghị chỉnh sửa lại như sau:</p> <p>“- Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường đạt 100%.”.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1. Mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ môi trường</p>
	<p>Tại trang 721 tại mục “2.1.1. Xác định vùng bảo vệ nghiêm ngặt” và tại tại trang 722 mục “2.2.1. Xác định vùng hạn chế phát thải”.</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm về: vị trí, quy mô, ranh giới của</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2. Phân vùng môi trường, vị trí, quy mô, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải tham khảo thêm trên bản đồ.</p>



STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải (nếu tiện thì bổ sung trong mục 2.1.1 và 2.2.1 nêu trên, nếu không tiện thì đưa ra phần phụ lục). Lý do đề nghị bổ sung, vì sau khi QH tỉnh được duyệt thì UBND tỉnh phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP.	
	Tại Bảng 1: Phương án phát triển các khu bảo vệ cảnh quan giai đoạn 2021-2030 (trang 726): Đề nghị điều chỉnh cột “ghi chú” của các khu bảo vệ cảnh quan: Thoại Sơn, Núi Sam thành “thành lập mới”; đồng thời điều chỉnh diện tích khu bảo vệ cảnh quan Núi Cẩm thành “4.188 ha” và đề nghị bỏ Khu bảo vệ cảnh quan Tức Dụp.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại Bảng 104: Phương án phát triển các khu bảo vệ cảnh quan giai đoạn 2021-2030
	Theo báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh (trang 727): chưa thể hiện mục “phương án phát triển các khu xử lý chất thải” theo góp ý.	Hiện tại, nội dung phương án phát triển các khu xử lý chất thải đã được điều chỉnh theo góp ý. Bao gồm điều chỉnh về mục tiêu, công nghệ dự kiến, tên khu xử lý, công suất và phạm vi phục vụ. Nội dung điều chỉnh được trình bày tại Chương III, X. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, 4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải
	Tại gạch đầu thứ nhất mục 4.1 trang 772: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Tỷ lệ CTR sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100% đối với CTR sinh hoạt phát sinh tại các đô thị và đạt trên 80% đối với CTR sinh hoạt phát sinh tại nông thôn.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải
	Tại gạch đầu thứ hai mục 4.1 trang 772: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Tỷ lệ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định 100%.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>Tại trang 766:</p> <p>Điều chỉnh như sau: “Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về ĐDSH, lâm nghiệp và thủy sản: Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Búng Bình Thiên, diện tích quy hoạch 500 ha (diện tích hiện hữu 144,461 ha), trên địa bàn huyện An Phú; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Cô Tô - Túc Dụp - Tà Pạ tổng diện tích 2.168 ha; Khu bảo vệ cảnh quan rừng trà Trà Sư, diện tích quy hoạch 1050 ha, trên địa bàn huyện Tịnh Biên; Khu bảo vệ cảnh quan rừng trà Tân Tuyển, diện tích quy hoạch 256,39 ha, huyện Tri Tôn; Khu bảo vệ cảnh quan núi Cấm, diện tích quy hoạch 4.188 ha; Khu Bảo vệ cảnh quan Thoại Sơn, diện tích quy hoạch 370,5 ha trên địa bàn huyện Thoại Sơn; Khu Bảo vệ cảnh quan Núi Sam, diện tích quy hoạch 171 ha trên địa bàn TP. Châu Đốc”.</p> <p>Riêng đoạn “toàn bộ diện tích rừng phòng hộ 121 ha: bao gồm toàn bộ diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong nội dung quy hoạch 3 loại rừng; toàn bộ diện tích rừng đặc dụng nằm ngoài phạm vi khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan” đề nghị lấy ý kiến ngành kiểm lâm.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 2.1. Vùng bảo vệ nghiêm ngặt của mục 2. Phân vùng môi trường</p>
	<p>Tại trang 767:</p> <p>Có đoạn “Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Khu bảo vệ cảnh quan rừng trà Trà Sư (Đất ngập nước), quy mô quy hoạch 1050 ha, trên địa bàn huyện Tịnh Biên..... trên địa bàn TP. Châu Đốc” đề nghị điều chỉnh các khu bảo tồn thiên nhiên theo góp ý ở trang 766.</p> <p>Có đoạn “Vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 2.1. Vùng bảo vệ nghiêm ngặt của mục 2. Phân vùng môi trường</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>định theo quy định của pháp luật: 15 khu đất ngập nước rừng tràm phân bố chủ yếu ven sông Hậu, sông Tiền và các sông rạch chính nối liền với 2 sông này với tổng diện tích là 4.311,50 ha chiếm 35,14% diện tích rừng hiện có trên toàn tỉnh” là không phù hợp. Đề nghị điều chỉnh thành “Các vùng đất ngập nước quan trọng xác định theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học”.</p>	
	<p>Tại trang 769 có đoạn “Phối hợp với các viện trường, tổ chức điều tra, xác định bổ sung các khu vực có tiềm năng thành lập khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Bung Bình Thiên, Sông Vàm Nao, sông Hậu đoạn từ bến phà Trà Ôn đến bến phà Ô Môi.”: Đề nghị lấy ý kiến ngành thủy sản do có liên quan đến các quy định về quản lý thủy sản.</p>	<p>Đã gửi dự thảo quy hoạch tỉnh đến Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn nhiều lần và Sở không có ý kiến về vấn đề này.</p>
	<p>Tại trang 770: Có đoạn “Xét các tiêu chí theo luật ĐDSH, hiện tại tỉnh An Giang có 03 (hai) khu vực đáp ứng tiêu chí...” Đề nghị xác định lại ba (03) hay 02 (hai).</p>	<p>Đã chỉnh sửa lại thành 03 (ba).</p>
	<p>Bảng 103. Quy hoạch phát triển khu bảo tồn loài - sinh cảnh giai đoạn 2021-2030 (trang 771-772): Đề nghị điều chỉnh diện tích Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Cô Tô – Tức Dụp – Tà Pạ thành “2.168 ha”. Đồng thời điều chỉnh địa điểm Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Bung Bình Thiên “xã Nhơn Hội, Quốc Thái, Khánh Bình – huyện An Phú”.</p>	<p>Đã chỉnh sửa tại bảng Bảng 105: Quy hoạch phát triển khu bảo tồn loài - sinh cảnh giai đoạn 2021-2030</p>
	<p>Đề nghị bỏ Bảng 2: Quy hoạch phát triển khu bảo tồn loài - sinh cảnh giai đoạn 2031-2050 (trang 772).</p>	<p>Đã tiếp thu và bỏ bảng ở giai đoạn 2031-2050.</p>
	<p>Đề nghị bỏ Mục 3.3.3. Cảnh quan sinh thái quan trọng (trang 772)</p>	<p>Đã tiếp thu và bỏ mục 3.3.3. Cảnh quan sinh thái quan trọng</p>
	<p>Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 4.1.1 trang 777: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Giai đoạn</p>	<p>Nội dung điều chỉnh được trình bày tại Chương III, X. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>2021-2023: Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Bình Hòa, huyện Châu Thành: tiếp nhận, xử lý rác sinh hoạt của 03 huyện, thành phố: Long Xuyên, Châu Phú, Châu Thành; rác thải trên địa bàn TP. Long Xuyên và huyện Châu Phú sẽ được thu gom vận chuyển về địa bàn huyện Châu Thành để tiếp nhận, xử lý; hiện đang vận hành chôn lấp hợp vệ sinh và đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác (công nghệ đốt), công suất 300 tấn/ngày, quy mô khoảng 25 ha.</p>	<p>dạng sinh học, 4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, 4.4. Xác định phương thức thu gom, vận chuyển chất thải, 4.4.1. Thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt</p>
	<p>Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 4.1.1 trang 777: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Khu xử lý rác thải Kênh 10 - Châu Đốc: ...; công suất xử lý 150 tấn/ngày, quy mô khoảng 12 ha.</p>	<p>Nội dung điều chỉnh được trình bày tại Chương III, X. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, 4. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, 4.4. Xác định phương thức thu gom, vận chuyển chất thải, 4.4.1. Thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt</p>
	<p>Tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b trang 791: đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa và viết lại như sau: Sở TNMT chủ trì tham mưu thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Phương án cải tạo phục hồi môi trường; thẩm định, tham mưu cấp Giấy phép môi trường theo quy định. Sở TNMT chủ trì lập Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt các đối tượng thuộc quản lý của tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh về công tác BVMT nước dưới đất, công tác BVMT đất trên địa bàn.</p>	<p>Nội dung điều chỉnh được trình bày tại Chương III, X. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, 8. Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, 8.2. Cơ chế phối hợp thực hiện, b) Cơ chế phối hợp trong công tác quản lý chất thải</p>
	<p>Điều tra, đánh giá sức chịu tải của các sông chính trên địa bàn và đề xuất các giải pháp BVMT; phân vùng xả nước thải vào sông để tăng cường công tác quản lý và bảo vệ nguồn nước mặt (trang 835): đề nghị đơn vị chủ trì lập quy hoạch và đơn vị tư vấn rà soát, cập nhật bổ sung kết quả thực hiện “Đánh giá khả năng chịu tải và giải pháp bảo vệ</p>	<p>Nội dung điều chỉnh được cập nhật tại XV. Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh, 3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ, 3.1. Giải pháp về môi trường</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	chất lượng nước các sông, kênh rạch trên địa bàn tỉnh An Giang”, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2945/QĐ-UBND ngày 05/12/2022.	
	Mục II. Danh mục các Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang dự thảo (trang 897): Đề nghị bổ sung Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện.	Nội dung điều chỉnh được trình bày phần Tài liệu tham khảo, II. Danh mục các Quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang dự thảo
2	<b>Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc (Số 624/UBND-KT ngày 22/02/2023)</b>	
	<b>Trang 429, mục 1.1.2:</b> đề nghị điều chỉnh đoạn: “ <i>Thành phố Châu Đốc khai thác không gian cảnh quan và dịch vụ du lịch ven sông Châu Đốc, kênh Vĩnh Tế,....</i> ” thành “ <i>Thành phố Châu Đốc khai thác không gian cảnh quan và dịch vụ du lịch ven sông Châu Đốc, kênh Vĩnh Tế, hướng tới chất lượng hạ tầng đạt tiêu chí đô thị loại I</i> ”.	Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã chuyển nội dung này vào khoản b.1.3, mục 1.2.3. <i>Định hướng phát triển các đô thị.</i>
	<b>Trang 430, mục 1.2:</b> đề nghị điều chỉnh đoạn: “ <i>Thành phố Châu Đốc là đô thị du lịch sông nước, cảnh quan, văn hóa tâm linh khu vực Bảy Núi, là đô thị văn minh, xanh, sạch, hiện đại, là trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh gắn với quốc phòng – an ninh. Có vai trò trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh, tạo động lực hỗ trợ các huyện vùng Bảy Núi phát triển</i> ” thành “ <i>Thành phố Châu Đốc là đô thị du lịch sông nước, cảnh quan, văn hóa tâm linh gắn với khu vực Bảy Núi, có vai trò cấp vùng ĐBSCL; là đô thị văn minh, xanh, sạch, hiện đại, là trung tâm thương mại, dịch vụ cấp tỉnh và trung tâm du lịch cấp quốc gia gắn với quốc phòng – an ninh. Có vai trò trung tâm tiểu vùng phía Tây của tỉnh, liên kết phát</i>	Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã chuyển nội dung này vào mục 1.2.1. <i>Không gian phát triển hệ thống đô thị tỉnh An Giang</i> cho phù hợp, trong đó định hướng phát triển đô thị trung tâm tiểu vùng tỉnh – TP. Châu Đốc (trang 435).

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>triển với Campuchia, đồng thời tạo động lực hỗ trợ các huyện vùng Bảy Núi phát triển”.</p>	
	<p><b>Trang 432, mục 1.2.1. Hệ thống đô thị đến năm 2030:</b> đề nghị điều chỉnh bổ sung thành: “đến năm 2030, toàn tỉnh có 27 đô thị, bao gồm: 02 đô thị loại I: thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc,...”.</p> <p><b>Trang 436- 438, mục 1.4.1 Đô thị trung tâm tiểu vùng:</b> đề nghị điều chỉnh các nội dung:</p> <p>+ Về dự báo dân số thành phố Châu Đốc như sau: Năm 2025, dân số toàn đô thị khoảng 240.000 người, trong đó dân số thường trú khoảng 107.000 người (dự kiến 02 xã Vĩnh Tế, xã Vĩnh Châu phát triển thành phường, thuộc khu vực nội thị Thành phố); Năm 2030, dân số toàn đô thị khoảng 260.000 người; Năm 2040, dân số toàn đô thị khoảng 300.000 người; Năm 2050, dân số toàn đô thị khoảng 350.000 người.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và bảo lưu định hướng đô thị đến năm 2030, toàn tỉnh có 27 đô thị, trong đó TP. Châu Đốc là đô thị loại II. Giai đoạn 2031-2050: toàn tỉnh có 20 đô thị, trong đó có 02 đô thị loại I là TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc. Cụ thể:</li> <li>• <b>Về văn bản pháp lý:</b></li> <li>- Theo Công văn số 203/UBND-KTN ngày 08/03/2022 của UBND tỉnh An Giang về việc thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Trên cơ sở Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017 – 2020 và định hướng đến năm 2030 và đánh giá thực trạng phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, An Giang đã thống nhất về nội dung Kế hoạch phân loại đô thị giai đoạn 2021 – 2030, đạt các tiêu chí theo dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/UBTVQH13 (nay đã ban hành Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15): đến năm 2030, toàn tỉnh có 27 đô thị, trong đó TP. Châu Đốc là đô thị loại II.</li> <li>• <b>Về định hướng QH tỉnh:</b></li> <li>- Quy hoạch tỉnh An Giang đã báo cáo thông qua Hội đồng thẩm định QH tỉnh: đã thống nhất về hệ thống đô thị đến năm 2030, trong đó TP. Châu Đốc là đô thị loại II, hướng tới chất lượng hạ tầng đạt tiêu chí đô thị loại I.</li> <li>• <b>Về hiện trạng và bối cảnh phát triển:</b></li> <li>- Dân số: dân số trung bình TP. Châu Đốc năm 2020 là</li> </ul>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
		<p>101.592 người, năm 2022 là 101.819 người, bao gồm dân số nội thị là 90.487 người, dân số ngoại thị (2 xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu) là 11.332 người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Du lịch: năm 2022, Châu Đốc đón hơn 4 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 529.000 lượt khách lưu trú, chiếm khoảng 12 - 13% tổng lượt khách du lịch, còn lại là khách tham quan trong ngày (<i>Nguồn: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>). Ngày lưu trú trung bình của tỉnh và Châu Đốc còn thấp, khoảng 1,5 ngày. Dân số quy đổi từ khách du lịch lưu trú được tính toán theo Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 theo công thức <math>N_0 = 2N_t \times m / 365 \rightarrow</math> khoảng 4.400 người. Vì vậy tuy lượng khách đến Châu Đốc khá cao nhưng do lượng khách lưu trú và ngày lưu trú còn khá thấp nên dân số quy đổi từ khách du lịch không cao.</li> <li>- QH tỉnh An Giang: dự báo đến năm 2025 đạt 10 triệu lượt khách, trong đó khách lưu trú chiếm 30% (khoảng 3 triệu lượt khách); năm 2030 đạt 14,5 triệu lượt khách, trong đó khách lưu trú chiếm 35% (khoảng 3,5 triệu lượt khách). TP. Châu Đốc tập trung phát triển KDL quốc gia Núi Sam và các dự án, kết nối với trung tâm du lịch của tỉnh, vùng ĐBSCL, vùng TP.HCM và Campuchia. Đồng thời trong bối cảnh các địa phương khác trong tỉnh đẩy mạnh đầu tư phát triển du lịch, thu hút du khách nên có sự cạnh tranh cao. Vì vậy dự kiến đến năm 2025 Châu Đốc đón khoảng 6 triệu lượt khách (chiếm 60% lượng khách toàn tỉnh) trong đó khách lưu trú khoảng 1,8 triệu lượt khách (chiếm khoảng 30% lượng khách đến); năm 2030 đón khoảng 8 triệu lượt khách,</li> </ul>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
		<p>trong đó khách lưu trú khoảng 2,8 - 3 triệu lượt khách (chiếm khoảng 35% lượng khách đến). Ngày lưu trú trung bình khoảng 1,7 – 2 ngày. Dân số quy đổi từ khách du lịch đến năm 2025 khoảng 16 – 17 ngàn người, năm 2030 khoảng 30 ngàn người.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2020 dân số trung bình toàn tỉnh là 1,9045 triệu người, dự báo đến năm 2025 khoảng 1,92 triệu người, năm 2030 khoảng 1,945 triệu người, tỷ lệ tăng 0,2-0,25%/năm. Dự báo dân số toàn đô thị Châu Đốc (đã bao gồm dân số quy đổi) đến năm 2025 khoảng 155 – 157 ngàn người (trong đó dân số trung bình khoảng 104 ngàn người, dân số quy đổi khoảng 51 – 53 ngàn người), năm 2030 khoảng 172 – 175 ngàn người (trong đó dân số trung bình khoảng 107 ngàn người, dân số quy đổi khoảng 65 – 67 ngàn người). Tỷ lệ tăng dân số trung bình và dân số quy đổi như vậy là phù hợp và nằm trong tổng thể dự báo dân số trung bình toàn tỉnh. Lý do: tỷ lệ tăng dân số trung bình của TP. Châu Đốc giai đoạn 2015 – 2019 giảm dần, giai đoạn 2020-2022 tăng dần trở lại nhưng với tỷ lệ 0,11% là rất thấp nên giai đoạn 2022-2030 tăng khoảng 0,45-0,57% là khá phù hợp trong bối cảnh phát triển toàn tỉnh, khai thác lợi thế tuyến đường cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng đi qua, phát triển du lịch, kinh tế biên mậu, logistics. Đây cũng là mức tăng khá cao so với các đô thị khác trong tỉnh. Còn theo Văn bản góp ý số 642: dự báo dân số TP. Châu Đốc quá cao, tăng đột biến giai đoạn đến năm 2025, 2030 là khó khả thi như đã luận giải nêu trên.</li> <li>- Theo Nghị quyết số 26/UBTVQH15: dân số toàn đô thị</li> </ul>



STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
		<p>loại I trực thuộc tỉnh đạt tối thiểu 500.000 người. Dựa trên yếu tố đặc thù, là đô thị có đường biên giới quốc gia, đô thị du lịch thì mức tối thiểu khoảng 250.000 người (tỷ lệ 50%). Như vậy TP. Châu Đốc phân đầu giai đoạn 2031-2050 đạt chỉ tiêu về dân số toàn đô thị và các chỉ tiêu khác để đạt tiêu chí đô thị loại I.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Báo cáo tình hình phát triển đô thị của tỉnh năm 2022 (<i>Sở Xây dựng</i>): TP. Châu Đốc có tỷ lệ phủ kín QHPK so với đất XD đô thị của đề án QHC là 2,44%, phủ kín QHCT là 3%, khá thấp trong tỉnh, so với TP. Long Xuyên với tỷ lệ 72,23% và 9,37%. Đồng thời đất XD đô thị theo QHC là 4.368 ha, còn hiện nay đất XD đô thị là 1.473 ha, chỉ chiếm 33,7% so với QHC. Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu tại khu vực ven sông Hậu, các tuyến đường và các kênh chính của đô thị. Các phường có tỷ lệ đất nông nghiệp rất cao (khoảng 40 - 65%), nhiều dự án dân cư chưa lấp đầy, thu hút người dân hoặc chưa được triển khai, hiệu quả sử dụng đất còn khá thấp; hệ thống hạ tầng chưa đồng bộ, quy mô các công trình còn nhỏ. TP. Châu Đốc cần có thời gian để đầu tư phát triển, gia tăng dân số cơ học, đất xây dựng đô thị, chuyển dịch cơ cấu lao động,... để sau năm 2030 đạt chuẩn đô thị loại I, xứng đáng là trung tâm thương mại, dịch vụ cấp tỉnh và trung tâm du lịch cấp quốc gia, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.</li> <li>• <b>Về xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu dự kiến phát triển thành phường:</b></li> <li>- Đối với xã Vĩnh Tế: khi triển khai Dự án thành phần 1 thuộc Dự án đầu tư đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần</li> </ul>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
		<p>Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1 sẽ tạo động lực phát triển KT-XH, dịch vụ logistics tại điểm đầu nối cao tốc với QL 91 trên địa bàn TP. Châu Đốc. Xã Vĩnh Tế là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường thủy của TP. Châu Đốc và vùng phát triển đô thị có xu hướng mở rộng về phía Tây của xã Vĩnh Tế và liên kết với TX. Tịnh Biên theo tuyến QL N1, 91. Như vậy Phân khu 6 – xã Vĩnh Tế là khu đô thị phát triển mạnh thương mại dịch vụ, logistics, TTCN gắn với sinh thái tự nhiên, góp phần chuyên dịch cơ cấu kinh tế, lao động,... nên giai đoạn 2031 – 2050 có thể nghiên cứu phát triển thành phường. Tuy nhiên khi triển khai thực hiện cụ thể, cần đánh giá chi tiết các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 để có giải pháp thực hiện, huy động nguồn lực để khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt.</p> <p>Đối với xã Vĩnh Châu: hiện nay tỷ lệ đất nông nghiệp chiếm hơn 85% DTTN, dân cư khá thưa thớt, chủ yếu bám dọc theo các trục đường chính và các tuyến kênh, rạch lớn; ngành nông nghiệp là chủ đạo. Theo đề án QHC, đã xác định rõ cấu trúc phát triển đô thị khai thác thế mạnh sông, núi, tài nguyên du lịch nổi bật, hài hòa với thiên nhiên. Trong đó xã Vĩnh Châu thuộc vùng bảo vệ sinh thái nông nghiệp, vùng đệm cảnh quan và cân bằng sinh thái cho toàn đô thị kết hợp dịch vụ du lịch, TTCN. Khi phát triển phần lõi đô thị ở các phường và chuyển dần mật độ thấp, sinh thái về phía các xã, thì vùng đệm cảnh quan này rất quan trọng, nhằm đảm bảo sự phát triển cân bằng và bền vững cho thành phố. Đồng thời cơ cấu kinh tế, lao động nông nghiệp còn rất cao nên Tư vấn thống nhất giữ</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p><b>Trang 436 - 438, mục 1.4.1 Đô thị trung tâm tiểu vùng:</b> đề nghị điều chỉnh các nội dung:</p> <p>+ Bổ sung nội dung “<i>các khu vực phát triển logistics gắn với cao tốc và cửa khẩu</i>” vào đoạn “<i>Hình thành các công trình giao thông trọng điểm,.... gia tăng dân số cơ học</i>” thành “<i>Hình thành các công trình giao thông trọng điểm,.... , CCN Vĩnh Mỹ, Vĩnh Tế, các khu vực phát triển logistic gắn với cao tốc và cửa khẩu....</i>) sẽ thu hút lao động và gia tăng dân số cơ học”.</p> <p>+ Điều chỉnh đoạn “<i>Khu vực ngoại thị (xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu,.... và tiểu thủ công nghiệp</i>” thành “<i>Khu vực ngoại thị (xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu): trung tâm cửa ngõ của thành phố kết nối cao tốc Châu Đốc – Sóc Trăng – Cần Thơ, phát triển logistics gắn với cao tốc và cửa khẩu, dịch vụ du lịch và tiểu thủ công nghiệp kết hợp là vùng đệm cảnh quan cân bằng sinh thái và phát triển nông nghiệp.</i></p> <p><b>Trang 486, mục 5.1.2 Định hướng phát triển:</b> điều chỉnh đoạn: “<i>....cửa khẩu chính Vĩnh Hội Đông (huyện An Phú vào khu kinh tế cửa khẩu An Giang....</i>” thành “<i>.... cửa khẩu chính Vĩnh Hội Đông (huyện An Phú) và một số khu vực có tiềm năng kết nối với cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng và có thể phát triển thành cửa khẩu kết nối giao thương thuận lợi vào khu kinh tế cửa khẩu An Giang...</i>”.</p>	<p>nguyên xã Vĩnh Châu.</p> <p>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung.</p> <p>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung.</p> <p>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung.</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>Trang 492, mục 5.1.4 Phát triển khu vực kinh tế cửa khẩu trọng điểm: đề nghị bổ sung “<i>Phát triển mới một số khu vực logistics và dịch vụ tổng hợp khu vực cuối cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng tại thành phố Châu Đốc</i>” vào nội dung <b>Dự kiến đề xuất một số công trình dự án trong khu vực cửa khẩu Tịnh Biên.</b></p>	<p>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung.</p>
	<p><b>Trang 661, mục 2.2.2 Tổ chức không gian phát triển (vùng thành phố Châu Đốc):</b></p> <p>+ Điều chỉnh đoạn: “Phân khu 6: xã Vĩnh Tế - khu đô thị mật độ thấp, gắn với sinh thái tự nhiên và hoạt động tiểu thủ công nghiệp, quy mô 3421 ha” thành “Phân khu 6: xã Vĩnh Tế (dự kiến phát triển thành phường) - khu đô thị mật độ thấp, gắn với sinh thái tự nhiên và hoạt động tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ biên mậu, logistics, quy mô 3421 ha”.</p> <p>+ Mục b) <b>Bố trí, sắp xếp phát triển tuyến dân cư nông thôn, trung tâm cụm xã:</b> đề nghị điều chỉnh đoạn “<i>Giai đoạn 2021 – 2030, nâng chất 02 xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu đạt xã nông thôn mới nâng cao</i>” thành “<i>Giai đoạn 2021 – 2030, nâng chất 02 xã Vĩnh Tế, Vĩnh Châu đạt tiêu</i></p>	<p>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung.</p> <p>- Tư vấn đã giải trình cụ thể ở mục 3: giai đoạn 2031 – 2050 có thể nghiên cứu phát triển thành phường và giữ nguyên xã Vĩnh Châu. Trong báo cáo tổng hợp đã sửa lại như sau: “<i>Giai đoạn 2021-2030, nâng chất xã Vĩnh Tế, hướng tới có thể hình thành phường trong giai đoạn 2031 - 2050, xã Vĩnh Châu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao</i>”.</p>

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p><i>chuẩn và thành lập phường”.</i></p> <p><b>Trang 664, mục 2.2.5 Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:</b> điều chỉnh đoạn “<i>triển khai xây dựng ... trên địa bàn thành phố theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung TP. Châu Đốc đến năm 2035</i>” thành “<i>triển khai xây dựng .... trên địa bàn thành phố theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung TP. Châu Đốc</i>”.</p>	<p>- Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung.</p>
3	<p><b>Sở Lao động, Thương binh và xã hội (Số 465/SLĐTBXH-GDNN ngày 22/02/2023)</b></p>	
	<p><b>1. Về hạ tầng an sinh xã hội</b> (tại Khoản 9.4, Mục II, Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh):</p> <p>- Tại gạch đầu dòng thứ hai: “Xây dựng mới các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập...”, đề nghị điều chỉnh như sau: “Khuyến khích thành lập mới các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập,...”.</p> <p>- Căn cứ Quyết định số 693/QĐ-LĐTBXH ngày 18/6/2021 của Bộ LĐTBXH về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh An Giang, đề nghị bổ sung nội dung: “Đầu tư, xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh An Giang nhằm đáp ứng nhu cầu điều dưỡng luân phiên, phục hồi sức khỏe chi người có công của tỉnh An Giang và một số địa phương trong khu vực”.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. Về hạ tầng an sinh xã hội</p>
	<p><b>2. Về mục tiêu phát triển xã hội</b> (tại Khoản 1.4, Mục I, Phụ lục kèm theo dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh; tại Điểm b, Khoản 2.2, Mục I của Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; tại Điểm b, Khoản 2.2, Mục II dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ):</p> <p>“Đến năm 2030, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1%/năm; cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn”, đề nghị điều chỉnh như sau: “Đến cuối năm 2030, cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn”.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 2. Về mục tiêu phát triển xã hội</p>
4	<p><b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b></p>	

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<b>Văn bản số 670/STNMT-MT ngày 06/3/2023</b>	
	Bổ sung Khu xử lý chất thải rắn Phú Thạnh, huyện Phú Tân vào Phương án phát triển các khu xử lý chất thải	Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào Bảng 108: Mạng lưới, quy mô, công suất các khu xử lý CTR tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.
	Bổ sung Khu xử lý chất thải rắn Phú Thạnh, huyện Phú Tân vào Phụ lục 19: Quy hoạch khu xử lý chất thải tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030	Đã tiếp thu và chỉnh sửa vào phụ lục 19 đính kèm báo cáo tổng hợp và các tài liệu khác có liên quan
	Rà soát các nội dung góp ý còn lại liên quan đến công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh An Giang đề nghị đơn vị soạn thảo rà soát, chỉnh sửa theo các nội dung góp ý tại Công văn số 506/STNMT- KSN&BĐKH ngày 22 tháng 02 năm 2023	Đã rà soát lại như góp ý của Sở

## PHỤ LỤC 1

**TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU THEO NỘI DUNG BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 8579/BC-HĐTĐ NGÀY 28 /11/2022 CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1	<p><b>1. Về sự phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh An Giang</b></p> <p><i>Sự phù hợp với yêu cầu về nội dung quy hoạch tại Nhiệm vụ lập quy hoạch</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục tiêu lập quy hoạch: Đề nghị rà soát theo các mục tiêu được xác định tại Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh An Giang đã được phê duyệt.</li> <li>- Nội dung quy hoạch cơ bản đáp ứng được yêu cầu đã xác định trong nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung một số nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định 37/2019/NĐ-CP (cụ thể tại mục 4 phần này).</li> </ul> <p><b>2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch</b></p> <p>Tờ trình số 132/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang (Tờ trình số 132/TTr-SKHĐT) đã nêu rõ về quá trình lập quy hoạch, bảo đảm việc lập quy hoạch tuân thủ đúng quy định về trình tự lập quy hoạch tỉnh tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch (liệt kê chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia.</p>
2	<p><b>3. Việc tích hợp các nội dung quy hoạch</b></p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Quy hoạch tỉnh An Giang về cơ bản đã xem xét đến tính hợp lý, logic giữa các nội dung đề xuất, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện. Tuy nhiên, cần rà soát, bổ sung để làm rõ hơn tính liên kết giữa các ngành, lĩnh vực; phương án tổ chức không gian phát triển của một số ngành, lĩnh vực chưa đảm bảo được sự thống nhất, đồng bộ, đề nghị phân tích làm rõ hơn nội dung tính liên kết trong định hướng và bố trí không gian phát triển của các ngành, lĩnh vực.</p>	
3	<p>- Đề đảm bảo sự tích hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về quy hoạch thì việc sử dụng chung dữ liệu về điều tra hiện trạng, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng liên kết vùng; phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển và việc thống nhất các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển ngành, lãnh thổ trong quá trình lập quy hoạch là cần thiết; đề nghị rà soát các số liệu, dữ liệu trong Báo cáo Quy hoạch để đảm bảo sự thống nhất và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, dữ liệu được sử dụng.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
4	<p>- Đề nghị tỉnh An Giang rà soát và trao đổi với các Bộ chuyên ngành đang tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia để cập nhật nội dung các quy hoạch đang được tổ chức lập, đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống quy hoạch.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
5	<p><b>4.1. Bố cục của Báo cáo quy hoạch</b></p> <p>Báo cáo Quy hoạch cơ bản đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
6	<p><b>4.2. Phần mở đầu</b></p> <p>Đề nghị chỉ nêu các căn cứ pháp lý liên quan trực tiếp đến việc lập quy hoạch; Rà soát phân loại các căn cứ pháp lý để đảm bảo tính chính xác<sup>1</sup>; Bổ sung các căn cứ pháp lý (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
7	<p><b>4.3. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương</b></p> <p><i>a) Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường</i></p> <p>Đề nghị điều chỉnh để đảm bảo thống nhất nhận định “An Giang có vị trí thuận lợi để giao thương và liên kết phát triển với các trung tâm phát triển lớn trong và ngoài nước” với đánh giá “An Giang nằm cách xa các trung tâm đầu mối kinh tế, xuất nhập khẩu lớn của cả nước...”<sup>2</sup></p>	Tiếp thu, chỉnh sửa tại 1. <i>Vị trí địa lý kinh tế</i> , mục I, Chương I, Phần II
8	Về tài nguyên khoáng sản, đề nghị bổ sung dự báo quy mô, trữ lượng từng loại khoáng sản tăng/giảm, có khả năng tăng thêm những mỏ khoáng sản nào..., từ đó đánh giá sự tác động đến phát triển kinh tế trong thời gian quy hoạch.	Dự báo quy mô, trữ lượng và danh mục các mỏ khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch đã được trình bày tại mục XI. <i>Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên</i> (Chương III, Phần II)
9	Báo cáo chủ yếu tập trung vào yếu tố nguồn lực tự nhiên, đề nghị bổ sung đánh giá khả năng huy động các nguồn lực quan trọng khác (nguồn lực văn hóa,	Tiếp thu ý kiến. Các nguồn lực văn hóa, nhân văn và truyền thống đổi mới

<sup>1</sup> Nghị định của Chính phủ là văn bản quy phạm pháp luật, không phải văn bản chỉ đạo, điều hành

<sup>2</sup> tại trang 19, trang 20

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	nhân văn và truyền thống đổi mới sáng tạo).	sáng tạo... đã được đánh giá tại mục II. Các yếu tố và điều kiện xã hội (Chương I, Phần II)
10	Đề nghị bổ sung, làm rõ thông tin về tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua; dự báo về cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực cho một số nhóm ngành, lĩnh vực quan trọng, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có trình độ kỹ năng nghề cao trong thời kỳ quy hoạch.	Thông tin về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số, cơ cấu lao động theo giới tính, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung được thể hiện ở mục 4.1.1. Lao động, mục I, Chương II, Phần II.
11	<p><b>4.4. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung phân tích về tốc độ tăng năng suất lao động tổng thể và theo 03 khối ngành kinh tế, theo 21 ngành kinh tế cấp I; phân tích lao động theo giới tính, theo khu vực thành thị - nông thôn, theo các huyện/thành phố; phân tích về cơ cấu đầu tư theo thành phần kinh tế; bổ sung đánh giá hệ số ICOR trong thời kỳ 2011 - 2020, phân kỳ 2011 - 2015 và 2016 - 2020 làm căn cứ luận chứng dự báo về hệ số ICOR cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bổ sung thông tin về thu nhập bình quân, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp của lực lượng lao động.</p>	<p>. Đã bổ sung thông tin về thu nhập bình quân của người lao động tại đoạn “Kết quả giải quyết việc làm: ...”, ở mục I - 4.1.2. Việc làm, Chương II, Phần II.</p> <p>2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung được thể hiện ở đoạn “Về chất lượng lao động: Lực lượng lao động của tỉnh An Giang... thị trường” ở mục I - 4.1.1. Lao động, Chương II, Phần II.</p> <p>3. Về cơ cấu đầu tư, hệ số ICOR đã tiếp thu và chỉnh sửa mục 3. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển (Chương II, mục I)</p> <p>4. Về tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		và bảo hiểm thất nghiệp của lực lượng lao động: không có trong NGTK của tỉnh, không thuộc hệ thống chi tiêu thống kê về lao động, việc làm nên không thể bổ sung theo góp ý.
12	<p>Đề nghị đánh giá kỹ thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Giải trình: Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung tại 5.7. <i>Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn</i>, mục 5, mục V, chương III.</p>
13	<p><b><i>4.4.1 Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng huy động nguồn lực</i></b></p> <p>- Đề nghị bổ sung phân tích các nội dung: Tăng trưởng và chuyển dịch kinh tế của An Giang so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Chuyển dịch cấu trúc kinh tế trong nội tại tỉnh thời gian qua. Đặc biệt, kinh tế du lịch An Giang rất đa dạng do yếu tố sinh thái tự nhiên, văn hóa, di tích.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. <i>Hiện trạng phát triển kinh tế</i> (Chương II, mục I).</p> <p>Đồng tình với góp ý “kinh tế du lịch An Giang rất đa dạng do yếu tố sinh thái tự nhiên, văn hóa, di tích” và nội dung này đã được trình bày tại 2.5. <i>Ngành du lịch</i>, mục I, Chương II, Phần II.</p>
14	<p>Về thực trạng phát triển nông nghiệp, đề nghị bổ sung đánh giá về tái cơ cấu nông nghiệp; mức độ tập trung về lao động ngành nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2020; sự liên kết các sản phẩm nông nghiệp với các tỉnh lân cận trong vùng để hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ và tiếp cận thị trường; xác định rõ</p>	<p>Nội dung đánh giá kết quả thực hiện cụ thể đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo không thuộc</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>các điểm mạnh - điểm yếu - cơ hội - thách thức của ngành nông, lâm, thủy sản; bổ sung đánh giá kết quả thực hiện cụ thể đối với Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình Mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo.</p>	<p>nội dung “Thực trạng phát triển các ngành kinh tế”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã bổ sung nội dung đánh giá kết quả thực hiện cụ thể đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại 2.3. <i>Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn</i>, mục III, Chương II, Phần II.</li> <li>- Đã bổ sung nội dung đánh giá Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo tại 2.3. <i>Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn</i>, mục III, Chương II, Phần II (Đoạn <i>Đánh giá chung</i>)</li> </ul>
15	<p>Về thực trạng phát triển công nghiệp - xây dựng, đề nghị bổ sung phân tích và đánh giá các yếu tố nguồn lực tác động đến phát triển ngành công nghiệp chế biến tại tỉnh; Phân tích, đánh giá mức độ tập trung về giá trị sản xuất và mức độ tập trung về lao động ngành công nghiệp giai đoạn 2011-2020; Đánh giá những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; xác định những vấn đề trọng tâm cần giải quyết về phát triển đô thị và nông thôn và thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng điểm mạnh - điểm yếu - cơ hội - thách thức của ngành công nghiệp - xây dựng tỉnh An Giang.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. Hiện trạng phát triển kinh tế và mục 2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế (Chương II, mục I).</p> <p>Đã xác định các vấn đề trọng tâm cần giải quyết về phát triển đô thị tại mục III - 1.6. Các vấn đề trọng tâm về phát triển đô thị cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh và kế thừa từ quy hoạch cũ, Chương II, Phần II; về nông thôn tại mục III - 2. Thực trạng phát triển nông thôn, Chương II, Phần II.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
16	<p>Về thực trạng phát triển thương mại - dịch vụ, đề nghị bổ sung nhận định về những tồn tại và hạn chế của ngành thương mại, dịch vụ cho hướng phát triển giai đoạn 2021-2030; Báo cáo đã có số liệu thống kê về vận tải hàng hóa, hành khách; tuy nhiên, đề nghị bổ sung dự báo nhu cầu vận tải có phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xác định nội dung quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông; Đề nghị bổ sung nội dung về hệ thống trung tâm logistics, hệ thống cảng cạn; nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua làm cơ sở để đề xuất định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong quy hoạch giai đoạn 2021-2030.</p>	<p>Đã bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải tại 1.2. <i>Dự báo nhu cầu vận tải</i>, mục V, Chương III, Phần II.</p>
17	<p>Về thực trạng phát triển du lịch, đề nghị đánh giá chi tiết, cụ thể hơn hiện trạng phát triển du lịch tại các khu du lịch; đặc biệt là Khu du lịch quốc gia Núi Sam giai đoạn trước và sau khi được công nhận.</p>	<p>1. Hiện trạng phát triển tại các khu du lịch nội dung được lồng ghép đánh giá tại 2.5. <i>Ngành du lịch</i>, mục I, Chương II, Phần II</p> <p>2. Nội dung phân tích đánh giá hiện trạng các khu du lịch tại mục 4.4. <i>Hiện trạng phát triển khu du lịch</i>, mục III, chương II thiên về tổ chức mặt bằng không gian lãnh thổ, hướng về công năng và chức năng của khu du lịch, phù hợp với nội dung đánh giá thực trạng phát triển các khu chức năng nói chung theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.
18	<p>Về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đề nghị bổ sung các đánh giá về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; rà soát lại nội dung và số liệu cho chính xác đối với nhận định: “Trong thời kỳ 2011 - 2020, ngân sách nhà nước chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ có biến động rất mạnh, nếu như năm 2010 là 1.356 tỷ đồng, đến năm 2020 chỉ còn 58 tỷ đồng”; bổ sung nội dung đánh giá thực trạng chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chỉ ra các khó khăn cần giải quyết để bảo đảm định mức chi 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Khoa học và công nghệ.</p>	<p>1. Nội dung phân tích, đánh giá hiệu quả của hoạt động KH&amp;CN được thể hiện tại 4.6.1 - a) <i>Hiệu quả hoạt động KH&amp;CN</i>, mục I, Chương II, Phần II.</p> <p>2. Nội dung kết quả đóng góp của KH&amp;CN trên một số ngành, lĩnh vực chủ yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện ở 4.6.1 - b) <i>Kết quả đóng góp của KH&amp;CN trên một số ngành, lĩnh vực</i>, mục I, Chương II, Phần II.</p> <p>3. Nội dung kết quả thực hiện cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực (từ doanh nghiệp, các tổ chức khác ngoài nhà nước) được thể hiện ở 4.6.3. <i>Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển KH&amp;CN</i>, mục I, Chương II, Phần II.</p> <p>4. Đầu tư cho KH&amp;CN, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng, nội dung này được thể hiện ở đoạn thứ 4 của mục I - 4.6.3. <i>Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển KH&amp;CN</i></p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>(Chương II, Phần II) và đoạn 2 của mục V - 2.2.2 - b) Về quy mô tổ chức (Chương II, Phần II)</p> <p>5. Về đào tạo nguồn nhân lực KH&amp;CN, nội dung được thể hiện ở đoạn thứ 1 của mục 2.2.2 - b) Về quy mô tổ chức, Chương II, Phần II</p> <p>6. Đã rà soát lại nội dung, số liệu và lược bỏ nhận định: “Trong thời kỳ 2011 - 2020, NSNN chi cho sự nghiệp KH&amp;CN có biến động rất mạnh, nếu như năm 2010 là 1.356 tỷ đồng, đến năm 2020 chỉ còn 58 tỷ đồng”</p> <p>7. Đã bổ sung nội dung đánh giá thực trạng chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho KH&amp;CN, ĐMST, chỉ ra các khó khăn cần giải quyết để bảo đảm định mức chi 2% tổng chi NSNN hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật KH&amp;CN năm 2013 tại đoạn thứ 3 của 4.6.3. Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển KH&amp;CN, mục I, Chương II, Phần II.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
19	<p><b>4.4.2. Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh</b></p> <p>- Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo, đề nghị bổ sung số liệu thực trạng về mạng lưới quy mô trường, lớp, số lượng học sinh các cấp, đội ngũ nhà giáo và cán bộ (số lượng, chất lượng) làm căn cứ, cơ sở đưa ra các nhận định, đánh giá thực trạng lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này); ngoài ra, đề nghị bổ sung đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu phát triển về giáo dục và đào tạo theo quy hoạch, kế hoạch mà tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2011-2020, có so sánh với cả nước và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, phân tích làm rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế, để thấy được vị trí của giáo dục và đào tạo của tỉnh hiện nay cũng như để xác định rõ hơn mức đạt được so với điều kiện, tiềm năng của tỉnh cũng như các nhận định về khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và cả vùng.</p>	<p>Thông tin, số liệu thực trạng về mạng lưới quy mô trường, lớp,... được thể hiện tại Phụ lục đính kèm Báo cáo tổng hợp (PHỤ LỤC II. HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2011-2020)</p> <p>Qua rà soát lại thông tin, số liệu minh chứng đã lược bỏ các nhận định như góp ý của Bộ.</p> <p>Nhằm đảm bảo bố cục chung của 01 bản quy hoạch, nên trong Báo cáo chỉ tập trung phân tích các nội dung và vấn đề lớn trong ngành giáo dục và đào tạo của tỉnh An Giang, vì vậy nội dung đánh giá kết quả đạt được của các ngành và lĩnh vực, trong đó có ngành giáo dục, đào tạo thời kỳ 2011-2020 so với quy hoạch thời kỳ trước sẽ được thể hiện trong Phụ lục đính kèm Báo cáo tổng hợp (PHỤ LỤC III. ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH THỜI KỲ TRƯỚC)</p>
20	<p>Về thực trạng phát triển lao động, an sinh xã hội, đề nghị bổ sung: số liệu về thu nhập bình quân của người lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ tham gia</p>	<p>Giải trình: Đối với chỉ tiêu tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất</p>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động; đánh giá về thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội, trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội...; Đánh giá một số chỉ tiêu về thực trạng lao động việc làm so sánh với các tỉnh lân cận trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.	nghiệp: không có trong NGTK của tỉnh, không thuộc hệ thống chi tiêu thống kê về lao động, việc làm nên không thể bổ sung theo góp ý.
21	Về thực trạng hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đề nghị bổ sung đánh giá rõ khả năng kết nối các bệnh viện tuyến dưới với các bệnh viện tuyến trên; bổ sung thông tin về các cơ sở y tế của Công an nhân dân.	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 5.4. <i>Mạng lưới y tế công an nhân dân</i> (mục V, Chương II, Phần II) và mục 5. <i>Mạng lưới cơ sở y tế</i> (mục VII, Chương III, Phần II)
22	Về thực trạng khoa học và công nghệ, đề nghị phân tích, đánh giá việc chuyển đổi số, Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến, đánh giá nhân sự hoạt động lĩnh vực khoa học - công nghệ; thực trạng lĩnh vực sở hữu trí tuệ; phân tích kỹ hơn hiện trạng hạ tầng cho khoa học và công nghệ.	Giải trình: Việc thực hiện chuyển đổi số, Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến đã được phân tích, đánh giá tại phần 3.3. <i>Ứng dụng công nghệ thông tin</i> , mục IV, Chương II.  Đã đánh giá nhân sự hoạt động lĩnh vực khoa học - công nghệ tại 2.2.2 - b) <i>Về quy mô tổ chức</i> , mục V, Chương II, Phần II và phân tích kỹ hơn hiện trạng hạ tầng cho khoa học và công nghệ tại 2.3. <i>Thực trạng phân bổ, sử dụng không gian của mạng lưới tổ chức hoạt động KH&amp;CN công lập</i> , mục V, Chương II, Phần II.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
23	<p><b>4.4.3. Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh</b></p> <p>Đề nghị nghiên cứu đánh giá theo Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015, làm rõ hiệu quả kinh tế (giá trị gia tăng, hiệu quả đầu tư), hiệu quả xã hội (giải quyết nhu cầu lao động, mức độ chấp nhận của người sử dụng đất, mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, mức độ phù hợp với chiến lược, quy hoạch ngành), hiệu quả môi trường (tăng khả năng che phủ đất; duy trì bảo vệ đất; giảm thiểu thoái hóa, ô nhiễm đất).</p>	<p>Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai là hướng dẫn chuyên sâu phục vụ cho các dự án chuyên biệt về điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; quan trắc giám sát tài nguyên đất. Nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh với yêu cầu về thời gian cũng như kinh phí không thực hiện được như thông tư.</p>
24	<p>Đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ hiện trạng sử dụng đất cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội; cơ sở giáo dục đại học và các trung tâm giáo dục thường xuyên.</p>	<p>Hiện trạng sử dụng đất cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội; cơ sở giáo dục đại học và các trung tâm giáo dục thường xuyên ở phần 2.2 - c) <i>Biến động đất phi nông nghiệp</i>, mục II, Chương II</p>
25	<p><b>4.4.4. Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh</b></p> <p>a) <i>Thực trạng phát triển phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn</i></p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành báo cáo số 296/BC-UBND ngày 03/6/2021 báo cáo Bộ Nội vụ về việc Báo cáo Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Về thực trạng phát triển hệ thống đô thị: Trên cơ sở các văn bản, quy định pháp luật về phân loại đô thị, phát triển đô thị, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, đề nghị rà soát tổng thể, bổ sung đánh giá phân loại đô thị đối với hệ thống đô thị của tỉnh để tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính đô thị giai đoạn 2022-2030; trên cơ sở quy mô diện tích và dân số đô thị; Rà soát, đề xuất các quy hoạch hành chính lãnh thổ, làm cơ sở thực hiện mở rộng, sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh.</p>	<p>chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Trong đó, nội dung phương án, lộ trình thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính giai đoạn 2021 – 2026 đã khẳng định</p> <p>1. Về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính:</p> <p>Hiện nay, trên địa bàn tỉnh không có các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Thời gian tới, sau khi Trung ương tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, xác định lộ trình thực hiện giai đoạn 2022 - 2030, trên cơ sở đó, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát những đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp và xây dựng Đề án gửi</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.</p> <p>2. Về phân loại đơn vị hành chính</p> <p>Hiện nay, việc phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã ổn định. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại khoản 4, Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.</p>
26	<p>Đề nghị rà soát thực trạng, bổ sung các luận cứ nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển về tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh theo từng giai đoạn đảm bảo phù hợp với thực tiễn và nguồn lực của địa phương (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này); phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị; thực trạng tổ chức không gian của hệ thống đô thị; tình hình thực hiện chương trình phát triển đô thị của quốc gia và của tỉnh, tác động của phát triển đô thị nhất là các đô thị trung tâm có tác động lan tỏa như thế nào đến vùng xung quanh; những vấn đề tồn tại của phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh; nguồn lực để phát triển đô thị; sự hợp lý của hệ thống đô thị.</p>	<p>Tại phần 1. <i>Thực trạng phát triển hệ thống đô thị</i>, mục III, Chương II đã đánh giá đầy đủ về tỷ lệ đô thị hóa, phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị; thực trạng tổ chức không gian của hệ thống đô thị; Tình hình thực hiện Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030, tác động của phát triển đô thị nhất là các đô thị trung tâm (TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc, TX. Tân Châu) với các huyện nằm trong vùng bán</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		kính ảnh hưởng; mối quan hệ của hệ thống đô thị trong tỉnh và liên kết trên các trục hành lang kinh tế - đô thị trọng điểm; những vấn đề tồn tại của phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh (về quy hoạch đô thị, phát triển đô thị, chất lượng hạ tầng đô thị,...)
27	Về thực trạng phát triển hệ thống nông thôn, đề nghị tập trung đánh giá hiện trạng tổ chức không gian lãnh thổ nông thôn; thực trạng phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn; tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.	Đã đánh giá đầy đủ tại mục 2. <i>Thực trạng phát triển nông thôn</i> , mục III, Chương II, Phần II.
28	<p><i>b) Thực trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật</i></p> <p>Về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải: Báo cáo đã tổng hợp, liệt kê số lượng các tuyến đường bộ (quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị), đường thủy (do trung ương, địa phương quản lý) cùng các hệ thống công trình phục vụ đường bộ, đường thủy và hệ thống cảng biển, cảng và bến thủy nội địa trên địa bàn; tuy nhiên chưa đánh giá việc sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông để làm rõ tác động của các yếu tố này tới hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua, cũng như kết nối của Kiên Giang<sup>3</sup> với các tỉnh trong</p>	<p>- Thông tin về điểm đầu, điểm cuối, quy mô quy hoạch và tiến trình đầu tư các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với Quyết định số 1454/QĐ-TTg được thể hiện ở <i>Phụ lục 1: Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030</i> của Phụ lục đính kèm Báo cáo tổng hợp (tại phần PHỤ LỤC VII. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN</p>

<sup>3</sup> An Giang là địa phương thuộc Vùng động lực đồng bằng sông Cửu Long (một trong 04 vùng động lực quốc gia) bao gồm cần Thơ, An Giang, Kiên Giang theo Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>vùng và quốc tế (giữa Việt Nam - Campuchia); đề nghị rà soát, bổ sung thuyết minh chi tiết hiện trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông vận tải, cụ thể như sau: (i) Đối với hệ thống đường bộ, đề nghị bổ sung nội dung liên quan đến từng tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện (như điểm đầu, điểm cuối, chiều dài tuyến, cấp kỹ thuật..); (ii) bổ sung số liệu phân tích đánh giá về năng lực đảm nhận vận tải; thống kê quy hoạch các điểm đầu nối với quốc lộ; đánh giá sự phân bố không gian và việc sự kết nối với các phương thức vận tải khác trên địa bàn (hệ thống cảng biển, cảng đường thủy nội địa) làm căn cứ bổ sung các kết quả đạt được, những tồn tại, bất cập/hạn chế của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Bên cạnh đó, trên cơ sở đặc điểm vị trí, điều kiện tự nhiên, địa hình của An Giang tại Vùng đồng bằng sông Cửu Long, bổ sung phân tích hiệu quả khi đầu tư xây dựng các cầu lớn vượt sông kết nối tỉnh với các địa phương lân cận (cầu Vàm Cống), nhu cầu bổ sung thêm các cầu lớn vượt sông để tăng hiệu quả kết nối làm cơ sở định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo; (iii) về lĩnh vực kết cấu hạ tầng đường thủy, đề nghị tách riêng nội dung về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và hàng hải; bổ sung các phân tích, đánh giá hiện trạng, quy mô và công suất của các cảng đường thủy và việc kết nối với hệ thống đường bộ (quốc lộ, tỉnh lộ); bổ sung, nhận định đánh giá vận tải hàng hóa bằng đường thủy chiếm 80% khối lượng vận tải hàng hóa, 40% khối lượng vận tải hành khách; đánh giá việc kết nối các tuyến vận tải thủy nội địa kết nối giữa An Giang và địa phương trong Vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng như hệ thống cảng biển khu vực Đông Nam Bộ; (iv) đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối giữa Việt Nam và Campuchia trên địa bàn tỉnh, các tồn tại bất cập về hạ tầng kết nối và hoạt động vận tải tại khu vực</p>	<p>TRỌNG CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC)</p> <p>- Về bổ sung phụ lục thống kê quy hoạch các điểm đầu nối với quốc lộ: thực hiện Điều 3, Nghị định 117/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, ban hành quyết định phê duyệt các điểm đầu nối vào quốc lộ thay thế quy hoạch điểm đầu nối được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ và các điểm đầu nối đã được Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực để tiếp tục triển khai thực hiện đầu nối vào quốc lộ. Theo đó, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập và trình hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào quốc lộ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>cửa khẩu giữa hai quốc gia, đặc biệt là khó khăn trong kết nối giao thông tại cửa khẩu quốc tế Khánh Bình; (v) bổ sung kết quả thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua. Trên cơ sở đó, đề nghị xem xét, rà soát và hoàn chỉnh các đánh giá về thách thức đối kết cấu hạ tầng giao thông vận tải<sup>4</sup> tỉnh, làm cơ sở đề đề xuất định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong kỳ quy hoạch.</p>	<p>GTVT.</p> <p>- Nội dung quy hoạch các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh được thể hiện tại mục c, 1.3.6. <i>Phương án bố trí các bến, bãi đỗ xe</i> thuộc mục VI, Chương III, phần II.</p> <p>- Nội dung đánh giá về đặc điểm vị trí, điều kiện tự nhiên, địa hình của An Giang trong Vùng đồng bằng sông Cửu Long đã thể hiện rõ tại mục I. <b>VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>, Chương I.</p> <p>- Nội dung phân tích mối liên hệ với Kiên Giang và kết nối quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1.6.2. <i>Khả năng kết nối giữa An Giang với Kiên Giang và Vương quốc Campuchia</i>, mục IV, Chương II.</p>
29	<p>- Hạ tầng cấp, thoát nước: (i) Về cấp nước, đề nghị bổ sung: Phân vùng cấp nước tổng thể trên địa bàn tỉnh để thấy được nhu cầu đặt ra cần phải đầu tư phát</p>	<p>Đã bổ sung tại mục IV - 5. <i>Hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại</i></p>

<sup>4</sup> cũng như những đánh giá không còn phù hợp (như cần phải xây dựng các cầu lớn qua sông Hậu, sông Tiền; hiện nay các cầu Cao Lãnh, Vàm Cống đã đảm bảo kết nối đường bộ của An Giang với các tỉnh trong Vùng)

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>triển trong phương án quy hoạch; Ảnh hưởng biến đổi khí hậu xâm nhập mặn tới các nguồn nước; Đánh giá riêng hiện trạng cấp nước cho các đô thị; (ii) Về thoát nước, đề nghị bổ sung: Tình hình ngập úng tại các đô thị; Việc đánh giá nước thải công nghiệp chưa xử lý triệt để gây ô nhiễm cần cụ thể hơn vị trí khu vực và mức độ ô nhiễm.</p>	<p><i>các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung, Chương II, Phần II.</i></p> <p>Hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh được chia làm 2 vùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vùng 1 là vùng giữa sông Tiền và sông Hậu bao gồm: thị xã Tân Châu, huyện An Phú, Phú Tân, Chợ Mới.</li> <li>+ Vùng 2 là vùng Tây sông Hậu bao gồm: TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc, huyện Châu Thành, Châu Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn.</li> </ul> <p>- Đã bổ sung nội dung đánh giá “hiện trạng cấp nước” và “tình hình ngập úng tại các đô thị” tại tiểu mục 5. <i>Hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung, mục IV, Chương II, Phần II.</i> Việc đánh giá nước thải công nghiệp chưa xử lý triệt để gây ô nhiễm cần cụ thể hơn vị trí khu vực và mức độ ô nhiễm: đối với 2 KCN Bình Hòa và KCN Bình Long đã có trạm xử lý nước thải riêng, còn lại các CCN nhỏ lẻ xen kẽ trong các khu dân cư,</p>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		vì vậy không thể đưa rõ từng vị trí.
30	<p>- Hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, đề nghị phân tích kỹ hơn hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng, chống lũ; ngập lụt; sạt lở bờ sông; cụm tuyến dân cư vượt lũ; công trình hạ tầng kết hợp sơ tán dân; cơ sở hạ tầng về dự báo, cảnh báo, quan trắc giám sát thiên tai... những khó khăn, tồn tại về hạ tầng phòng, chống thiên tai làm cơ sở đề xuất phương án kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai vẫn chưa được cập nhật.</p>	<p>Hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình phòng, chống lũ; ngập lụt; sạt lở bờ sông; cụm tuyến dân cư vượt lũ; công trình hạ tầng kết hợp sơ tán dân; cơ sở hạ tầng về dự báo, cảnh báo, quan trắc giám sát, thiên tai;... những khó khăn, tồn tại về hạ tầng phòng, chống thiên tai đã được cập nhật bổ sung tại tiêu mục 5.1.2. <i>Hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai</i>, mục I, Chương I, Phần II.</p>
31	<p>- Hạ tầng thông tin và truyền thông: (i) Về hệ thống mạng bưu chính, đề nghị bổ sung tỷ lệ điểm phục vụ có kết nối băng rộng, tỷ lệ điểm phục vụ cung cấp dịch vụ thương mại điện tử và logistics, số dân được phục vụ, tỷ lệ điểm bưu chính có người phục vụ; tỷ lệ đơn vị hành chính chưa có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; mạng đường thư cấp 2, 3, mạng vận chuyển công cộng; hiện trạng chuyển đổi số, ứng dụng địa chỉ số và tham gia sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp bưu chính; (ii) Về ứng dụng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh; (iii) Về mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở, đề nghị bổ sung hiện trạng</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung nội dung tại các tiêu mục: 3.1. <i>Hệ thống mạng bưu chính</i>; 3.3.7. <i>Hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số</i>; 3.5.6. <i>Hiện trạng thông tin điện tử</i>, thuộc mục IV, Chương II, Phần II.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh.	
32	<p>c) Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội</p> <p>- Về hạ tầng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: đề nghị rà soát, bổ sung, làm rõ về quy mô (quy mô đào tạo nghề, quy mô chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội...), hiện trạng sử dụng đất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội và bổ sung đánh giá thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh An Giang (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ).</p>	<p>- Đã bổ sung quy mô đào tạo nghề, hiện trạng sử dụng đất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại tiểu mục 4.1. <i>Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp</i>, mục V, Chương II, Phần II.</p> <p>- Đã bổ sung quy mô chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội... tại đoạn 2, tiểu mục 4.3. <i>Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội</i>, mục V, Chương II, Phần II.</p> <p>- Đã bổ sung đánh giá thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh An Giang tại tiểu mục 4.2. <i>Hạ tầng phục vụ lao động việc làm</i>, mục V, Chương II, Phần II.</p>
33	<p><b>4.4.5. Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức</b></p> <p>Đề nghị phân tích kỹ hơn thách thức về giữ vững ổn định về an ninh - quốc phòng tại khu vực biên giới với Campuchia; tác động của việc xây dựng các công trình thủy điện, sử dụng nước tại các quốc gia thượng nguồn sông Mê Công đến chế độ thủy văn, dòng chảy, phù sa đến các sông chảy qua địa bàn tỉnh An Giang ảnh hưởng đến nguồn nước, yếu tố được Nghị quyết 120/NQ-CP năm 2017 của Chính phủ xác định là “cốt lõi của phát triển”.</p>	<p>Nhất trí và tiếp thu ý kiến tham gia.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
34	<p><b>4.5. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh</b></p> <p><b>4.5.1. Xây dựng quan điểm về phát triển tỉnh, tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</b></p> <p>Đề nghị nghiên cứu, bổ sung những quan điểm sau: Phát triển An Giang dựa trên chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm/động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế phải. Công nghiệp công nghệ số đóng vai trò quan trọng, trở thành ngành công nghiệp then chốt.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại tiêu mục 1.1. <i>Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh</i>, mục I, Chương III, Phần II.</p>
35	<p>Đề nghị cân nhắc bổ sung quan điểm “Coi chuyển đổi số là phương thức phát triển mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá” của tỉnh An Giang.</p>	<p>Đồng tình với ý kiến. Trong tiêu mục 1.1. <i>Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh</i> (mục I, Chương III, Phần II) của Báo cáo đã có đưa ra quan điểm xác định tầm quan trọng của chuyển đổi số và xem nó như là một trong những phương thức mới tại đoạn: “...<i>đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...</i>”</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
36	<p><b>4.5.2. Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh</b></p> <p>Đề nghị bổ sung Bảng tổng hợp kết quả các chỉ tiêu theo các phương án phát triển của tỉnh trong kỳ quy hoạch.</p>	<p>Giải trình: Trong tiêu mục 2.2. <i>Lựa chọn kịch bản phát triển</i> (mục I, Chương III, Phần II) của Báo cáo đã đưa ra 03 bảng kết quả các chỉ tiêu tương ứng với 03 “kịch bản phát triển” nên đã không đưa bảng tổng hợp vào để tránh trùng lặp.</p>
37	<p>Ngoài tiêu chí về tăng trưởng kinh tế, đề nghị xem xét thêm các tiêu chí đánh giá tác động có lợi, bất lợi về các khía cạnh (xã hội, môi trường, yêu cầu đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững của vùng, của quốc gia,...) để đánh giá lựa chọn kịch bản.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý.</p>
38	<p><b>4.5.4. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể</b></p> <p>- Đề nghị rà soát mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đảm bảo phù hợp theo quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; điều chỉnh mục tiêu tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân (trong báo cáo phần đầu đạt 29,4 giường bệnh, thấp hơn mục tiêu 30 giường bệnh bình quân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, không phù hợp với mục tiêu tổng quát đưa An Giang là tỉnh khá trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long); bổ sung mục tiêu về phát triển năng lượng tái tạo.</p>	<p>Trên cơ sở dự báo dân số trung bình đến năm 2030 và tổng số giường bệnh của tỉnh dự kiến đến năm 2030, đã tính toán lại số giường bệnh trên vạn dân và đảm bảo phù hợp theo quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; điều chỉnh mục tiêu tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân, đã chỉnh sửa lại phần đầu đạt 30,5 giường bệnh, cao hơn mục tiêu 30 giường bệnh bình quân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phù hợp với mục tiêu tổng quát đưa An Giang là tỉnh khá trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Dân số tỉnh An</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>Giang: năm 2030 được dự báo và tính toán lại trong quy hoạch tỉnh là 1.945.000 người.</p> <p>Đã bổ sung mục tiêu về phát triển năng lượng tái tạo tại tiểu mục 3.2 - đ) <i>Mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng</i>, mục I, Chương III, Phần II.</p>
39	<p>- Đề nghị rà soát, đối chiếu Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để bổ sung các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh phù hợp với tình hình chung của vùng và của cả nước.</p>	<p>Đã rà soát và đối chiếu Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 về mục tiêu xây dựng nông thôn mới và trên cơ sở kết quả thực tiễn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 của tỉnh đã cập nhật lại mục tiêu phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2030.</p>
40	<p><b><i>4.5.5. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch</i></b></p> <p>Việc xác định các khâu đột phá cần phải đạt được mục tiêu khắc phục được những điểm nghẽn làm hạn chế khai thác các nguồn lực cho phát triển và phải lựa chọn để không chỉ khai thác tốt thế mạnh mà còn có tính lan toả, phát triển cao.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
41	<p><b>4.6. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh</b></p> <p><i>a) Ngành nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản</i></p> <p>Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cơ bản hoàn thành 04 Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực nông nghiệp (Lâm nghiệp; Phòng, chống thiên tai và thủy lợi; Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá). Đề nghị nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan đảm bảo phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị làm rõ hơn các nhiệm vụ, giải pháp đi kèm để đạt được mục tiêu sản xuất nông nghiệp, thủy sản quy mô hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao.</li> </ul>	<p>Đã nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan trong Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên.</p>
42	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị làm rõ những thay đổi từ quy hoạch vùng trồng, các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển các chuỗi liên kết, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, nâng cao khả năng kiểm soát để đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm của thị trường cao cấp để nâng cao giá trị sản phẩm.</li> </ul>	<p>Tiếp thu ý kiến và giải trình như sau: Trong quy hoạch tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chỉ nêu định hướng tổ chức phân bố không gian phát triển nông nghiệp. Theo đó, báo cáo dự thảo Quy hoạch tỉnh đã nêu rất cụ thể ở mục 1.2.2. <i>Sắp xếp, tổ chức không gian phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung</i> (thuộc mục III, Chương III, Phần II), đây là những “thay đổi từ quy hoạch vùng trồng”. Các mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh, phát triển các</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>chuỗi liên kết, tiếp cận thị trường trong và ngoài nước, nâng cao khả năng kiểm soát để đáp ứng các tiêu chuẩn sản phẩm của thị trường cao cấp để nâng cao giá trị sản phẩm được xem như các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu đã được thể hiện cụ thể ở mục 1.3. <i>Giải pháp phát triển</i> (thuộc mục III, Chương III, Phần II) để góp phần đạt mục tiêu định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản tỉnh An Giang theo quy mô hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển công nghiệp chế biến tinh lương thực - thực phẩm, gắn kết với hoạt động thương mại, du lịch.</p>
43	<p>- Đề nghị bổ sung phương hướng phát triển hạ tầng cho nông nghiệp (hạ tầng phòng chống thiên tai, thủy lợi, thủy sản...). Giải pháp phát triển cần hướng tới nhiệm vụ trọng tâm đặt ra là chuyển đổi mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào khoa học công nghệ. Đề nghị bổ sung giải pháp thiết lập các cụm ngành, trung tâm cung ứng nông sản...đồng thời, cần làm rõ về chức năng, nhiệm vụ, khả năng đáp ứng mục tiêu đặt ra khi triển khai thực hiện.</p>	<p>Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng đã bám sát theo điểm d, đ, e, g, h và i khoản 2, điều 27, Luật Quy hoạch.</p>
44	<p><i>b) Ngành công nghiệp</i></p>	<p>- Giải pháp về đổi mới công nghệ, chuyển đổi số trong các ngành công</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Đề nghị bổ sung thêm giải pháp để phát triển bền vững khu vực công nghiệp chế biến (chuyển đổi số; quy hoạch các cụm công nghiệp thành khu công nghiệp với các ngành công nghiệp có sử dụng công nghệ cao, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, an toàn với môi trường và nâng cao giá trị hàng hóa); bổ sung phương án mở rộng công nghiệp chế biến ra nhiều ngành sản phẩm từ nguyên liệu trong vùng để phục vụ xuất khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh sau khi có cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.</p>	<p>ngành chế biến, đặc biệt trong ngành chế biến thực phẩm đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2.3.5. <i>Giải pháp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ</i>, mục III, Chương II.</p> <p>- Trong thời kỳ 2021-2030, An Giang không phát triển các khu công nghệ cao.</p> <p>- Trong định hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030 của tỉnh không có cụm công nghiệp được quy hoạch thành khu công nghiệp.</p>
45	<p>- Đề nghị bổ sung đề xuất địa điểm phân bố, quy mô và định hướng thu hút các ngành trong mỗi khu công nghiệp, cụm công nghiệp để tạo khả năng gắn kết hình thành các chuỗi cung ứng.</p>	<p>- Đối với CCN: Đã bổ sung địa điểm phân bố, quy mô và định hướng thu hút ngành nghề đầu tư tại Bảng <i>Danh mục phát triển các cụm công nghiệp theo địa bàn cấp huyện thời kỳ 2021-2030</i>, thuộc mục V - 5.3. Phương án phát triển cụm công nghiệp, Chương III, Phần II.</p> <p>- Đối với KCN: Đã bổ sung địa điểm phân bố, quy mô tại Bảng <i>Định hướng phát triển các khu công nghiệp theo địa bàn cấp huyện, thuộc mục V - 5.2. Phương án phát triển khu công nghiệp</i>, Chương</p>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		III, Phần II. Về định hướng thu hút đầu tư vào KCN, Cơ quan lập quy hoạch đề xuất phát triển các ngành nghề theo hướng mở để thu hút các nhà đầu tư.
46	<p><i>c) Ngành dịch vụ và thương mại</i></p> <p>- Đề nghị làm rõ phương án phát triển hệ thống thương mại, danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư; đồng thời, rà soát các quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 để nghiên cứu, xem xét tích hợp trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)</p>	<p>Tiếp thu và đã bổ sung hệ thống hạ tầng thương mại tại Phụ lục 13: Quy hoạch phát triển mạng lưới hạ tầng thương mại tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030 (thuộc PHỤ LỤC VII. DANH MỤC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC trong quyền Phụ lục đính kèm Báo cáo Tổng hợp)</p>
47	<p><i>d) Ngành du lịch</i></p> <p>- Về mục tiêu phát triển, đề nghị bổ sung các mục tiêu, định hướng cụ thể về: số lượng khách du lịch quốc tế; cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ ngành du lịch; nguồn nhân lực trong ngành du lịch; thị trường khách du lịch (quốc tế và nội địa) của tỉnh để có những phương án phát triển phù hợp.</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa tại 4.1.2. <i>Mục tiêu phát triển</i>, mục III, Chương III, Phần II.</p> <p>Phát triển thị trường khách du lịch được thể hiện tại 4.2.3. <i>Phân bố không gian phát triển các khu du lịch</i>, mục III, Chương III, Phần II.</p>
48	<p>- Về phương án phát triển du lịch: Đề nghị bổ sung làm rõ loại hình chủ đạo, quy mô phát triển của ngành du lịch, phương án liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch giữa tỉnh An Giang với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và các nước Campuchia, Lào, Thái Lan.</p>	<p>Nội dung này đã được thể hiện tại 4.2.1. <i>Phương án liên kết hợp tác, phát triển du lịch giữa An Giang với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long</i>,</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<i>thành phố Hồ Chí Minh và quốc tế, mục III, Chương III.</i>
49	<p><i>đ) Lĩnh vực văn hoá, xã hội</i></p> <p>- Về giáo dục, đào tạo:</p> <p>+ Về quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, đề nghị bổ sung quan điểm: “Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục”.</p>	<p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa bổ sung tại <i>5.3.1. Quan điểm phát triển, mục III, Chương III, Phần II.</i></p>
50	<p>+ Đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).</p>	<p>Tiếp thu và đã bổ sung như góp ý tại mục tiêu mục <i>5.3.3 - g) Định hướng cho công tác phân luồng, hướng nghiệp, mục III, Chương III, Phần II.</i></p>
51	<p>+ Đề nghị bổ sung định hướng phát triển cụ thể đối với giáo dục thường xuyên, giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt, hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập phục vụ phát triển giáo dục hòa nhập; bổ sung làm rõ thêm định hướng phát triển giáo dục đại học của tỉnh để đạt được mục tiêu đề ra đó là “Phát triển An Giang thành trung tâm giáo dục và đào tạo lớn thứ 2 sau thành phố Cần Thơ</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại các mục: <i>c) Định hướng phát triển đối với giáo dục nghề nghiệp, d) Định hướng phát triển đối với giáo dục đại học, e) Định hướng phát triển đối với giáo dục thường xuyên, giáo</i></p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	của vùng đồng bằng sông Cửu Long”.	<i>đục hòa nhập, giáo dục dân tộc</i> , thuộc tiêu mục 5.3, mục III, Chương III, Phần II.
52	+ Đề nghị bổ sung các giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục <sup>5</sup> . Ngoài ra, các giải pháp phát triển giáo dục cần các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn vừa qua.	<p>1. Đã tiếp thu chỉnh sửa tại e) <i>Giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục</i>, tiêu mục 5.3, mục III, chương III.</p> <p>2. Các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi sẽ được cụ thể hóa khi xây dựng các đề án phát triển của ngành giáo dục và đào tạo.</p>
53	- Về văn hoá, thể thao, đề nghị cụ thể hóa nội dung bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa vào các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ 2021-2030	Đã tiếp thu và bổ sung tiêu chí vào “Bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa” vào <i>Bảng Các nhóm dự án ưu tiên</i> tại phần 2.2. Luận chứng nguyên tắc về sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện, mục XIV, Chương III.
54	<b>4.8. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng</b>	Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung các chỉ tiêu cụ thể về hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế đô thị tại tiêu mục 1.1.2. <i>Mục tiêu</i>

<sup>5</sup> Ví dụ: giải pháp đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo theo quy định, ưu tiên đầu tư cho những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn lực đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia,...

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>a) Về phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu các nội dung tại Nghị quyết số 06-NQ/TW để xác định những mục tiêu cụ thể về hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế đô thị vào Báo cáo (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).</p>	<p>cụ thể, mục V, Chương III, Phần II.</p>
55	<p>- Đề nghị xác định số lượng các đô thị, vai trò, quy mô và hình thái của mỗi đô thị sẽ được nghiên cứu; bổ sung định hướng phát triển không gian, kết cấu hạ tầng theo lãnh thổ, đồng thời định hướng có trọng tâm, trọng điểm đối với 03 nhóm đô thị - trung tâm để làm cơ sở khi lập quy hoạch đô thị.</p>	<p>Tư vấn tiếp thu ý kiến và đã bổ sung tại tiểu mục 1.2.3. Định hướng phát triển các đô thị, mục V, Chương III, Phần II.</p>
56	<p>- Phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị tại Báo cáo chưa phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, cụ thể như: đô thị Tịnh Biên (không được đánh giá phân loại), thị trấn Óc Eo, thị trấn An Phú (chuyên giai đoạn đánh giá phân loại), số lượng đô thị loại V hình thành mới giai đoạn 2021-2025 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này); Đề nghị bổ sung các luận cứ, làm rõ về thay đổi nêu trên, đồng thời có đánh giá khả năng thực hiện định hướng phát triển đô thị của tỉnh trong giai đoạn tới đúng quy định pháp luật và phù hợp với thực tế phát triển.</p>	<p>Trong báo cáo tổng hợp đã nêu rõ:</p> <p>- Đến năm 2030, có 02 đô thị loại III gồm TX. Tân Châu, TX. Tịnh Biên,... Như vậy đã xác định TX. Tịnh Biên là đô thị loại III (chứ không phải là chưa đánh giá phân loại theo văn bản góp ý).</p> <p>Định hướng hệ thống đô thị của tỉnh có một số đô thị phù hợp với từng giai đoạn theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 đã phê duyệt, đồng thời có một số đô thị điều chỉnh thời gian phân loại đô thị, hình thành đô thị (như đô thị Tịnh Biên, Óc Eo, An Phú, Hòa Lạc) nhằm phù hợp với các Chương</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>trình phát triển đô thị và mang tính khả thi. Cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo Kế hoạch phát triển đô thị của huyện Tịnh Biên: dự kiến năm 2023 thành lập thị xã Tịnh Biên (đô thị loại IV), phân đấu giai đoạn 2026 - 2030 đạt tiêu chí đô thị loại III, phù hợp với thực tế phát triển của huyện.</li> <li>- Theo Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Óc Eo đến năm 2035 đã được phê duyệt: phạm vi bao gồm thị trấn Óc Eo và xã Vọng Đông, Vọng Thê; hướng tới chất lượng hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại IV giai đoạn đến năm 2035.</li> <li>- Theo kế hoạch lập Đề án phát triển đô thị: đến năm 2025, Thị trấn An Phú mở rộng (bao gồm TT. An Phú, một phần xã Vĩnh Hội Đông, một phần xã Phú Hội, một phần xã Phước Hưng) đạt tiêu chí đô thị loại IV.</li> <li>- Theo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ QHC đô thị Hòa Lạc đến năm 2035: đến năm 2025 là đô thị loại V.</li> </ul>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
57	<p>- Về định hướng phát triển các đô thị dự kiến phân loại đô thị giai đoạn 2021-2030: Hiện nay, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều (Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung có liên quan, rà soát và đánh giá tổng thể hiện trạng phát triển, xác định các chỉ tiêu chính phát triển đô thị, các tiêu chuẩn, tiêu chí cần đạt được để thực hiện nâng loại đô thị theo đúng quy định pháp luật.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý. Trong quá trình lập QH tỉnh, tư vấn đã nghiên cứu, tham khảo các nội dung dự thảo điều chỉnh Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 (hiện nay đã ban hành Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15) trong đó có sửa đổi bổ sung nội dung áp dụng phân loại đô thị theo vùng miền và đặc thù (trong đó có đô thị thuộc vùng ĐBSCL, đô thị vùng biên giới,...), các tiêu chuẩn, tiêu chí cần đạt được, thuận lợi cho công tác phát triển đô thị và nâng loại đô thị.</p>
58	<p>- Về quy hoạch hệ thống nông thôn, đề nghị bổ sung hoàn thiện phương án phát triển nông thôn với 3 khía cạnh: (i) Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; (ii) Định hướng phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn; (iii) Giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung tại tiểu mục 2. <i>Phương án phát triển nông thôn</i>, mục V, Chương III, Phần II.</p> <p>Riêng đối với nội dung “Giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển nông thôn mới”, tư vấn đề xuất chuyển vào Mục XV. XÂY DỰNG GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH TỈNH (thuộc Chương III, Phần II) cho phù hợp.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
59	<p>- Phương án tổ chức không gian:</p> <p>+ Đối với các vùng phát triển đô thị được đề xuất, đề nghị bổ sung làm rõ phạm vi, nguyên tắc quản lý phát triển đô thị đối với từng vùng phát triển, làm cơ sở triển khai thực hiện các quy hoạch chung đô thị và tổ chức quản lý sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Bổ sung cơ sở, luận chứng để quy hoạch tốc độ phát triển và chuyển đổi nâng loại các đô thị.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa, bổ sung không gian phát triển hệ thống đô thị của tỉnh tại tiểu mục 1.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục V, Chương III, Phần II.</p>
60	<p>+ Đề nghị rà soát để đảm bảo thống nhất giữa quy mô dân số toàn tỉnh và quy mô dân số đô thị, tỷ lệ đô thị hóa được đề xuất tại nội dung định hướng phát triển đô thị với dự báo phát triển dân số, lao động toàn; hệ thống đô thị theo các giai đoạn với nội dung định hướng phát triển hệ thống đô thị đến năm 2025, năm 2030; nội dung đề xuất về đất đô thị.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa, bổ sung quy mô dân số toàn tỉnh, dân số đô thị phù hợp với định hướng hệ thống đô thị, dự báo đất đô thị.</p>
61	<p>+ Đề nghị bổ sung đề xuất về phạm vi ranh giới của các đô thị mới, đô thị được mở rộng để thành lập đơn vị hành chính mới và quy mô dân số các đô thị theo từng giai đoạn đến năm 2025, năm 2030, làm cơ sở lập quy hoạch chung đô thị trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa, bổ sung tại tiểu mục 1.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục V, Chương III, Phần II.</p>
62	<p>- Về phương án phát triển nhà ở, đề nghị chỉnh lý để đảm bảo sự phù hợp giữa nhu cầu diện tích đất xây dựng các loại nhà ở tại Chương trình phát triển nhà ở với diện tích đất ở bố trí trong quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa, bổ sung tại tiểu mục 1.3. Định hướng phát triển không gian theo vùng và các hành lang, mục V, Chương III, Phần II.</p>
63	<p>- Về phương án xây dựng mạng lưới nông thôn cần phải xác định rõ các khu</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã chỉnh sửa, bổ sung</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	vực nông thôn chịu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa cao (vùng tập trung phát triển công nghiệp) để định hướng phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của tỉnh.	tại tiểu mục 1.3. Định hướng phát triển không gian theo vùng và các hành lang, mục V, Chương III, Phần II.
64	<p><i>b) Về phương án phát triển các khu chức năng</i></p> <p>- Đề nghị làm rõ hơn sự phù hợp giữa phương án phát triển KCN, CCN thời kỳ 2021-2030 với phương án phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh; làm rõ hơn cơ sở điều chỉnh, bổ sung KCN, CCN so với giai đoạn trước để đảm bảo tính khả thi.</p> <p>- Đề nghị bổ sung tổng số CCN và tổng diện tích các CCN theo từng giai đoạn; nêu rõ các CCN điều chỉnh (tăng, giảm diện tích, thay đổi tên...), các bổ sung mới, ngành nghề thu hút đầu tư (phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030); nêu rõ cơ sở rút khỏi quy hoạch và phương án chuyển đổi; nêu rõ cơ sở bổ sung và hiện trạng đất đai các CCN bổ sung vào quy hoạch.</p>	<p>Tiếp thu, đã bổ sung, chỉnh sửa nêu rõ, số lượng, tổng diện tích (giữ nguyên, mở rộng, quy hoạch mới) của các CCN trong thời kỳ 2021-2030, đã bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư tại tiểu mục 5.3. Phương án phát triển cụm công nghiệp, mục V, Chương III.</p> <p>Về bổ sung số lượng và diện tích các CCN theo từng giai đoạn 5 năm: An Giang cũng như các tỉnh khác trong vùng ĐBSCL việc mời gọi thu hút đầu tư phát triển vào các CCN là rất khó khăn, trong bối cảnh phát triển hiện nay của Vùng cũng như của tỉnh có nhiều yếu tố mang tính bất định, do đó việc phát triển các CCN (diện tích, số lượng) vẫn xác định trong cả thời kỳ 2021-2030, nhằm đảm bảo quy hoạch phát triển các CCN mang tính quy hoạch mở, uyển chuyển linh hoạt theo nhu cầu và sự lựa chọn của các nhà</p>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>đầu tư.</p> <p>Trong dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ đã chỉnh sửa lại Phụ lục XI: Danh mục dự án hạ tầng quan trọng Cụm công nghiệp tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030 như góp ý.</p>
65	<p>- Đề nghị bổ sung các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng và thống nhất trong giải pháp chung thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.</p>	<p>Các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công đã được đề cập tại tiểu mục 2.3. <i>Giải pháp phát triển</i> (mục III, Chương III). Tuy nhiên, nội dung BCTH chỉ nêu những vấn đề lớn mang tính tổng thể, phù hợp với bố cục của 1 bản quy hoạch tỉnh.</p>
66	<p>- Về phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn: Đề nghị làm rõ hơn về đầu tư hạ tầng giao thông liên kết những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các trung tâm đô thị của tỉnh (khu vực động lực) từ đó làm cơ sở đề xuất xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung tại tiểu mục 5.7. <i>Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn</i>, mục V, Chương III.</p>
67	<p><b>4.9. Phương án phát triển mạng lưới giao thông</b></p> <p>Đề nghị không đưa nội dung phương án phát triển và kết nối đường sắt vào Báo cáo.</p>	<p>Đã điều chuyển nội dung phương án phát triển và kết nối đường sắt vào tiểu mục 1.7.2. <i>Kết nối giao thông đường sắt</i>, mục VI, Chương III, phần II.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
68	<p>Đối với từng phương thức giao thông đề nghị chỉnh lý như sau:</p> <p><i>a) Về đường bộ</i></p> <p>- Đề nghị bổ sung quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe theo hướng dẫn về nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại tiểu mục c) - 1.3.6. Bãi đậu xe công cộng, mục VI, Chương III.</p>
69	<p><i>b) Về hàng hải</i></p> <p>- Phương án phát triển cảng biển chưa phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: (i) Khu bến Bình Long, tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 chưa đề cập đến nội dung bến chuyên dùng phục vụ các cơ sở công nghiệp; (ii) Đối với Khu bến Hòa An, chưa có trong nội dung của Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại tiểu mục 1.6. Cảng biển, mục VI, Chương III.</p>
70	<p>Đối với cảng cạn Bình Long, theo nội dung dự thảo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì cảng cạn Bình Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được nghiên cứu trong nội dung dự thảo quy hoạch nêu trên; do vậy, đề nghị căn cứ quy định pháp luật, quy hoạch cảng cạn hiện hành; đề nghị phối hợp với Bộ Giao thông vận tải bổ sung phân tích về đề xuất nêu trên và nghiên cứu tích hợp trong nội dung quy hoạch tỉnh An Giang, đảm bảo đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành giao thông vận tải.</p>	<p>1. Cảng cạn Bình Long được triển khai xây dựng cảng cạn theo Quyết định số 2605/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch giao thông đường bộ và đường thủy tỉnh An Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.</p> <p>2. Đề nghị Bộ Giao thông Vận tải cập</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>nhập Cảng cạn Bình Long vào nội dung dự thảo Báo cáo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, trong bản dự thảo báo cáo cuối kỳ của Báo cáo quy hoạch, tại <i>Phụ lục 05: Thống kê hiện trạng và quy hoạch cảng cạn khu vực miền Nam</i> có xác định cảng cạn Bình Long, tỉnh An Giang, tuy nhiên trong nội dung báo cáo chưa thể hiện.</p>
71	<p><i>c) Về đường thủy nội địa</i></p> <p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 4 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa tại Luật số 35/2018/QH14; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập nội dung phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; việc xây dựng cảng, bến thủy nội địa phải phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch khác có liên quan theo quy định pháp luật về quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã rà soát sự phù hợp của việc xây dựng cảng, bến thủy nội địa giữa Báo cáo tổng hợp với quy hoạch khác có liên quan theo quy định pháp luật về quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.</p>
72	<p><b>4.10. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện</b></p> <p>- Đề nghị làm rõ sự cần thiết quy hoạch mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV, phương hướng phát triển đường dây 110 kV liên kết giữa các trạm 110 kV và liên kết với tỉnh khác, các xuất tuyến 110 kV sau trạm 220 kV để</p>	<p>- Bảng nhu cầu điện, công suất theo từng thành phần phụ tải có thể hiện ở <i>Bảng 68: Tổng hợp kết quả tính toán nhu cầu điện toàn tỉnh giai đoạn 2021-2030</i></p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>cấp điện cho tỉnh; bổ sung sơ đồ, bản đồ lưới điện trên địa bàn tỉnh các giai đoạn quy hoạch.</p> <p>- Đề nghị rà soát danh mục công trình nguồn điện, hạ tầng truyền tải, phân phối điện trong Quy hoạch tỉnh An Giang phù hợp với các quy hoạch phát triển điện lực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2389/QĐ-BCT ngày 4/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>(mục VI, Chương III, phần II).</p> <p>- Cân đối nguồn tải từng phân vùng phụ tải: có thể hiện ở các <i>Bảng 68 - 71</i> (mục VI, Chương III, phần II), từ cân đối thừa thiếu của từng vùng, từ đó đã đưa ra các trạm biến áp cần nâng công suất và xuất hiện mới cho từng vùng.</p> <p>- Phát triển đường dây 110kV liên kết giữa các trạm 110kV và liên kết với tỉnh khác có nêu ở tiêu mục 2.4.2. Liên kết lưới điện 110kV, mục VI, Chương III, phần II.</p> <p>- Đã thực hiện sơ đồ, bản đồ tỉnh theo các giai đoạn quy hoạch.</p> <p>- Các công trình điện đã đưa vào danh mục đầu tư theo phân kỳ và thứ tự ưu tiên ở phần Phụ lục đính kèm.</p>
73	<p><b>4.11. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông</b></p> <p>- Về ứng dụng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung phương án phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh; đảm bảo an toàn thông tin cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và an ninh, quốc phòng.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại tiêu mục 3.2.3 - b) <i>Ứng dụng CNTT đảm bảo an toàn thông tin cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và an ninh, quốc phòng</i> và tiêu mục c) <i>Phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh</i>, mục VI, Chương</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		III, phần II.
74	<p>- Đề nghị nghiên cứu, rà soát phương án phát triển công nghệ thông tin theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã rà soát, cập nhật phương án phát triển công nghệ thông tin trong Báo cáo tổng hợp theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.</p>
75	<p>- Về phương án phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở, đề nghị phân định rõ mục tiêu phát triển và phương án phát triển; bổ sung phương án phát triển lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, xuất bản, in phát hành.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại tiểu mục 3.2.5. <i>Mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở</i>, mục VI, Chương III.</p>
76	<p><b>4.12. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước</b></p> <p>- Đề nghị rà soát các chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt, công nghiệp phù hợp cấp đô thị dự kiến theo QCVN 01:2021/BXD - quy chuẩn quốc gia Quy hoạch xây dựng;</p>	<p>Hiện nay An Giang đã lập Quy hoạch và Kế hoạch cấp nước đô thị, nông thôn và phê duyệt theo Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 18/12/2017. Và</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 Về cấp nước đô thị và nông thôn tỉnh An Giang. Do vậy tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt tuân thủ theo 2 Quyết định nêu trên.
77	- Đề nghị rà soát phương án cấp nước toàn tỉnh theo Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đồ án đã cập nhật theo Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại tiểu mục 5.1. Xây dựng phương án phát triển kết cấu hạ tầng cấp nước, mục VI, Chương III, Phần II.
78	- Đề nghị làm rõ phương án phát triển hạ tầng cấp, thoát nước và Định hướng phát triển và phân bố không gian hạ tầng cấp, thoát nước; bổ sung các nguồn cấp nước, phân vùng cấp nước và định hướng cấp nước cho đô thị, nông thôn, các khu chức năng.	Đối với góp ý đề nghị “làm rõ phương án phát triển hạ tầng cấp, thoát nước và Định hướng phát triển và phân bố không gian hạ tầng cấp, thoát nước”, Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau: Đối với phương án quy hoạch tính hệ thống kết nối hạ tầng cấp, thoát nước toàn vùng mà không phân biệt ranh giới hành chính, đô thị, nông thôn. Đối với góp ý “bổ sung các nguồn cấp

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		nước, phân vùng cấp nước và định hướng cấp nước cho đô thị, nông thôn, các khu chức năng”, Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã bổ sung thuyết minh tại tiểu mục 5.1. Xây dựng phương án phát triển kết cấu hạ tầng cấp nước, mục VI, Chương III, Phần II.
79	- Đề nghị bổ sung phương án thoát nước mặt, phương án thoát nước thải sinh hoạt và xử lý nước thải công nghiệp, nước thải y tế.	Tiếp thu và đã bổ sung tại tiểu mục 5.2. Phương án thoát nước và xử lý nước thải, mục VI, Chương III, Phần II.
80	- Phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn tập trung, đề nghị làm rõ hơn phương án, giải pháp tạo nguồn, cấp nước cho các vùng dân cư nông thôn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, đảm bảo các mục tiêu về nông thôn mới và nước sạch, vệ sinh môi trường.	Tiếp thu và đã bổ sung tại tiểu mục 5. Phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị, khu vực dân cư nông thôn tập trung, mục VI, Chương III, Phần II.
81	<b>4.13. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải và nước thải</b> - Về hạ tầng xử lý nước thải, đề nghị bổ sung đề xuất yêu cầu chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn tiếp nhận nước thải; Bổ sung nội dung định hướng đầu tư các nhà máy xử lý CTR có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường tại phương án phát triển các khu xử lý chất thải tập trung.	Tiếp thu và đã bổ sung tại tiểu mục 5.2. Phương án thoát nước và xử lý nước thải, mục VI, Chương III, Phần II.
82	Đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, đề nghị: (i) xác định hệ	Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>thống dự trữ xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh và định hướng phát triển hệ thống cung ứng xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh đảm bảo an ninh năng lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân, đồng thời bố trí quỹ đất phù hợp; (ii) cập nhật thực trạng hệ thống kho dự trữ xăng dầu cấp tỉnh quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>; (iii) hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh định hướng phát triển trong kỳ quy hoạch; (iv) không đưa vào danh mục quy hoạch tại phụ lục 13 kho xăng dầu, LPG, LNG tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).</p>	<p>kiến đóng góp và rà soát, chỉnh sửa các nội dung sau:</p> <p>Tiếp thu ý kiến đóng góp và rà soát, chỉnh sửa các nội dung tại mục 3.2. <i>Phương hướng phát triển ngành thương mại - dịch vụ và sắp xếp tổ chức không gian phát triển</i>, mục III, chương III, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã cập nhật thực trạng hệ thống kho dự trữ xăng dầu cấp tỉnh quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>.</li> <li>- Đã cập nhật định hướng phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030</li> <li>- Đồng thời đã bỏ kho xăng dầu, gas, LNG Hòa An tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới ra khỏi danh mục dự án quy hoạch đính kèm Dự thảo quyết định, tại phụ lục XV (QUY HOẠCH KẾT CẤU HẠ TẦNG DỰ TRỮ, CUNG ỨNG XĂNG DẦU KHÍ ĐỐT, KHÍ DẦU MỎ HOÁ LỎNG TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030)</li> </ul>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
83	<p>- Đề nghị phương án quy hoạch hạ tầng viễn thông đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện bảo đảm hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội.</p>	<p>Tiếp thu và đã rà soát sự đồng bộ giữa các phương án quy hoạch hạ tầng viễn thông, hạ tầng giao thông và hạ tầng điện nhằm bảo đảm hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội.</p>
84	<p>- Về phương án phát triển các cơ sở thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội + Đề nghị bổ sung phương án phát triển Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh An Giang (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ).</p>	<p>Đã bổ sung chỉnh sửa tại tiểu mục 4.2. <i>Hạ tầng phục vụ lao động việc làm</i>, mục VII, Chương III, phần II.</p>
85	<p><i>b) Phương án phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&amp;CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố chỉ đưa vào quy hoạch mạng lưới những tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là đơn vị sự nghiệp KH&amp;CN; không đưa vào quy hoạch các tổ chức là đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ban, ngành khác để tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện. Do vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát và chỉnh sửa lại nội dung này.</p>	<p>Đã rà soát lại nội dung như góp ý và nội dung được thể hiện tại tiểu mục 2.1. <i>Phương án quy hoạch cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&amp;CN công lập</i>, mục VII, Chương III, phần II.</p>
86	<p><b>4.17. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, liên huyện</b> Đề nghị xây dựng phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục 1. <i>Phương án xây dựng vùng liên huyện</i> và</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>huyện đảm bảo đồng bộ với phương án tổ chức không gian hệ thống đô thị trên cơ sở thống nhất giữa quy mô dân số toàn tỉnh, quy mô dân số đô thị và tỷ lệ đô thị hoá.</p> <p>Đề nghị phân tích rõ hơn khả năng liên kết của các vùng liên huyện với hệ thống đô thị và nông thôn, các hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh và định hướng cho các vùng huyện, mối quan hệ giữa các vùng liên huyện trong từng tiểu vùng để có các định hướng phát triển chung cho các tiểu vùng, qua đó xác định một số khu vực chức năng cho tiểu vùng.</p>	<p>mục 2. <i>Phương án xây dựng vùng huyện</i> (Mục IX, Chương III)</p> <p>Các vùng liên huyện liên kết chặt chẽ với nhau thông qua hệ thống hạ tầng khung, hệ thống đô thị, nông thôn, liên kết phát triển du lịch, công nghiệp,... Vùng trung tâm là động lực chính để thúc đẩy phát triển các vùng khác phát triển, là thị trường tiêu thụ các sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm trong nông nghiệp của vùng phía Đông và phía Tây, các khu vực khác ngoài tỉnh.</p>
87	<p><b>4.20. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện</b></p> <p>- Đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung tiêu chí ưu tiên vào tiêu chí 3 tại <i>Bảng Các tiêu chí để đánh giá đề xuất dự án, lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ đầu tư</i> thuộc tiêu mục 1.2. <i>Nhóm các tiêu chí để đánh giá đề xuất dự án, lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ đầu tư</i> (mục XIV, Chương III, phần II).</p>
88	<p><b>4.20. Giải pháp tổ chức thực hiện</b></p> <p>- Đề nghị làm rõ các giải pháp để quản lý, phát triển hệ thống đô thị, nông</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung tại tiểu mục 1.2.1. <i>Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước</i>, mục XV, Chương III, phần II.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>thôn, khu chức năng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt; Bổ sung các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp; giải pháp để khắc phục hạn chế không đạt chỉ tiêu quy hoạch đất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo của giai đoạn 2011-2020; Rà soát việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế xã hội của địa phương.</p>	
89	<p>- Về giải pháp khoa học - công nghệ: bổ sung giải pháp về tài chính để bảo đảm mức chi 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; bổ sung giải pháp về xây dựng và vận hành hệ cơ sở dữ liệu về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung giải pháp về tài chính để bảo đảm mức chi 2% tổng chi NSNN hàng năm cho KH&amp;CN, ĐMST tại ý số (3) <i>Lĩnh vực tài chính</i>, tiêu mục 3.2. <i>Giải pháp khoa học - công nghệ</i>, mục XV, Chương III, Phần II.</p>
90	<p><b>4.21. Về cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ</b>  <b>4.21.1. Về cơ sở dữ liệu</b></p> <p>Đề nghị cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh. Đồng thời, cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã bổ sung CSDL nền địa lý quốc gia.</p>
91	<p>- Đề nghị rà soát sự thống nhất về nội dung thông tin với Báo cáo tổng hợp,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã rà soát, đảm bảo tính thống nhất về nội dung thông tin với</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	Hệ thống sơ đồ bản đồ, dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.	Báo cáo tổng hợp, Hệ thống sơ đồ bản đồ, dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.
92	<p>- Đề nghị kiểm tra, rà soát thêm nội dung thông tin cơ sở dữ liệu so với hiện trạng thực tế, so với các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng đã được phê duyệt, kiểm tra tiếp biên với quy hoạch tỉnh tiếp giáp, kiểm tra kỹ các xung đột giữa các lớp cơ sở dữ liệu.</p>	<p>Đã rà soát, kiểm tra các xung đột và cập nhật, chỉnh sửa. Tuy nhiên, một số xung đột được chấp nhận, cụ thể như sau:</p> <p><i>1. Xung đột giữa Lớp khoáng sản và Quy hoạch 3 loại rừng</i></p> <p>@Khoanh định vào rừng phòng hộ CXD59 (Cát xây dựng) lấy 33.356 m<sup>2</sup> Rừng phòng hộ CXD68 (Cát xây dựng) lấy 773 m<sup>2</sup> Rừng phòng hộ Fs (felspat – làm gốm sứ) lấy 53.515 m<sup>2</sup></p> <p>Giải trình: Các mỏ khoáng sản này trùng với vị trí quy hoạch rừng phòng hộ thì vẫn có thể đưa vào quy hoạch được do:</p> <p>Theo dự báo thì tài nguyên khoáng sản cát xây dựng trên địa bàn tỉnh đang thiếu (16.520.745m<sup>2</sup> đến năm 2050)</p> <p>Đồng thời căn cứ theo: Luật Lâm</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>           nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 hướng dẫn Luật Lâm nghiệp; Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, khi chủ dự án muốn khai thác khoáng sản trên diện tích đất có rừng phòng hộ thì phải thực hiện các thủ tục chuyển mục đất sử dụng đất từ rừng phòng hộ sang mục đích khác (ở đây là đất cho khai thác khoáng sản) theo khoản a, Mục 1, Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT. Việc thực hiện chuyển đổi này phải thực hiện theo quy định của pháp luật.         </p> <p> <i>2. Hiện trạng sử dụng đất không có dữ liệu về khu công nghiệp là do các khu công nghiệp hiện trạng đã có Quyết định phê duyệt của Thủ tướng, nhưng trên thực tế vẫn chưa triển khai. Vì vậy, không gian trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất chưa thể hiện.</i> </p> <p> <i>3. Hiện trạng sử dụng đất không có</i> </p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p><i>dữ liệu cụm công nghiệp</i> là do tại thời điểm điều tra chưa triển khai.</p> <p>4. Các lớp dữ liệu đã được cập nhật bổ sung theo Báo cáo tổng hợp QH tỉnh An Giang, tuy nhiên có những lớp thông tin trên địa bàn tỉnh An Giang không có, ví dụ: đường sắt, phóng xạ, tài nguyên môi trường hải đảo,...</p>
93	<p>- Đề nghị phối hợp Sở ban ngành rà soát lại các hạng mục liên quan đến lĩnh vực quản lý, để giải quyết các xung đột về cơ sở dữ liệu.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã phối hợp rà soát, kiểm tra và giải quyết các xung đột.</p>
94	<p>Những nội dung cụ thể cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý.</p>
95	<p><b>4.21.2. Về hệ thống bản đồ</b></p> <p>- Đề nghị cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch theo quy định của pháp luật về đo đạc bản đồ; sắp xếp lại phần hệ thống các bản đồ về nội dung và hình thức phù hợp với nội dung Báo cáo quy hoạch theo đúng quy định tại phần IX Phụ lục kèm theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP và bản đồ phân vùng môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; chỉnh lý cách thể hiện trên bản đồ (cụ thể tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này). Ngoài ra, đề nghị cập nhật bản đồ địa hình có tính mới hơn.</p>	<p>Tiếp thu, đã cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống bản đồ theo ý kiến góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
96	<p>- Đề nghị sử dụng các cụm từ: Cảng biển, bến cảng biển, cảng cạn và không sử dụng cụm từ “Cảng biển nước sâu, cảng cạn ICD” trong thuyết minh, bản đồ quy hoạch cho phù hợp với Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính Phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn và Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã sử dụng các cụm từ “Cảng biển, bến cảng biển, cảng cạn” thay thế các cụm từ “Cảng biển nước sâu, cảng cạn ICD”.</p>
97	<p>- Hệ thống bản đồ phương án phát triển của các ngành cần có sự kết nối với nhau trong bố trí không gian, tác động với nhau theo không gian.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trên hệ thống bản đồ.</p>
98	<p>- Bản đồ hiện trạng phát triển thông tin và truyền thông: đề nghị bổ sung mạng truyền dẫn quốc tế, liên tỉnh, nội tỉnh, hạ tầng phát thanh, truyền hình tỉnh, huyện, vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trên hệ thống bản đồ.</p>
99	<p>- Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động: đề nghị thể hiện rõ quy hoạch ngầm hóa mạng cáp, quy hoạch vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa trên hệ thống bản đồ.</p>
100	<p>- Hiện nay, Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, đề nghị tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 9 để cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc Phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022.</p>	<p>UBND tỉnh An Giang - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 9 và kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo quy định.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
101	<p>Những nội dung cụ thể cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý.</p>
102	<p><b>4.22. Đánh giá về Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch</b></p> <p>- Cấu trúc của Báo cáo ĐMC về cơ bản tuân thủ theo quy định tại mẫu 01b Phụ lục II Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). Báo cáo đã đưa ra được sự cần thiết của nhiệm vụ xây dựng Quy hoạch, các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ. Báo cáo đã trình bày phạm vi không gian và thời gian thực hiện Báo cáo ĐMC của Quy hoạch, phân tích mối liên hệ qua lại về phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường của tỉnh An Giang.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý.</p>
103	<p>- Những quy hoạch có tích hợp một số nội dung/định hướng của các quy hoạch ngành quốc gia, đề nghị nghiên cứu, tham khảo, bổ sung các vấn đề về môi trường đã được xác định, đánh giá trong các quy hoạch ngành quốc gia trong nội dung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh An Giang.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý.</p>
104	<p>- An Giang xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, do đó trong cách tiếp cận đánh giá ĐMC đề nghị nhận diện nguyên nhân tác động từ những hoạt động du lịch tác động tiêu cực đến môi trường trên cơ sở dự báo số lượng khách du lịch trong giai đoạn 2021-2030 để đề xuất phương án giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, đặc biệt là tác động từ dòng khách du lịch hành hương.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý.</p>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
105	<p>Những nội dung cụ thể cần bổ sung làm rõ, chỉnh sửa, hoàn thiện đối với báo cáo ĐMC của Quy hoạch được nêu tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.</p>	<p>Tiếp thu và đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý.</p>
106	<p><b>4.23. Về Dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ</b></p> <p>- Đề nghị cập nhật các nội dung của Báo cáo Quy hoạch và Báo ĐMC đã được Hội đồng thẩm định cho ý kiến.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến góp ý, đã cập nhật các nội dung chỉnh sửa của Báo cáo Quy hoạch và Báo ĐMC vào Dự thảo Quyết định phê duyệt.</p>
107	<p>- Đề nghị đánh giá cụ thể, đầy đủ hơn về các định hướng phát triển du lịch tại mục 4.2.3 đối với khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 nêu tại trang 361 của dự thảo báo cáo tổng hợp và các danh mục ưu tiên đầu tư tại phụ lục số 14 của dự thảo Quyết định.</p>	<p>Các định hướng phát triển du lịch tại tiểu mục 4.2.3. <i>Phân bố không gian phát triển các khu du lịch</i> (mục III, Chương III, phần II) đối với khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 đã được đánh giá đầy đủ và phù hợp với thực trạng phát triển du lịch của tỉnh.</p>
108	<p>- Đề nghị tiếp thu và hoàn thiện theo các góp ý tại Mục 4.2.1: (1) Rà soát, biên tập nội dung phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a tiểu mục 1.2 Chương III dự thảo Quyết định để đảm bảo khái quát, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh; (2) Rà soát, hoàn thiện nội dung phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a mục 7 Chương III dự thảo Quyết định, theo đó bổ sung phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030 để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu và hoàn thiện trong dự thảo quyết định</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
109	<p>- Dự thảo Quyết định phê duyệt nêu tương đối tóm tắt, chỉ mang tính định hướng, chưa đảm bảo yêu cầu là phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật Quy hoạch. Vì vậy, để có đủ căn cứ và đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị rà soát, biên tập và nêu đầy đủ các phương án quy hoạch đã được nêu trong báo cáo (chỉ không thể hiện phần hiện trạng, dự báo trong Quyết định phê duyệt, các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án quy hoạch được xây dựng trong báo cáo tổng hợp cần biên tập phù hợp trong dự thảo quyết định và phụ lục kèm theo quyết định).</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý của quý Bộ.</p>
110	<p>- Để có cơ sở triển khai quy hoạch, đề nghị thể hiện trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch Danh mục các khu, cụm công nghiệp dự kiến phát triển (gồm: tên, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, phân kỳ đầu tư...).</p>	<p>Đã tiếp thu và hoàn thiện trong dự thảo quyết định</p>
111	<p>- Hiện nay trong dự thảo Quyết định phê duyệt mới chỉ nêu số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, không nêu rõ về hạng, quy mô, tính chất hạ tầng thương mại, chưa có trung tâm logistics quy mô phù hợp, đề nghị rà soát, cập nhật theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 Chính phủ.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại phụ lục XIV (QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030) đính kèm Quyết định phê duyệt QH tỉnh.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
112	<p>- Đề nghị chỉnh sửa một số nội dung<sup>6</sup>: (i) “Hình thành 02 tuyến vận tải thủy liên tỉnh trên địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; tuyến vận tải thủy kết nối với Campuchia (tuyến sông Mê Kông). Quy hoạch các tuyến sông, kênh, rạch đường thủy nội địa, gồm: sông Hậu (4a); sông Bình Di; sông Châu Đốc; kênh Vĩnh Tế, rạch cái Vũng, rạch Cù Lao Giêng” thành “Chú trọng, tăng cường năng lực 02 tuyến vận tải thủy nội địa liên tỉnh trên địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; tuyến vận tải thủy kết nối với Campuchia (sông Tiền). Nâng cấp, bảo trì, khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy nội địa: sông Hậu (4a); sông Bình Di; sông Châu Đốc; kênh Vĩnh Tế, rạch cái Vũng, rạch Cù Lao Giêng”; (ii) “Phát triển 04 cảng, bến hàng hóa, gồm: cảng Bình Long, cảng Tân Châu, cảng Phú Tân và cảng bốc xếp hàng hóa An Giang” thành “Nâng cấp và đầu tư, xây dựng mới 04 cảng, bến hàng hóa, gồm: cảng Bình Long, cảng Tân Châu, cảng Phú Tân và cảng bốc xếp hàng hóa An Giang”; (iii) “Phát triển 06 cảng, bến hành khách, gồm: Cảng hành khách Long Xuyên, cảng hành khách Châu Đốc, bến tàu khách Núi Sập, bến tàu Phú Tân, bến tàu Mỹ Hòa Hưng và bến tàu Mỹ Hiệp” thành “Nâng cấp và đầu tư, xây dựng mới 06 cảng, bến hành khách, gồm: Cảng hành khách Long Xuyên, cảng hành khách Châu Đốc, bến tàu khách Núi Sập, bến tàu Phú Tân, bến tàu Mỹ Hòa Hưng và bến tàu Mỹ Hiệp”.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục <i>b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh</i> trong Dự thảo quyết định.</p>

<sup>6</sup> Trang 13, dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

**PHỤ LỤC 2**  
**GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**  
**TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG**  
**THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**PHỤ LỤC 2.1.**

**GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b> <b>(Văn bản số 5174/BTTTT-VCL ngày 19 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch theo quy định tại các Điều 12, 14 và 15 của Quy trình và nội dung thẩm định ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.</p> <p>a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt</p> <p>Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch: “Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”: phù hợp với tên quy hoạch trong nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.</p> <p>b) Nội dung quy hoạch theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ</p> <p>Báo cáo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>Đề nghị bổ sung những căn cứ lập quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại phụ lục I đính kèm báo cáo thuyết minh tổng hợp.

<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b> <b>(Văn bản số 5174/BTTTT-VCL ngày 19 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>- Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.</p> <p>- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 về việc phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.</p>	
3	<p>Trang 212, mục 301. Hệ thống mạng bưu chính, đề nghị bổ sung tỷ lệ điểm phục vụ có kết nối băng rộng, tỷ lệ điểm phục vụ cung cấp dịch vụ thương mại điện tử và logistics, số dân được phục vụ, tỷ lệ điểm bưu chính có người phục vụ; tỷ lệ đơn vị hành chính chưa có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; mạng đường thư cấp 2, 3, mạng vận chuyển công cộng; hiện trạng chuyên đổi số, ứng dụng địa chỉ số và tham gia sàn thương mại điện tử của các doanh nghiệp bưu chính.</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung nội dung tại mục 3.1. Hệ thống mạng bưu chính của mục IV. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, Chương II.</p>
4	<p>Trang 215, mục 3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung nội dung tại mục 3.3.7. Hiện trạng triển khai kinh tế số, xã hội số của mục IV. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, Chương II.</p>
5	<p>Trang 219, mục 3.5. Mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở, đề nghị bổ sung hiện trạng thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung hiện trạng thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh tại mục 3.5.6. Hiện trạng thông tin điện tử của mục IV. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, Chương II..</p>
6	<p>Trang 278, mục 1.1. Quan điểm phát triển, đề nghị nghiên cứu, bổ sung những quan điểm sau: Phát triển An Giang dựa trên chuyển đổi xanh và chuyển đổi số. Chuyển đổi xanh cần gắn liền, song hành với chuyển</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1.1. Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh, mục I, Chương III.</p>

<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b> <b>(Văn bản số 5174/BTTTT-VCL ngày 19 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>đổi số, công nghiệp xanh gắn liền với công nghiệp số.</p> <p>Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm/động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế phải đi cùng quy hoạch các trung tâm dữ liệu. Công nghiệp công nghệ số đóng vai trò quan trọng, trở thành ngành công nghiệp then chốt.</p>	
	Trang 556, mục 3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin, đề nghị bổ sung phương án phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục c) Phát triển kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh, mục 3.2.3, mục VI, Chương III.
7	<p>Trang 557, phần b) Ứng dụng CNTT đảm bảo an toàn thông tin cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và an ninh, quốc phòng, đề nghị bổ sung những nội dung sau:</p> <p>Chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia tại tất cả các mảng của an toàn thông tin mạng; nâng cao chất lượng nhân lực an toàn thông tin mạng của tỉnh so với khu vực và cả nước.</p> <p>Kinh phí bảo đảm an toàn, an ninh mạng đạt tối thiểu 10% kinh phí khoa học công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.</p> <p>Đảm bảo mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước có một bộ phận được giao nhiệm vụ làm đầu mối, chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Khuyến khích các doanh nghiệp khác có một đơn vị bảo đảm an toàn, an ninh mạng.</p>	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục b) Ứng dụng CNTT đảm bảo an toàn thông tin cho chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và an ninh, quốc phòng, mục 3.2.3, mục VI, Chương III.
8	Trang 558, mục 3.2.5. Mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở, đề nghị phân định rõ mục tiêu phát triển và phương án phát triển; bổ sung phương án	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 3.2.5. Mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở, mục VI, Chương III.

<b>Bộ Thông tin và Truyền thông</b> <b>(Văn bản số 5174/BTTTT-VCL ngày 19 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	phát triển lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, xuất bản, in phát hành.	
9	<p>Bản đồ hiện trạng phát triển thông tin và truyền thông: đề nghị bổ sung mạng truyền dẫn quốc tế, liên tỉnh, nội tỉnh, hạ tầng phát thanh, truyền hình tỉnh, huyện, vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động.</p> <p>Bản đồ phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động: đề nghị thể hiện rõ quy hoạch ngầm hóa mạng cáp, quy hoạch vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động.</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa trên hệ thống bản đồ



**PHỤ LỤC 2.2.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Tư Pháp</b> <b>(Văn bản số 4125/BTP-PLDSKT ngày 24 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Quy hoạch năm 2017, nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang lập hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh) để tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là có cơ sở pháp lý, đúng thẩm quyền.	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	Hồ sơ thẩm định Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm: Tờ trình về thẩm định Quy hoạch; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh; Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh; Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý Quy hoạch tỉnh; Bản sao ý kiến góp ý Quy hoạch; Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch và các tài liệu liên quan) đã cơ bản đầy đủ về thành phần hồ sơ theo	Tiếp thu và bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quy hoạch đảm bảo phù hợp Luật Quy hoạch.

<b>Bộ Tư Pháp</b>		
<b>(Văn bản số 4125/BTP-PLDSKT ngày 24 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch. Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quy hoạch đảm bảo phù hợp Luật Quy hoạch.	
3	Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và báo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Quy hoạch tỉnh đã bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
4	Đối với các nội dung chi tiết của Quy hoạch là những vấn đề mang tính chuyên môn sâu, không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/08/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nội dung quy hoạch tỉnh An Giang không có nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp thuộc phạm vi tích hợp trong Quy hoạch tỉnh; do đó, Bộ Tư pháp không có ý kiến cụ thể về các nội dung này. Đề nghị Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tham khảo ý kiến của các Bộ quản lý ngành,	Nhất trí với ý kiến tham gia

<b>Bộ Tư Pháp</b> <b>(Văn bản số 4125/BTP-PLDSKT ngày 24 tháng 10 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	lĩnh vực về nội dung phương án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trong Quy hoạch tỉnh An Giang đề thâm định, đảm bảo sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành, giữa các địa phương trong vùng, tuân thủ đúng quy định của pháp luật quy hoạch.	

**PHỤ LỤC 2.3.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ NỘI VỤ ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Nội vụ</b> <b>(Văn bản số 5286/BNV-CQDP ngày 24/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>Đề nghị bổ sung phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh An Giang nghiên cứu, bổ sung nội dung này trong Quy hoạch tỉnh.</p>	<p>"Về vấn đề này xin được tiếp thu giải trình như sau:</p> <p>1. Hiện nay, nội dung xây dựng và phê duyệt quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính của quốc gia và quy hoạch đơn vị hành chính của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia.</p> <p>2. Điều 28, Nghị định 37/2019/NĐ-CP, nội dung quy hoạch tỉnh không quy định tích hợp phương án quy hoạch đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã vào quy hoạch tỉnh.</p> <p>3. Về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã xin tiếp thu giải trình cụ thể như sau:</p> <p>3.1. Về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính</p> <p>- Ngày 19/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV ban hành Nghị quyết số 1107/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị trấn Cô Tô thuộc huyện Tri Tôn; thị trấn Vĩnh Bình thuộc huyện Châu Thành; thị trấn Vĩnh Thạnh Trung thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện, UBND các thị trấn mới thành lập triển khai hoàn thành các nội dung liên quan và đi vào hoạt động ổn định theo cơ cấu đô thị.</p>

<b>Bộ Nội vụ</b> <b>(Văn bản số 5286/BNV-CQDP ngày 24/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>- Ngày 13/02/2023, tại Thủ đô Hà Nội, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tổ chức phiên họp thứ 20, tại phiên họp đã xem xét, quyết định thành lập thị xã Tịnh Biên và các phường thuộc thị xã Tịnh Biên; thành lập thị trấn Đa Phước, huyện An Phú; thành lập thị trấn Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban ngành có liên quan, UBND các huyện Tịnh Biên, An Phú, Chợ Mới khẩn trương hoàn thành các nội dung, công việc có liên quan, để thị xã Tịnh Biên, 07 phường trực thuộc, 2 thị trấn: Đa Phước-huyện An Phú, Hội An-huyện Chợ Mới đi vào hoạt động đúng với mô hình đô thị khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.</p> <p>- Tỉnh An Giang không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.</p> <p>- Theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số</p>

<b>Bộ Nội vụ</b> <b>(Văn bản số 5286/BNV-CQDP ngày 24/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030. Tỉnh ủy, UBND tỉnh An Giang đã quán triệt chủ trương của Trung ương đến các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, các ngành, các cấp trong toàn tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện phải sắp xếp, lập Kế hoạch, Đề án cụ thể trình Chính phủ xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030 đúng theo chỉ đạo, quy định của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, Ban ngành Trung ương.</p> <p>3.2. Về phân loại đơn vị hành chính</p> <p>Hiện nay, việc phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã ổn định. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại khoản 4, Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p>
2	Đề nghị UBND tỉnh An Giang bổ sung định hướng về tỷ lệ đô thị hóa và phương án thành lập, điều chỉnh mở	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành báo cáo số 296/BC-UBND ngày 03/6/2021 báo cáo Bộ Nội vụ

<b>Bộ Nội vụ</b> <b>(Văn bản số 5286/BNV-CQDP ngày 24/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>rộng địa giới các đơn vị hành chính đô thị của tỉnh theo 02 giai đoạn 2022-2025 và 2026-2030. Trong đó lưu ý việc đề xuất các phương án này cần căn cứ vào các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.</p>	<p>về việc Báo cáo Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Trong đó, nội dung phương án, lộ trình thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính giai đoạn 2021 – 2026 đã khẳng định:</p> <p>1. Về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 19/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV ban hành Nghị quyết số 1107/NQ-UBTVQH14 về việc thành lập thị trấn Cô Tô thuộc huyện Tri Tôn; thị trấn Vĩnh Bình thuộc huyện Châu Thành; thị trấn Vĩnh Thạnh Trung thuộc huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND cấp huyện, UBND các thị trấn mới thành lập triển khai hoàn thành các nội dung liên quan và đi vào hoạt động ổn định theo cơ cấu đô thị.</li> <li>- Ngày 13/02/2023, tại Thủ đô Hà Nội, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tổ chức phiên họp thứ 20, tại phiên họp đã xem xét, quyết định thành lập thị xã Tịnh Biên và các phường thuộc thị xã Tịnh Biên; thành lập thị trấn Đa Phước, huyện An Phú; thành lập thị trấn Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, Ban ngành có liên quan, UBND các huyện Tịnh Biên, An Phú, Chợ Mới khẩn trương hoàn thành các nội dung, công việc có liên quan, để thị xã Tịnh Biên, 07 phường trực</li> </ul>

<b>Bộ Nội vụ</b> <b>(Văn bản số 5286/BNV-CQDP ngày 24/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>thuộc, 2 thị trấn: Đa Phước-huyện An Phú, Hội An-huyện Chợ Mới đi vào hoạt động đúng với mô hình đô thị khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành.</p> <p>- Tỉnh An Giang không có đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.</p> <p>- Theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022; Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 – 2030. Tỉnh ủy, UBND tỉnh An Giang đã quán triệt chủ trương của Trung ương đến các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, các ngành, các cấp trong toàn tỉnh</p>



<b>Bộ Nội vụ</b> <b>(Văn bản số 5286/BNV-CQDP ngày 24/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp, lập Kế hoạch, Đề án cụ thể trình Chính phủ xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030 đúng theo chỉ đạo, quy định của Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, Ban ngành Trung ương.</p> <p style="text-align: center;">2. Về phân loại đơn vị hành chính</p> <p>Hiện nay, việc phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã ổn định. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại khoản 4, Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.</p>

**PHỤ LỤC 2.4.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TỔNG THAM MƯU – CỤC TÁC CHIẾN (BỘ QUỐC PHÒNG)  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Tổng Tham mưu – Cục Tác Chiến Đại tá Nguyễn Đức Hòa</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>Ngày 04/6/2022, Bộ Quốc phòng đã có Công văn số 1730/BQP-TM tham gia ý kiến và thống nhất đối với Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quá trình lập Quy hoạch tỉnh, Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch Tỉnh đã tuân thủ quy trình lập quy hoạch; tích hợp cơ bản đầy đủ các nội dung, trong đó đã chủ động phối hợp với Quân khu 9 thực hiện cơ bản việc tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào Quy hoạch Tỉnh. Các quan điểm, mục tiêu, phương hướng phát triển cơ bản phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch; các giải pháp, cũng như nguồn lực tổ chức thực hiện về tổng quan bảo đảm tính khả thi. Hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đủ điều kiện để Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>Hiện nay, Bản đồ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, đề nghị UBND tỉnh An Giang - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 9 để kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết số</p>	<p>UBND tỉnh An Giang - Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch tỉnh tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Quân khu 9 và kịp thời cập nhật các nội dung quy hoạch ngành của Bộ Quốc phòng và nội dung tích hợp các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng vào quy hoạch tỉnh theo quy định.</p>

<b>Bộ Tổng Tham mưu – Cục Tác Chiến</b>		
<b>Đại tá Nguyễn Đức Hòa</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025 và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại Công văn số 9297/VPCP-CN ngày 06/11/2020 về tích hợp Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch ngành và phối hợp chặt chẽ giữa quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường thế trận quân sự khu vực phòng thủ; thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh An Giang. Trân trọng đề nghị Cơ quan Thường trực HĐTD tổng hợp theo quy định./.</p>	

**PHỤ LỤC 2.5.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA ỦY BAN DÂN TỘC ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Ủy Ban Dân Tộc</b> <b>(Văn bản số 1824/UBNDT-KHTC ngày 31/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>Sau khi nhận được hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang; Ủy ban Dân tộc đánh giá về hồ sơ quy hoạch như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục hồ sơ: đã bảo đảm đầy đủ về thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch; khoản 15 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</li> <li>- Kết luận: đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>Đối với Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>	<p>Quy hoạch tỉnh An Giang đã nghiên cứu, rà soát, bám sát nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và bảo đảm thể hiện đầy đủ, rõ ràng các nội dung theo yêu cầu tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.</p>
3	<p>Tại Điểm 5.7, Khoản 5, Mục V, Chương III, Phần II, “Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn” (Tr502): đề nghị làm rõ hơn về đầu tư hạ tầng</p>	<p>Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung tại 5.7. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, mục 5, mục V, chương III.</p>

<b>Ủy Ban Dân Tộc</b> <b>(Văn bản số 1824/UBNDT-KHTC ngày 31/10/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	giao thông liên kết những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các trung tâm đô thị của tỉnh (khu vực động lực) từ đó làm cơ sở đề xuất xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh.	
4	Tại Khoản 1, Mục XIV, Chương III, Phần II, “Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh thời kỳ quy hoạch” (tr794): đề nghị bổ sung tiêu chí ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của tỉnh.	Đã tiếp thu và bổ sung tiêu chí ưu tiên vào tiêu chí 3, 1.2. Nhóm các tiêu chí để đánh giá đề xuất dự án, lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ đầu tư, mục 1, XIV, Chương III.
5	Quy hoạch tỉnh An Giang đủ điều kiện để tổ chức phiên họp thẩm định.	Nhất trí với ý kiến tham gia
6	Nhất trí thông qua quy hoạch.	Nhất trí với ý kiến tham gia
7	Một số kiến nghị khác: An Giang là tỉnh có 28 dân tộc thiểu số với 92.616 người, chiếm 4,85% dân số toàn tỉnh. Trong đó tỷ lệ hộ nghèo chiếm 18,3%, hộ cận nghèo chiếm 7,2%. Vì vậy Quy hoạch cần đi sâu đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng DTTS, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung tại 5.7. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, mục 5, mục V, chương III.

**PHỤ LỤC 2.6.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ NGOẠI GIAO ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Ngoại giao</b> <b>(Văn bản số 4834/BNG-THKT ngày 1/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	Hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 về cơ bản đáp ứng các yêu cầu của Luật Quy hoạch 2017, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	Một số góp ý đối với Báo cáo tổng hợp: 1- Về hợp tác tiểu vùng Mê Công: + Tại tiểu vùng Mê Công hiện nay có 11 cơ chế hợp tác, trong đó có 4 cơ chế nội khối gồm Chiến lược phát triển Ayeyarwady – Chao Phraya – Mê Công ( ACMECS), Tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam (CLV), hợp tác Campuchia-Lào-Myanmar-Việt Nam (CLMV), Ủy hội sông Mê Công quốc tế (MRC); 7 cơ chế với các đối tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS – 5 nước Mê Công và 2 tỉnh Vân Nam và Quảng Tây của Trung Quốc), các hợp tác Mê Công – Lan Thương (MLC – 5 nước Mê Công và Trung Quốc), Mê Công – Nhật Bản (MKJ), Mê Công – Mỹ (MUSP), Mê Công – Hàn Quốc (MKK), Mê Công – sông Hằng (MKG), Những người bạn của Mê Công (FOM). Vì vậy, xin đề nghị chỉnh sửa cụm từ “Tiểu vùng GMS” thành	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa cụ thể tại mục 4. Tác động của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng đối với ĐBSCL, tỉnh An Giang và triển vọng, nhu cầu liên kết phát triển của địa phương, mục III, chương I.

<b>Bộ Ngoại giao</b> <b>(Văn bản số 4834/BNG-THKT ngày 1/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>“Tiểu vùng Mê Công”.</p> <p>+ Hợp tác chủ yếu tại các cơ chế hợp tác Mê Công hiện nay (trừ Ủy hội sông Mê Công) là kết nối, thương mại, phát triển và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, không tập trung đàm phán về lĩnh vực sử dụng nước, đập thủy điện, thủy lợi tại tiểu vùng như dự thảo Kế hoạch đánh giá, vì vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa lại cho phù hợp.</p>	
3	<p>2- Một số góp ý cụ thể:</p> <p><i>Về tác động của tiểu vùng mê Công mở rộng đối với đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh An Giang và triển vọng, nhu cầu liên kết phát triển của địa phương</i> (tại mục 1.2 trang 260), đề nghị cân nhắc chỉnh sửa một số nội dung như sau:</p> <p>+ Tại đoạn 3: “Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) là khu vực có các đô thị lớn nhất, năng động nhất và phát triển nhanh ở Đông Nam Á, như TP. Hồ Chí Minh, Bangkok, Singapore, Kuala Lumpur, Côn Minh và nhiều thành phố lớn khác với hơn 1 triệu dân. Trong hơn hai thập kỷ qua, <u>nhiều khuôn khổ hợp tác Mê Công đã được hình thành cả trong nội khối các nước Mê Công và giữa Mê Công với các nước đối tác.</u> Những vấn đề chiến lược của tiểu vùng với khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung và An Giang nói riêng là...</p> <p>+ Tại đoạn 4: “Thứ nhất, việc sử dụng nước thượng nguồn sông Mê Công có quan hệ sinh tử tới tương lai phát triển vùng ĐBSCL. Cho tới nay, việc liên kết chủ yếu xoay</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa cụ thể tại mục 4. Tác động của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng đối với ĐBSCL, tỉnh An Giang và triển vọng, nhu cầu liên kết phát triển của địa phương, mục III, chương I.</p>

<b>Bộ Ngoại giao</b> <b>(Văn bản số 4834/BNG-THKT ngày 1/11/2022)</b>		
STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p><del>quanh đàm phán về <u>Nhìn chung, các hợp tác Mê Công có nội dung khá toàn diện, từ lĩnh vực tạo thuận lợi thương mại và đầu tư, phát triển hạ tầng cơ sở, kết nối giao thông, y tế, giáo dục, môi trường, sử dụng nước, đập thủy điện, thủy lợi trong tiểu vùng. Hợp tác Mê Công góp phần thúc đẩy liên kết kinh tế quốc tế, kết nối khu vực, an ninh lương thực và phát triển bền vững tiểu vùng, cũng như thu hút quan tâm của quốc tế tới tiểu vùng. Tuy nhiên, những hợp tác kinh tế mới là cơ sở lâu dài cho các thỏa thuận. Những thỏa thuận về phát triển kinh tế, công nghệ có thể quyết định lớn đến sự phồn vinh của toàn vùng</u></del>”.</p> <p>+ Tại đoạn 5: “Thứ hai, các chương trình phát triển hạ tầng và liên kết sản xuất trong vùng <u>GMS Mê Công</u> là rất quan trọng. Trong đó, mối quan hệ láng giềng, hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Campuchia là mối quan hệ có tầm chiến lược. Vùng đã có nhiều hoạt động hợp tác với Campuchia, về lâu dài cần chú trọng tăng cường kết nối về kinh tế, sản xuất và thị trường với Campuchia, <u>đồng thời mở rộng với các đối tác khác như Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Mỹ</u>, nhất là <u>đối với</u> sản xuất nông nghiệp mở rộng của đồng bằng sông Cửu Long. Đặc biệt, một khía cạnh quan trọng nữa trong quan hệ Tiểu vùng <u>GMS Mê Công</u> là xác định những trục liên kết vùng”.</p>	
4	<p><i>Về triển vọng và nhu cầu liên kết phát triển giữa An Giang với Campuchia và các nước thuộc tiểu vùng GMS (trang 261):</i></p> <p>+ Đề nghị chỉnh sửa tiêu đề như sau: “Triển vọng và nhu</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa cụ thể tại mục 4. Tác động của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng đối với ĐBSCL, tỉnh An Giang và triển vọng, nhu cầu liên kết phát triển của địa phương, mục III, chương I.</p>



<b>Bộ Ngoại giao</b> <b>(Văn bản số 4834/BNG-THKT ngày 1/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>cầu liên kết giữa An Giang với Campuchia và các nước thuộc Tiểu vùng <del>GMS</del> <u>Mê Công</u>".</p> <p>+ Tại đoạn 3, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: “ Các kịch bản phát triển của tỉnh An Giang sẽ phụ thuộc rất lớn vào bối cảnh diễn ra hướng tuyến liên kết vùng cho Đồng bằng sông Cửu Long với Tiểu vùng <del>GMS</del> <u>Mê Công và khu vực ASEAN, Trung Quốc</u>, đặc biệt... Liên kết phát triển giữa tỉnh với Campuchia, từ đó đến thị trường <del>GMS</del> <u>các nước Mê Công, ASEAN và Trung Quốc</u> thông qua hành lang vận tải thủy (<del>qua sông Tiền, sông Hậu</del>), <u>bộ</u> kết nối với Campuchia (<del>qua sông Tiền, sông Hậu</del>) nhằm phục vụ hàng hóa các tỉnh, TP Cần Thơ...”.</p>	
5	<p>- Về bối cảnh vùng đồng bằng sông Cửu Long (mục 1.5, trang 269), đề nghị bổ sung như sau: “Về dịch vụ...kinh doanh tại tỉnh. <u>Về dài hạn, thử nghiệm các mô hình kinh tế mới khác, hơn nữa các thị trường lân cận, nhất là thị trường Campuchia</u>”.</p>	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa cụ thể tại mục 3. Bối cảnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, mục III, chương I.
6	<p>- Về hợp tác quốc tế (mục 4.2, trang 813), đề nghị bổ sung như sau: “Tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam như:... EuroCharm...; <u>tranh thủ hơn nữa nguồn lực tài chính, hỗ trợ kỹ thuật từ các khuôn khổ hợp tác Mê Công trong các lĩnh vực phát triển hạ tầng cơ sở, kết nối đường thủy – đường bộ và các trung tâm logistic, ứng phó biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng tái tạo...; các cơ quan đại diện nước ngoài...</u>”.</p>	Tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa cụ thể tại mục 4.2. Hợp tác quốc tế, mục 4, mục XV, chương III.
7	<p>3- Về dự thảo Quyết định:</p> <p>- Về <u>Căn cứ pháp lý</u>, đề nghị bổ sung: Luật sửa đổi, bổ</p>	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại Dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

<b>Bộ Ngoại giao</b> <b>(Văn bản số 4834/BNG-THKT ngày 1/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.</p> <p>Tại gạch đầu dòng thứ 2, đề nghị cân nhắc sửa lại như sau: “<del>Quá trình phát triển phải đ</del>Đặt phúc lợi <i>ích</i> của người dân, <del>lợi nhuận</del> của doanh nghiệp vào trung tâm chiến lược phát triển địa phương;...”.</p> <p>- Đề nghị bổ sung các phụ lục có liên quan.</p>	

**PHỤ LỤC 2.7.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội</b> <b>(Văn bản số 4405 /LĐTBXH-KHTC ngày 02 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>1. Về Hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang trình thẩm định đã bảo đảm đủ thành phần theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật Quy hoạch.</li> <li>- Báo cáo tổng hợp quy hoạch và các tài liệu liên quan được chuẩn bị bảo đảm chất lượng yêu cầu.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>2.1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phù hợp về tên, thời kỳ, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: bảo đảm theo đúng Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 và quy định của pháp luật về quy hoạch.</li> <li>- Sự phù hợp giữa nội dung quy hoạch với yêu cầu về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phê duyệt: nội dung quy hoạch tỉnh An Giang cơ bản đáp ứng được yêu cầu xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia
3	<p>2.2. Việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch quy định tại Điều 16 Luật Quy hoạch năm 2017</p> <p>Tại Tờ trình số 132/TTr-SKHĐT ngày 30/9/2022 của Sở</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia

<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội</b> <b>(Văn bản số 4405 /LĐTBXH-KHTC ngày 02 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang gửi Hội đồng thẩm định đã nêu rõ về quá trình lập quy hoạch, bảo đảm việc lập quy hoạch tuân thủ đúng trình tự các bước lập quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch, được thể hiện ở 5 bước chính, gồm: (1) Xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, trình Chính phủ phê duyệt; (2) Lựa chọn tư vấn lập quy hoạch; (3) Thực hiện công tác phối hợp, triển khai lập quy hoạch tỉnh; (4) Tổ chức lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh theo quy định; (5) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch để trình thẩm định quy hoạch.	
4	<p>2.3. Việc tích hợp các quy hoạch do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được phân công thực hiện trong quy hoạch tỉnh</p> <p>Ngày 27/5/2022, Bộ LĐTBXH đã có Công văn số 1731/LĐTBXH-KHTC về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cơ bản các ý kiến tham gia đã được cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung hoặc làm rõ trong Báo cáo tổng hợp quy hoạch. Quy hoạch tỉnh An Giang đã tích hợp các cơ sở thuộc quy hoạch ngành quốc gia do Bộ LĐTBXH chủ trì thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
5	<p>2.4. về sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh An Giang với các quy định tại Mục 2 Chương II Luật Quy hoạch</p> <p>Việc tổ chức lập quy hoạch tỉnh An Giang thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của ủy ban Thường</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia

**Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội**  
**(Văn bản số 4405 /LĐTĐ-BHXH-KHHC ngày 02 tháng 11 năm 2022)**

STT	Ý kiến	Trả lời, giải trình
	<p>vụ Quốc hội. Quy hoạch tỉnh An Giang được lập bảo đảm yêu cầu định hướng phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ của tỉnh, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước; hướng đến việc bảo đảm yêu cầu về tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và các nội dung liên quan khác. Nội dung quy hoạch tỉnh An Giang đã nêu rõ quan điểm, định hướng phát triển và mục tiêu của tỉnh đến cuối thời kỳ quy hoạch cũng như tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch có sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường; đề ra các khâu đột phá để phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.</p>	
6	<p>a) Phần I: Mở đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm 3.1 Mục III về các nghị quyết, nghị định của Chính phủ (trang 7-8): đề nghị bổ sung Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị.</li> <li>- Tại điểm 3.2 Mục III về các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (từ trang 8-10): Đề nghị bổ sung Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng</li> </ul>	<p>1. Đã bổ sung Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị vào phụ lục I, đính kèm báo cáo thuyết minh.</p> <p>2. Đã bổ sung Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 vào phụ lục I, đính kèm báo cáo</p>

<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội</b> <b>(Văn bản số 4405 /LĐTBXH-KHTC ngày 02 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	thuyết minh.
7	<p>b) Phần II: Quy hoạch tỉnh An giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>- Chương I: Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh An Giang</p> <p>+ Báo cáo quy hoạch tỉnh An Giang đã cơ bản đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; có dự báo tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p> <p>+ Tại khoản 1. Dân số, đặc điểm dân cư (từ trang 54-60): đề nghị bổ sung, làm rõ thêm thông tin về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số, của cơ cấu lao động theo giới tính, nhóm tuổi, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, mức độ đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời gian vừa qua; dự báo về cung - cầu lao động, nhu cầu về nhân lực cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh, nhất là nhân lực qua đào tạo, nhân lực có trình độ kỹ năng nghề cao trong thời kỳ quy hoạch.</p>	<p>1. Thông tin về tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số, cơ cấu lao động theo giới tính, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung được thể hiện ở mục 4.1.1. Lao động, mục 4, mục I, chương II.</p>
8	<p>- Chương II: Thực trạng phát triển của tỉnh An Giang</p> <p>+ Tại điểm 4.1. Lao động, việc làm (từ trang 118-121): đề nghị bổ sung thông tin về thu nhập bình quân của người lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi lao động.</p>	<p>1. Đã bổ sung thông tin về thu nhập bình quân của người lao động tại đoạn “Kết quả giải quyết việc làm:...”, ở mục 4.1.1. Lao động, mục 4, mục I, chương II.</p> <p>2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nói chung được thể hiện ở đoạn “Về chất lượng lao động: Lực lượng lao động của tỉnh An Giang...thị trường” ở mục 4.1.1. Lao động, mục 4, mục I, chương II.</p>

<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội</b> <b>(Văn bản số 4405 /LĐTBXH-KHTC ngày 02 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
9	+ Tại điểm 4.5. Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội (trang 132-133): đề nghị bổ sung đánh giá về thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội, trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội...	Đã cập nhật chỉnh sửa bổ sung tại đoạn 2, mục 4.5.2. Đánh giá chung, mục 4.5, mục 4, mục I, chương II.
10	+ về thực trạng hạ tầng thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: Báo cáo tổng hợp đã đánh giá về thực trạng hạ tầng giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội (về số lượng cơ sở, phân bố không gian, mặt được, tồn tại, hạn chế) tại khoản 4, 5 từ trang 248-251. Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung, làm rõ về quy mô (quy mô đào tạo nghề, quy mô chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội...), hiện trạng sử dụng đất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội và bổ sung đánh giá thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh An Giang (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ).	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đã bổ sung quy mô đào tạo nghề, hiện trạng sử dụng đất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại mục 4.1. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, mục 4, mục V, Chương II.</li> <li>2. Đã bổ sung quy mô chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội...tại đoạn 2, mục 4.3. Mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, mục 4, mục V, Chương II.</li> <li>3. Đã bổ sung đánh giá thực trạng Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh An Giang 4.2. Hạ tầng phục vụ lao động việc làm, mục 4, mục V, Chương II.</li> </ol>
	c) Chương III: Quy hoạch tỉnh An giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Tại điểm 5.3 Mục III về giáo dục, đào tạo (từ trang 372-380): đề nghị nghiên cứu, bổ sung định hướng phát triển giáo dục nghề nghiệp như sau: “Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập để hình thành mạng lưới cơ sở đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu lao động của tỉnh trong từng thời kỳ quy hoạch. Tập trung, ưu tiên đầu tư hình thành các trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh	Đã bổ sung như góp ý tại mục c) Định hướng phát triển đối với giáo dục nghề nghiệp, mục 5.3.3, mục 5, mục III, chương III.

<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội</b> <b>(Văn bản số 4405 /LĐT BXH-KHTC ngày 02 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	vực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề, góp phần hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng, trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang trong thời kỳ quy hoạch”.	
11	<p>- Mục VII. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (từ trang 581-595):</p> <p>+ về cơ bản Quy hoạch tỉnh An Giang đã đề cập đầy đủ đến phương án phát triển các cơ sở thuộc hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội theo quy định của Luật Quy hoạch; trong đó, có phương án phát triển về số lượng cơ sở, quy mô (quy mô đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, quy mô tư vấn, giới thiệu việc làm đối với cơ sở dịch vụ việc làm, quy mô chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng đối với cơ sở trợ giúp xã hội, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng...), bố trí không gian phát triển, nhu cầu sử dụng đất và khả năng bố trí quỹ đất của tỉnh cho mạng lưới các cơ sở này trong thời kỳ quy hoạch (bao gồm cả định hướng phát triển đối với các cơ sở ngoài công lập).</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
12	+ Đề nghị bổ sung phương án phát triển Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh An Giang (thuộc danh mục quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP của Chính phủ).	Đã bổ sung chỉnh sửa tại mục 4.2. Hạ tầng phục vụ lao động việc làm, mục 4, mục VII, chương III.
13	- Mục XIV. Xây dựng danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện (từ trang 794-801 và phụ lục): đề nghị nghiên cứu, bổ sung nhu cầu vốn đầu tư đối với các dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực thực hiện và có phân kỳ đầu tư trong	Dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho thời kỳ 2021-2030 được thể hiện ở mục 1.1. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư, mục 1, mục XV, chương III. Nhu cầu vốn đầu tư đối với các dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư sẽ được xác định khi lập các báo đề xuất dự án tiền khả thi, khả thi sau này.



<b>Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội</b> <b>(Văn bản số 4405 /LĐTBXH-KHTC ngày 02 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	thời kỳ quy hoạch (ví dụ: giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2026-2030...).	

**PHỤ LỤC 2.8.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> <b>(Văn bản số 7387/BNN-KH ngày 07 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>1. Ý kiến chung:</p> <p>Các báo cáo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng công phu, khoa học theo các nội dung quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP. Báo cáo đã cơ bản đánh giá được những kết quả đạt được, nhận diện những hạn chế của phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong giai đoạn 2011-2020. Các quan điểm, định hướng và nội dung quy hoạch phát triển Tỉnh giai đoạn tới được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của Tỉnh và dự báo tác động của bối cảnh trong nước và quốc tế thời gian tới.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 3445/BNN-KH ngày 31/5/2022 gửi UBND tỉnh An Giang góp ý dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bản dự thảo mới cơ bản đã tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, tuy nhiên để hoàn thiện hơn đề nghị Tỉnh nghiên cứu, bổ sung một số nội dung sau:</p> <p>a) Các quy hoạch thời kỳ trước đối với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đề nghị bổ sung các quy hoạch sau:</p> <p>- Quyết định số 639/QĐ-BNN-KH, ngày 02/4/2014</p>	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại phụ lục I, đính kèm báo thuyết minh cáo tổng hợp.

<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> <b>(Văn bản số 7387/BNN-KH ngày 07 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong điều kiện biến đổi khí hậu.</p> <p>- Quyết định số 1397/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2012-2020 định hướng đến 2050 trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng.</p>	
3	<p>b) Về thực trạng phát triển các ngành kinh tế</p> <p>- Đề nghị bổ sung đánh giá kết quả thực hiện cụ thể đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo.</p> <p>- Hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình phòng, chống lũ; ngập lụt; sạt lở bờ sông; cụm tuyến dân cư vượt lũ; công trình hạ tầng kết hợp sơ tán dân; cơ sở hạ tầng về dự báo, cảnh báo, quan trắc giám sát, thiên tai;... những khó khăn, tồn tại về hạ tầng phòng, chống thiên tai làm cơ sở đề xuất phương án kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai vẫn chưa được cập nhật trong dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p>	<p>1. Nội dung đánh giá kết quả thực hiện cụ thể đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo không thuộc nội dung “Thực trạng phát triển các ngành kinh tế”.</p> <p>2. Đã bổ sung nội dung đánh giá kết quả thực hiện cụ thể đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại mục 2.4. Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, mục 2, mục III, chương I.</p> <p>3. Đã bổ sung nội dung đánh giá Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo tại mục 4.5.2. Đánh giá chung, mục 4.5, mục 4, mục I, chương II.</p> <p>4. Hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình phòng, chống lũ; ngập lụt; sạt lở bờ sông; cụm tuyến dân cư vượt lũ; công trình hạ tầng kết hợp sơ tán dân; cơ sở hạ tầng về dự báo, cảnh báo, quan trắc giám sát, thiên tai;... những khó khăn, tồn tại về hạ tầng</p>

<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> <b>(Văn bản số 7387/BNN-KH ngày 07 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		phòng, chống thiên tai đã được cập nhật bổ sung tại mục 5.1.2. Hiện trạng công trình phòng, chống thiên tai, mục 5.1, mục 5, mục I, chương I.
4	c) Về mục tiêu phát triển: Mục tiêu về xây dựng nông thôn mới đề nghị tham khảo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 để bổ sung các mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh phù hợp với tình hình chung của vùng và của cả nước.	Đã rà soát và đối chiếu Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 về mục tiêu xây dựng nông thôn mới và trên cơ sở kết quả thực tiễn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 của tỉnh đã cập nhật lại mục tiêu phát triển nông thôn mới giai đoạn 2021-2030.
5	d) Về phương hướng phát triển - Phương án phòng chống thiên tai: Đề nghị rà soát, tiếp thu đầy đủ các nội dung đã góp ý tại văn bản 3445/BNN-KH ngày 31/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phù hợp với Quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai xây dựng.	Đã tiếp thu và rà soát một số nội dung đã góp ý tại văn bản 3445/BNN-KH ngày 31/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phù hợp với Quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	- Phương hướng phát triển du lịch cần gắn kết chặt chẽ với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể là phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh gắn với sản phẩm đặc hữu của địa phương (OCOP) và hạ tầng phòng, chống thiên tai, phòng chống sạt lở bờ sông.	Đã cập nhật bổ sung vào mục 4.1.1. Quan điểm phát triển của ngành du lịch, mục 4.1. Quan điểm, mục tiêu phát triển, mục III, chương III.
	- Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng đề nghị bổ sung phương hướng phát triển hạ tầng cho nông nghiệp (hạ tầng phòng chống thiên tai, thủy lợi, thủy sản.).	Phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng đã bám sát theo điểm d, đ, e, g, h và i khoản 2, điều 27, Luật Quy hoạch.

<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b> <b>(Văn bản số 7387/BNN-KH ngày 07 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
7	<p>e) Danh mục các dự án ưu tiên: Đề nghị UBND tỉnh An Giang rà soát và cập nhật các dự án đầu tư trong danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách Trung ương và các dự án có trong các Chiến lược phát triển các lĩnh vực tại địa bàn tỉnh An Giang.</p>	<p>Đã tiếp thu và rà soát lại danh mục các dự án ưu tiên.</p>
8	<p>f) Hiện nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cơ bản hoàn thành Hồ sơ xây dựng 04 Quy hoạch ngành quốc gia lĩnh vực nông nghiệp (Lâm nghiệp; Phòng, chống thiên tai và thủy lợi; Bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá) và trình Hội đồng thẩm định quốc gia. Đề nghị UBND tỉnh An Giang nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan trong Đề án Quy hoạch Tỉnh phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên.</p>	<p>Đã nghiên cứu, rà soát các nội dung liên quan trong Đề án Quy hoạch Tỉnh phù hợp với các dự thảo các Quy hoạch ngành quốc gia trên.</p>

**PHỤ LỤC 2.9.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch</b> <b>(Văn bản số 4423/BVHTTDL-KHTC ngày 08 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	2.1. Về lĩnh vực du lịch	
1	- Mục 4.4. Hiện trạng phát triển khu du lịch (trang 192) cần đánh giá chi tiết, cụ thể hơn hiện trạng phát triển du lịch tại các khu du lịch; đặc biệt là Khu du lịch quốc gia Núi Sam giai đoạn trước và sau khi được công nhận.	<p>1. Hiện trạng phát triển tại các khu du lịch nội dung được lồng ghép đánh giá tại mục 2.5. Ngành du lịch, mục 2, mục I, chương II.</p> <p>2. Nội dung phân tích đánh giá hiện trạng các khu du lịch tại mục 4.4. Hiện trạng phát triển khu du lịch, mục 4, mục III, chương II thiên về tổ chức mặt bằng không gian lãnh thổ, hướng về công năng và chức năng của khu du lịch, phù hợp với nội dung đánh giá thực trạng phát triển các khu chức năng nói chung theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018.</p>
2	- Mục 4.1.1. Quan điểm phát triển (trang 352) cần viết ngắn gọn lại những quan điểm phát triển du lịch cốt lõi của tỉnh An Giang.	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 4.1.1. Quan điểm phát triển, mục 4.1, mục III, chương III..
3	- Mục 4.1.2. Mục tiêu phát triển (trang 353) bổ sung các mục tiêu, định hướng cụ thể về: số lượng khách du lịch quốc tế; cơ sở hạ tầng, dịch vụ phục vụ ngành du lịch; nguồn nhân lực trong ngành du lịch; thị trường khách du lịch (quốc tế và nội địa) của tỉnh để có những phương án phát triển phù hợp.	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 4.1.2. Mục tiêu phát triển, mục 4.1, mục III, chương III.</p> <p>Phát triển thị trường khách du lịch được thể hiện tại mục 4.2.3. Phân bố không gian phát triển các khu du lịch, mục 4, mục III, chương III.</p>

<b>Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch</b> <b>(Văn bản số 4423/BVHTTDL-KHTC ngày 08 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
4	Mục 2.4.2. Phương án phát triển du lịch (trang 345) bổ sung phương án liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch giữa tỉnh An Giang với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và các nước Campuchia, Lào, Thái Lan.	Nội dung này đã được thể hiện tại mục 4.2.1. Phương án liên kết hợp tác, phát triển du lịch giữa An Giang với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, thành phố Hồ Chí Minh và quốc tế, mục 4, mục III, chương III
5	- Cần có đánh giá cụ thể, đầy đủ hơn về các định hướng phát triển du lịch tại mục 4.2.3 đối với khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 nêu tại trang 361 của dự thảo báo cáo tổng hợp và các danh mục ưu tiên đầu tư tại phụ lục số 14 của dự thảo Quyết định.	Các định hướng phát triển du lịch tại mục 4.2.3 đối với khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 đã được đánh giá đầy đủ và phù hợp với thực trạng phát triển du lịch của tỉnh.
	2.2. Về văn hóa, thể thao	
6	- Đề nghị cụ thể hóa nội dung bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa vào các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư trong các thời kỳ thực hiện Quy hoạch.	Đã tiếp thu và bổ sung tiêu chí vào Bảng: Các nhóm dự án ưu tiên, mục 2, XIV, chương III.
7	- Căn cứ vào điều kiện của địa phương, việc xây dựng các công trình mỹ thuật, biểu tượng, tượng tôn giáo đặt tại các điểm công cộng được đầu tư xây dựng với số lượng lớn, chưa đảm bảo thẩm mỹ, hài hòa với quy hoạch tổng thể. Đề nghị cân nhắc, xem xét bổ sung Quy hoạch các công trình mỹ thuật đặt tại nơi công cộng vào thời điểm thích hợp.	Tiếp thu ý kiến đóng góp và cân nhắc, xem xét bổ sung Quy hoạch các công trình mỹ thuật đặt tại nơi công cộng vào thời điểm thích hợp.

**PHỤ LỤC 2.10.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b> <b>(Văn bản số 3278 /BKHCN-ĐTGT ngày 08 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	Về sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: hồ sơ đã đầy đủ theo quy định tại Mục 1 Phần VI Điều 1 Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	2.1. Về thực trạng phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo (KH&CN, ĐMST) (trang 133): đề nghị bổ sung các đánh giá về thực trạng phát triển KH&CN, ĐMST. Trong đó chú ý đến việc phân tích, đánh giá hiệu quả của hoạt động KH&CN, kết quả thực hiện cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực (từ doanh nghiệp, các tổ chức khác ngoài nhà nước) đầu tư cho KH&CN, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN, thị trường KH&CN, kết quả đóng góp của KH&CN trên một số ngành, lĩnh vực chủ yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, đề xuất được phương hướng, giải pháp có tính đột phá để KH&CN thực sự trở thành yếu tố động lực, chìa khóa cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn tới; rà soát lại nội dung và số liệu cho chính xác đối với nhận định: “Trong thời kỳ 2011 - 2020, NSNN chi	<p>1. Nội dung phân tích, đánh giá hiệu quả của hoạt động KH&amp;CN được thể hiện ở mục a) Hiệu quả hoạt động KH&amp;CN, mục 4.6, mục 4, mục I, chương II.</p> <p>2. Nội dung kết quả đóng góp của KH&amp;CN trên một số ngành, lĩnh vực chủ yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện ở mục b) Kết quả đóng góp của KH&amp;CN trên một số ngành, lĩnh vực, mục 4.6, mục 4, mục I, chương II.</p> <p>3. Nội dung kết quả thực hiện cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực (từ doanh nghiệp, các tổ chức khác ngoài nhà nước) được thể hiện ở mục 4.6.3. Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển KH&amp;CN, mục 4.6, mục 4, mục I, chương II.</p> <p>4. Đầu tư cho KH&amp;CN, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng, nội dung này được thể hiện ở đoạn thứ 4 của</p>



<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b> <b>(Văn bản số 3278 /BKHCN-ĐTGT ngày 08 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>cho sự nghiệp KH&amp;CN có biến động rất mạnh, nếu như năm 2010 là 1.356 tỷ đồng, đến năm 2020 chỉ còn 58 tỷ đồng” tại trang 135; bổ sung nội dung đánh giá thực trạng chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho KH&amp;CN, ĐMST, chỉ ra các khó khăn cần giải quyết để bảo đảm định mức chi 2% tổng chi NSNN hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật KH&amp;CN năm 2013.</p>	<p>mục mục 4.6.3. Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển KH&amp;CN và đoạn 2 của mục b) Về quy mô tổ chức, mục 4.6, mục 4, mục I, chương II..</p> <p>5. Về đào tạo nguồn nhân lực KH&amp;CN, nội dung được thể hiện ở đoạn thứ 1 của mục b) Về quy mô tổ chức, mục 2.2., mục 2, mục V, chương II.</p> <p>6. Đã rà soát lại nội dung, số liệu và lược bỏ nhận định: “Trong thời kỳ 2011 - 2020, NSNN chi cho sự nghiệp KH&amp;CN có biến động rất mạnh, nếu như năm 2010 là 1.356 tỷ đồng, đến năm 2020 chỉ còn 58 tỷ đồng” tại trang 135;</p> <p>7. Đã bổ sung nội dung đánh giá thực trạng chi ngân sách nhà nước (NSNN) cho KH&amp;CN, ĐMST, chỉ ra các khó khăn cần giải quyết để bảo đảm định mức chi 2% tổng chi NSNN hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật KH&amp;CN năm 2013 tại đoạn thứ 3 của mục 4.6.3. Đánh giá về hệ thống chính sách pháp luật đối với phát triển KH&amp;CN, mục 4.6, mục 4, mục I, chương II.</p>
3	<p>+ Về phương án phát triển khu nông nghiệp CNC (trang 311) phù hợp với kịch bản phát triển được lựa chọn (kịch bản 3) và phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh. Tuy nhiên, đề nghị bổ sung các ngành công nghiệp chế biến, hoặc quy hoạch các ngành công nghiệp chế biến CNC trong các khu CNC để phù hợp với nội dung nêu tại mục 1.5.1 Giải pháp phát triển (trang 311).</p>	<p>Định hướng phát triển các ngành công nghiệp chế biến của tỉnh đã được thể hiện tại mục 2.2.1. Ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, mục 2, mục III, chương III và được định hướng phát triển gắn với ứng dụng khoa học – công nghệ và đổi mới công nghệ chế biến. Trong thời kỳ 2021-2030, An Giang không phát triển các khu công nghệ cao.</p>

<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b> <b>(Văn bản số 3278 /BKHCN-ĐTĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
4	+ Về phương án phát triển đối với các ngành công nghiệp (trang 320): đề nghị bổ sung giải pháp về đổi mới công nghệ, chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt trong ngành chế biến thực phẩm; bổ sung giải pháp quy hoạch các cụm công nghiệp thành khu công nghiệp với các ngành công nghiệp có sử dụng CNC, tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, an toàn với môi trường và nâng cao giá trị hàng hóa.	<p>1. Giải pháp về đổi mới công nghệ, chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt trong ngành chế biến thực phẩm đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2.3.5. Giải pháp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, mục 2, mục III, chương III.</p> <p>2. Trong định hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp thời kỳ 2021-2030 của tỉnh không có cụm công nghiệp được quy hoạch thành khu công nghiệp.</p>
5	2.3. Về phương án phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập (trang 582): thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố chỉ đưa vào quy hoạch mạng lưới những tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt là đơn vị sự nghiệp KH&CN; không đưa vào quy hoạch các tổ chức là đơn vị sự nghiệp thuộc các Sở, ban, ngành khác để tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện. Do vậy, đề nghị cơ quan lập quy hoạch rà soát và chỉnh sửa lại nội dung này	<p>Đã rà soát lại nội dung như góp ý và nội dung được thể hiện tại mục 2.1. Phương án quy hoạch cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&amp;CN công lập, mục 2, mục VII, chương III.</p>
6	2.4. Về giải pháp KH&CN (trang 808): bổ sung giải pháp về tài chính để bảo đảm mức chi 2% tổng chi NSNN hàng năm cho KH&CN, ĐMST; bổ sung giải pháp về xây dựng và vận hành hệ cơ sở dữ liệu về KH&CN, ĐMST phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	<p>Đã bổ sung giải pháp về tài chính để bảo đảm mức chi 2% tổng chi NSNN hàng năm cho KH&amp;CN, ĐMST tại mục (3) Lĩnh vực tài chính, mục 3, mục XV, chương III</p>

**PHỤ LỤC 2.11.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> <b>(Văn bản số 5964/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<b>Về hồ sơ trình thẩm định quy hoạch</b> Thành phần hồ sơ trình thẩm định Quy hoạch tỉnh An Giang về cơ bản đầy đủ theo quy định tại Điều 31 Luật Quy hoạch.	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<b>Về sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt</b> Đối chiếu với Hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang, về cơ bản đã phù hợp Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.	Nhất trí với ý kiến tham gia
3	<b>Về việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch quy định tại Điều 16 của Luật Quy hoạch và tích hợp các nội dung quy hoạch do Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan được phân công thực hiện</b> Về cơ bản việc lập quy hoạch tỉnh An Giang đã tuân thủ đúng quy trình pháp lý lập quy hoạch tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Quy hoạch.	Nhất trí với ý kiến tham gia
4	<b>Về sự phù hợp của nội dung quy hoạch</b>	
4.1	<b>Nhận xét chung:</b>	
	- Kết cấu và nội dung của Báo cáo Quy hoạch tỉnh An Giang nhìn chung bám sát, phù hợp với yêu cầu được quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch; Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí với ý kiến tham gia

<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> <b>(Văn bản số 5964/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	- Ngày 02/6/2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 2299/BGDĐT-KHTC về việc góp ý đối với Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua rà soát, cơ quan lập quy hoạch đã có tiếp thu, giải trình và bổ sung một số nội dung góp ý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn nêu trên.	Nhất trí với ý kiến tham gia
4.2	<b>Nhận xét cụ thể:</b>	
4.2.1	<i>Đối với Báo cáo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:</i>	
a)	Về thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 4.3 trang 126):	
	- Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu thực trạng về mạng lưới quy mô trường, lớp, số lượng học sinh các cấp, đội ngũ nhà giáo và cán bộ ( <i>số lượng, chất lượng</i> ),....	1. Thông tin, số liệu thực trạng về mạng lưới quy mô trường, lớp,... được thể hiện tại Phụ lục đính kèm báo cáo tổng hợp.
	- Đề nghị rà soát, bổ sung số liệu, minh chứng làm căn cứ, cơ sở đưa ra các nhận định, đánh giá thực trạng lĩnh vực giáo dục và đào tạo của tỉnh (Ví dụ như nội dung: <i>“Tỷ lệ học sinh khá, giỏi và tốt nghiệp trung học vượt chỉ tiêu hằng năm. 05 năm liền, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT luôn đứng top 3-5 cả nước và đứng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long”</i> ; <i>“Hệ thống giáo dục mầm non tư thục ngày được quan tâm, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày được giữ vững, đảm bảo an toàn cho trẻ”</i> ; <i>“Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đa số đều đạt chuẩn và trên chuẩn”</i> ,...). Ngoài ra, đề nghị bổ sung đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu phát triển về giáo dục và đào tạo theo quy hoạch, kế hoạch mà tỉnh đã đề ra trong giai đoạn 2011-2020, có so sánh với cả nước và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long để thấy được vị trí của giáo dục và đào tạo của tỉnh hiện nay cũng như để xác định rõ hơn mức đạt được so với điều kiện, tiềm năng	Qua rà soát lại thông tin, số liệu minh chứng đã lược bỏ các nhận định như góp ý của Bộ. Nhằm đảm bảo bố cục chung của 01 bản quy hoạch nên không thể đánh giá kết quả đạt được của các ngành và lĩnh vực, trong đó có ngành giáo dục, đào tạo thời kỳ 2011-2020 so với quy hoạch thời kỳ trước. Trong Phụ lục đính kèm Báo cáo tổng hợp đã có nội dung ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH THỜI KỲ TRƯỚC.

<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> <b>(Văn bản số 5964/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	của tỉnh.	
	- Đề nghị bổ sung thông tin, số liệu về các ngành nghề đào tạo, chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên, vai trò và khả năng liên kết vùng của cơ sở giáo dục đại học đặt tại tỉnh trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực, để làm rõ thực trạng phát triển giáo dục đại học của tỉnh cũng như các nhận định về khả năng đáp ứng nhu cầu đào tạo của tỉnh và cả vùng.	Đã tiếp thu và chỉnh sửa bổ sung tại mục 3.4. Mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng, mục 3, mục V, chương II.
b)	Về hiện trạng hạ tầng giáo dục và đào tạo (Mục 3 trang 244):	
	- Đề nghị bổ sung thông tin, dữ liệu hiện trạng hạ tầng Trường Trẻ em khuyết tật An Giang và Trường Đại học An Giang là trường đại học thành viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại An Giang.	Đã tiếp thu và bổ sung tại mục 3.4. Mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng, và mục 3.5. Mạng lưới giáo dục hòa nhập mục 3, mục V, chương II
đ)	Về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 5.3 trang 372):	
	- Về quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 5.3.1 trang 372): Đề nghị bổ sung quan điểm: <i>“Giáo dục và đào tạo là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hướng tới phát triển bền vững, cân đối về số lượng, chất lượng, cơ cấu, hiệu quả, cung ứng tốt hơn dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục”</i> .	Đã tiếp thu chỉnh sửa bổ sung tại mục 5.3.1. Quan điểm phát triển, mục 5, mục III, chương III.
	- Về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 5.3.3 trang 375): Đề nghị bổ sung định hướng phát triển cụ thể đối với giáo dục thường xuyên, giáo dục dân tộc, giáo dục chuyên biệt, hệ thống trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập phục vụ phát triển giáo dục hòa nhập; bổ sung	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục c) Định hướng phát triển đối với giáo dục nghề nghiệp, d) Định hướng phát triển đối với giáo dục đại học, e) Định

<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> <b>(Văn bản số 5964/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	làm rõ thêm định hướng phát triển giáo dục đại học của tỉnh để đạt được mục tiêu đề ra đó là “ <i>Phát triển An Giang thành trung tâm giáo dục và đào tạo lớn thứ 2 sau thành phố Cần Thơ của vùng đồng bằng sông Cửu Long</i> ”.	hướng phát triển đối với giáo dục thường xuyên, giáo dục hòa nhập, giáo dục dân tộc, mục 5.3, mục 5, mục III, chương III.
	- Về các giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo (Mục 5.3.4 trang 378): Đề nghị bổ sung các giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục ( <i>Ví dụ: giải pháp đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo theo quy định, ưu tiên đầu tư cho những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; huy động và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn lực đầu tư xây dựng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia,...</i> ). Ngoài ra, các giải pháp phát triển giáo dục cần các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi, đồng thời khắc phục được những hạn chế, tồn tại phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh trong giai đoạn vừa qua.	1. Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục e) Giải pháp bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục, mục 5.3, mục 5, mục III, chương III.. 2. Các chương trình hành động, lộ trình thực hiện các giải pháp để đảm bảo khả thi sẽ được cụ thể hóa khi xây dựng các đề án phát triển của ngành giáo dục và đào tạo.
e)	Về phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo (Mục 5.1 trang 571):	
	- Đề nghị bổ sung, làm rõ phương án phát triển hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp học cụ thể đến năm 2025 và năm 2030, bao gồm cơ sở giáo dục mầm non ( <i>bao gồm cả hạ tầng cơ sở giáo dục mầm non tại khu nhà ở của công nhân trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp</i> ), giáo dục phổ thông ( <i>Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông</i> ), giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập ( <i>loại hình, quy mô, địa điểm, không gian bố trí và nhu cầu sử dụng đất</i> ) cho từng địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy định về định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo tại Nghị quyết số	1. Cơ sở giáo dục mầm non tại khu nhà ở của công nhân trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sẽ được quy hoạch chi tiết trong quá trình lập quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

<b>BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> <b>(Văn bản số 5964/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao và quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.	
4.2.2	<i>Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:</i>	
	- Đề nghị cơ quan lập quy hoạch trên cơ sở Báo cáo thuyết minh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã tiếp thu và hoàn thiện theo các góp ý tại Mục 4.2.1 nêu trên: (1) Rà soát, biên tập nội dung phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a khoản 1.2 Mục III dự thảo Quyết định để đảm bảo khái quát, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo của tỉnh ; (2) Rà soát, hoàn thiện nội dung phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo của tỉnh tại điểm a khoản 7 Mục III dự thảo Quyết định, theo đó bổ sung phương án phát triển mạng lưới, hạ tầng cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030 để làm căn cứ thực hiện và đánh giá đối với quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến đóng góp

**PHỤ LỤC 2.12.**

**GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ XÂY DỰNG  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>BỘ XÂY DỰNG</b> (Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
<b>1</b>	<b>Về thành phần hồ sơ, căn cứ pháp lý</b>	
1.1	Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã bao gồm các nội dung chính được quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Nhất trí với ý kiến tham gia
1.2	Phần căn cứ pháp lý, đề nghị bổ sung Nghị quyết số 1210/2016/ UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/ UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.	Đã tiếp thu và bổ sung vào mục II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH, phần I và phụ lục đính kèm Báo cáo thuyết minh tổng hợp..
<b>2</b>	<b>Về phân tích đánh giá hiện trạng</b> - Trên cơ sở các văn bản, quy định pháp luật về phân loại đô thị, phát triển đô thị, tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang rà soát tổng thể, bổ sung đánh giá phân loại đô thị đối với hệ thống đô thị của tỉnh để tiếp tục thực hiện sắp	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành báo cáo số 296/BC-UBND ngày 03/6/2021 báo cáo Bộ Nội vụ về việc Báo cáo Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Trong đó, nội dung phương án, lộ trình



<b>BỘ XÂY DỰNG</b> <b>(Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>xếp đơn vị hành chính đô thị giai đoạn 2022-2030; trên cơ sở quy mô diện tích và dân số đô thị, rà soát, đề xuất các quy hoạch hành chính lãnh thổ, làm cơ sở thực hiện mở rộng, sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị trên địa bàn tỉnh và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống đô thị tỉnh.</p>	<p>thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính giai đoạn 2021 – 2026 đã khẳng định</p> <p>1. Về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh không có các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện phải thực hiện sắp xếp theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Thời gian tới, sau khi Trung ương tổng kết việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021, xác định lộ trình thực hiện giai đoạn 2022 - 2030, trên cơ sở đó, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát những đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp và xây dựng Đề án gửi Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.</li> </ul> <p>2. Về phân loại đơn vị hành chính</p> <p>Hiện nay, việc phân loại đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh cơ bản đã ổn định. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại khoản 4, Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.</p>
<b>3</b>	<b>Phương án tổ chức hệ thống đô thị</b>	

<b>BỘ XÂY DỰNG</b> <b>(Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	a) Về tỷ lệ đô thị hóa	
3.1	<p>Theo thực trạng phát triển đô thị tại Báo cáo tổng hợp, năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh An Giang là 40%, dân số đô thị đạt khoảng 761.810 người (trang 163). Theo mục tiêu phát triển giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt khoảng 45%, đến năm 2030 đạt trên 50% (trang 292). Như vậy, nếu lấy năm 2020 là mốc tỷ lệ đô thị hóa thì mức tăng tỷ lệ hóa toàn tỉnh giai đoạn 2020-2025 đạt khoảng 1,0%/năm, giai đoạn 2020-2030 đạt khoảng trên 1,0%/năm, tương đương với mức tăng trung bình của cả nước giai đoạn vừa qua (khoảng 1%/năm). Đối chiếu với số liệu thống kê tại Báo cáo tổng hợp, giai đoạn 2016-2020, dân số đô thị toàn tỉnh An Giang giảm trung bình 0,61%/năm (trang 163). Thêm vào đó, giai đoạn 2009-2019, An Giang là tỉnh có lượng dân cư đi khỏi địa phương nhiều nhất cả nước (năm 2019, tỷ suất di cư của tỉnh An Giang là -14,4%). Do đó, đề nghị rà soát thực trạng, bổ sung các luận cứ nhằm hiện thực hóa các mục tiêu phát triển về tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh theo từng giai đoạn đảm bảo phù hợp với thực tiễn và nguồn lực của địa phương.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã cập nhật số liệu hiện trạng tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh. Do dân số đô thị tập trung chủ yếu ở các đô thị lớn trong tỉnh như TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc, TX. Tân Châu nên trong thời gian trước, dân số các đô thị lớn và các thị trấn giảm dần, làm cho dân số đô thị toàn tỉnh cũng giảm theo. Tuy nhiên hiện nay dân số các đô thị lớn và các thị trấn có xu hướng tăng dần trở lại.</p> <p>Dự báo tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh trên cơ sở hệ thống đô thị hiện trạng và dự kiến nâng loại đô thị, hình thành các đô thị mới; tương đương với tỷ lệ đô thị hóa trung bình của cả nước (theo Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị). Lý do: thành lập thị xã Tịnh Biên và các phường thuộc thị xã; thành lập các phường của TX. Tân Châu, mở rộng không gian đô thị TP. Long Xuyên, Châu Đốc, hình thành các đô thị mới,... nên tỷ lệ đô thị hóa tăng lên là phù hợp.</p> <p>Đồng thời trong thời gian tới, tỉnh sẽ tập trung đầu tư hạ tầng, khu, cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ, phong trào khởi nghiệp,... sẽ thu hút lao động địa phương, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn. Bối cảnh phát triển sau đại dịch Covid-19 cũng làm thay đổi tỷ lệ di cư của vùng. Khi có cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng sống nơi cư trú, sẽ thu</p>

<b>BỘ XÂY DỰNG</b> <b>(Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>hút người dân ở lại tỉnh, giảm dần tỷ lệ di cư đến vùng TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>Vì vậy dự báo dân số trong thời gian tới chủ yếu tăng tự nhiên và di chuyển trong nội vùng tỉnh, giảm dần tỷ lệ xuất cư. Tập trung đầu tư xây dựng các đô thị động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Phân đầu tăng tỷ lệ đô thị hóa, phù hợp với Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị tỉnh An Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.</p>
3.2	<p>Ngày 24/01/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, theo đó, đã xác định một số chỉ tiêu cụ thể liên quan đến phát triển đô thị cần đạt được theo các giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030 hướng tới phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, từng bước nâng cao chất lượng sống tại đô thị. Theo đó, đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị... Đề nghị nghiên cứu các nội dung tại Nghị quyết số 06-NQ/TW để xác định những mục tiêu cụ thể về hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế đô thị vào Báo cáo</p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến đóng góp và chỉnh sửa bổ sung tại 1.1.2. Mục tiêu cụ thể, mục 1, mục V, chương III.</p>

<b>BỘ XÂY DỰNG</b>		
<b>(Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	tổng hợp.	
	b) Về định hướng phát triển đô thị	
3.3	<p>- Theo phương án quy hoạch hệ thống đô thị giai đoạn đến năm 2030:</p> <p>+ Đến năm 2025, tỉnh An Giang có 24 đô thị. Trong đó: thành phố Long Xuyên là đô thị loại I; thành phố Châu Đốc là đô thị loại II; Tân Châu là đô thị loại III; 09 đô thị loại IV: Tịnh Biên, Phú Mỹ, Chợ Mới, Núi Sập, Cái Dầu, Tri Tôn, An Châu, An Phú, Phú Hòa; 12 đô thị loại V, trong đó, hình thành mới 03 đô thị V;</p> <p>+ Đến năm 2030, tỉnh An Giang có 27 đô thị. Trong đó: thành phố Long Xuyên là đô thị loại I; thành phố Châu Đốc là đô thị loại II; Tân Châu là đô thị loại III; 13 đô thị loại IV gồm 09 đô thị loại IV giai đoạn đến năm 2025 và bổ sung thêm 04 đô thị loại IV từ đô thị loại V gồm: Óc Eo, Long Bình, Chợ Vàm, Ba Chúc; 11 đô thị loại V, trong đó, hình thành mới 03 đô thị loại V.</p> <p>- Theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021):</p> <p>+ Giai đoạn 2021-2025, tỉnh An Giang dự kiến phân loại: đô thị loại III đối với đô thị Tịnh Biên mở rộng; đô thị loại IV đối với thị trấn Phú Hòa và Óc Eo; hình thành mới 01 đô thị loại V;</p> <p>+ Giai đoạn 2026-2030, tỉnh An Giang dự kiến phân loại: đô thị loại IV đối với các thị trấn: An Phú, Long Bình, Ba Chúc, Chợ Vàm; hình thành mới 03 đô thị loại V.</p>	<p>Trong báo cáo tổng hợp đã nêu rõ:</p> <p>- Đến năm 2025 hình thành mới 02 đô thị loại V là đô thị Hòa Lạc, Cần Đăng (chứ không phải là 03 đô thị loại V theo văn bản góp ý).</p> <p>- Đến năm 2030, có 02 đô thị loại III gồm TX. Tân Châu phân đầu trở thành thành phố, hướng tới tiêu chí đô thị loại II; TX. Tịnh Biên; .... Như vậy đã xác định TX. Tịnh Biên là đô thị loại III (chứ không phải là chưa đánh giá phân loại theo văn bản góp ý).</p> <p>Định hướng hệ thống đô thị của tỉnh có một số đô thị phù hợp với từng giai đoạn theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030 đã phê duyệt, đồng thời có một số đô thị điều chỉnh thời gian phân loại đô thị, hình thành đô thị (như đô thị Tịnh Biên, Óc Eo, An Phú, Hòa Lạc) nhằm phù hợp với các Chương trình phát triển đô thị và mang tính khả thi:</p> <p>- Theo Kế hoạch phát triển đô thị của huyện Tịnh Biên: dự kiến năm 2023 thành lập thị xã Tịnh Biên (đô thị loại IV), phân đầu giai đoạn 2026 – 2030 đạt tiêu chí đô thị loại III, phù hợp với thực tế phát triển của huyện.</p> <p>- Theo Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Óc Eo đến năm 2035 đã được phê duyệt: phạm vi bao</p>

<b>BỘ XÂY DỰNG</b> <b>(Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>Như vậy, phương hướng quy hoạch hệ thống đô thị tại Báo cáo tổng hợp chưa phù hợp với Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030, cụ thể như: đô thị Tịnh Biên (không được đánh giá phân loại), thị trấn Óc Eo, thị trấn An Phú (chuyển giai đoạn đánh giá phân loại), số lượng đô thị loại V hình thành mới giai đoạn 2021-2025. Đề nghị bổ sung các luận cứ, làm rõ về thay đổi nêu trên, đồng thời có đánh giá khả năng thực hiện định hướng phát triển đô thị của tỉnh trong giai đoạn tới đúng quy định pháp luật và phù hợp với thực tế phát triển.</p>	<p>gồm thị trấn Óc Eo và xã Vọng Đông, xã Vọng Thê. Mục tiêu hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V trên phạm vi nghiên cứu mở rộng giai đoạn đến năm 2025 và hướng tới chất lượng hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại IV giai đoạn đến năm 2035.</p> <p>- Theo kế hoạch lập Đề án phát triển đô thị: đến năm 2025, Thị trấn An Phú mở rộng (bao gồm TT. An Phú, một phần xã Vĩnh Hội Đông, một phần xã Phú Hội, một phần xã Phước Hưng) đạt tiêu chí đô thị loại IV.</p> <p>- Theo Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ QHC đô thị Hòa Lạc đến năm 2035: đến năm 2025 là đô thị loại V.</p> <p>Bên cạnh đó, Ủy ban dân dân tỉnh đã ban hành văn bản số 203/UBND-KTN ngày 08/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về thực hiện Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 đã kiến nghị Bộ Xây dựng sửa đổi hệ thống phát triển đô thị định hướng trong tương lai của tỉnh An Giang và đã được Bộ Xây dựng tiếp nhận.</p>
3.4	<p>Về định hướng phát triển các đô thị dự kiến phân loại đô thị giai đoạn 2021-2030: Hiện nay, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều (Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội). Do đó, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang nghiên cứu nội</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và bổ sung các chỉ tiêu chính phát triển đô thị, các tiêu chuẩn, tiêu chí cần đạt được để nâng loại đô thị trong thời gian tới</p>

<b>BỘ XÂY DỰNG</b> <b>(Văn bản số 5132/BXD-QHKT, ngày 14 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	dung có liên quan, rà soát và đánh giá tổng thể hiện trạng phát triển, xác định các chỉ tiêu chính phát triển đô thị, các tiêu chuẩn, tiêu chí cần đạt được để thực hiện nâng loại đô thị theo đúng quy định pháp luật.	
<b>4</b>	<b>Về hạ tầng kỹ thuật</b>	
4.1	Bổ sung đánh giá tình hình thực hiện, sự phù hợp và tính khả thi triển khai trong thời kỳ 2021 - 2030 của các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang,...) trong các đồ án quy hoạch thời kỳ trước theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ.	Nội dung đánh giá tình hình thực hiện, sự phù hợp và tính khả thi triển khai trong thời kỳ 2021 - 2030 của các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang,...) trong các đồ án quy hoạch thời kỳ trước đã được thể hiện tại Phụ lục đính kèm báo cáo quy hoạch tỉnh: <b>ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH THỜI KỲ TRƯỚC</b>

**PHỤ LỤC 2.13.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TÀI CHÍNH  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Tài Chính</b> <b>(Văn bản số 12000/BTC-NSNN ngày 16/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>Về sự phù hợp của các căn cứ pháp lý:</p> <p>Theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030 (thay thế Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích một số điều của Luật Quy hoạch): Quy hoạch tỉnh phải phù hợp quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các quy hoạch có thể lập đồng thời; quy hoạch nào được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước; sau khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn.</p> <p>Hiện nay, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 và quy hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số</p>	<p>Đã rà soát, cập nhật nội dung các quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 và quy hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được Quốc hội phê duyệt tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021, quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 28/10/2022 đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp và thống nhất.</p>

<b>Bộ Tài Chính</b> <b>(Văn bản số 12000/BTC-NSNN ngày 16/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	39/2021/QH15 ngày 13/11/2021, quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030 đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 28/10/2022 để trình Quốc hội xem xét, quyết định; do đó, đề nghị Tỉnh rà soát, cập nhật nội dung các quy hoạch nêu trên đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp và thống nhất.	
2	Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt, độ tin cậy và sự đầy đủ của số liệu, dữ liệu	Nhất trí với ý kiến tham gia
3	<p>Về nguồn vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch:</p> <p>Ngày 28/7/2021, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 29/2021/QH15 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh An Giang là 23.552,65 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách trung ương là 7.174,05 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 16.378,6 tỷ đồng). Ngày 21/02/2022, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 236/QĐ-TTg về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 2); theo đó, tỉnh An Giang được bổ sung 448,004 tỷ đồng vốn nước ngoài. Ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 652/QĐ-TTg về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 CTMTQG; theo đó, tỉnh An Giang được bổ sung 1.173,305 tỷ đồng. Như vậy, kế hoạch vốn</p>	<p>Về vấn đề này xin giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội được dự báo tại mục 1.1. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư, là là toàn bộ tiền vốn bỏ ra (chi tiêu) để làm tăng hoặc duy trì năng lực sản xuất và nguồn lực để nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội trong một thời kỳ 2021-2025, 2026-2030 và 2021-2030.</li> <li>- Nội hàm của vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Vốn đầu tư tạo ra tài sản cố định là chi phí làm tăng thêm giá trị tài sản cố định, gồm vốn đầu tư xây dựng mới nhà cửa, vật kiến trúc, mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản và chi phí cho sửa chữa lớn tài sản cố định (tức là những chi phí bằng tiền để tạo mới, mở rộng, xây dựng lại, khôi phục hoặc nâng cấp năng lực sản xuất của tài sản cố định của nền kinh tế). Toàn bộ chi phí cho việc thăm dò, khảo sát thiết kế và quy hoạch xây dựng chuẩn bị cho việc đầu tư cũng như chi phí lắp đặt máy móc</li> </ul> </li> </ul>



<b>Bộ Tài Chính</b> <b>(Văn bản số 12000/BTC-NSNN ngày 16/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh An Giang là 25.173,959 tỷ đồng (trong đó, vốn ngân sách trung ương là 8.795,359 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 16.378,6 tỷ đồng).</p> <p>Theo báo cáo quy hoạch của tỉnh (trang 802 Báo cáo tổng hợp), tổng nguồn vốn đầu tư tỉnh An Giang cần huy động để đạt mục tiêu phát triển trong kỳ quy hoạch giai đoạn 2021-2030 là 653 ngàn tỷ đồng, gồm giai đoạn 2021-2025 là 235 ngàn tỷ đồng, gấp 9,34 lần so với mức đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030 là 418 ngàn tỷ đồng; trong đó: vốn ngân sách nhà nước là 98 ngàn tỷ đồng<sup>7</sup> (chiếm 33%), vốn của doanh nghiệp và dân cư là 481 ngàn tỷ đồng<sup>8</sup> (chiếm 65,8%) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 74 ngàn tỷ đồng<sup>9</sup> (chiếm 1,2%), chưa chi tiết nhu cầu nguồn vốn theo từng năm.</p> <p>Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị tỉnh rà soát lại nguồn vốn cho phù hợp nhằm đảm bảo tính khả thi của Quy hoạch tỉnh An Giang; đồng thời, phân kỳ chi tiết nguồn vốn đầu tư theo từng năm đối với từng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư nước ngoài, vốn huy động từ doanh nghiệp và dân cư) và có giải pháp huy động đối với từng nguồn vốn phù hợp.</p>	<p>thiết bị cũng được tính vào khoản mục này.</p> <p>b) Vốn đầu tư làm tăng tài sản lưu động là chi phí duy trì và phát triển sản xuất gồm vốn đầu tư mua nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản. Đây là khoản vốn lưu động được bổ sung trong kỳ nghiên cứu.</p> <p>c) Vốn đầu tư thực hiện khác gồm tất cả các khoản đầu tư của xã hội nhằm tăng năng lực phát triển của xã hội. Sự phát triển của xã hội ngoài yếu tố là tăng tài sản cố định, tài sản lưu động còn yếu tố tăng nguồn lực khác như: nâng cao dân trí, tăng cường phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường sinh thái, hỗ trợ các chương trình phòng chống tệ nạn xã hội và các chương trình phát triển khác như chương trình, mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng, kế hoạch hóa gia đình; Chương trình bảo vệ động vật quý hiếm; Chương trình phổ cập giáo dục, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực; Chương trình xóa đói giảm nghèo v.v...</p> <p>- Nguồn vốn quý Bộ nêu ra trong văn bản góp ý là nguồn vốn đầu tư công thuộc vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước là một bộ phận cấu thành trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội.</p>

<sup>7</sup> Giai đoạn 2021-2025 là 35 ngàn tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 63 ngàn tỷ đồng.

<sup>8</sup> Giai đoạn 2021-2025 là 188 ngàn tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 293 ngàn tỷ đồng.

<sup>9</sup> Giai đoạn 2021-2025 là 12 ngàn tỷ đồng, giai đoạn 2026-2030 là 62 ngàn tỷ đồng.

<b>Bộ Tài Chính</b> <b>(Văn bản số 12000/BTC-NSNN ngày 16/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
4	Về giải pháp thực hiện quy hoạch: Đề nghị tỉnh bổ sung giải pháp thực hiện rà soát việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả, đồng thời khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không còn nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	Đã tiếp thu bổ sung tại mục 1.2.1. Đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, mục 1, mục XV, chương III.

**PHỤ LỤC 2.14.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Công Thương</b> <b>(Văn bản số 7408/BCT-KH ngày 21/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>1. Nhận xét chung</p> <p>- Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại văn bản số 420/UBND-TH ngày 29 tháng 5 năm 2022, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 3359/BCT-KH ngày 14 tháng 6 năm 2022 tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch Tỉnh. Các ý kiến của Bộ Công Thương cơ bản đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa báo cáo tổng hợp Quy hoạch.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>- Dự thảo Quyết định phê duyệt nêu tương đối tóm tắt, chỉ mang tính định hướng, chưa đảm bảo yêu cầu là phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Luật Quy hoạch. Vì vậy, để có đủ căn cứ và đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đề nghị rà soát, biên tập và nêu đầy đủ các phương án quy hoạch đã được nêu trong báo cáo (chỉ không thể hiện phần hiện trạng, dự báo trong Quyết định phê duyệt, các quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án quy hoạch được xây dựng trong báo cáo tổng hợp cần biên</p>	Tiếp thu và chỉnh sửa theo góp ý của quý Bộ

<b>Bộ Công Thương</b> <b>(Văn bản số 7408/BCT-KH ngày 21/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	tập phù hợp trong dự thảo quyết định và phụ lục kèm theo quyết định).	
	<p>2. Ý kiến cụ thể</p> <p>2.1. Về công nghiệp:</p> <p>- Cơ bản thống nhất với định hướng phát triển các ngành công nghiệp của Tỉnh. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu phát triển công nghiệp có tính nền tảng, bền vững phù hợp với điều kiện, tự nhiên, lợi thế của tỉnh An Giang. Ngoài ra, đề nghị xác định rõ những ngành công nghiệp chủ lực, làm động lực phát triển công nghiệp của Tỉnh trong thời gian tới.</p>	<p>Vấn đề này xin tiếp thu và giải trình như sau: Báo cáo quy hoạch đã nghiên cứu các ngành công nghiệp có tính nền tảng, bền vững phù hợp với điều kiện, tự nhiên, lợi thế của tỉnh An Giang, bao gồm các ngành: chế biến lương thực, thực phẩm (sản phẩm chế biến từ gạo, chế biến từ rau củ quả, chế biến từ thủy sản nuôi, chế biến từ nấm, chế biến dược liệu, chế biến thịt, sữa và các sản phẩm từ sữa, các thực phẩm chế biến khác...); công nghiệp sản xuất may mặc, da giày; công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản; công nghiệp năng lượng...được nêu tại mục 2. Phát triển ngành công nghiệp, mục III, chương III.</p>
3	<p>- Đối với hạ tầng công nghiệp, tại trang 497, trang 498 của dự thảo Báo cáo quy hoạch, đề nghị bổ sung tổng số CCN và tổng diện tích các CCN theo từng giai đoạn; nêu rõ các CCN điều chỉnh (tăng, giảm diện tích, thay đổi tên...), các bổ sung mới, ngành nghề thu hút đầu tư (phù hợp với định hướng phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2021-2030); nêu rõ cơ sở rút khỏi quy hoạch và phương án chuyển đổi; nêu rõ cơ sở bổ sung và hiện trạng đất đai các CCN bổ sung vào quy hoạch.</p> <p>Để có cơ sở triển khai quy hoạch, đề nghị thể hiện trong dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch Danh mục các khu, cụm công nghiệp dự kiến phát triển (gồm: tên, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, phân kỳ đầu tư...).</p>	<p>Báo cáo đã bổ sung, chỉnh sửa nêu rõ, số lượng, tổng diện tích (giữ nguyên, mở rộng, quy hoạch mới) của các CCN trong thời kỳ 2021-2030, đã bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư tại mục 5.3. Phương án phát triển cụm công nghiệp, mục 5, mục V, chương III.</p> <p>Về bổ sung số lượng và diện tích các CCN theo từng giai đoạn 5 năm: An Giang cũng như các tỉnh khác trong vùng ĐBSCL việc mời gọi thu hút đầu tư phát triển vào các CCN là rất khó khăn, trong bối cảnh phát triển hiện nay của Vùng cũng như của tỉnh có nhiều yếu tố mang tính bất định, do đó việc phát triển các CCN (diện tích, số lượng) vẫn xác định trong cả thời kỳ 2021-2030, nhằm đảm bảo quy hoạch phát triển các CCN mang tính quy hoạch mở, uyển chuyển linh hoạt theo nhu cầu và sự lựa chọn của các</p>

<b>Bộ Công Thương</b> <b>(Văn bản số 7408/BCT-KH ngày 21/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>nhà đầu tư.</p> <p>Trong dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ đã chỉnh sửa lại phụ lục XI: Danh mục dự án hạ tầng quan trọng Cụm công nghiệp tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030 như góp ý.</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công và thông nhất trong giải pháp chung thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030</p>	<p>Các giải pháp về cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp, thu hút đầu tư hạ tầng công nghiệp đã được đề cập tại mục 2.3. Giải pháp phát triển, mục 2, mục III, chương III. Tuy nhiên, nội dung BCTH chỉ nêu những vấn đề lớn mang tính tổng thể.</p>
4	<p>2.2. Về thương mại</p> <p>- Làm rõ phương án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư. Rà soát các quy hoạch tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, ban hành kèm theo Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 Chính phủ (gồm Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030; Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hệ thống trung tâm logistic trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030) để nghiên cứu, xem xét tích hợp trong quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021-2030 phù hợp</p>	<p>Cơ quan lập Quy hoạch tiếp thu ý kiến đóng góp và đã rà soát, bổ sung các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về hạ tầng chợ, đã bổ sung định hướng phát triển hạ tầng từng loại hình chợ, tại mục 3.2, mục 3, mục III, chương III.</li> <li>- Về trung tâm logistic, đã bổ sung tại mục 3.2, mục 3, mục III, chương III.</li> </ul>

<b>Bộ Công Thương</b> <b>(Văn bản số 7408/BCT-KH ngày 21/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	Hiện nay trong dự thảo Quyết định phê duyệt mới chỉ nêu số lượng chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, không nêu rõ về hạng, quy mô, tính chất hạ tầng thương mại, chưa có trung tâm logistics quy mô phù hợp.	Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại phụ lục XIII đính kèm Quyết định phê duyệt QH tỉnh.
5	<p>- Đối với hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt, trên cơ sở dự báo nhu cầu về quy mô, sức chứa của hệ thống kho xăng dầu, khí đốt trên địa bàn tỉnh và Vùng xác định tổng quy mô sức chứa trong thời gian tới, đề nghị xác định hệ thống dự trữ xăng dầu, khí đốt quy mô cấp tỉnh và định hướng phát triển hệ thống cung ứng xăng dầu, khí đốt (hệ thống cửa hàng xăng dầu, trạm chiết nạp khí đốt...) trên địa bàn Tỉnh đảm bảo an ninh năng lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân, đồng thời bố trí quỹ đất phù hợp. Theo đó, đề nghị: (i) cập nhật thực trạng hệ thống kho dự trữ xăng dầu cấp tỉnh quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup> (như Kho Vĩnh Tre 2.100 m<sup>3</sup>, Kho Lam Sơn 195 m<sup>3</sup>, Kho Long Xuyên 4.700 m<sup>3</sup>, Kho Mỹ Thới 330 m<sup>3</sup>, Kho An Kiên 514 m<sup>3</sup>, Kho Mỹ Hòa 204 m<sup>3</sup>, Kho Huy Hoàng 870 m<sup>3</sup>, Kho Hiệp Hưng 210 m<sup>3</sup>, Kho Long Sơn 180 m<sup>3</sup>); (ii) hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh định hướng phát triển trong kỳ quy hoạch; (iii) không đưa vào danh mục quy hoạch tại phụ lục 13 kho xăng dầu, LPG, LNG tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới vì theo dự thảo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030 chưa quy hoạch cụ thể kho xăng dầu quy mô lớn trên địa bàn tỉnh An Giang).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến đóng góp và rà soát, chỉnh sửa các nội dung tại mục 3.2, mục 3, mục III, chương III, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã cập nhật thực trạng hệ thống kho dự trữ xăng dầu cấp tỉnh quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>.</li> <li>- Đã cập nhật định hướng phát triển hạ tầng dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030</li> <li>- Đồng thời đã bỏ kho xăng dầu, gas, LNG Hòa An tại xã Hoà An, huyện Chợ Mới ra khỏi danh mục dự án quy hoạch, tại phụ lục XIV.</li> </ul>

<b>Bộ Công Thương</b> <b>(Văn bản số 7408/BCT-KH ngày 21/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
6	<p>3. Về phương án phát triển điện lực</p> <p>- Trên cơ sở nhu cầu điện theo từng thành phần phụ tải, thực trạng vận hành lưới điện, cân đối nguồn tải theo vùng phụ tải, đề nghị làm rõ sự cần thiết quy hoạch mới hoặc nâng công suất các trạm biến áp 110 kV, phương hướng phát triển đường dây 110 kV liên kết giữa các trạm 110 kV và liên kết với tỉnh khác, các xuất tuyến 110 kV sau trạm 220 kV để cấp điện cho Tỉnh; bổ sung sơ đồ, bản đồ lưới điện trên địa bàn Tỉnh các giai đoạn quy hoạch.</p> <p>- Đề nghị rà soát danh mục công trình nguồn điện, hạ tầng truyền tải, phân phối điện trong Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030 phù hợp với các quy hoạch phát triển điện lực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 2389/QĐ-BCT ngày 4/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ) và dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>- Cơ quan lập quy hoạch và đơn vị tư vấn tiếp tục tham vấn và tiếp thu ý kiến của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Nam đối với nội dung phương án cấp điện trên địa bàn Tỉnh trong quá trình hoàn thiện quy hoạch.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Bảng nhu cầu điện, công suất theo từng thành phần phụ tải ở mục 2.1, mục 2, mục V, chương III.</li> <li>2. Cân đối nguồn tải từng phân vùng phụ tải: có thể hiện ở các bảng, từ cân đối thừa thiếu của từng vùng, từ đó đã đưa ra các trạm biến áp cần nâng công suất và xuất hiện mới cho từng vùng ở mục 2.1, mục 2, mục V, chương III..</li> <li>3. Phát triển đường dây 110kV liên kết giữa các trạm 110kV và liên kết với tỉnh khác có nêu ở mục 2.4.2, mục 2, mục V, chương III.</li> <li>4. Đã thực hiện sơ đồ, bản đồ tỉnh theo các giai đoạn quy hoạch</li> <li>5. Các công trình điện đã đưa vào danh mục đầu tư theo phân kỳ và thứ tự ưu tiên ở phân phụ lục</li> </ol>

<b>Bộ Công Thương</b> <b>(Văn bản số 7408/BCT-KH ngày 21/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
7	<p>4. Về danh mục các dự án đầu tư</p> <p>Để có cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch và đảm bảo tính khả thi của quy hoạch, ngoài các dự án ưu tiên đầu tư, cần phải xác định danh mục các công trình, dự án cần triển khai thực hiện trong giai đoạn quy hoạch. Ngoài ra, đối với các dự án thuộc các quy hoạch ngành quốc gia không phải đối tượng của quy hoạch tỉnh nhưng cần cập nhật để bố trí quỹ đất, triển khai thực hiện đồng bộ.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
8	<p>5. Về nội dung đánh giá môi trường chiến lược</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch đã được lập thành Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) riêng biệt và gửi kèm theo hồ sơ trình thẩm định quy hoạch đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường 2020.</li> <li>- Theo quy định tại Khoản 5, Điều 26, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về nội dung ĐMC của Quy hoạch. Theo đó, đề nghị bổ sung việc tiếp thu ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định nêu trên.</li> <li>- Nung quy hoạch tỉnh có tích hợp một số nội dung/định hướng của các quy hoạch ngành quốc gia, vì vậy, đề nghị nghiên cứu, tham khảo, bổ sung các vấn đề về môi trường đã được xác định, đánh giá trong các quy hoạch ngành quốc gia trong nội dung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh An Giang.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia





**PHỤ LỤC 2.15.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<b>I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH</b>	
1	1. Hồ sơ quy hoạch, bao gồm: (i) Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Báo cáo tóm tắt quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iv) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	2. Các tài liệu khác có liên quan, bao gồm: (i) Tờ trình thẩm định quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (iii) Các văn bản khác có liên quan gồm văn bản trình thẩm định; tổng hợp ý kiến góp ý quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý quy hoạch; quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Nhất trí với ý kiến tham gia

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<b>II. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HỒ SƠ QUY HOẠCH</b>	
3	1. Danh mục hồ sơ: đảm bảo đầy đủ các tài liệu theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 1291/QĐ- HĐTĐ ngày 17/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh.	Nhất trí với ý kiến tham gia
4	2. Nhận xét, đánh giá chung về các phần và nội dung các phần trong hồ sơ quy hoạch (nếu có): hồ sơ quy hoạch còn thiếu một số nội dung tích hợp, đề nghị rà soát, bổ sung. Tổng số các dự án ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng GTVT trong giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang lên đến 22 dự án, trong đó riêng giai đoạn 2021 - 2025 là 13 dự án nên cần thiết thực hiện rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên cho phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của từng giai đoạn tương ứng.	Nhất trí với ý kiến tham gia
5	3. Kết luận: đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.	Nhất trí với ý kiến tham gia
	<b>III. NHẬN XÉT CỤ THỂ VỀ NỘI DUNG QUY HOẠCH</b>	
6	1. Nhận xét, đánh giá thẩm định về nội dung quy hoạch 1.1. Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt: (i) Cơ bản đảm bảo phù hợp với Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Chưa thể hiện nội dung về kết quả dự báo nhu cầu vận tải tương ứng với các hành lang vận tải, phân chia theo phương thức vận tải làm cơ sở hoạch định quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.	Nhất trí với ý kiến tham gia

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	1.2. Việc tuân thủ quy trình lập quy hoạch và việc tích hợp các nội dung quy hoạch tỉnh	
7	- Đã thực hiện việc tích hợp một số nội dung theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và mục 6, phụ lục 2 văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 về nội dung cần tích hợp vào quy hoạch tỉnh.	Nhất trí với ý kiến tham gia
8	- Trong quá trình xây dựng quy hoạch tỉnh, Bộ GTVT đã có văn bản số 7084/BGTVT-KHĐT ngày 14/7/2022 tham gia ý kiến dự thảo quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các nội dung góp ý đều được tiếp thu, giải trình là đã tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung, Bộ GTVT lưu ý một số nội dung dưới đây cần được tiếp tục nghiên cứu, rà soát để hoàn thiện thêm:	Nhất trí với ý kiến tham gia
9	+ Đề nghị bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể làm cơ sở cho việc nghiên cứu, xác định nội dung quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông.	Đã bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1, mục VI, chương III.
10	+ Đề nghị bổ sung thuyết minh chi tiết hiện trạng kết cấu hạ tầng đường bộ đối với từng tuyến như điểm đầu, điểm cuối, quy mô, kết cấu v.v... từ đó có những phân tích, đánh giá về tình trạng khai thác, khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải, các tồn tại, bất cập của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông làm căn cứ để đề xuất phương án phát triển.	Đã tiếp thu bổ sung thuyết minh chi tiết hiện trạng của kết cấu hạ tầng kỹ thuật đối với từng tuyến như điểm đầu, điểm cuối, quy mô, kết cấu v.v...tại phụ lục 17, 18 của phụ lục II, trong Phụ lục đính kèm.

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
11	<p>+ Bổ sung phụ lục thống kê quy hoạch các điểm đầu nối với quốc lộ, bổ sung thống kê quy hoạch các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02/12/2019 của Chính phủ về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.</p>	<p>1. Bổ sung phụ lục thống kê quy hoạch các điểm đầu nối với quốc lộ: thực hiện Điều 3, Nghị định 117/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, ban hành quyết định phê duyệt các điểm đầu nối vào quốc lộ thay thế quy hoạch điểm đầu nối được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ và các điểm đầu nối đã được Bộ Giao thông vận tải thỏa thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực để tiếp tục triển khai thực hiện đầu nối vào quốc lộ. Theo đó, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập và trình hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào quốc lộ trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ GTVT.</p> <p>2. Nội dung quy hoạch các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh được thể hiện tại mục 1.3.6. Phương án bố trí các bến, bãi đỗ xe, mục 1, mục VI, chương III.</p>
12	<p>+ Đề nghị bổ sung quy hoạch định hướng các khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên cơ sở triển khai các dự án trong quy hoạch liên quan, đảm bảo hiệu quả hoạt động nạo vét, duy tu các tuyến luồng, vùng nước hàng hải và đầu tư, khai thác cảng biển tại địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường</p>	<p>- Nếu lập điểm đổ thải chung trên đại bàn tỉnh thì diện tích khá lớn, ảnh hưởng đến diện tích trồng lúa. Ngoài ra, khoảng cách từ điểm đổ thải tới các vị trí nạo vét khá xa sẽ làm tăng chi phí của từng dự án.</p> <p>- Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai nạo vét các tuyến đường thủy theo phương án lập một điểm đổ thải tạm thời theo từng dự án, trong đó sẽ bố trí hệ thống gom</p>

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Điều 47 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.	nước đọng và xử lý trước khi thải ra môi trường, bên trên sẽ bố trí bạt để tránh bụi, sau khi hoàn thành nạo vét sẽ bán các sản phẩm nạo vét để làm vật liệu xây dựng như: cát, vật liệu san nền,... Phương án này có khá nhiều lợi thế: không mất diện tích đất để làm điểm đổ thải, vẫn đảm bảo được môi trường, giảm chi phí vận chuyển và tận dụng được các sản phẩm nạo vét để thu hồi vốn đầu tư cho dự án. → Kiến nghị vẫn thực hiện theo phương án hiện nay để giảm áp lực cho ngân sách địa phương, thu hút được các thành phần kinh tế khác để phát triển hạ tầng giao thông thủy,...
13	+ Nghiên cứu chỉ đề xuất các dự án đầu tư từ nguồn vốn địa phương, không đề xuất các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương để đảm bảo tránh trùng lặp giữa các quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến đóng góp và đã rà soát lại danh mục dự án ưu tiên đầu tư
	1.3. Nội dung quy hoạch tỉnh	
14	- Cơ bản đầy đủ các nội dung cần thực hiện trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.	Nhất trí với ý kiến tham gia
15	- Đã có thông tin, số liệu thống kê về vận tải hàng hóa, hành khách (trang 106 và 107) nhưng chưa có kết quả nghiên cứu, dự báo nhu cầu vận tải trong những năm tiếp theo; số liệu thống kê về kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đã được cập nhật (từ trang 199 đến trang 203), đề nghị tách riêng đầu mục của 02 nội dung về cảng bến đường thủy nội	1.Kết quả nghiên cứu, dự báo nhu cầu vận tải trong những năm tiếp theo được thể hiện tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1, mục VI, chương III. 2.Đã tách riêng đầu mục của 02 nội dung về cảng bến đường thủy nội địa và cảng biển thành mục 1.5. Hệ thống cảng biển, mục 1, mục IV, chương II.

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	địa và cảng biển <sup>10</sup> , bổ sung phân tích sự kết nối, lưu thông hàng hóa trên các tuyến vận tải thủy nội địa.	3. Đã bổ sung phân tích sự kết nối, lưu thông hàng hóa trên các tuyến vận tải thủy nội địa tại đoạn thứ 4, mục 1.6.1. Về khả năng kết nối vùng, mục 1, mục IV, chương II.
16	- Đã thực hiện việc phân tích, đánh giá hiện trạng và nghiên cứu, đề xuất quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển; đề nghị nghiên cứu bổ sung dự báo nhu cầu vận tải có phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể.	Đã bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1, mục VI, chương III.
17	- Đã nghiên cứu bố trí không gian các công trình có quy mô lớn, dự án quan trọng cấp quốc gia về giao thông vận tải trên địa bàn như đường cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, hệ thống quốc lộ, cảng biển và đường thủy nội địa...; Cơ bản đảm bảo sự kết nối, thống nhất với quy hoạch ngành quốc gia, tuy nhiên cần cập nhật một số nội dung liên quan đến phương án phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia được duyệt, đặc biệt làm rõ vai trò, định hướng phát triển các tuyến quốc lộ quy hoạch mới trên địa bàn tỉnh (Quốc lộ 80B, 80C). Đề nghị bổ sung định hướng phát triển đường đô thị phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.	1. Đã làm rõ vai trò, định hướng phát triển các tuyến quốc lộ quy hoạch mới trên địa bàn tỉnh (Quốc lộ 80B, 80C) tại đoạn thứ 7 và đoạn thứ 8 của mục 1.3.2. Đường quốc lộ, mục 1, mục VI, chương III. 2. Đã bổ sung định hướng phát triển đường đô thị phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh tại mục 1.3.4. Hệ thống đường đô thị, mục 1, mục VI, chương III.
18	- Đề nghị không đưa nội dung phương án phát triển và kết nối đường sắt trong báo cáo quy hoạch do không có kết cấu hạ tầng đường sắt trên địa bàn hoặc có thể điều chỉnh thành nội dung định hướng kết nối giao thông vận tải.	Đã điều chuyển nội dung phương án phát triển và kết nối đường sắt vào mục 1.7. Định hướng kết nối giao thông, mục 1, mục VI, chương III.

<sup>10</sup> Hiện đang gộp chung vào mục 1.3 Hệ thống công trình phục vụ vận tải (trang 201).

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
19	- Do chưa có số liệu dự báo nhu cầu vận tải được phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể nên chưa đủ điều kiện để đánh giá sự phù hợp về quy mô, mức độ đáp ứng của phương án quy hoạch so với dự báo xu thế phát triển và điều kiện thực tế địa phương.	Đã bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1, mục VI, chương III.
20	- Đề nghị sử dụng các cụm từ: Cảng biển, bến cảng biển, cảng cạn và không sử dụng cụm từ “Cảng biển nước sâu, cảng cạn ICD” trong thuyết minh, bản đồ quy hoạch cho phù hợp với Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính Phủ về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn và Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021.	Đã sử dụng các cụm từ “Cảng biển, bến cảng biển, cảng cạn” thay thế các cụm từ “Cảng biển nước sâu, cảng cạn ICD”
	1.4. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện	
21	Việc xác định dự án hạ tầng giao thông vận tải ưu tiên đầu tư được đề xuất căn cứ trên các tiêu chí về phù hợp với định hướng phát triển trong quy hoạch cấp cao hơn; trọng tâm là ưu tiên phát triển kinh tế của tỉnh; tính cấp thiết, tháo gỡ khắc phục những hạn chế; hiệu quả kinh tế - xã hội, lan tỏa sâu rộng giữa các vùng miền; phù hợp cân đối tổng thể về nguồn lực... Danh mục các dự án đã tổng hợp các dự án đang triển khai để ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, các dự án đang nghiên cứu để dự kiến trong giai đoạn 2026 - 2030. Do tổng số các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông khá nhiều nên đề nghị bổ sung đánh giá về khả năng huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch, bảo đảm phù hợp với thực tiễn cân đối nguồn lực đầu tư trên địa bàn từ trước đến nay. Quá trình xem xét triển khai	Đã rà soát và sắp xếp lại các dự án giao thông theo như góp ý.



<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	các dự án trên địa bàn, đề nghị bổ sung yêu cầu đánh giá tác động đến các dự án đầu tư theo hình thức đầu tư BOT (nếu có) trên địa bàn, tránh ảnh hưởng đến phương án tài chính của các dự án này.	
	2. Nhận xét, đánh giá chi tiết về nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định số 7279/KH-HĐTĐ ngày 12/10/2022 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định với chức năng quản lý nhà nước của Bộ GTVT	
22	2.1. Các căn cứ lập quy hoạch Đã thống kê các quyết định phê duyệt quy hoạch quốc gia ngành GTVT, phù hợp với yêu cầu lập quy hoạch kết cấu hạ tầng GTVT trên địa bàn tỉnh.	Nhất trí với ý kiến tham gia
23	2.2. Về hiện trạng - Về hiện trạng kết cấu hạ tầng đường bộ: sau khi thống kê số liệu, đánh giá hiện trạng, đề nghị bổ sung đánh giá các kết quả đạt được so với mục tiêu đặt ra trong quy hoạch giai đoạn trước, từ đó xác định điểm nghẽn, nút thắt về kết cấu hạ tầng giao thông; Đề nghị bổ sung đánh giá về đặc điểm vị trí, điều kiện tự nhiên, địa hình của An Giang trong Vùng đồng bằng sông Cửu Long, bổ sung phân tích mối liên hệ với Kiên Giang và kết nối quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia để làm rõ tác động của các yếu tố này tới hiện trạng và sự phát triển của hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua, đặc biệt là các khó khăn do bị chia cắt bởi hệ thống sông Cửu Long, hiệu quả khi đầu tư xây dựng các cầu lớn vượt sông kết nối tỉnh với các địa phương lân cận (cầu Vàm Cống), nhu cầu bổ sung	<p>1. Nội dung đánh giá về đặc điểm vị trí, điều kiện tự nhiên, địa hình của An Giang trong Vùng đồng bằng sông Cửu Long tại mục I. <b>VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b>, Chương I.</p> <p>2. Nội dung phân tích mối liên hệ với Kiên Giang và kết nối quốc tế giữa Việt Nam – Campuchia đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1.6.2. Khả năng kết nối giữa An Giang với Kiên Giang và Vương quốc Campuchia, mục 1, mục IV, chương II.</p>

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	thêm các cầu lớn vượt sông để tăng hiệu quả kết nối làm cơ sở định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo.	
24	- Về hiện trạng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và hàng hải: đề nghị tách riêng đầu mục để thể hiện riêng 02 nội dung về cảng, bến đường thủy nội địa và cảng biển, bổ sung hàng lang vận tải thủy nội địa đi qua địa bàn tỉnh để phân tích sự kết nối, lưu thông hàng hóa trên các tuyến vận tải thủy nội địa.	1.Đã tách riêng đầu mục của 02 nội dung về cảng bến đường thủy nội địa và cảng biển thành mục 1.5. Hệ thống cảng biển, mục 1, mục IV, chương II. 2. Hàng lang vận tải thủy nội địa đi qua địa bàn tỉnh được bổ sung tại mục 1.3.1. Hàng lang vận tải, mục 1, mục IV, chương II.
25	- Đề nghị xem xét bổ sung một số nội dung trong phân tích, đánh giá hiện trạng hoạt động vận tải (số lượng phương tiện, sản lượng vận tải, thị phần vận tải của các phương thức vận tải v.v...); hệ thống trung tâm logistics, hệ thống cảng cạn; trạm dừng nghỉ v.v...; nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua làm cơ sở để đề xuất định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong quy hoạch.	Đã bổ sung thêm một số nội dung trong phân tích, đánh giá hiện trạng như góp ý tại mục 1.3.2 Hoạt động vận tải, mục 1, mục IV, chương II.
26	- Đề nghị bổ sung số liệu về các bãi đỗ xe phục vụ giao thông tỉnh trên địa bàn và phân tích, đánh giá làm cơ sở xây dựng quy hoạch tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo mục 6, phụ lục 2 văn bản số 373/BKHĐT-QLQH ngày 22/01/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục c) Bãi đậu xe công cộng, mục 1, mục VI, chương III.
	2.3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông	
27	- Về Đường bộ + Về nội dung báo cáo: (i) Đề nghị bổ sung thông tin về điểm đầu, điểm cuối, quy mô quy hoạch và tiến trình đầu tư các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh cho phù hợp	1. Thông tin về điểm đầu, điểm cuối, quy mô quy hoạch và tiến trình đầu tư các tuyến cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với Quyết định số 1454/QĐ-TTg được thể hiện tại mục 1.3.1. Đường cao tốc, 1.3.2. Đường

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464/BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>với Quyết định số 1454/QĐ-TTg<sup>11</sup>; (ii) Đề nghị nêu rõ các tuyến dự kiến được xây dựng tuyến tránh, nâng lên thành quốc lộ và chuyển thành đường địa phương, trong đó đối với quy hoạch các tuyến tránh, nâng lên thành quốc lộ trên địa bàn tỉnh, đề nghị xem xét kỹ lưỡng về sự cần thiết, nhu cầu và tính khả thi triển khai quy hoạch trong giai đoạn 2021 - 2030 trên cơ sở nhu cầu vận tải và điều kiện nguồn lực; đồng thời cần phối hợp chặt chẽ với Cục Đường bộ Việt Nam là cơ quan đang được giao lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành để hoạch định cho phù hợp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch các cấp; (iii) Đối với các đường trục chính đô thị đi trùng hệ thống quốc lộ, đề nghị bổ sung quy mô quy hoạch các trục chính đô thị và quy hoạch xây dựng hệ thống đường gom, đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ; (iv) đề nghị bổ sung quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe theo hướng dẫn về nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh; (v) Rà soát, bổ sung các nội dung theo yêu cầu tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 để đảm bảo tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16-26% so với quỹ đất xây dựng đô thị<sup>12</sup>.</p>	<p>quốc lộ, mục 1, mục VI, chương III và Phụ lục 1, của phụ lục VI, Phụ lục đính kèm.</p> <p>2. Bổ sung quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe: đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục c) Bãi đậu xe công cộng, mục 1, mục VI, chương III.</p> <p>3. Các đoạn đi qua các thị xã, thành phố, thị trấn đã đề xuất xây dựng đường tránh, khi đường tránh được hình thành thì đoạn đi qua đô thị sẽ chuyển thành đường địa phương do đó không cần thiết phải xây dựng đường gom, đường song hành</p>
28	<p>- Về Hàng hải + Trong nội dung dự thảo Quyết định phê duyệt Quy</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 2. Phương án phát triển mạng lưới giao thông của dự thảo Quyết định phê</p>

<sup>11</sup> Theo quy hoạch mạng lưới đường bộ được duyệt, trên địa bàn tỉnh An Giang có cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng (CT.34) và các tuyến Quốc lộ N1; N2; QL.80B; QL.80C; QL.91; QL.91C; QL.91D.

<sup>12</sup> Phù hợp với loại đô thị theo khoản 2 Điều 42 Luật Giao thông đường bộ

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>hoạch của cấp thẩm quyền đề nghị cơ quan lập quy hoạch không đưa chi tiết phần diện tích Cảng biển An Giang (diện tích 50 ha) nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch chuyên ngành hàng hải. Hiện nay, Bộ GTVT giao Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện lập Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước Cảng biển An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Do vậy, đề nghị tỉnh An Giang chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp chặt chẽ với Cục Hàng hải Việt Nam để đề xuất chi tiết các nội dung trên trong quy hoạch cảng biển, bảo đảm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang và khu vực.</p>	<p>duyet.</p>
29	<p>+ Một số nội dung dự thảo<sup>13</sup> chưa phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Đề nghị cơ quan lập quy hoạch chỉnh sửa cho phù hợp với Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: (i) Khu bến</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1.6. Cảng biển, mục 1, mục VI, chương III.</p>

<sup>13</sup> Tại mục a.1.3.IV “Kết nối với hệ thống cảng biển quốc gia” (từ trang 421 đến 422) có nội dung:

a) Cảng biển An Giang là cảng biển loại III, với diện tích 50 ha, gồm các khu bến:

- Khu bến Mỹ Thới: Bờ trái luồng sông Hậu, thuộc địa phận phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên. Quy mô gồm: các bến cảng tổng hợp, công ten nơ, bến phao chuyển tải.

Cỡ tàu: tàu trọng tải đến 10.000 DWT phù hợp với tỉnh không cầu Vàm Cống;

- Khu bến Bình Long: Bờ trái luồng sông Hậu, thuộc địa phận xã Bình Long, huyện Châu Phú. Quy mô gồm: bến cảng tổng hợp, bến khách, bến phao chuyển tải và bến chuyên dùng phục vụ các cơ sở công nghiệp. Cỡ tàu: tàu trọng tải đến 10.000 DWT phù hợp với tỉnh không cầu Vàm Cống.

Các bến phao, khu neo đậu chuyên tải, tránh, trú bão: Trong vùng nước cảng biển An Giang tại Mỹ Thới, Bình Long và các khu vực khác đủ điều kiện.

Khu bến Hòa An: nhằm hỗ trợ phát triển công nghiệp và dịch vụ logistics khu vực Phú Tân, Chợ Mới, kiến nghị đề xuất bổ sung quy hoạch khu bến Hòa An ở bờ phải luồng sông Hậu thuộc địa phận huyện Chợ Mới. Quy mô gồm: các bến cảng tổng hợp, hàng rời, công ten nơ, hàng lỏng (xăng dầu, LNG). Cỡ tàu: tàu trọng tải đến 10.000 DWT phù hợp với tỉnh không cầu Vàm Cống.

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	Bình Long, tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ chưa đề cập đến nội dung bến chuyên dùng phục vụ các cơ sở công nghiệp; (ii) Đối với Khu bến Hòa An, chưa có trong nội dung của Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (iii) Về nội dung, bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải tỉnh An Giang, đề nghị nghiên cứu bổ sung các ký hiệu để phân biệt giữa cảng biển và cảng đường thủy nội địa.	
30	+ Tại mục b. 1.3.IV “Cảng cạn (ICD)” (trang 422) có thể hiện và nêu “ <i>Cảng cạn (ICD)- Cảng cạn Bình Long: Quy hoạch có vị trí tại huyện Châu Phú, kết hợp với cảng Bình Long</i> ”. Theo nội dung dự thảo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 <sup>14</sup> , chưa có Quy hoạch cảng cạn Bình Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; do vậy, Bộ GTVT đề nghị UBND tỉnh An Giang chỉ đạo các đơn vị có liên quan căn cứ quy định pháp luật, quy hoạch cảng cạn hiện hành <sup>15</sup> và các nội dung nghiên cứu Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Cục Hàng Hải Việt Nam để dự thảo nội dung liên quan đến phát triển cảng cạn trong quy hoạch tỉnh An Giang, đảm bảo đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh và quy hoạch	<p>1. Cảng cạn Bình Long được triển khai xây dựng cảng cạn theo Quyết định số 2605/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch giao thông đường bộ và đường thủy tỉnh An Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.</p> <p>2. Đề nghị Bộ Giao thông Vận tải cập nhật Cảng cạn Bình Long vào nội dung dự thảo Báo cáo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay, trong bản dự thảo báo cáo cuối kỳ của Báo cáo quy hoạch, tại Phụ lục 05: Thống kê hiện trạng và quy hoạch cảng cạn khu vực miền Nam có xác định cảng cạn Bình Long, tỉnh An Giang, tuy nhiên trong nội dung báo cáo chưa thể hiện.</p>

<sup>14</sup> Cục Hàng hải Việt Nam trình Bộ GTVT tại Tờ trình số 3901/TTr-CHHVN ngày 28/10/2022.

<sup>15</sup> Quyết định số 2072/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1201/QĐ-BGTVT ngày 11/6/2018 của Bộ GTVT phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển hệ thống cảng cạn Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	ngành giao thông vận tải.	
31	+ Về nội dung liên quan đến định hướng phát triển các trung tâm logistics, đề nghị căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/02/2017, số 221/QĐ-TTg ngày 22/02/2021, trong đó đặc biệt lưu ý Mục II.11 tại Phụ lục về nhiệm vụ cụ thể để hoàn thiện kết cấu hạ tầng logistics <sup>16</sup> để có đề xuất phù hợp về định hướng phát triển trung tâm logistics và kiến nghị với cấp thẩm quyền về việc phối hợp với Bộ GTVT và các Bộ, ngành liên quan trong việc nghiên cứu quy hoạch về trung tâm logistics, cảng cạn, kho ngoại quan và các quy hoạch khác liên quan, đảm bảo gắn kết quy hoạch về trung tâm logistics, cảng cạn trong một tổng thể thống nhất theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu ý kiến đóng góp
32	+ Căn cứ Điều 47 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 và khoản 6 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 <sup>17</sup> , đề nghị nghiên cứu bổ sung, báo cáo cấp thẩm quyền về định hướng các khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển, làm cơ sở phối hợp, triển khai các quy hoạch liên	- Nếu lập điểm đổ thải chung trên đại bàn tỉnh thì diện tích khá lớn, ảnh hưởng đến diện tích trồng lúa. Ngoài ra, khoảng cách từ điểm đổ thải tới các vị trí nạo vét khá xa sẽ làm tăng chi phí của từng dự án. - Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang triển khai nạo vét các tuyến đường thủy theo phương án lập một điểm đổ thải tạm thời theo từng dự án, trong đó sẽ bố trí hệ thống gom

<sup>16</sup> “Bộ GTVT tài chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát các quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành dịch vụ logistics đảm bảo các quy hoạch, kế hoạch về giao thông, vận tải phù hợp với các chiến lược, quy hoạch về sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, xuất nhập khẩu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, gắn kết quy hoạch về trung tâm logistics, cảng cạn, kho ngoại quan trong một tổng thể thống nhất”.

<sup>17</sup> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển.

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	quan, đảm bảo hiệu quả, hoạt động nạo vét, duy tu các tuyến luồng, vùng nước hàng hải và đầu tư, khai thác cảng biển tại địa phương.	nước đọng và xử lý trước khi thải ra môi trường, bên trên sẽ bố trí bạt để tránh bụi, sau khi hoàn thành nạo vét sẽ bán các sản phẩm nạo vét để làm vật liệu xây dựng như: cát, vật liệu san nền,... Phương án này có khá nhiều lợi thế: không mất diện tích đất để làm điểm đổ thải, vẫn đảm bảo được môi trường, giảm chi phí vận chuyển và tận dụng được các sản phẩm nạo vét để thu hồi vốn đầu tư cho dự án. <input type="checkbox"/> Kiến nghị vẫn thực hiện theo phương án hiện nay để giảm áp lực cho ngân sách địa phương, thu hút được các thành phần kinh tế khác để phát triển hạ tầng giao thông thủy,...
33	- Về Đường thủy nội địa + Đề nghị nghiên cứu, phân tích mọi yếu tố trung và dài hạn, quy hoạch các cảng cạn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dọc theo các tuyến đường thủy nội địa hoặc có khoảng cách không quá 1 km tới các cảng thủy nội địa để tăng cường hiệu quả khai thác các tuyến đường thủy nội địa trên địa bàn.	Do đặc điểm sinh sống nên dọc các tuyến đường thủy chính hiện nay dân cư tập trung khá nhiều với mật độ đông, do đó việc xây dựng các cảng cạn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu sản xuất dọc theo các tuyến đường thủy chính là đặc biệt khó khăn, trong phương án quy hoạch cũng đã xem xét vấn đề này để đảm bảo thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa nhưng một số trường hợp phải xây dựng xa hơn để đảm bảo các yếu tố môi trường, quỹ đất,...
34	+ Đề nghị chỉnh sửa một số nội dung <sup>18</sup> : (i) “ <i>Hình thành 02 tuyến vận tải thủy liên tỉnh trên địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; tuyến vận tải thủy kết nối với Campuchia (tuyến sông Mê Kông). Quy</i>	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh trong dự thảo quyết định.

<sup>18</sup> Trang 13, dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p><i>hoạch các tuyến sông, kênh, rạch đường thủy nội địa, gồm: sông Hậu (4a); sông Bình Di; sông Châu Đốc; kênh Vĩnh Tế, rạch cái Vừng, rạch Cù Lao Giêng” thành “ Chú trọng, tăng cường năng lực 02 tuyến vận tải thủy nội địa liên tỉnh trên địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; tuyến vận tải thủy kết nối với Campuchia (sông Tiền). Nâng cấp, bảo trì, khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy nội địa: sông Hậu (4a); sông Bình Di; sông Châu Đốc; kênh Vĩnh Tế, rạch cái Vừng, rạch Cù Lao Giêng”; (ii) “Phát triển 04 cảng, bến hàng hóa, gồm: cảng Bình Long, cảng Tân Châu, cảng Phú Tân và cảng bốc xếp hàng hóa An Giang” thành “Nâng cấp và đầu tư, xây dựng mới 04 cảng, bến hàng hóa, gồm: cảng Bình Long, cảng Tân Châu, cảng Phú Tân và cảng bốc xếp hàng hóa An Giang”; (iii) “Phát triển 06 cảng, bến hành khách, gồm: Cảng hành khách Long Xuyên, cảng hành khách Châu Đốc, bến tàu khách Núi Sập, bến tàu Phú Tân, bến tàu Mỹ Hòa Hưng và bến tàu Mỹ Hiệp” thành “Nâng cấp và đầu tư, xây dựng mới 06 cảng, bến hành khách, gồm: Cảng hành khách Long Xuyên, cảng hành khách Châu Đốc, bến tàu khách Núi Sập, bến tàu Phú Tân, bến tàu Mỹ Hòa Hưng và bến tàu Mỹ Hiệp”.</i></p>	
35	<p>+ Ngoài ra, theo Luật Quy hoạch, lĩnh vực đường thủy nội địa chỉ có quy hoạch ngành quốc gia, không có quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành nên đề nghị Tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch Tỉnh nghiên cứu hợp phần quy hoạch đường thủy nội địa địa phương để tích hợp trong</p>	<p>Nội dung quy hoạch đường thủy nội địa địa phương được thể hiện tại mục 1.4. Định hướng phát triển giao thông đường thủy nội địa, mục 1 mục VI, chương III.</p>



<b>Bộ Giao thông vận tải</b> <b>(Văn bản số 12464 /BGTVT-KHĐT ngày 25 tháng 11 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	quy hoạch Tỉnh, làm cơ sở tổ chức triển khai cụ thể.	
36	<p>3. Yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch (nếu có)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị bổ sung nội dung dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải, các tuyến luồng cụ thể là cơ sở cho việc hoạch định quy mô quy hoạch, xác định thời điểm cần thiết đầu tư và đánh giá, xếp hạng thứ tự ưu tiên đầu tư.</li> <li>- Tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia nêu trên và cập nhật, chỉnh sửa nội dung dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đã bổ sung kết quả dự báo nhu cầu vận tải và phân chia theo các phương thức vận tải tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1 mục VI, chương III và Kết quả dự báo chi tiết đính kèm phụ lục Báo cáo tổng hợp.</li> <li>2. Đã tiếp thu giải trình các ý kiến như góp ý</li> </ul>

**PHỤ LỤC 2.16.**

**GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ CÔNG AN  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>Bộ Công An</b> <b>(Văn bản số 4185/BCT-KH ngày 30/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p>1.1. Ngày 27/6/2022, Bộ Công an đã có văn bản số 2230/BCA-ANKT trao đổi UBND tỉnh An Giang tham gia ý kiến đối với dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh). Các ý kiến của Bộ Công an cơ bản đã được cơ quan lập quy hoạch tỉnh An Giang nghiên cứu, tiếp thu, bổ sung vào báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thể hiện cụ thể trong báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p>- Về quy hoạch sử dụng đất an ninh: + Theo thống kê của Bộ Công an, tính đến tháng 8/2022, tổng diện tích đất trên địa bàn tỉnh An Giang do Bộ Công an đang quản lý, sử dụng là 236,81 ha, bao gồm 192,43ha đất an ninh và 44,38ha đất khác. Đối chiếu với số liệu tại Bảng 26 (trang 152), Bảng 27 (trang 154), Bảng 78 (trang 516) và tại điểm b mục 2.1.2 (trang 207) của dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh, số liệu hiện trạng đất an ninh trên địa bàn tỉnh An Giang (47ha) là chưa thống nhất với số liệu quản lý của Bộ Công an. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh An Giang rà soát, cập nhật và hiệu chỉnh số liệu hiện trạng sử dụng đất an ninh theo số liệu của Bộ Công an.</p>	<p>+ Về hiện trạng sử dụng đất an ninh: Theo kết quả thống kê đất đai tỉnh An Giang (được UBND tỉnh phê duyệt tại Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 31/3/2021), diện tích đất an ninh trên địa bàn tỉnh An Giang là 47,3 ha. Qua rà soát, sự sai khác giữa 02 nguồn số liệu được xác định tại vị trí khu đất Trại giam Định Thành, diện tích 158,87 ha. Bộ Công an thống kê toàn bộ diện tích 158,87 ha là đất an ninh; tuy nhiên theo hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận đã cấp cho Trại giam Định Thành thì diện tích sử dụng vào mục đích đất an ninh là 12,32 ha, còn lại 146,55 ha sử dụng vào mục đích đất khác (đất nông nghiệp,</p>

<b>Bộ Công An</b> <b>(Văn bản số 4185/BCT-KH ngày 30/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>+ về việc giao đất an ninh lại cho địa phương quản lý, sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội: số liệu về diện tích đưa ra khỏi quy hoạch sử dụng đất an ninh tại mục 5.6.2 (trang 502) của dự thảo quy hoạch tỉnh (2,2ha) cơ bản phù hợp với đề xuất của Công an tỉnh An Giang (đưa ra khỏi quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021-2030 05 vị trí với tổng diện tích 2,1967ha, gồm: 03 vị trí tại thành phố Long Xuyên với tổng diện tích 1,4788ha, 01 vị trí tại huyện Tịnh Biên với diện tích 0,0514ha và 01 vị trí tại huyện Châu Phú với diện tích 0,6665ha).</p> <p>Tuy nhiên, tại Bảng 97 (trang 615) của dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh có nêu số liệu về diện tích đất an ninh bị thu hồi là 1,0ha (tại thành phố Long Xuyên). Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh cung cấp thông tin làm rõ: Vị trí đất an ninh bị thu hồi (địa điểm đơn vị hành chính cấp xã, đơn vị quản lý, sử dụng đất) và việc thu hồi đất an ninh này có thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng theo quy định tại Điều 62, Điều 63 và Điều 66 Luật Đất đai 2013.</p>	<p>đất nuôi trồng thủy sản, đất giao thông, đất thủy lợi nội đồng).</p> <p>Từ cơ sở nêu trên, UBND tỉnh đề xuất Bộ Công an thống nhất số liệu như sau: Tổng diện tích đất trên địa bàn tỉnh An Giang do Bộ Công an quản lý là 236,81 ha, diện tích sử dụng vào mục đích đất an ninh là 47,3 ha (theo số liệu thống kê đất đai tỉnh An Giang), diện tích sử dụng vào mục đích khác là 189,51 ha.</p>
3	<p>+ về quy hoạch sử dụng đất an ninh trong thời kỳ quy hoạch: theo số liệu tại mục 5.6.2 (trang 502), Bảng 95 (trang 505), điểm b mục 2.2 (trang 607) và Bảng 96 (trang 612) của dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh, diện tích quy hoạch đất an ninh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang là 225ha, thấp hơn 68ha so với chỉ tiêu đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phân bổ theo Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 (293ha).</p>	<p>+ Về quy hoạch sử dụng đất an ninh trong thời kỳ quy hoạch:</p> <p>(1) Đối với 06 vị trí đất an ninh là các trụ sở làm việc của lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy tại 06 khu công nghiệp (15 ha): UBND tỉnh sẽ đề nghị chủ đầu tư dự án khu công nghiệp, các cơ quan chức năng của Tỉnh khi lập quy hoạch chi tiết khu công nghiệp bố trí quỹ đất dành cho các lực lượng này. Tuy nhiên do trong</p>

<b>Bộ Công An</b> <b>(Văn bản số 4185/BCT-KH ngày 30/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>Mặt khác, hiện nay, Bộ Công an đang triển khai lập quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, dự kiến quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang là 384,70ha (số lượng vị trí, diện tích cụ thể sẽ được thống nhất và thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất an ninh), cao hơn 91,70ha so với chỉ tiêu phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg. Do đó, đề nghị UBND tỉnh An Giang chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh An Giang rà soát, nghiên cứu bổ sung thông tin hiệu chỉnh số liệu chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất an ninh trên địa bàn tỉnh theo số liệu dự kiến của Bộ Công an. Bộ Công an sẽ phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh An Giang báo cáo Thủ tướng Chính phủ thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ đất an ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Quy hoạch và quy định tại Điều 3 Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.</p>	<p>phạm vi khu công nghiệp thì xác định loại đất toàn khu là đất khu công nghiệp (không tách riêng từng loại đất cụ thể), do đó đề nghị không đưa vào quy hoạch đất an ninh.</p> <p>(2) Đối với 16 vị trí đất an ninh là các trụ sở làm việc của lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy tại 16 cụm công nghiệp (34 ha): UBND tỉnh sẽ đề nghị chủ đầu tư dự án cụm công nghiệp, các cơ quan chức năng của Tỉnh khi lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp bố trí quỹ đất cho các lực lượng này. Tuy nhiên do trong phạm vi cụm công nghiệp thì xác định loại đất toàn khu là đất cụm công nghiệp (không tách riêng từng loại đất cụ thể), do đó đề nghị không đưa vào quy hoạch đất an ninh.</p> <p>(3) Đối với 01 vị trí đất an ninh là các trụ sở làm việc của lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy tại sân bay Châu Đốc (02 ha): Do định hướng đến năm 2030, Tỉnh chưa có sân bay nên đề nghị rà soát bỏ công trình này.</p> <p>(4) Đối với 115 vị trí đất an ninh là các trụ sở công an xã: Căn cứ quy định của pháp luật đất đai (khoản 1, Điều 50, Nghị định 43/2014/NĐ-CP) thì Công an phường, thị trấn là người sử dụng đất đối với đất xây dựng trụ sở (không bao gồm Công an xã). Do đó UBND tỉnh An Giang giao các cơ quan chức năng quan tâm bố trí đất để xây dựng trụ sở công an xã trong thời gian tới, tuy nhiên đề nghị không xác định trong quy hoạch đất an ninh. Ngoài ra có 01 vị trí là trụ sở Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Châu Đốc được bố trí 02 lần, đề nghị bỏ 01</p>

<b>Bộ Công An</b> <b>(Văn bản số 4185/BCT-KH ngày 30/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
		<p>vị trí.</p> <p>Từ các cơ sở nêu trên, UBND tỉnh đề xuất Bộ Công an thống nhất với chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh đến năm 2030 trong đồ án quy hoạch tỉnh An Giang và quy hoạch đất an ninh cả nước trên địa bàn tỉnh An Giang là 306 ha (cao hơn 13 ha so với chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ phân bổ). Đề nghị Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ phân bổ lại chỉ tiêu đất an ninh trên địa bàn tỉnh cho phù hợp.</p>
4	<p>- về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:</p> <p>+ Dự thảo báo cáo quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có nội dung phân tích, đánh giá về thực trạng hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; đã xây dựng phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy và bố trí dự án ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy. Tuy nhiên, chưa xác định kế hoạch, nhu cầu và phương án sử dụng đất phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 6.2. Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng PCCC, mục 6, mục VI, chương III.</p>
5	<p>Để hoàn thiện nội dung báo cáo quy hoạch tỉnh, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh phối hợp Công an tỉnh An Giang xác định nhu cầu, kế hoạch, phương án sử dụng đất và bố trí quỹ đất đầu tư hạ tầng phòng cháy và chữa cháy trong thời kỳ quy hoạch, đảm bảo mỗi huyện có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 6.2. Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển hạ tầng PCCC, mục 6, mục VI, chương III.</p>

<b>Bộ Công An</b> <b>(Văn bản số 4185/BCT-KH ngày 30/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
6	Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã có danh mục dự án quan trọng đầu tư phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy, tuy nhiên chưa có nội dung về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh An Giang nghiên cứu, bổ sung nội dung về quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy vào Điều 1 của dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh.	Đã tiếp thu chỉnh sửa vào Dự thảo Quyết định phê duyệt trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- về nội dung quy hoạch lĩnh vực y tế:</li> <li>+ Theo Đề án tổng thể Phát triển mạng lưới y tế Công an nhân dân đến năm 2030 của Bộ Công an, trên địa bàn tỉnh An Giang có 03 cơ sở y tế Công an nhân dân gồm: Bệnh xá Công an tỉnh An Giang, Bệnh xá Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang, Bệnh xá Trại giam Định Thành. Các cơ sở y tế của ngành Công an là cơ sở khám chữa bệnh ban đầu, thực hiện chức năng y tế dự phòng cho cán bộ chiến sỹ Công an nhân dân, can phạm, phạm nhân do lực lượng Công an quản lý, đồng thời tham gia công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân theo quy định của Bộ Công an và Bộ Y tế. Do đó, đề nghị cơ quan lập quy hoạch bổ sung thông tin về các cơ sở y tế của Công an nhân dân trong phần nội dung đánh giá thực trạng, kết quả đạt được và phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế.</li> </ul>	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 5.4. Mạng lưới y tế công an nhân dân, mục 5, mục V, chương II và mục 5. Mạng lưới cơ sở y tế, mục VII, chương III.
8	+ Tại phần II, Chương II: Mục 1.4.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân: Phân công tác khám chữa bệnh (trang 122), cần có đánh giá chung của cả giai đoạn về các nội dung như tổng số giường bệnh, sự thay đổi tỷ lệ giường	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Một số chỉ tiêu y tế theo giai đoạn đã được thể hiện ở mục 4.2, mục 4, mục I, Chương II.</li> <li>2. Đã bổ sung mạng lưới cơ sở y tế công an nhân dân tại mục 5.4. Mạng lưới y tế công an nhân dân, mục 5,</li> </ol>

<b>Bộ Công An</b> <b>(Văn bản số 4185/BCT-KH ngày 30/11/2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	bệnh/vạn dân, bổ sung số liệu về công suất sử dụng giường bệnh; Mục V.7. Mạng lưới y tế cơ sở (trang 251-257), đề nghị bổ sung đầy đủ thông tin liên quan đến các cơ sở khám chữa bệnh thuộc các bộ ngành trên địa bàn tỉnh, thống nhất các mốc thời gian đánh giá: 2016-2020, 2011-2020 hay 2002- 2021; Phân nhân lực y tế (trang 255), đề nghị bổ sung số liệu, thể hiện bằng các bảng biểu cụ thể để có sự so sánh, đánh giá toàn diện cả giai đoạn (báo cáo mới chỉ phản ánh số liệu thống kê đến năm 2020).	mục V, chương II 3. Phân nhân lực y tế đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 4.2.6. Nhân lực ngành y tế, mục 4, mục I, Chương II.
9	- Liên quan nội dung quy hoạch về công tác bảo vệ môi trường, đề nghị cơ quan lập quy hoạch tỉnh An Giang rà soát, bổ sung nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và các đề xuất quy hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, giải pháp triển khai xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn tiến tới giảm phát thải bằng 0 theo cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị COP26, đặc biệt chú trọng đến triển khai Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường.	Nhất trí với ý kiến tham gia

**PHỤ LỤC 2.17.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 3317/BTNMT- KHTC ngày 15 tháng 6 năm 2022 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Thống nhất với ý kiến tham gia
2	<i>Đối với lĩnh vực quản lý đất đai:</i>	
2.1	- Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần rà soát, cập nhật các định hướng phát triển để phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021; tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022; thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ	Thống nhất với ý kiến tham gia



<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	2021 - 2030 để làm cơ sở thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, đảm bảo thống nhất và đồng bộ theo quy định của pháp luật.	
2.2	- Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất cần thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (sửa đổi Điều 39 Luật Đất đai) và Khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Nội dung phương án Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện được thực hiện gồm 8 nội dung chính theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.
	+ Việc xác định chỉ tiêu các loại đất quy hoạch đến năm 2030, cần căn cứ vào kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước 2011-2020 và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; khả năng thực hiện, nguồn lực, nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác để đảm bảo tính khả thi; tránh để quy hoạch treo, dự án treo làm lãng phí nguồn tài nguyên đất đai.	Trước khi xây dựng phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh An Giang, dự án đã tiến hành đánh giá xu thế biến động sử dụng đất giai đoạn 2011-2015, 2016-2020; kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; kết quả đánh giá tiềm năng đất đai; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để làm căn cứ thực hiện. Phần này được trình bày tại mục II Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh, chương II, phần II của báo cáo tổng hợp dự án
	+ Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng: cần phải tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế	Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh An Giang đã được thực hiện phù hợp sau khi có quyết định phân bổ chỉ tiêu từ cấp quốc gia theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2.3	- Một số chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia do Tỉnh đề xuất chưa tuân thủ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ như: đất an ninh, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chưa được giải trình cụ thể; các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh xác định theo thẩm quyền chưa được tỉnh giải trình đầy đủ về cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học đối với việc tăng diện tích các loại đất này để đảm bảo tính khả thi của phương án quy hoạch; các chỉ tiêu sử dụng đất phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện cần được rà soát để đảm bảo thống nhất với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của cấp huyện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Sau khi có các ý kiến nhận xét về việc phải tuân thủ theo chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh An Giang đã tiến hành điều chỉnh: + Chỉ tiêu đất giáo dục được điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu phân bổ (881 ha). + Chỉ tiêu đất an ninh được điều chỉnh 306 ha, cao hơn diện tích cấp quốc gia phân bổ 13 ha, sau khi có công văn từ Bộ Công an số 4185/BCA-ANKT ngày 30/11/2022 (Giải trình chi tiết của loại đất này trong phần nhận xét của Bộ Công an). Nội dung điều chỉnh được trình bày tại VIII. Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, 2. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng, theo loại đất mục 2.2. Phân bổ khoanh vùng đất đai theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, Bảng: Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh An Giang (ở mục 4, mục VIII, chương III)
	- Trong kỳ quy hoạch 2021-2030, để thực hiện các công trình dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tỉnh An Giang dự kiến tiến hành thu hồi đất 11.902 ha, trong đó đất nông nghiệp là 10.933 ha, đất phi nông nghiệp là 969 ha, cần được rà soát lại, phân tích, làm rõ	- Diện tích đất cần thu hồi theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai được điều chỉnh giảm từ 11.902 ha (phương án cũ) xuống còn 7.837 ha (phương án mới sau các lần chỉnh sửa theo các góp ý).

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	nguồn lực vốn đầu tư, giải pháp tổ chức thực hiện, đặc biệt đối với việc chuyển sử dụng đất lớn trong kỳ quy hoạch.	<p>- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai được thực hiện dựa trên nhiều căn cứ, trong đó có cân đối đề xuất nhu cầu sử dụng đất các ngành nghề. Diện tích đất thu hồi trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai phục vụ cho thực hiện các dự án cụ thể của các lĩnh vực chuyên ngành. Trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh An Giang, diện tích đất thu hồi lớn phục vụ cho phát triển giao thông, đô thị, công nghiệp, quốc phòng (thực chất hiện trạng sử dụng vẫn là đất nông nghiệp). Việc đảm bảo nguồn lực đầu tư để thực hiện các công trình cụ thể thuộc các lĩnh vực cũng chính là nguồn lực đảm bảo tính khả thi của phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai hiện nay là một hợp phần của dự án quy hoạch tỉnh chứ không phải là dự án riêng biệt về quy hoạch sử dụng đất đai. Do đó, giải trình về các nguồn lực vốn đầu tư, giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục XIV Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh, chương III, phần II Báo cáo tổng hợp dự án là hợp lý.</p> <p>Đề nghị bổ sung thêm giải pháp tổ chức thực hiện: Sau khi QH tỉnh được phê duyệt, UBND tỉnh tiến hành thực hiện Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh kỳ đầu (2021-2025) và điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030 cho phù hợp.</p>
2.4	- Về chuyển mục đích sử dụng đất: theo dự thảo quy	Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai tỉnh An

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>hoạch thời kỳ 2021-2030, chuyển 10.933 ha đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp (trong đó: đất trồng lúa 2.928 ha, đất trồng cây lâu năm 3.646 ha, đất rừng phòng hộ 750 ha, đất rừng đặc dụng 46 ha, đất rừng sản xuất 88 ha), việc chuyển đổi này cần giải trình đầy đủ về căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học; không chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ/chuyên trồng lúa trong quỹ đất phải quản lý nghiêm ngặt tại địa phương; việc chuyển mục đích sử dụng rừng, trong đó có rừng tự nhiên để thực hiện các công trình, dự án cần thực hiện đúng theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 13- CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, theo đó không chuyển mục đích rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác, trừ các dự án phục vụ mục đích quốc phòng an ninh hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Thủ tướng Chính phủ quyết định; cần có đánh giá tác động môi trường, kinh tế - xã hội đầy đủ, nhất là đời sống, việc làm của người trồng lúa và tác động đến biến đổi khí hậu; rà soát các công trình, dự án có sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng đến nay chưa đưa vào sử dụng làm cơ sở cho việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, tính toán và cân đối nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tránh</p>	<p>Giang đã được điều chỉnh cho phù hợp với phân bổ cấp quốc gia. Do đó, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp được điều chỉnh tương ứng với diện tích quy hoạch tăng đất phi nông nghiệp toàn tỉnh (10.503 ha). Việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp được nghiên cứu kỹ lưỡng đảm bảo phù hợp với phân bổ cấp quốc gia, với các quy định pháp luật đất đai hiện hành. Trong phương án phân bổ, có diện tích lớn đất nông nghiệp chuyển sang đất quốc phòng theo phân bổ cấp quốc gia nhưng được xác định là không gian dành cho quốc phòng. Thực tế mục đích sử dụng đất vẫn là đất lúa và đất rừng.</p>

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	gây lãng phí đất khi chuyển mục đích nhưng không sử dụng.	
2.5	- Bổ sung bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Việc lập bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh cần thực hiện theo đúng quy định tại Mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, cần thể hiện đầy đủ các khu vực sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 lên bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cần rà soát, điều chỉnh thống nhất chặt chẽ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm: bản đồ, bảng biểu, số liệu, chỉ tiêu và báo cáo thuyết minh tổng hợp theo đúng quy định.	Đã bổ sung bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh
3	<i>Về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu:</i>	
3.1	- Đề nghị bổ sung giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và Quyết định số 01/2022/QĐ- TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính.	Giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính được thể hiện tại mục 2.5.4. Giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, mục 2, mục XIII, chương III.
3.2	Đối với các nội dung có sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong việc phân tích, đánh giá khí hậu, thời tiết và thủy văn của khu vực tỉnh An Giang cần được	Đã tiếp thu và trích dẫn đầy đủ nguồn gốc số liệu theo đúng quy định

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	trích dẫn đầy đủ nguồn gốc số liệu theo đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 32 Luật Khí tượng thủy văn và Điều 22 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn.	
4	<p><i>Về quản lý tài nguyên nước:</i></p> <p>- Đề triển khai thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước ở địa phương, đề nghị rà soát dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang, chỉnh sửa Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo hướng rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các nội dung đã góp ý về tài nguyên nước tại Công văn số 3317/BTNMT-KHTC ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bao gồm: Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra phải đảm bảo đầy đủ các nội dung về chức năng nguồn nước; lượng nước có thể khai thác, sử dụng; nhu cầu khai thác, sử dụng nước; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng; nguồn nước dự phòng cấp nước cho sinh hoạt; danh mục các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; mạng lưới giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước.</p>	<p>1. Do trong Dự thảo Quyết định phê duyệt nhằm đảm bảo đồng bộ về cấu trúc, cơ cấu nội dung giữa các phương án, nên trong Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, nội dung chỉ nêu một cách vắn tắt, khái quát, không thể nêu đầy đủ các nội dung như góp ý.</p> <p>2. Các nội dung như góp ý đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục XII. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC, PHÒNG, CHỐNG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA, trang 789.</p>
5	<p><i>Về địa chất và khoáng sản:</i></p> <p>- Tại Bảng 112, Quy hoạch dự kiến khoanh các khu vực đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường đưa vào khu vực</p>	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 3. Bảo vệ khai thác sử dụng khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh, trang 775.

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	dự trữ khoáng sản Quốc gia; theo đó, đưa 05 khu vực khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, diện tích 579,26 ha, tài nguyên dự báo khoảng 217.671.295 m <sup>3</sup> . Tuy nhiên, thực hiện Nghị định số 51/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang triển khai công tác rà soát, khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản Quốc gia, trong đó không khoanh định dự trữ đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, do đó, đề nghị UBND tỉnh An Giang xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đối với các khu vực này.	
6	<i>Về lĩnh vực môi trường</i>	
6.1	- Cân nhắc chỉ tiêu về tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý để phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chỉ tiêu về các đô thị quy mô dân số lớn có hệ thống xử lý nước thải cần được cụ thể hóa để làm căn cứ đánh giá việc thực hiện quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Đã tiếp thu và cân nhắc
6.2	- Đề nghị bổ sung mục tiêu, nội dung phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình tại đô thị và khu dân cư nông thôn và việc xử lý chất thải sau phân loại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	Đã tiếp thu và cân nhắc
6.3	- Về nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh:	
	+ Đề nghị bổ sung về hiện trạng đa dạng sinh học tại 02 khu bảo vệ cảnh quan (rừng tràm Trà Sư và rừng tràm Tân Tuyền).	Đã bổ sung nội dung như góp ý tại mục 4.2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, trang 32

<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	+ Đối với phương án phân vùng môi trường: Đề nghị bổ sung nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Đối với định hướng bảo vệ đối với vùng bảo vệ nghiêm ngặt, đề nghị cân nhắc tính khả thi của các nội dung nêu tại trang 719 của Báo cáo tổng hợp (ví dụ nội dung “không quy hoạch hình thành KCN, CCN, không quy hoạch bố trí đất sản xuất”, vv.).	Đã tiếp thu ý kiến đóng góp
	+ Đối với phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Đề nghị rà soát nội dung về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học đã được quy hoạch tại quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long (tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ) đảm bảo sự phù hợp giữa các cấp quy hoạch. Đối với các khu bảo tồn quy hoạch thành lập mới trong giai đoạn 2031- 2050 (05 khu) cần làm rõ hiện trạng và tính phù hợp vì các khu này đã được quy hoạch thành lập mới trong kỳ quy hoạch trước đó.	Đã tiếp thu ý kiến và hoàn thiện chỉnh sửa tại mục 3.3. Phương án phát triển các khu bảo tồn, mục 3.3., mục 3, mục X, chương III.
	+ Đối với phương án phát triển các khu xử lý chất thải: Đề nghị định hướng đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác thải theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp; đề xuất giải pháp đảm bảo tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp cụ thể; bổ sung các	Đã bổ sung nội dung định hướng phân loại chất thải rắn tại mục 4.4.6. Định hướng phân loại chất thải rắn, mục 4, mục X, chương III. Định hướng đầu tư hoặc đưa vào vận hành các nhà máy xử lý rác thải theo hướng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, hạn chế chôn lấp được thể



<b>BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</b> <b>(Văn bản số 7365/BTNMT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022)</b>		
<b>STT</b>	<b>Ý kiến</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	khu/cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại (nếu có) đang hoạt động hoặc đã được chấp thuận chủ trương đầu tư trên địa bàn để từ đó điều chỉnh, bổ sung nội dung quản lý chất thải vào quy hoạch cho phù hợp; bổ sung nội dung, giải pháp cải tạo phục hồi môi trường các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa.	hiện ở bảng: Mạng lưới, quy mô, công suất các khu xử lý CTR tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục 4.3, mục 4, mục X, chương III.
7	Bổ sung phương án về vị trí, quy mô, công suất, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải của các dự án/cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.	Đã tiếp thu chỉnh sửa tại bảng: Mạng lưới, quy mô, công suất các khu xử lý CTR tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục 4.3, mục 4, mục X, chương III



**PHỤ LỤC 3**

**GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH  
CỦA CÁC ỦY VIÊN PHẢN BIỆN**



### PHỤ LỤC 3.1.

#### GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA ĐỒ VẼ THÀNH ĐỐI VỚI QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1	<p><b>Về cấu trúc nội dung báo cáo tổng hợp Quy hoạch:</b> Cần rà soát, cấu trúc lại bố cục, tiêu đề một số nội dung lớn, đặc biệt tại Chương 1, theo quy định tại Khoản 15, Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia
2	<p><b>Về bối cảnh, cơ hội và thách thức:</b> Quy hoạch phân tích khá đầy đủ và rõ bối cảnh, cơ hội trong nước, khu vực và quốc tế ảnh hưởng đến định hướng, yêu cầu phát triển của tỉnh An Giang, tuy nhiên cần bổ sung, làm rõ một số vấn đề quan trọng như: - Đánh giá sâu sắc hơn diễn biến, dự báo tác động của Biến đổi khí hậu, tác động của biến động nguồn nước, thiên tai đến tỉnh An Giang và khu vực lân cận; - Phân tích tác động của việc xây dựng các công trình thủy điện, sử dụng nước tại các quốc gia thượng nguồn sông Mê Công đến chế độ thủy văn, dòng chảy, phù sa đến các sông chảy qua địa bàn tỉnh An Giang ảnh hưởng đến nguồn nước, yếu tố được Nghị quyết 120/NQ-CP năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ xác định là “cốt lõi của phát triển”; - Phân tích kỹ hơn các ảnh hưởng của sự phát triển như đô thị hóa, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giao thông, chuyển đổi sản xuất đến mục tiêu đặt ra của Quy hoạch tỉnh An Giang; - Phân tích các tác động của khoa học công nghệ và yêu cầu ứng dụng trong quy hoạch tỉnh An Giang.</p>	Nhất trí và tiếp thu ý kiến tham gia
3	<p><b>Quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế theo 3 trụ cột chính:</b> - Sản xuất nông nghiệp, thủy sản quy mô hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao: Về cơ bản, báo cáo đã Quy hoạch đã đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi, phù hợp với chiến lược phát triển và Nghị quyết 120/NQ-CP năm 2017</p>	Nhất trí và tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, báo cáo cần làm rõ hơn các nhiệm vụ, giải pháp đi kèm để đạt được mục tiêu đề ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghiệp chế biến, chế tạo: Báo cáo Quy hoạch đã chỉ ra công nghiệp chế biến chủ đạo tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh (lúa gạo, cá tra,...). Tuy nhiên, cần nghiên cứu, xem xét sau khi có cao tốc Châu Đốc - Sóc Trăng có thể mở rộng công nghiệp chế biến ra nhiều ngành sản phẩm từ nguyên liệu trong vùng để phục vụ xuất khẩu qua các cửa khẩu của tỉnh;</li> <li>- Thương mại, dịch vụ và du lịch: Cần phân tích rõ hơn lợi thế, tiềm năng và phát triển thương mại, dịch vụ, chỉ rõ quan điểm, mục tiêu, quy mô phát triển, đặc biệt là thương mại quốc tế thông qua các cửa khẩu với Cam pu chia. Đối với phát triển du lịch, báo cáo Quy hoạch chưa làm rõ được loại hình chủ đạo, quy mô phát triển của ngành du lịch.</li> </ul>	
4	<p><b>Về kịch bản phát triển:</b></p> <p>Quy hoạch xây dựng 03 kịch bản phát triển nhưng chủ yếu dựa vào đầu vào là các phương án phát triển kinh tế xã hội, việc phân tích lựa chọn kịch bản cũng chỉ dựa trên mức độ tăng trưởng kinh tế của mỗi kịch bản khác nhau. Đề nghị xem xét, làm rõ hơn các yếu tố khác ảnh hưởng đến kịch bản để từ đó lựa chọn các phương án quy hoạch phù hợp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự báo, kịch bản về thiên tai, biến đổi khí hậu;</li> <li>- Các yếu tố tác động từ bên ngoài, trong đó có việc phát triển kinh tế xã hội, khai thác nguồn nước ở Cam pu chia và các quốc gia thượng nguồn khác;</li> <li>- Điều kiện đầu tư, tiềm năng ứng dụng khoa học công nghệ...;</li> <li>- Đánh giá lựa chọn kịch bản ngoài tiêu chí về tăng trưởng kinh tế cần xem xét thêm các tiêu chí đánh giá tác động có lợi, bất lợi về nhiều mặt khác, trong đó có xã hội, môi trường, yêu cầu đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững của vùng, của quốc gia.</li> </ul>	Tiếp thu ý kiến đóng góp
5	<p><b>Về thương mại:</b></p> <p>Làm rõ hơn phương án thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ qua các cửa khẩu với Campuchia, xác định rõ đây là lợi thế đặc thù của tỉnh An</p>	Nhất trí và tiếp thu ý kiến tham gia

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Giang... Lưu ý phát triển kinh tế thương mại qua các cửa khẩu phải phát huy được cả 2 chiều xuất, nhập khẩu, logistic trung chuyên, cầu nối giữa Cam pu chia với các trung tâm phát triển lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ nói riêng, Việt Nam và khu vực Đông Nam Á nói chung. Về các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu cần nhấn mạnh hơn yêu cầu cải thiện cơ chế quản lý thương mại, xuất nhập khẩu, hạ tầng giao thông, logistic...</p>	
6	<p><b>Về liên kết vùng và các địa phương lân cận:</b>          Làm rõ hơn các phương án kết nối giao thông, dịch vụ gắn với các trục phát triển chính về kinh tế, du lịch, dịch vụ, trong đó ngoài các tuyến cao tốc, tuyến giao thông nội vùng cần chỉ ra được tiềm năng kết nối đến các thị trường xa hơn (quốc gia, quốc tế) cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh.</p>	Nhất trí và tiếp thu ý kiến
7	<p><b>Về giao thông:</b>          Các phương án phát triển giao thông cần lưu ý kết hợp hạ tầng đường cao tốc với hệ thống bờ bao kiểm soát lũ dọc sông Tiền, sông Hậu. Bên cạnh đó cũng cần đặt rõ yêu cầu đảm bảo không phá vỡ, cản trở không gian, hướng tuyến thoát lũ, đảm bảo lưu lượng tiêu thoát qua hệ thống cầu, cống qua đường...</p>	Tiếp thu ý kiến đóng góp và đã tiếp thu chỉnh sửa tại phương án phát triển giao thông
8	<p><b>Phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn tập trung:</b>          Làm rõ hơn phương án, giải pháp tạo nguồn, cấp nước cho các vùng dân cư nông thôn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, đảm bảo các mục tiêu về nông thôn mới và nước sạch, vệ sinh môi trường.</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại Phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn tập trung
9	<p><b>Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả do nước gây ra:</b>          - Đối với quan điểm, mục tiêu: Cần bổ sung quan điểm Quy hoạch phải phù hợp với các Quy hoạch Tài nguyên nước, Quy hoạch Phòng, chống thiên tai và thủy lợi... và đánh giá kỹ hơn sự phù hợp, thống nhất với các Quy hoạch này cũng như các quy hoạch khác có liên quan;</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả do nước gây ra và mục 1.1. Quan điểm, trang 789.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ sung yêu cầu đồng bộ, liên kết với các hạ tầng khác như giao thông, xây dựng, hệ thống điện, hạ tầng thông tin, quốc phòng, an ninh...;</li> <li>- Quan điểm và mục tiêu quá dài, nhiều ý có sự trùng lặp hoặc có thể lồng ghép ngắn gọn hơn;</li> <li>- Đề nghị nghiên cứu nêu rõ hơn các phương án chủ động nguồn nước cho vùng kiểm soát lúa 3 vụ, vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (cá tra, thủy sản nước ngọt...);</li> <li>- Làm rõ hơn các phương án, danh mục công trình tạo nguồn, điều tiết, cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;</li> <li>- Trong phân vùng chức năng nguồn nước có đề cập đến chức năng tiếp nhận nguồn nước thải ở cả 3 phân vùng, do vậy đề nghị bổ sung vào quan điểm mục tiêu về đảm bảo chất lượng nước.</li> </ul>	
10	<p><b><i>Phương án phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan điểm và mục tiêu phòng, chống thiên tai còn chung chung, chưa gắn với đối tượng và các đặc thù của tỉnh An Giang;</li> <li>- Các nguyên tắc và biện pháp cơ bản ứng phó với các loại hình thiên tai trên địa bàn của tỉnh còn chung chung, chưa rõ tiêu chuẩn, mức đảm bảo, phương án phòng, chống cho các đối tượng cụ thể;</li> <li>- Cần xác định rõ phạm vi không gian bị tác động các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra. Trong thuyết minh Quy hoạch không thể hiện các kịch bản có thể xảy ra về thiên tai, cả về quy mô, phạm vi, mức độ gây thiệt hại... nên khó có cơ sở đề xuất quy hoạch các phương án phòng, chống;</li> <li>- Nghiên cứu bổ sung, làm rõ các phương án phòng, chống lũ, tiêu thoát nước như chống ngập cho Thành phố Long Xuyên và các đô thị khác, hướng tuyến và không gian thoát lũ ra biển Tây, các tuyến thoát lũ và hệ thống cống kiểm soát vào sông Hậu..., phương án kiểm soát lũ, để đảm bảo sản xuất cả năm;</li> <li>- Bổ sung phương án kiểm soát, sống chung với lũ vùng ngập sâu, đặc biệt là các giải pháp phi công trình..., cần xem xét bổ sung không gian thoát lũ</li> </ul>	Tiếp thu ý kiến đóng góp



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>ra biển Tây để ứng phó với lũ đặc biệt lớn như năm 1961, 2000. Băng thoát lũ có bề rộng khoảng 3km, hướng tuyến trùng với kênh Trà Sư, cao độ +2,1m đến +1,5m các công trình giao thông giao cắt với băng thoát lũ cần đảm bảo khẩu độ thoát lũ;</p> <p>- Bổ sung các giải pháp cụ thể đối với sạt lở bờ sông, bờ kênh rạch lớn, chỉnh trị sông đảm bảo tỷ lệ phân lưu, ổn định lòng sông...</p>	
11	<p><b><i>Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện:</i></b></p> <p>Đề nghị bổ sung cơ sở lựa chọn và đề xuất danh mục các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai và lộ trình ưu tiên đầu tư. Danh mục công trình cần phù hợp với Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đang trình Hội đồng thẩm định), Quy hoạch Tài nguyên nước quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được Hội đồng thẩm định thông qua) và Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được phê duyệt). Cụ thể tại phụ lục 6 cần bổ sung sửa đổi như sau:</p> <p>- Hạng mục cống: Đề nghị loại bỏ danh mục cống Tha La và cống Trà Sư, do hai hạng mục này đã được Bộ NN&amp;PTNT đầu tư, hoàn thiện trong giai đoạn trung hạn 2016-2020;</p> <p>- Hạng mục kênh: Đề nghị loại bỏ danh mục Nâng cấp hệ thống kênh thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Tây và đường tránh thành phố Long Xuyên, do hạng mục này đã được Bộ NN&amp;PTNT đầu tư, hoàn thiện trong giai đoạn trung hạn 2016-2020;</p> <p>- Đề nghị bổ sung danh mục Chương trình tiếp tục xây dựng trạm bơm điện phục vụ tưới, tiêu cho nông nghiệp tỉnh An Giang vì: còn rất nhiều trạm bơm dầu cần thay thế, mặt khác các trạm bơm điện rất phù hợp với sản xuất nông nghiệp tại địa phương như tưới hỗ trợ khi bị hạn và tiêu úng hỗ trợ khi có mưa lớn;</p> <p>- Hồ chứa nước ngọt vùng khô hạn: Đề nghị nghiên cứu kỹ việc đề xuất xây dựng các hồ này vì đào hồ sẽ mất nhiều diện tích đất nông nghiệp (trên</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại phụ lục 7 của phụ lục VII, đính kèm báo cáo tổng hợp</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>3000 ha). Mặt khác, nhu cầu sử dụng nước có thể đáp ứng bằng các biện pháp khác. Cần cân nhắc chỉ nên xây dựng hồ khi đây là công trình đa mục tiêu: phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản tập trung, du lịch sinh thái kết hợp với phát triển khu đô thị, dân cư ven hồ,..và nếu có sẽ đầu tư sau năm 2030;</p> <p>- Công kiểm soát lũ ven sông Hậu: Đề nghị đưa vào xây dựng sau năm 2030.</p>	
12	<p><b>Sản phẩm bản đồ:</b></p> <p>Tập Atlas bản đồ đã thể hiện đầy đủ số lượng, chủng loại bản đồ theo quy định. Tuy nhiên các bản đồ được thu nhỏ từ tỷ lệ chuẩn nên nhiều thông tin không rõ, cần biên tập lại các đối tượng bản đồ theo quy định tương ứng với tỷ lệ thực của bản đồ atlas, hoặc cung cấp cho Hội đồng thẩm định đầy đủ sản phẩm bản đồ theo đúng tỷ lệ quy định tại Luật Quy hoạch đối với Quy hoạch tỉnh.</p>	Tiếp thu ý kiến và đã cập nhật chỉnh sửa lại trên hệ thống bản đồ.
13	<p><b>Cơ sở dữ liệu:</b></p> <p>Theo quy định của Luật Quy hoạch, cơ sở dữ liệu quy hoạch là sản phẩm quan trọng, đảm bảo tính đồng bộ để tích hợp vào cơ sở dữ liệu quy hoạch quốc gia. Đề nghị bổ sung đầy đủ sản phẩm này vào hồ sơ thẩm định Quy hoạch.</p>	Tiếp thu ý kiến và đã cập nhật đầy đủ hệ thống cơ sở dữ liệu đính kèm quy hoạch.

**PHỤ LỤC 3.2.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA TRẦN VĂN THANH ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1	<p><b>Về hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục hồ sơ: Đầy đủ theo đúng Điều 4. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch tỉnh, Quy trình và nội dung thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 1291/QĐ-HĐTĐ ngày 17/9/2021.</li> <li>- Kết cấu nội dung cấu thành của mỗi tài liệu đầy đủ các đề mục thành phần theo quy định. Tôi đánh giá cao báo cáo đã tuân thủ rất đầy đủ các nội dung, đề mục nêu ra trong Luật Quy hoạch và Nghị định 37/NĐ-CP về lập quy hoạch.</li> <li>- Kết luận: Hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
2	<p><b>Về căn cứ lập quy hoạch:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục căn cứ pháp lý để lập quy hoạch đã nêu rõ các căn cứ lập quy hoạch. Đó là các văn bản quy phạm pháp luật, gồm: các văn bản về công tác quy hoạch (luật, pháp lệnh, nghị quyết...); văn kiện của Đảng; các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, quyết định Thủ tướng Chính phủ; văn bản của các Bộ, ngành Trung ương... Tuy nhiên, đề nghị rà soát, bổ sung và kết cấu theo quy định tại Điều 20 của Luật Quy hoạch 2017 (Căn cứ lập quy hoạch), gồm: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực</li> </ul>	Đã rà soát và chỉnh sửa kết cấu theo quy định tại Điều 20 của Luật Quy hoạch 2017.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>trong cùng giai đoạn phát triển; quy hoạch cao hơn và quy hoạch thời kỳ trước.</p> <p>Cách hệ thống như vậy, nhằm đảm bảo đúng nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch đã quy định tại Điều 4 của Luật Quy hoạch, đó là: “Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường” và “Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia”, các nội dung quy hoạch tỉnh đã phù hợp, thống nhất với định hướng Quy hoạch tổng thể Quốc gia, Quy hoạch vùng ĐBSCL và một số các Quy hoạch ngành Quốc gia đã được thông qua, đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.</p>	
3	<p><b><i>Về cách tiếp cận, phương pháp lập quy hoạch, tính tuân thủ theo Luật Quy hoạch:</i></b></p> <p>Trước hết, tôi đánh giá cao cách đặt vấn đề của Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh, đó là:</p> <p>Thứ nhất, Thực hiện Luật Quy hoạch (Luật số: 21/2017/QH14), UBND tỉnh An Giang tổ chức lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch tỉnh An Giang). Khẳng định việc nghiên cứu và lập Quy hoạch tỉnh An Giang là rất cần thiết, nhằm phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, làm căn cứ khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức không gian lãnh thổ KT-XH và xây dựng các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH để xây dựng An Giang “là tỉnh phát triển toàn diện, hiện đại, văn minh, sinh thái, bền vững và mang bản sắc văn hóa sông nước của vùng đất đầu nguồn sông Cửu Long; có trình độ phát triển khá so với cả nước; chất lượng cuộc sống của người dân ở mức</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>cao”.</p> <p>Thứ hai, đưa ra các mục tiêu và nguyên tắc lập quy hoạch rất rõ ràng ngay từ đầu. Đó là, Quy hoạch tỉnh là cơ sở pháp lý, khoa học và thực tiễn để các cấp chính quyền của tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất quản lý, hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển, bảo đảm sự hợp lý trong huy động, phân bổ nguồn lực và sắp xếp không gian cho các hoạt động phát triển KT-XH - môi trường - quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh; là căn cứ quan trọng để tỉnh An Giang lập các kế hoạch phát triển KT-XH; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn; triển khai lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; loại bỏ các quy hoạch chồng chéo cản trở đầu tư phát triển.</p> <p>Thứ ba, xác định Quy hoạch tỉnh là cụ thể hóa Định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch vùng ĐBSCL; đã được phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ) ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động KT-XH, quốc phòng an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn. Đồng thời, Quy hoạch tỉnh đảm bảo thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở Quy hoạch vùng ĐBSCL; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động KT-XH, quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Thứ tư, khẳng định Quy hoạch tỉnh An Giang được lập theo phương pháp tích hợp, hay đây là Bản quy hoạch tích hợp. Khẳng định phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.</p>	
4	<p><b>Về nội dung chính:</b></p> <p>Thứ nhất, các phân tích, đánh giá thực trạng, hiện trạng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng, quốc phòng, an ninh, liên kết vùng, hợp tác quốc tế... cơ bản là sát, đúng với thực tiễn, thực tế phát triển đến nay của tỉnh. Đây là cơ sở rất quan trọng để tỉnh căn cứ vào đó xây dựng các định hướng phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.</p> <p>Thứ hai, đồng tình với các nhận định, phân tích về:</p> <p>- Về vai trò, vị trí của tỉnh An Giang ở trang 275 của Báo cáo Quy hoạch tổng hợp, đó là: “An Giang có vị trí địa kinh tế, địa chính trị quan trọng và đến nay, tỉnh luôn có vị thế, vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển nhanh và bền vững, chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược hội nhập quốc tế của đất nước, thể hiện rõ trên 3 “bảo đảm an ninh” lớn: (1) an ninh lương thực, (2) an ninh nguồn nước, (3) an ninh biên giới. Tôi nghĩ, An Giang đã, đang và sẽ tiếp tục đảm nhận 3 nhiệm vụ “an ninh” lớn này của Quốc gia, nếu không thì An Giang sẽ mất nguồn lực, cũng như chi phí cơ hội để phát triển các ngành, lĩnh vực đáng giá khác, nghĩa là có sự đánh đổi. Vì vậy, Trung ương, Chính phủ phải có chương trình, chính sách hỗ trợ trở lại một cách xứng đáng cho tỉnh.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Đó có thể là phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực... Và trong Quy hoạch tỉnh cần phải thể hiện rõ yêu cầu này.</p> <p>- Về bối cảnh phát triển tác động đến tỉnh An Giang, bao gồm bối cảnh thế giới và khu vực; tác động của Tiểu vùng Mê Kông mở rộng; bối cảnh trong nước, vùng ĐBSCL... trên cơ sở đó, tổng hợp lại đã nêu bật các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong phát triển của tỉnh ở trang 269 đến 274. Các định hướng phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch đã dựa trên các phân tích này, phát huy các điểm mạnh, khắc phục các điểm yếu, tranh thủ tận dụng các cơ hội, vượt qua thách thức...</p> <p>- Về cách tiếp cận xây dựng các kịch bản, lựa chọn phương án phát triển: Trên cơ sở luận giải các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong bối cảnh phát triển mới, báo cáo đã đề xuất các kịch bản phát triển phù hợp với trình độ và nguồn lực của địa phương trong thời kỳ quy hoạch.</p> <p>Thứ ba, Báo cáo quy hoạch tỉnh đã thể hiện đúng tầm nhìn, phương hướng phát triển tỉnh trong thời gian tới, bao phủ được các nội dung cốt lõi nhất, gồm có: phân vùng, xác định các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, các khu chức năng, bố trí không gian các hoạt động KT-XH, đặc biệt là kết nối được với tầm nhìn, định hướng, bố trí không gian phát triển của vùng ĐBSCL, đó là: trọng tâm phát triển tam giác động lực Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang của vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL, phát huy trục hành lang phát triển cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, phát triển kinh tế cửa khẩu, phát triển Trung tâm đầu mối ở An Giang gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt, phát triển cụm du lịch văn hoá ở Châu Đốc... như đề xuất trong định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia; có các kịch bản phát triển và các mục tiêu trong các lĩnh vực; cân bằng giữa phát triển kinh tế và các vấn đề an sinh xã hội/môi trường; bổ sung các</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>vấn đề mới đang là xu hướng phát triển của khu vực - quốc tế như đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn và đề xuất danh sách các dự án trọng điểm trên địa bàn.</p>	
5	<p><b>Về cấu trúc của các Báo cáo:</b></p> <p>- Đối với Báo cáo tổng hợp: Đề nghị rà soát và đảm bảo theo Điều 28 của Nghị định 37/2019 ngày 07/5/2019.</p> <p>- Đối với Báo cáo tóm tắt đi kèm theo báo cáo tổng hợp: Cần tóm lược đúng những kết quả nghiên cứu, đúng với bản cáo cáo chính; dù vậy, cần làm nổi bật các nội dung quan trọng của Quy hoạch tỉnh, không nhất thiết liệt kê đầy đủ các chương, các mục.</p>	<p>Đã thực hiện rà soát các nội dung, đảm bảo theo Điều 28 của Nghị định 37/2019 ngày 07/5/2019.</p>
6	<p><b>Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương:</b></p> <p>Phần đánh giá đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đã thống kê mô tả khá đầy đủ về hiện trạng về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương; tuy nhiên, cần bổ sung thêm các phân tích, đánh giá tác động của tự nhiên như biến đổi khí hậu, yếu tố tác động các công trình thủy điện ở thượng nguồn, yếu tố xâm nhập mặn của các tỉnh ven biển ĐBSCL... và khả năng huy động các nguồn lực tự nhiên vào phát triển KT-XH của tỉnh trong tương lai. Hơn nữa, nội dung đánh giá tập trung khá nhiều vào yếu tố nguồn lực tự nhiên, trong khi các nguồn lực quan trọng khác như: nguồn lực văn hóa, nhân văn và truyền thống đổi mới sáng tạo của người An Giang chưa được hệ thống, đánh giá một cách đầy đủ, tương xứng. Phải nhìn nhận đúng rằng, đó là những nguồn lực rất quan trọng cho phát triển của tỉnh, đặc biệt là khi chúng ta xác định quan điểm phát triển bao trùm, nhanh và bền vững, phát triển kinh tế hài</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục I. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường và mục II. Điều kiện xã hội (Chương I).</p>



STT	<b>Ý kiến tham gia góp ý</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>hoà với phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Tôi muốn nói rằng, thời kỳ quy hoạch tới, tỉnh cần quan tâm hơn nữa, làm nổi bật hơn nữa phát triển tỉnh dựa trên yếu tố văn hoá, con người, tiếp tục phát huy truyền thống sáng tạo của người An Giang trong mọi thời đại, đóng góp vào phát triển chung của cả nước.</p> <p>Hơn nữa, Báo cáo cần nghiên cứu bổ sung thêm mục dự báo xu hướng thay đổi các yếu tố điều kiện tự nhiên, cũng như đánh giá khả năng huy động các nguồn lực đó vào phát triển KT-XH như đã đề cập bên trên. Chú ý là yêu cầu đánh giá tác động của các yếu tố nguồn lực khác hẳn với đánh giá hiện trạng của các nguồn lực đó. Để đánh giá tác động của các nguồn lực đối với phát triển, chúng ta phải dự báo được quy mô và chất lượng của các nguồn lực đó, tính biến động, khả năng huy động nguồn lực đó, từ đó phân tích tác động đến phát triển KT-XH của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về tài nguyên khoáng sản phải dự báo được quy mô, trữ lượng từng loại khoáng sản tăng/giảm ra sao, có khả năng tăng thêm những mỏ khoáng sản nào..., từ đó mới thấy được sự tác động đến phát triển kinh tế trong thời gian quy hoạch.</li> <li>- Về dân số, lao động: Làm rõ thêm cấu trúc tuổi dân số và lao động, để thấy rõ quy mô dân số theo từng độ tuổi, nam, nữ; xu hướng thay đổi cơ cấu dân số, lực lượng lao động trong độ tuổi; tình trạng “dân số vàng”, hay dân số già hóa, trẻ hóa... những xu hướng này tác động đến phát triển KT-XH của tỉnh như thế nào? Chính sách giáo dục đào tạo, y tế, an sinh xã hội sẽ phải đáp ứng ra sao?</li> </ul>	
7	<b><i>Về thực trạng phát triển kinh tế:</i></b>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. <i>Hiện trạng phát triển kinh tế</i> và mục 2. <i>Thực</i>

STT	<b>Ý kiến tham gia góp ý</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>Báo cáo đã phân tích khá đầy đủ các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô (các chỉ tiêu chủ yếu) về quy mô, tăng trưởng, cơ cấu của GRDP, năng suất lao động, thu chi ngân sách, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, xuất nhập khẩu... Qua đó, đã đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế của tỉnh; đồng thời, báo cáo cũng đã phân tích cấu trúc, nội hàm của nền kinh tế thông qua 3 khu vực, cũng như các ngành kinh tế cấp 1; đã tính toán được một số các chỉ tiêu phản ánh về chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế tỉnh. Đây là những điểm được. Dù vậy, để phản ánh tốt hơn, cần đặt tỉnh trong tương quan của vùng ĐBSCL, do đó, cần bổ sung các minh chứng, các so sánh giữa tỉnh An Giang với các địa phương trong vùng ĐBSCL, chí ít là với các tỉnh tiếp giáp như Đồng Tháp, Kiên Giang.</p> <p>- Đánh giá hiện trạng phát triển công nghiệp, các ngành công nghiệp chủ lực là sát thực tế, phản ánh đúng điểm mạnh, điểm yếu của ngành. Dù vậy, phần này cần bổ sung các phân tích và đánh giá các yếu tố nguồn lực tác động đến phát triển ngành công nghiệp chế biến tại tỉnh.</p> <p>- Đánh giá hiện trạng các ngành thương mại, dịch vụ và du lịch khá tốt. Tuy nhiên, chỉ có du lịch rút ra được những nhận định về các tồn tại và hạn chế để rút kinh nghiệm cho hướng phát triển tới. Đề nghị ngành thương mại, dịch vụ khác cần bổ sung nhận định về những tồn tại và hạn chế để rút kinh nghiệm cho hướng phát triển tới.</p>	<p><i>trạng phát triển các ngành kinh tế (Chương II, mục I).</i></p>
8	<p><b>Về hiện trạng phát triển đô thị, nông thôn (từ trang 161):</b></p> <p>Phần này rất cụ thể chi tiết, với nhiều tư liệu rất quý, cho thấy toàn bộ hệ thống đô thị nông thôn của tỉnh. Tuy nhiên, cách trình bày vẫn còn thiên về mô tả, diễn giải. Sẽ là có “giá trị gia tăng” hơn nếu có những phân tích về tác động của phát triển đô thị, nhất là các đô thị trung tâm có tác động lan tỏa như</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. <i>Thực trạng phát triển đô thị</i> (Chương II, mục III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>thể nào đến vùng xung quanh; những tồn tại của phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh; nguồn lực để phát triển đô thị; cần đưa ra nhận xét hệ thống đô thị đã thực sự hợp lý chưa?</p>	
9	<p><b>Về hiện trạng phát triển các khu chức năng:</b> khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu du lịch, các khu bảo tồn... (từ trang 204):</p> <p>Đây là nội dung rất quan trọng trong Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch. Không gian phát triển các khu chức năng phản ánh tình hình bố trí các hoạt động phát triển KT-XH theo lãnh thổ.</p> <p>Về cơ bản, Báo cáo đã trình bày rõ về các khu chức năng, số lượng, quy mô, địa điểm, tính chất, vị trí vai trò chức năng KT-XH của từng khu chức năng; đồng thời, là đánh giá tình hình phát triển các khu chức năng hiện có của tỉnh trong các giai đoạn từ 2011-2020. Đặc biệt trong phần này đã chỉ rõ hiện trạng “những khu vực có vai trò động lực” của tỉnh, nội dung này rất hay và cần thiết. Dù vậy, theo tôi, trong phần này đề nghị, các khu chức năng cần thống nhất trình tự các nội dung: tình hình phát triển, đóng góp vào KT-XH của tỉnh, tác động đến môi trường và những tồn tại cơ bản cần khắc phục.</p> <p>Nhìn chung, kết quả hiện trạng nói lên thành tựu phát triển KT-XH trong 10 năm qua của tỉnh thì rất tốt, nhưng để làm quy hoạch tỉnh thì cần phải phát hiện những yếu kém mà nói một cách hình tượng là các “nút thắt” cản trở phát triển, đặc biệt là các nút thắt về cơ chế chính sách, về kết cấu hạ tầng và về nguồn nhân lực v.v. để tháo gỡ. Đánh giá hiện trạng đã thể hiện rõ tính thị trường, tính không gian, tính tích hợp của 10 năm qua. Đánh giá hiện trạng KT-XH đã trả lời được câu hỏi tỉnh An Giang đang ở đâu, đang ở tọa độ phát triển nào so với vùng ĐBSCL.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4. <i>Thực trạng phát triển các khu chức năng</i> (Chương II, mục III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
10	<p>Những nội dung, yêu cầu cần rà soát, điều chỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại mục: “Dự báo tác động của yếu tố dân số, dân cư...”: Cần đưa mục dự báo về quy mô dân số đến năm 2030, đến năm 2050 của tỉnh, dự báo về phân bố dân số cho khu vực thành thị và nông thôn.</li> <li>- Tại mục I.1.2: Bổ sung phân tích về tốc độ tăng năng suất lao động chung của nền kinh tế cũng như chia theo 03 khu vực kinh tế để có thêm căn cứ luận chứng trong thời kỳ quy hoạch.</li> <li>- Tại nội dung “Tổng vốn đầu tư xã hội”: Làm rõ thêm hệ số hiệu quả sử dụng vốn (ICOR) của tỉnh trong thời kỳ 2011-2020, phân kỳ 2011-2015 và 2016-2020 để nhận định được hiệu quả đầu tư trên địa bàn tỉnh trong những năm qua, đồng thời là căn cứ để luận chứng dự báo về hệ số ICOR cho thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>- Tại mục “Lao động”: Đề nghị bổ sung phân tích lao động khu vực thành thị - nông thôn, theo các huyện/thành phố để làm rõ được sự phân bố lao động theo không gian hiện nay trên địa bàn tỉnh; cũng là cơ sở để bố trí các hoạt động KT-XH cho thời kỳ quy hoạch.</li> <li>- Tại mục Điểm mạnh - Điểm yếu - Cơ hội - Thách thức: Bổ sung thách thức về giữ vững ổn định về an ninh - quốc phòng tại khu vực biên giới với Campuchia.</li> <li>- Tại mục Vị thế, vai trò của tỉnh An Giang: Bổ sung số liệu chứng minh tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng và quy mô GRDP của An Giang đối với cả nước/vùng ĐBSCL, đóng góp của các ngành quan trọng của tỉnh như</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại các mục 1. Dân số, đặc điểm dân cư (Chương I, mục II); mục 3. Huy động nguồn lực đầu tư phát triển, mục 4. Các lĩnh vực xã hội (Chương II, mục I) và mục VI. Các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và xác định vị thế, vai trò của tỉnh An Giang (Chương II).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>ngành nông nghiệp, công nghiệp chế biến, chế tạo...</p> <p>- Mục Bối cảnh thế giới và khu vực có đoạn: “Gần đây là xung đột Nga - Ukraine cũng đặt ra nhiều vấn đề về bảo đảm an ninh cho mỗi quốc gia, nhất là an ninh năng lượng và vấn đề khủng hoảng nhân đạo nếu có xung đột xảy ra”. Đây là vấn đề lớn ảnh hưởng đến toàn cầu, trong đó có Việt Nam nói chung và An Giang nói riêng cho nên cần bổ sung và thành mục riêng; tiếp đến cần sửa lại đoạn văn trên cho hoàn chỉnh.</p> <p>- Đề nghị bổ sung đánh giá về hiện trạng phát triển và tổ chức không gian phát triển tỉnh giai đoạn 2011-2020 (các kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém và bài học kinh nghiệm) đảm bảo thực hiện theo mục 2.d và mục 2.đ của Điều 28 của Nghị định 37/NĐ-CP.</p>	
11	<p><b><i>Đối với quan điểm phát triển:</i></b></p> <p>Tôi đồng tình với việc sắp xếp các quan điểm phát triển của tỉnh thành các nhóm: quan điểm phát triển KTXH, quốc phòng an ninh; quan điểm về tổ chức không gian; về phát triển kết cấu hạ tầng. Điều này là phù hợp với cách tiếp cận, cách hiểu về lập quy hoạch theo Luật Quy hoạch, quy định tại Điều 3 về Quy hoạch là việc sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường để sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.</p> <p>Có thể nói, các quan điểm đưa ra là phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh và nhất là có tính đến bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, ở phần này, tôi có đề nghị là:</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. <i>Quan điểm phát triển</i> (Chương III, mục I).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Nghiên cứu viết gọn hơn nữa các quan điểm phát triển KT-XH, cũng như chú ý giải thích, làm rõ các phát biểu như “tính xanh” trong hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp; hay cân nhắc khi đưa ra nhận định “đặt lợi nhuận của doanh nghiệp vào trung tâm của chiến lược phát triển địa phương”.</p> <p>- Bổ sung quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tại mục I.1.3 (quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội).</p>	
12	<p><b>Về mục tiêu phát triển:</b></p> <p>Đồng tình về mục tiêu tổng quát đến năm 2030. Đó là “An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng ĐBSCL; kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững; phát triển vững chắc hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và một số ngành công nghiệp chế tác, là trung tâm sản xuất nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển giống nông nghiệp, giống thủy sản và dược liệu, là đầu mối giao thương, hợp tác quốc tế với Campuchia và các nước khu vực ASEAN, là trung tâm du lịch văn hóa có yếu tố tín ngưỡng, tâm linh và du lịch sinh thái của vùng; đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao; an sinh xã hội được bảo đảm; các giá trị văn hóa truyền thống, tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được gìn giữ, bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được cải thiện; tiềm lực quốc phòng được củng cố, ngày càng vững chắc; chính trị, an ninh trật tự được ổn định”.</p> <p>Tuy nhiên, các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2030, tỉnh cần tham khảo, cân nhắc có so sánh với các chỉ tiêu phát triển của vùng ĐBSCL tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 về phê duyệt quy hoạch vùng ĐBSCL; đồng thời, rà soát, chỉ giữ lại những chỉ tiêu lớn, chỉ tiêu quan trọng. Hơn nữa, An Giang phấn đấu là tỉnh khá của vùng thì các chỉ tiêu phát triển phải tương thích ở mức khá (cao hơn mức trung bình của vùng), nhất</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện rà soát đối với các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 tại mục 3. Mục tiêu phát triển (Chương III, mục I).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	là các lĩnh vực văn hoá, xã hội.	
13	<p><b>Về kịch bản phát triển:</b></p> <p>Các kịch bản phát triển được xây dựng có tính khoa học, gắn với thực tiễn của tỉnh, của vùng và có tính đến xu thế, bối cảnh bên ngoài, cũng như tính đến kỳ vọng, mong muốn của tỉnh, dựa vào yêu cầu của Trung ương đối với tỉnh, với vùng ĐBSCL, đặt trong tổng thể chung, cân đối hài hoà nguồn lực.</p> <p>Báo cáo đã đưa ra 03 kịch bản, gắn với 3 phương án tăng trưởng.</p> <p>Tỉnh chọn phát triển theo kịch bản - phương án 3, nghĩa là, An Giang hướng đến là địa phương phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, dựa trên lợi thế về nguồn nguyên liệu tại tỉnh, như gạo/nếp, cá tra, rau củ quả, trái cây, nấm ăn, thực phẩm chức năng, dược liệu, thực phẩm từ sản phẩm chăn nuôi (thịt, sữa, dầu ăn). Bên cạnh đó là phát triển các nền tảng công nghiệp chế tác phù hợp với nguồn lực con người, nhất là tranh thủ thời cơ dân số vàng, để đưa tỉnh nhanh chóng thoát khỏi thực trạng KT-XH chủ yếu dựa vào nông nghiệp, nông thôn, năng suất thấp. Mặt khác, với lợi thế vị trí chiến lược địa kinh tế, địa chính trị đặt trong mối quan hệ Hợp tác Kinh tế Tiểu vùng Mê Kông Mở rộng và cộng đồng kinh tế ASEAN, An Giang có thể phát triển trở thành trung tâm đầu mối giao thương quốc tế, du lịch, đầu tư của vùng ĐBSCL trong chiến lược phát triển bền vững, hài hòa và bao trùm.</p> <p>Tôi đồng tình với việc tỉnh chọn kịch bản - phương án 3. Bởi kịch bản 3 được xây dựng và phát triển dựa vào các tiềm năng, lợi thế tốt nhất của tỉnh. Đó là lợi thế về tài nguyên đất và nước ngọt của vùng đất đầu nguồn để phát</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia. Đồng thời đã bổ sung thêm nội dung về giải pháp thực hiện quy hoạch tại mục XV. <i>Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh (Chương III).</i></p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>triển nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn - năng suất - cạnh tranh - chất lượng, để tạo lợi thế so sánh với các tỉnh trong vùng trong thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm; tỉnh biết tận dụng cơ hội mang lại nhờ sự kết nối ngày càng tốt hơn của hạ tầng giao thông liên vùng để thu hút, đón nhận làn sóng di chuyển công nghiệp chế tác từ vùng Đông Nam bộ về tỉnh; đồng thời, biết tận dụng lợi thế các cửa khẩu quốc tế để phát triển kinh tế biên mậu, dịch vụ xuất nhập khẩu, đầu mối giao lưu quốc tế của vùng với Campuchia và các nước khu vực ASEAN. Kịch bản này sẽ phát huy một khi tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng được Trung ương đầu tư đúng kế hoạch, đúng tiến độ trong những năm tới.</p> <p>Cũng giống như Báo cáo đã nêu, kịch bản 3 đòi hỏi sự năng động, tính chủ động của tỉnh An Giang trong việc nắm bắt các cơ hội từ bên ngoài, kết hợp tốt với các nguồn lực nội tại để phát huy các tiềm năng, lợi thế một cách phù hợp với bối cảnh quốc tế và trong nước. Do đó, tôi đề nghị báo cáo cần nghiên cứu bổ sung thêm nội dung của Giải pháp về tổ chức thực hiện Quy hoạch, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến tính năng động, chủ động của tỉnh, nhất là đội ngũ Lãnh đạo cao nhất của tỉnh và khẳng định những cam kết nhất quán của Lãnh đạo khi triển khai thực hiện các định hướng vạch ra từ bản Quy hoạch này.</p>	
14	<p><b><i>Về các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá:</i></b></p> <p>Báo cáo Quy hoạch tỉnh đã xác định 5 nhiệm vụ trọng tâm và 4 khâu đột phá. Trong đó, 4 khâu đột phá trong giai đoạn 10 năm tới, nhìn chung, là rất quan trọng đối với tỉnh. Theo tôi, tỉnh cần tập trung làm nổi bật không gian, hành lang phát triển kinh tế theo trục cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; làm được việc này, tỉnh sẽ phát huy được các dự địa mới, hoặc các tiềm năng chưa khai thác hết của các không gian kinh tế biên giới Tịnh Biên, Khánh</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Bình, Vĩnh Xương (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch về Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang trước đây), cũng như gắn kết với các địa phương theo trục này, với điểm cuối là cảng biển nước sâu Trần Đề như trong Quy hoạch vùng ĐBSCL đã đề xuất. Ngoài ra, các đột phá về chuyển đổi số là bắt buộc phải làm trong thời đại bây giờ; hay như, phát triển nguồn nhân lực là xuyên suốt để nâng cao năng suất lao động, đáp ứng phát triển theo chiều sâu.</p>	
15	<p><b>Phương hướng phát triển các ngành quan trọng:</b></p> <p>Trên cơ sở những điểm mạnh và điểm yếu, cơ hội và thách thức; dự báo các yếu tố điều kiện bối cảnh quốc tế, trong nước và khu vực, xu hướng thay đổi cầu tiêu thụ thị trường, Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định tập trung vào 03 ngành kinh tế quan trọng cho tăng trưởng và phát triển, bao gồm: Công nghiệp chế biến, chế tạo (trọng tâm là các ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản, chế biến, bảo quản lương thực - thực phẩm, tiến tới chế biến tinh lương thực - thực phẩm, các ngành công nghiệp phụ trợ ngành chế biến thực phẩm các loại...), năng lượng tái tạo; thương mại - dịch vụ (bao gồm thương mại biên giới, dịch vụ xuất nhập khẩu), các dịch vụ giá trị gia tăng, du lịch; nông thủy sản ứng dụng công nghệ cao.</p> <p>Về cơ bản, tôi đồng tình với việc xác định này. Vì đây là những ngành kinh tế tạo động lực cho tăng trưởng, giải quyết việc làm cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, tạo nguồn thu ngân sách... nhằm phát triển nhanh trong trung hạn, đồng thời tạo nền tảng cho chuyển đổi, phát triển bền vững trong dài hạn.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
16	<p><b>Đối với ngành công nghiệp:</b></p> <p>Trong thời kỳ 2021-2030, ngành công nghiệp chế biến nông thủy sản, chế biến thực phẩm các loại (các thực phẩm chế biến từ rau củ quả, cá tra, thịt,</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 3. Phát triển ngành công nghiệp (Chương III, mục III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>sữa...), chế biến tinh lương thực - thực phẩm, công nghiệp phụ trợ cho ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm, công nghiệp đóng gói, bảo quản thực phẩm, công nghiệp phụ trợ cho ngành chế biến tinh lương thực - thực phẩm, công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu, công nghiệp chế tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản nước ngọt, công nghiệp năng lượng sạch (điện mặt trời, điện sinh khối)... sẽ đóng vai trò động lực trong phát triển. Phát triển công nghiệp chế biến tinh lương thực - thực phẩm và công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp. Các ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp cấp nước và xử lý chất thải ngày càng trở nên quan trọng. Đề nghị, Báo cáo cần bổ sung thêm giải pháp để phát triển bền vững khu vực công nghiệp chế biến, nhất là giải pháp liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng trong thu hút đầu tư từ bên ngoài.</p>	
17	<p><b><i>Đối với ngành dịch vụ:</i></b></p> <p>Trong thời kỳ quy hoạch, An Giang sẽ có nhiều cơ hội để phát triển mạnh mẽ các ngành thương mại (nội địa, biên giới), các ngành dịch vụ giá trị gia tăng và du lịch để hướng đến xây dựng An Giang trở thành trung tâm thương mại, dịch vụ và du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái, kết hợp với phát triển nông nghiệp của khu vực ĐBSCL; trung tâm kinh tế cửa khẩu của vùng ĐBSCL với thị trường Campuchia, các nước Thái Lan - Lào - Myanma (khu vực phía Nam). Khu kinh tế cửa khẩu An Giang là một cực tăng trưởng kinh tế năng động và bền vững của tỉnh; các trung tâm đô thị lớn của tỉnh như: Long Xuyên, Châu Đốc, Tân Châu, Tịnh Biên là các trung tâm dịch vụ, thương mại đa ngành cấp vùng, với các hoạt động dịch vụ phù hợp với với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đề nghị, Báo cáo cần bổ sung thêm giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi của khu vực dịch vụ, thúc đẩy chuyển đổi số...</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 3. <i>Phát triển thương mại - dịch vụ</i> (Chương III, mục III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
18	<p><b><i>Đối với nông nghiệp:</i></b></p> <p>Phát triển bền vững các chuỗi giá trị ngành hàng lúa gạo/lúa nếp chất lượng cao, rau màu, cây ăn trái. Phát triển vùng chuyên canh hàng hóa lúa chất lượng cao, lúa nếp; phát triển vùng nuôi cá tra thịt chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu chế biến xuất khẩu; Phát triển vùng trồng dược liệu hàng hóa quy mô lớn cung cấp nguyên liệu chế biến cho ngành công nghiệp dược liệu; Mở hướng và tạo nền tảng phát triển các sản phẩm chăn nuôi, gắn với công nghệ chế biến thịt, sữa và các sản phẩm từ thịt, sữa.</p> <p>Nhìn chung, phương hướng phát triển các ngành quan trọng đã mô tả khá đầy đủ hướng phát triển, mục tiêu, các giải pháp cũng như bố trí không gian, kèm theo bản đồ, đáp ứng yêu cầu của nội dung quy hoạch theo quy định.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
19	<p><b><i>Nội dung phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội (từ trang 419):</i></b></p> <p>Bố trí không gian phát triển KT-XH nhìn chung là phù hợp với đặc điểm tự nhiên của từng tiểu vùng trong tỉnh, vị trí địa kinh tế của tỉnh trong tổng thể vùng và nhìn rộng ra tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, phát huy được thế mạnh, lợi thế của tỉnh. Tuy nhiên, trong nội dung này đề nghị Quy hoạch tỉnh cần nghiên cứu, làm rõ hơn phương án kết nối kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án lớn của Quốc gia dành cho phát triển của vùng ĐBSCL, cũng như phát triển các ngành hạ tầng, quản lý tài nguyên quan trọng của Quốc gia, của Vùng có liên quan đến tỉnh. Ví dụ, trong Quy hoạch Vùng, nhấn mạnh tính đột phá của các Trung tâm đầu mối (có 8 trung tâm đầu mối), các trung tâm điểm nhấn về văn hoá, du lịch, trong đó có Châu Đốc của An Giang; hay không gian vùng động lực An Giang - Kiên Giang và Cần Thơ trong vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL trong Quy hoạch tổng thể Quốc gia đã xác định. Làm được như</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục IV. Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội (Chương III).

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>vậy, tỉnh sẽ phát huy tốt nhất các nguồn lực của Trung ương vào phát triển tỉnh, cũng như phát huy được tính liên kết vùng mà Trung ương đang yêu cầu đối với các tỉnh, thành trong vùng phải lưu ý.</p> <p>Đề nghị bổ sung phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, phương hướng tổ chức không gian cho khu vực khuyến khích phát triển theo quy định tại điểm 4c của Điều 28 của Nghị định 37/NĐ-CP; bổ sung phương án tổ chức liên kết các không gian của tỉnh, cơ chế phối hợp tổ chức không gian liên huyện theo quy định tại điểm 4d của Nghị định 37/NĐ-CP.</p>	
20	<p><b><i>Phương án phát triển hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng và hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội:</i></b></p> <p>Các nội dung bao gồm: (1) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, bao gồm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đã được xác định trong quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển đô thị tỉnh lỵ và các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn; phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển các cụm công nghiệp; phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư; xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực; (2) Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia. Đồng thời đã bổ sung nội dung về khu vực có vai trò động lực theo quy định tại điểm 2d của Điều 27 của Luật Quy hoạch 2017.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>hàng hải; các cảng, sân bay quốc tế, quốc gia; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới đường tỉnh; (3) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm các công trình cấp điện và mạng lưới truyền tải điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối; (4) Phương án phát triển mạng lưới viễn thông, bao gồm các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh; (5) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, bao gồm mạng lưới thủy lợi, mạng lưới cấp nước quy mô vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện; (6) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, bao gồm các khu xử lý chất thải nguy hại cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các khu xử lý chất thải liên huyện; (7) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, trung tâm thương mại, hội chợ, triển lãm và các công trình hạ tầng xã hội khác của tỉnh. Nhìn chung, các nội dung trong báo cáo quy hoạch đảm bảo một số yêu cầu sau:</p> <p>- Đầy đủ về các nội dung trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp, tính cập nhật, khoa học và độ tin cậy của thông tin, số liệu; phân tích, đánh giá hiện trạng và phương pháp nghiên cứu, đề xuất phương án và bố trí không gian phát triển;</li> <li>- Phù hợp với định hướng phát triển đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; việc cập nhật các công trình, dự án quan trọng đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;</li> <li>- Phù hợp với quy hoạch cấp trên, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực;</li> <li>- Kết nối, thống nhất với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng;</li> <li>- Phù hợp về quy mô, mức độ đáp ứng của phương án quy hoạch so với dự báo xu thế phát triển và điều kiện thực tế địa phương.</li> </ul> <p>Tóm lại, nội dung này rất đầy đủ, chi tiết, kết hợp bản đồ và hệ thống biểu bảng. Các nội dung phương án này có sự kết nối với nhau trong bố trí không gian, ví dụ mạng lưới điện, viễn thông, cấp nước, đường giao thông bộ và hệ thống đô thị...có gắn kết với nhau, tác động với nhau theo không gian. Hệ thống bản đồ thể hiện tổng thể vấn đề này, tuân thủ theo quy định và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về xây dựng sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh.</p> <p>Đề nghị bổ sung phương án về khu vực có vai trò động lực theo quy định tại điểm 2d của Điều 27 của Luật Quy hoạch 2017.</p>	
21	<b><i>Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai:</i></b>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đã đảm bảo các yếu tố sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đầy đủ về các nội dung cần thực hiện trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Sự phù hợp, tính cập nhật, khoa học và độ tin cậy của thông tin, số liệu; phân tích, đánh giá hiện trạng và phương pháp nghiên cứu, đề xuất phương án và bố trí không gian phát triển;</li> <li>- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia;</li> <li>- Sự phù hợp của phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai của tỉnh với các phương án phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai là nội dung đặc biệt quan trọng của báo cáo quy hoạch, vì đây là cơ sở để quy hoạch sử dụng đất cấp huyện làm căn cứ xây dựng kế hoạch sử dụng đất và quyết định các dự án đầu tư. Phương án phân bổ đất cấp tỉnh phải dựa vào các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất quốc gia (tại quyết định 326/QĐ-Ttg) và phương án quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để tính ra nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích sử dụng. Dựa trên phân tích đánh giá hiện trạng sử dụng và tiềm năng đất đai để khoanh vùng đất cho mỗi mục đích sử dụng và phân bổ cho địa bàn các huyện. Nhìn chung, nội dung đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt.</li> </ul>	
22	<p><b><i>Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện:</i></b></p> <p>Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện đã đáp ứng một số yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ sở hình thành vùng liên huyện trong tỉnh;</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. <i>Phương án xây dựng vùng liên huyện</i> và mục 2. <i>Phương án xây dựng vùng huyện</i> (Chương III, mục IX).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Sự phù hợp, thống nhất về định hướng phát triển của vùng liên huyện, từng vùng huyện với phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh;</p> <p>- Sự phù hợp về định hướng phát triển đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phòng cháy và chữa cháy của từng vùng liên huyện, từng vùng huyện với phương án phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phòng cháy và chữa cháy của tỉnh.</p> <p>Việc phân định các vùng liên huyện, vùng huyện là căn cứ vào các đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội để xác định các vùng có điều kiện, đặc điểm và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội tương đồng, không phụ thuộc vào ranh giới hành chính. Đó là cơ sở định hướng cho thu hút các hoạt động phát triển phù hợp với từng vùng, là cơ sở để quyết định đầu tư các điều kiện hạ tầng có thể phát huy tác dụng lan tỏa cho cả vùng không giới hạn trong một đơn vị hành chính và hình thành nên các trung tâm phát triển.</p> <p>Trong báo cáo này, quy hoạch thành 03 vùng liên huyện:</p> <p>- Vùng 1 (vùng trung tâm): TP. Long Xuyên, huyện Châu Thành, huyện Thoại Sơn.</p> <p>- Vùng 2 (vùng phía Đông): TX. Tân Châu, huyện An Phú, huyện Phú Tân, huyện Chợ Mới.</p> <p>- Vùng 3 (vùng phía Tây): TP. Châu Đốc, TX. Tịnh Biên, huyện Tri Tôn, huyện Châu Phú.</p> <p>Đối với vùng liên huyện: Về cơ bản nhất trí với mục đích và cơ sở để phân vùng liên huyện. Nhìn chung, An Giang được phân thành 3 vùng liên</p>	



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>huyện là hợp lý. Nội dung định hướng phát triển kinh tế - xã hội các vùng liên huyện chi tiết, song vẫn còn tính riêng lẻ từng vùng mà chưa thấy sự tác động qua lại và vai trò của các vùng đối với cả tỉnh. Đề nghị phải phân tích theo nội dung tích hợp, tức là phân tích sự tác động của các vùng liên huyện và vị trí, vai trò các vùng với cả tỉnh An Giang. Đồng thời, phân tích tính chất và tác động lẫn nhau của các vùng liên huyện cũng như tác động đến tỉnh của từng vùng.</p> <p>Đối với vùng huyện cần tiến hành chỉnh sửa theo nội dung như góp ý bên trên với vùng liên huyện. Ngoài việc định hướng phát triển KT-XH riêng cho từng huyện, cần có bảng số liệu, tính toán tỷ trọng và đánh giá tác động lẫn nhau và tác động đến phát triển KT-XH của tỉnh.</p>	
23	<p><b>Đối với các nội dung:</b> (1) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; (2) Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh; (3) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra và (4) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh:</p> <p>Đề nghị rà soát, kiểm tra lại các nội dung sau, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đầy đủ về các nội dung cần thực hiện trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Sự phù hợp, tính cập nhật, khoa học và độ tin cậy của thông tin, số liệu; phân tích, đánh giá hiện trạng và phương pháp nghiên cứu, đề xuất phương án</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa tại các mục X. <i>Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học</i>, mục XI. <i>Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên</i>, mục XII. <i>Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</i> và mục XIII. <i>Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</i> (Chương III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>và bố trí không gian phát triển;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phù hợp với định hướng phát triển đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; việc cập nhật các công trình, dự án quan trọng, các khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, vùng cấm khai thác tài nguyên khoáng sản đã được xác định ở quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng;</li> <li>- Sự phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực;</li> <li>- Sự phù hợp của các phương án phân vùng môi trường; phân vùng rủi ro thiên tai; phân vùng khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phân vùng chức năng nguồn nước, phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh với các quy hoạch ngành quốc gia và điều kiện thực tế địa phương;</li> <li>- Tính khả thi và hiệu quả của các cơ chế, giải pháp quản lý.</li> </ul>	
24	<p><b><i>Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện:</i></b></p> <p>Nội dung này đã đáp ứng một số yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự đầy đủ về các nội dung cần thực hiện trong báo cáo quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ;</li> <li>- Sự phù hợp của các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư;</li> <li>- Tính thực tiễn, logic của phương pháp lựa chọn dự án quan trọng cần ưu</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tiên đầu tư của tỉnh;</p> <p>- Sự phù hợp về quy mô dự án quan trọng của tỉnh so với quy định tại Luật đầu tư công và Luật đầu tư.</p>	
25	<p><b><i>Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch:</i></b></p> <p>Đề nghị kiểm tra và rà soát lại một số vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính khả thi và hiệu quả của các giải pháp;</li> <li>- Tính đột phá của các giải pháp, cơ chế, chính sách, nhất là giải pháp liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng;</li> <li>- Tính thực tiễn của các giải pháp.</li> </ul> <p>Đề nghị bổ sung giải pháp yêu cầu các Sở, ngành, thành phố, huyện, thị xã phải công bố công khai nội dung của quy hoạch tỉnh trên trang tin điện tử của ngành/địa phương và tại trụ sở của nơi làm việc, tiếp công dân; bổ sung giải pháp về trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện và giám sát quy hoạch.</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục XV. <i>Xây dựng giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh</i> (Chương III).</p>
26	<p><b><i>Về hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch:</i></b></p> <p>Nhìn chung, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu rất đầy đủ, ngoài tập bản đồ riêng, trong các phần trong báo cáo, đều có bản đồ minh họa. Tuy nhiên, cần rà soát để đảm bảo đáp ứng theo quy định.</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia.</p>

**PHỤ LỤC 3.3.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA NGUYỄN VĂN SÁNH ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

<b>STT</b>	<b>Ý kiến tham gia góp ý</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
1	<p><b>Nhận xét chung về hồ sơ quy hoạch:</b></p> <p>Sau khi nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh), nhận thấy:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục hồ sơ: Đầy đủ theo quy định của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đúng và đủ theo Điều 31. Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch của Luật Quy hoạch.</li> <li>- Cấu trúc nội dung của mỗi tài liệu đầy đủ các đề mục thành phần theo quy định.</li> <li>- Cá nhân tôi đánh giá cao báo cáo đã tuân thủ rất đầy đủ các nội dung, đề mục nêu ra trong Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ.</li> </ul> <p><i>Kết luận:</i> Hồ sơ đủ điều kiện để nhận xét, đánh giá Hội đồng thẩm định cấp Quốc gia.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
2	<p><b>Về cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo Quy hoạch đã bám sát theo 59 điều khoản Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14. Cụ thể hơn là Điều 27 của Luật Quy hoạch và Điều 28 của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>Quy hoạch tỉnh đã đảm bảo đúng “Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch”, quy định tại Điều 4 của Luật Quy hoạch. Đó là: “Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường” và “Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia”. Các nội dung quy hoạch tỉnh quan trọng, nhìn chung, là tích hợp, kết nối, triển khai cụ thể các định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực, bố trí không gian lãnh thổ phát triển, kết nối hạ tầng của tỉnh... phù hợp với Quy hoạch tổng thể Quốc gia, Quy hoạch vùng ĐBSCL và một số các Quy hoạch ngành Quốc gia đã được thông qua, đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Lồng ghép được các Luật và Quy định ngành vào Quy hoạch tỉnh, đặc biệt các chủ trương và định hướng lớn về phát triển bền vững và liên kết vùng ĐBSCL được thể hiện qua Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Kế thừa, chọn lựa và lồng ghép được các chủ trương, đường lối, chương trình và dự án phát triển tỉnh An Giang thời gian qua.</p>	
3	<p><b>Về cấu trúc, nội dung báo cáo tổng hợp:</b></p> <p>Báo cáo thuyết minh tổng hợp dài 838 trang, được phân làm 03 nội dung chính:</p> <p>(1) Phần I: Mở đầu. Dài 16 trang (từ trang 1 đến trang 16), thể hiện được</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>sự cần thiết, mục tiêu, nguyên tắc, phạm vi ranh giới, thời kỳ quy hoạch, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.</p> <p>(2) Phần II: Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Là phần chính của Quy hoạch tỉnh, được chia thành 03 chương chính, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chương I. Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh An Giang (từ trang 18 đến trang 60).</li> <li>+ Chương II. Thực trạng phát triển của tỉnh An Giang (từ trang 61 đến trang 275).</li> <li>+ Chương III. Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (từ trang 278 đến trang 834).</li> </ul> <p>(3) Phần III: Các phụ lục liên quan, tài liệu tham khảo, các minh chứng chi tiết kèm theo, hệ thống bản đồ và cơ sở dữ liệu.</p> <p>Căn cứ vào quy định tại Điều 27. Nội dung quy hoạch tỉnh của Luật Quy hoạch, Báo cáo Quy hoạch tỉnh An Giang cho thấy đã thể hiện đúng và đủ các nội dung quy hoạch, hay đảm bảo đủ các mục, các yêu cầu theo quy định, đặc biệt là nhân mạng các dự án mang tính liên ngành, liên vùng, liên huyện trong Quy hoạch tỉnh - đúng quy định của Luật Quy hoạch. Thứ hai, các Nội dung quy hoạch tỉnh đã thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch vùng ĐBSCL; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện. Tôi</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	đánh giá rất cao tính tuân thủ, tính đáp ứng của Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch.	
4	<p><b>Tương thích báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tóm tắt dài 64 trang, rút ra được các nội dung cơ bản từ báo cáo tổng hợp.</li> <li>- Khái quát được nội dung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
5	<p><b>Về nội dung báo cáo ĐMC:</b></p> <p>a) Cấu trúc nội dung báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự phù hợp mục tiêu quy hoạch và mục tiêu bảo vệ môi trường, những tác động môi trường xấu không thể khắc phục và chỉ có thể giảm thiểu liên quan BĐKH, các giải pháp bảo vệ môi trường được mô tả chi tiết có cơ sở khoa học.</li> <li>- Hiệu quả ĐMC và các vấn đề tiếp tục nghiên cứu như sụt lún cao; giảm thiểu, điều tra thoái hóa đất; kiểm kê đa dạng sinh học; cách quản lý, đề xuất các dự án nghiên cứu liên quan phân vùng môi trường phục vụ quy hoạch bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội và phát triển bền vững; quản lý môi trường cho trồng trọt và thủy sản.</li> </ul> <p>b) Tương tác báo cáo quy hoạch và ĐMC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về hiện trạng: Đánh giá ĐMC được tích hợp và tương thích với nội dung đánh giá hiện trạng trong thời kỳ quy hoạch.</li> <li>- Về định hướng: Về đánh giá ĐMC liên quan định hướng quy hoạch,</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	tích hợp các giải pháp của báo cáo ĐMC và các kiến nghị với Quy hoạch tỉnh.	
6	<p><b>Về cơ sở dữ liệu, minh chứng tính khoa học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống số liệu, bao phủ được đánh giá, phân tích hiện trạng thời kỳ 2011-2020; giá trị tổng hợp, dự báo và kịch bản đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.</li> <li>- Hệ thống bản đồ được tích hợp thông tin và trình bày sạch đẹp.</li> <li>- Tính khoa học trong báo cáo được thể hiện nguồn trích dẫn và tài liệu tham khảo.</li> <li>- Phát triển các nội dung đầu ra của báo cáo Quy hoạch tỉnh dựa vào hệ thống bảng biểu và bản đồ được tổng hợp từ các nguồn số liệu và các nguồn thông tin khác đáng được tin cậy.</li> <li>- Văn phong báo cáo trình bày dễ hiểu thể hiện qua cách dùng từ chuyên môn, hành văn khoa học và kết nối bảng biểu hoặc bản đồ rõ ràng.</li> </ul> <p><i>Kết luận:</i> Cấu trúc nội dung báo cáo quy hoạch tổng thể, báo cáo tóm tắt và đánh giá môi trường chiến lược Quốc gia (ĐMC) đã tranh thủ các cơ sở pháp lý, tương thích nhau, có dựa vào các cơ sở khoa học đáng tin cậy và chấp nhận được.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
7	<p><b>Tích hợp và tương tác các sản phẩm đầu ra trong tiến trình phát triển báo cáo quy hoạch:</b></p> <p>Điều này được thể hiện từ: (i) Phân tích hiện trạng và nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (phân tích SWOT) liên quan các nội dung quy hoạch; (ii) Đánh giá được xu thế tác động dẫn đến xác định được vai trò và vị</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>trí của An Giang trong vùng ĐBSCL và Quốc gia; (iii) Xây dựng được tầm nhìn, xác định quan điểm, xây dựng kịch bản và chọn lựa được kịch bản phát triển; (iv) Xây dựng mục tiêu phát triển và đưa ra được các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá. Trên cơ sở các nội dung trên, tiến đến (v) Xác định phương hướng các ngành và lĩnh vực quan trọng. Từ đó, phát triển được về (vi) Xác định các phương án xây dựng và bố trí không gian kinh tế - xã hội; hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng và xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện. Từ đó, suy xét các cơ hội về (vii) Phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội kèm theo. Tiến đến (viii) Nguồn lực và phân bổ sử dụng đất. Quan trọng hơn là sử dụng và tương tác kết quả ĐMC để hình thành (ix) Các phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên; phương án bảo vệ nguồn nước, phòng chống thiên tai và ứng phó BĐKH. (x) Cuối cùng đưa ra được danh mục dự án, thứ tự ưu tiên và xây dựng được các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch.</p> <p><i>Kết luận:</i> Cấu trúc nội dung báo cáo Quy hoạch tỉnh rất logic và tương thích nhau từ các sản phẩm đầu ra trong tiến trình phát triển Quy hoạch tỉnh và tương thích được với cấu trúc nội dung Quy hoạch vùng ĐBSCL.</p>	
8	<p><b><i>Định vị được vai trò và vị trí tỉnh An Giang:</i></b></p> <p>Điều này được thể hiện qua phân tích hiện trạng, phân tích SWOT và bối cảnh khu vực và quốc tế, nhất là của tiểu vùng sông Mê Kông và vùng ĐBSCL tác động đến phát triển An Giang. Kết hợp tham khảo kết quả Quy hoạch vùng ĐBSCL và Quy hoạch tổng thể Quốc gia, thực hiện chủ trương và đường lối lâu dài phát triển bền vững và liên kết vùng ĐBSCL qua Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị. Từ đó đưa ra được vị trí chiến lược</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tỉnh An Giang đối với ĐBSCL và Quốc gia như sau:</p> <p>a) An ninh nguồn nước vùng ĐBSCL</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉnh An Giang đầu nguồn của vùng ĐBSCL, chịu tác động trực tiếp hệ thống sông Mê Kông đổ về và chia sẻ nguồn nước về hai tuyến sông chính là sông Tiền và sông Hậu lan tỏa đến nhiều địa phương vùng ĐBSCL.</li> <li>- Do vậy, sử dụng và quản lý nguồn nước hiệu quả của tỉnh đều tác động đến an ninh nguồn nước cho cả vùng ĐBSCL và ứng phó BĐKH.</li> </ul> <p>b) An ninh xuyên biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỉnh có biên giới giáp với Campuchia và có bề dài lịch sử về quan hệ hợp tác phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, chính trị và ngoại giao của vùng và quốc gia.</li> <li>- Do vậy, An Giang liên kết với Kiên Giang, Đồng Tháp và Long An sẽ đóng vai trò cực kỳ quan trọng, không những phát triển kinh tế cửa khẩu, an ninh - quốc phòng cho tỉnh mà còn cho cả vùng ĐBSCL và quốc gia.</li> </ul> <p>c) An Giang đóng vai trò chiến lược vùng và Quốc gia</p> <p>Vì hai lý do trên, báo cáo Quy hoạch tỉnh đã thể hiện được vai trò và chiến lược rất quan trọng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh, nhất là an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh biên giới và đối ngoại, không những đóng góp phát triển bền vững cho An Giang mà đóng góp rất lớn cho cả khu vực ĐBSCL và quốc gia trong dài hạn.</p> <p><i>Kết luận:</i> Báo cáo Quy hoạch tỉnh đã thể hiện được vai trò và vị trí chiến lược của An Giang đối với ĐBSCL và quốc gia. Điều này rất quan trọng</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	và lâu dài để suy xét về chiến lược phát triển tỉnh, phát triển quy hoạch và thực hiện quy hoạch có hiệu quả trong tương lai.	
9	<p><b><i>Xây dựng được 03 quan điểm cơ bản:</i></b></p> <p>Đầu tiên, là tôi đánh giá cao về cách tiếp cận và tính hệ thống trong việc đề xuất nhóm các quan điểm phát triển của tỉnh, đó là: quan điểm phát triển KT-XH, quốc phòng an ninh; quan điểm về tổ chức không gian; về phát triển kết cấu hạ tầng. Điều này rất phù hợp với cách tiếp cận, cách hiểu về lập quy hoạch theo Luật Quy hoạch, quy định tại Điều 3 về “Quy hoạch là việc sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định.”</p> <p>Nhìn chung, các quan điểm đưa ra là phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh và nhất là có tính đến bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch. Dù vậy, có thể triển khai cụ thể hơn nữa, gắn với đặc thù của tỉnh An Giang. Ngoài việc, thống nhất, phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển, An Giang cần triển khai quan điểm đó như thế nào, cụ thể là gì, để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, phát triển xanh, tuần hoàn, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.
10	<p><b><i>Về kịch bản phát triển:</i></b></p> <p>Báo cáo đã đưa ra 03 kịch bản:</p> <p>- Kịch bản 1: Dựa vào lợi thế tự nhiên của tỉnh và tính đột phá hệ thống hạ tầng giao thông kết nối.</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Kịch bản 2: Dựa vào lợi thế kinh tế cửa khẩu, các cửa khẩu quốc tế và dựa vào cải thiện hạ tầng giao thông kết nối.</p> <p>- Kịch bản 3: Dựa vào lợi thế về tài nguyên đất và nước ngọt của tỉnh đầu nguồn để phát triển nông nghiệp có sức cạnh tranh lớn, tạo lợi thế và nguồn lực thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến; đồng thời kết hợp với kịch bản 1 về cơ hội giao thông kết nối, kịch bản 2 về kinh tế cửa khẩu.</p> <p>Chọn kịch bản bản 3 là phù hợp, không những đúng theo tiềm năng và lợi thế của An Giang mà còn đáp ứng lâu dài về thực hiện vai trò của ĐBSCL là trở thành nền nông nghiệp cấp quốc tế theo định hướng Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị, Quy hoạch tổng thể Quốc gia và cụ thể là Quy hoạch vùng ĐBSCL.</p> <p><i>Nhận xét:</i> Nhìn chung, cách tiếp cận xây dựng các kịch bản, các phương án tăng trưởng là có cơ sở khoa học và thực tiễn. Sau khi đã phân tích đánh giá SSWOT tỉnh, nội tại, ngoại tại, phân tích trong - ngoài, dự báo xu thế, diễn biến các yếu tố tác động, dựa vào kỳ vọng, mong muốn của tỉnh, dựa vào yêu cầu của Trung ương đối với tỉnh, với vùng ĐBSCL, đặt trong tổng thể chung, cân đối hài hòa nguồn lực, Quy hoạch tỉnh xây dựng và lựa chọn các kịch bản, phương án và lựa chọn kịch bản, phương án là logic, khoa học và đảm bảo tính khả thi khi thực hiện.</p>	
11	<p><b><i>Về xây dựng mục tiêu và các khâu đột phá:</i></b></p> <p>Xác định trong 10 năm tới, bây giờ đã hết năm 2022, còn khoảng 8 năm nữa để thực hiện quy hoạch này, tỉnh xác định 4 khâu đột phá và các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn 10 năm tới, như vậy cũng phù hợp, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển ngắn hạn, trung hạn và tạo đà cho phát triển trong dài hạn. Trong</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>thời gian tới, tập trung làm nổi bật không gian phát triển kinh tế, xã hội theo trục hành lang cao tốc được cả nước, cả vùng kỳ vọng - cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, là một thành công của tỉnh rồi. Trên cơ sở đó, phát huy các dự địa mới, hoặc chưa khai thác hết của các không gian kinh tế biên giới (đã quy hoạch trước đây), cũng như gắn kết với các địa phương theo trục này, với điểm cuối là cảng biển nước sâu Trần Đề (kỳ vọng trong thời gian tới). Ngoài ra, các đột phá về chuyển đổi số là bắt buộc phải làm trong thời đại bây giờ; hay như, phát triển nguồn nhân lực là xuyên suốt để nâng cao năng suất lao động, đáp ứng phát triển theo chiều sâu.</p> <p><i>Kết luận:</i> Báo cáo xây dựng được 03 quan điểm; phát triển được trên 03 kịch bản, chọn lựa được kịch bản hợp lý và khả thi, từ đó xây dựng được các mục tiêu theo kịch bản và tìm ra được 04 khâu đột phá, tương tác nhau rất logic và liên kết được vai trò và vị trí chiến lược An Giang như đánh giá trên. Do vậy, nội dung báo cáo này đáng tin cậy, khoa học, khả thi để suy xét các nội dung tiếp theo trong phát triển Quy hoạch tỉnh.</p>	
12	<p><b><i>Về ngành và lĩnh vực kinh tế:</i></b></p> <p>Có 06 ngành đã chứng minh tính tích hợp nhau như sau:</p> <p>a) Nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành hàng, bao gồm: 03 nhóm ngành hàng chủ lực: Lúa - gạo; cây ăn quả, rau màu và thủy sản (cá tra) và 02 nhóm ngành tiềm năng về chăn nuôi bò và nầm ăn, cây dược liệu.</li> <li>- Đề xuất được quy hoạch và các giải pháp thông qua bố trí không gian gắn với từng vùng sinh thái, thích ứng với BĐKH. Tiếp cận phát triển kinh tế nông nghiệp qua phát triển cụm ngành hàng, xây dựng vùng nguyên liệu gắn</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>với ứng dụng công nghệ cao, phát triển công nghiệp chế biến gắn với thị trường tiêu thụ. Xây dựng trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo với các đô thị và vai trò trung tâm cấp vùng theo nội dung Quy hoạch vùng ĐBSCL. Phát triển vùng nguyên liệu tập trung thông qua thúc đẩy tập trung tích tụ ruộng đất, phát triển vùng sản xuất tập trung.</p> <p>b) Công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 03 ngành quan tâm: Công nghiệp chế biến, nhất là gạo và trái cây; công nghiệp chế biến hàng tiêu dùng; công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghệ thông tin.</li> <li>- Để phát triển ngành công nghiệp, các giải pháp kèm theo bao gồm: Định hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường. Ứng dụng KHCN về chế biến sâu, hướng về xuất khẩu và cạnh tranh thị trường, gắn với vùng nguyên liệu. Bố trí không gian qua nâng cao mạng lưới khu/cụm công nghiệp, gắn với khu vực đô thị, hệ thống hạ tầng liên kết nội tỉnh, trong vùng và quốc tế.</li> </ul> <p>c) Thương mại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành thương mại gắn với phát triển ngành nông nghiệp và công nghiệp nêu trên liên quan tiêu thụ (xuất khẩu và tiêu thụ nội địa), dịch vụ hậu cần và logistics, dịch vụ đầu vào trong sản xuất.</li> <li>- Giải pháp về bố trí không gian liên quan thông qua: Hành lang kinh tế với thị trường Campuchia và tiểu vùng Mê Kông mở rộng; thương mại cửa khẩu qua phát triển 03 cửa khẩu chính: Tịnh Biên; Vĩnh Xương và Khánh Bình; phát triển theo hướng văn minh hiện đại; vị thế phải đầu tư đồng bộ kết</li> </ul>	

STT	<b>Ý kiến tham gia góp ý</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>cầu hạ tầng thương mại, dịch vụ để phát triển mạng lưới từ khu thương mại - dịch vụ, trung tâm logistics đến hệ thống chợ dân sinh kết nối trung tâm đầu mối nông nghiệp theo quy hoạch vùng; phát triển thương mại điện tử và thúc đẩy xuất khẩu nông nghiệp có thế mạnh của tỉnh.</p> <p>d) Du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm và điểm đến: Chứng minh được nhu cầu, xây dựng được sản phẩm và điểm đến du lịch của tỉnh; trong đó tập trung phát triển du lịch văn hóa và tâm linh.</li> <li>- Bố trí không gian theo lợi thế từng điểm du lịch của tỉnh, liên kết vùng ĐBSCL và TP. HCM.</li> <li>- Nâng cấp hoạt động du lịch, qua: Phát triển mạng lưới, ứng dụng công nghệ hiện đại và số hóa, xây dựng thương hiệu, bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nhân lực.</li> </ul> <p>đ) Về dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 13 lĩnh vực cần quan tâm: Logistics, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, vận tải, thương mại và du lịch, vui chơi giải trí, mua sắm, văn hóa thể thao, dịch vụ công nghệ thông tin.</li> <li>- Bố trí không gian đã chứng minh được kết nối với phát triển các lĩnh vực khác, đô thị trung tâm của tỉnh và phát triển dịch vụ qua cách tiếp cận liên kết vùng.</li> </ul>	
13	<p><b>Về ngành và lĩnh vực xã hội:</b></p> <p>Có 05 ngành, lĩnh vực quan trọng như sau:</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia. Đồng thời đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4. Các lĩnh vực xã hội (Chương II, mục I).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>a) Về Giáo dục và đào tạo: Đã mô tả được (i) Nâng cao chất lượng và hiệu quả qua: Phát triển về giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp theo chuẩn quốc gia, ĐMST và hướng nghiệp; (ii) Đầu tư hạ tầng: Phát triển hạ tầng kết hợp với xây dựng mạng lưới hạ tầng cho các cấp từ mầm non, tiểu học và trung học; (iii) Gắn với nhu cầu phát triển: Đào tạo, nhất là đào tạo nghề phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội; (iv) Giảm thiểu học sinh bỏ học qua giải pháp giảm thiểu học sinh bỏ học giữa chừng ở các cấp.</p> <p>b) Về y tế và chăm sóc sức khỏe: Đã mô tả được (i) Nâng cao chất lượng qua nâng cấp hoạt động hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe theo hướng đồng bộ và hiện đại; (ii) Phân tuyến liên quan chuyên môn sâu và kết nối chuyên môn sâu của ngành y tế; (iii) Quan tâm chăm sóc sức khỏe cơ sở thông qua chú tâm đầu tư y tế cơ sở và y tế dự phòng; (iv) Chú tâm y tế tuyến huyện thông qua nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh tuyến huyện; (v) Liên kết và phát triển: Kết hợp Đông y và Tây y, tiếp cận xã hội hóa qua tham gia công - tư.</p> <p>Nên chăng cần nhấn mạnh thêm về phát triển khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho bà con dân tộc Khmer sống liên kề với cộng đồng dân cư Campuchia?</p> <p>c) An sinh xã hội: (i) Tiếp cận chủ trương: Đã tiếp cận các chủ trương, chương trình và dự án về an sinh xã hội của Trung ương; (ii) Ứng vào bối cảnh An Giang, nhất là “giảm nghèo đa chiều” được mô tả chi tiết; (iii) Phát triển an sinh xã hội: Quan tâm kết hợp các phương án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cơ hội việc làm và tăng thu nhập, giáo dục và y tế cho các đối tượng khó khăn và người có công cách mạng.</p> <p>Nên chăng cần nhấn mạnh thêm an sinh xã hội của các xã khó khăn, đối</p>	



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tượng dễ tổn thương về cơ hội việc làm và tăng thu nhập trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội khi thực hiện Quy hoạch tỉnh. Như thế toàn diện hơn?</p> <p>d) Văn hóa, thể dục thể thao: (i) Về văn hóa: Đã mô tả được phát triển văn hóa, giữ gìn văn hóa và di tích An Giang; (ii) Thiết chế: Đã mô tả được về thiết chế văn hoá và tôn tu di tích lịch sử; (iii) Gắn văn hóa với du lịch; (iv) Nâng cao thể lực người dân qua đẩy mạnh thể dục thể thao; (v) Phát triển thể thao mà An Giang có thể mạnh.</p> <p>Cần chú ý thêm về tính đa dạng văn hóa và đặc điểm của người dân An Giang. Từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để nâng cao từng đối tượng cộng đồng dân cư theo văn hóa và cách suy nghĩ của họ thì quan trọng theo chủ trương nhà nước về công tác dân tộc và văn hoá trong thời kỳ hội nhập thì sẽ hiệu quả hơn.</p> <p>đ) Về KHCN và ĐMST: Đã mô tả được (i) Quan điểm phát triển dựa vào chủ trương của Nhà nước, các kế hoạch của Bộ/Ngành liên quan trong bối cảnh An Giang; (ii) Hình thành được mục tiêu cụ thể về đóng góp của KHCN đến phát triển kinh tế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; (iii) Đưa ra được giải pháp về chính sách phát triển nguồn nhân lực, giải pháp KHCN và giải pháp liên kết phát triển. Ba nội dung nêu trên tương đối khá toàn diện.</p> <p>Cần nhấn mạnh thêm các lĩnh vực KHCN theo các lĩnh vực và ngành trong thời kỳ quy hoạch; KHCN 4.0 liên quan đến kinh tế số, tiến đến “xây dựng kinh tế tri thức”.</p>	
14	<p><b>Về tổ chức không gian:</b></p> <p>Bố trí không gian phát triển KT-XH nhìn chung là phù hợp với đặc điểm</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện nghiên cứu, chỉnh sửa tại mục IV. <i>Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế -</i></p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tự nhiên, vị trí địa kinh tế của tỉnh trong tổng thể vùng và nhìn rộng ra tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, phát huy được thế mạnh, lợi thế của tỉnh. Tuy nhiên, trong nội dung này đề nghị Quy hoạch tỉnh cần nghiên cứu và làm sâu sắc hơn, khả thi hơn tính kết nối các không gian, kết cấu hạ tầng, nhất là các dự án lớn của Quốc gia dành cho phát triển của vùng ĐBSCL, cũng như phát triển các ngành hạ tầng, quản lý tài nguyên quan trọng của Quốc gia, của Vùng có liên quan đến tỉnh. Ví dụ, trong Quy hoạch Vùng, nhấn mạnh tính đột phá của các Trung tâm đầu mối (có 8 trung tâm đầu mối), các trung tâm điểm nhấn về văn hoá, du lịch, trong đó có Châu Đốc của An Giang; hay không gian vùng động lực An Giang - Kiên Giang và Cần Thơ trong vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL trong Quy hoạch tổng thể Quốc gia đã xác định. Làm được như vậy, tỉnh sẽ phát huy tốt nhất các nguồn lực của Trung ương vào phát triển tỉnh, cũng như phát huy được tính liên kết vùng mà Trung ương đang yêu cầu đối với các tỉnh, thành trong vùng phải lưu ý.</p>	<p><i>xã hội</i> (Chương III).</p>
15	<p><b><i>Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng và liên huyện:</i></b></p> <p>Báo cáo đã mô tả được:</p> <p>1/ Phương án phát triển đô thị: Liên quan đến (i) Mục tiêu phát triển, định hướng phát triển thời kỳ quy hoạch 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Tiến trình thực hiện theo quy hoạch đô thị cấp vùng và cấp quốc gia; (iii) Cụ thể hóa được phát triển các thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn trong định hướng không gian đô thị.</p> <p>2/ Về phát triển nông thôn: Đã chứng minh được (i) Cách tiếp cận xây dựng nông thôn mới theo chủ trương Nhà nước và ứng dụng vào bối cảnh An Giang; (ii) Định hướng được tầm quan trọng phát triển hạ tầng nông thôn; (iii)</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Về phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn và phân bố điểm dân cư đã được mô tả chi tiết; (iv) Về phân bố không gian: Cách tiếp cận phân bố không gian phát triển nông thôn đã chứng minh được tương tác giữa phát triển nông thôn và thành thị trong quy hoạch.</p> <p>3/ Phát triển nhà ở: Đã chứng minh được về quan điểm, mục tiêu, định hướng và giải pháp theo xu thế phát triển, đặc điểm tự nhiên và tập quán người dân An Giang.</p> <p>4/ Không gian phát triển vùng liên huyện, vùng huyện: Đã tích hợp được (i) Phân ra 03 vùng kinh tế phát triển Quy hoạch tỉnh; (ii) Mô tả cách thức liên huyện trong mỗi phần vùng kinh tế; (iii) Tiến tới phát triển cụ thể đơn vị huyện trong liên huyện có hệ thống và kết nối nhau từ các kết quả về bố trí không gian ngành quan trọng, phát triển đô thị và nông thôn, các ngành lĩnh vực kinh tế quan trọng như nhận xét trên.</p> <p><i>Kết luận:</i> Bố trí không gian dựa vào chọn ngành và lĩnh vực quan trọng, bố trí không gian phát triển kinh tế - xã hội, phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng và phân 03 vùng kinh tế. Từ đó tiếp cận liên huyện theo từng vùng kinh tế và cụ thể phát triển huyện. Báo cáo Quy hoạch tỉnh với những nội dung trên rất cẩn thận, chi tiết, kết nối với nhau và logic, dẫn đến nội dung báo cáo quy hoạch không gian đạt kết quả cao, khả thi và chấp nhận được.</p>	
16	<p><b><i>Về phát triển hạ tầng kỹ thuật:</i></b></p> <p>a) Phương án phát triển mạng lưới giao thông</p> <p>Đã làm rõ được:</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia. Đồng thời đã cập nhật thêm nội dung về kinh tế số tại mục 5. <i>Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội</i> (Chương III, mục III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Phương án phát triển mạng lưới giao thông, hình thức giao thông đường bộ, đường thủy và cơ hội kết nối đường sắt theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong quy hoạch.</p> <p>- Phát triển năng lượng và điện lực: Đã mô tả được dự báo thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050; từ đó tính toán các nguồn cung, liên kết phát triển và cân bằng cung - cầu đến phát triển kinh tế - xã hội, cơ chế quy hoạch và tổ chức thực hiện.</p> <p>b) Hạ tầng thông tin và truyền thông</p> <p>Đã mô tả được:</p> <p>- Định hướng phát triển theo nhu cầu quy hoạch.</p> <p>- Phương án phát triển đã làm rõ được tiến trình và vai trò hạ tầng thông tin và truyền thông phục vụ phát triển các nội dung Quy hoạch tỉnh.</p> <p>c) Hạ tầng thủy lợi, cấp nước</p> <p>Đã nhấn mạnh được:</p> <p>- Tầm quan trọng về thủy lợi đa mục tiêu và phải phát triển mạng lưới, nhất là mạng lưới liên huyện.</p> <p>- Phương án phát triển hạ tầng cấp nước, thoát nước, chống ngập lụt tại đô thị và nông thôn đã được làm rõ.</p> <p>- Hạ tầng phòng cháy, cứu hộ cứu nạn đã mô tả về mạng lưới, hệ thống giao thông và cấp nước phục vụ chữa cháy và cứu nạn, hệ thống thông tin và liên lạc.</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Nhìn chung cách tiếp cận và phương án thực hiện đã đưa ra được cách tiếp cận, phân vùng, cân bằng cung - cầu, chú tâm các giải pháp động lực và khả thi, tập trung có trọng tâm, trọng điểm và liên kết, quan tâm các địa phương vùng sâu và khó khăn. Tuy vậy, thiếu nhấn mạnh về phục vụ kinh tế số và cần làm rõ thêm.</p>	
17	<p><b><i>Về phương án phát triển hạ tầng xã hội:</i></b></p> <p>a) Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch</p> <p>Đã đưa ra được các thiết chế và phát triển mạng lưới theo bố trí không gian đã được đánh giá trên.</p> <p>b) Khoa học và công nghệ</p> <p>Đã chứng minh: (i) Tập trung đầu tư KHCN công lập; (ii) Phương án phát triển theo cấu trúc mạng lưới; (ii) Đầu tư con người, cơ sở vật chất theo mạng lưới; (iii) Bố trí phát triển theo đơn vị hành chính và phân bổ sử dụng đất.</p> <p>c) Cơ sở giáo dục</p> <p>Đã đưa ra được đầu tư hạ tầng theo mạng lưới các cấp, nhất là từ cấp trung học phổ thông, giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; hỗ trợ và giúp đỡ xã hội.</p> <p>d) Mạng lưới cơ sở y tế</p> <p>Đã bám theo bố trí không gian về phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe như đánh giá trên.</p> <p><b><i>Kết luận:</i></b> Báo cáo đã thể hiện được đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo bố trí không gian các ngành và lĩnh vực quan trọng, phát triển kinh</p>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tế - xã hội; phát triển theo mạng lưới, kết nối, dự báo cung - cầu dài hạn và khả thi nguồn lực, nhất là quan tâm Chính phủ đầu tư hạ tầng giao thông ĐBSCL giai đoạn 2020-2025. Đồng thời đầu tư hạ tầng có trọng tâm và trọng điểm theo không gian và thời gian cụ thể. Do vậy các phương án đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội mang tính khả thi cao và chấp nhận được.</p>	
18	<p><b><i>Phương án quản lý và sử dụng tài nguyên, ứng phó với BĐKH:</i></b></p> <p>a) Về bảo vệ môi trường</p> <p>Báo cáo đã làm rõ được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra được mục tiêu và các chỉ tiêu cần bảo vệ.</li> <li>- Phân vùng: Từ đó phân ra 03 vùng môi trường cần bảo vệ.</li> <li>- Phương án bảo vệ: (i) Giám sát: Công tác bảo vệ môi trường theo quy định riêng của từng ngành và từng đối tượng nhằm giảm phát thải, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường; (ii) Phương án phát triển mạng lưới quan trắc từ mục tiêu, phân vùng và phương án bảo vệ: Báo cáo đã xây dựng được mạng lưới trắc về môi trường nước, không khí và đất; trong đó có các vấn đề tác động môi trường, nhất là môi trường đất và nước gây ra sạt lở bờ sông và sụt lún được đặc biệt quan tâm.</li> </ul> <p>b) Về phương án quy hoạch bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</p> <p>Đã làm rõ được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về mục tiêu và chỉ tiêu cần thực hiện.</li> <li>- Định hướng: Công tác bảo tồn đa dạng sinh học thời kỳ 2021-2030 và đề xuất (i) Nghiên cứu bổ sung về nguồn lợi thủy sản qua liên kết Viện/Trường</li> </ul>	<p>Nhất trí với ý kiến tham gia.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tổ chức và điều tra bổ sung chủ yếu khu vực Búng Bình Thiên, sông Vàm Nao, và cặp sông Hậu, sông Tiền; (ii) Hoàn thiện hệ thống khu bảo tồn đa dạng sinh học liên quan bảo vệ nguồn gen di truyền động thực vật quý hiếm.</p> <p>- Tiếp cận và phương án: (i) Phải đảm bảo che phủ rừng, sinh kế người dân vùng đệm, kết hợp vừa bảo tồn vừa phát triển du lịch và cơ chế chính sách tài chính để các bên tham gia bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học theo quy hoạch; (ii) Phương án dựa trên định hướng và cách tiếp cận trên, báo cáo đã đưa ra được phương án phát triển các khu bảo tồn về cảnh quan, khu bảo tồn loài và sinh cảnh rất chi tiết về chủ đề, mục tiêu, địa điểm và diện tích rất cụ thể.</p> <p>c) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải</p> <p>Đã làm rõ được:</p> <p>- Mục tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn phát sinh, thu gom trong thời kỳ phát triển thực hiện quy hoạch.</p> <p>- Bố trí không gian: (i) Sắp xếp bố trí không gian các khu xử lý và (ii) Xác định được phương thức thu gom và vận chuyển chất thải rắn (CTR) sinh hoạt, CTR công nghiệp, CTR y tế, CTR xây dựng và bùn nạo vét, CTR nông nghiệp nguy hại, rất chi tiết.</p> <p>d) Về tài nguyên rừng</p> <p>Báo cáo đã đưa ra được: (i) Bảo vệ rừng bền vững qua phương án phát triển bền vững. (ii) Bảo tồn và phát triển: Quan tâm phát triển kết cấu hạ tầng cho lâm nghiệp.</p>	

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>đ) Vấn đề môi trường khu nghĩa trang</p> <p>Đã làm rõ về phân bố, cải tiến sắp xếp không gian các khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ rất cụ thể.</p> <p>Nhìn chung, đã xây dựng được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên tắc thực hiện bảo vệ môi trường: Về ý thức qua từng cá nhân và tổ chức liên quan, nhất là hệ thống quản lý nhà nước từ tham gia của Sở/ngành và các cấp; thưởng, phạt cụ thể và tính minh bạch về thông tin bảo vệ môi trường được đặc biệt quan tâm.</li> <li>- Về cơ chế phối hợp thực hiện: Dựa vào (i) Vai trò và chức năng: Báo cáo đã nhấn mạnh được vai trò truyền thông và gây ý thức; vai trò của Sở Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo các Sở liên quan đến quản lý khu công nghiệp, xây dựng, y tế; (ii) Cơ chế phối hợp: Về quan trắc và xử lý thông tin, phối hợp xử lý ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, công tác thanh tra và kiểm tra, phối hợp phòng chống các đối tượng gây ô nhiễm và làm suy thoái môi trường cũng được đề cập rất chi tiết.</li> </ul>	
19	<p><b><i>Phương án bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên:</i></b></p> <p>Do đặc điểm tự nhiên của An Giang có nhiều tài nguyên cần khai thác và quản lý hiệu quả. Báo cáo Quy hoạch tỉnh đã mô tả và phân tích được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan điểm, mục tiêu quản lý và khai thác.</li> <li>- Dự báo nhu cầu nguyên liệu khoáng sản về: đá xây dựng, tràng thạch, đá ốp lát, than bùn, sét, cát xây dựng - xây lấp. Đồng thời, dự báo được khu dự trữ khoáng về Andesit thuộc khu vực Bảy Núi. Các dự trữ khoáng này đóng vai trò quan trọng về đá vật liệu xây dựng.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên: Từ dự báo nhu cầu và tiềm năng nêu trên, báo cáo đã đưa ra được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguyên tắc, phạm vi, đối tượng bảo vệ và khai thác.</li> <li>+ Phân vùng quản lý và khai thác.</li> </ul> <p>Trách nhiệm pháp lý: Giữa địa phương và Trung ương (Bộ Tài nguyên và Môi trường) về bảo vệ, khai thác, thăm dò và sử dụng tài nguyên rất chi tiết và cụ thể.</p>	
20	<p><b><i>Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra:</i></b></p> <p>Do vai trò và vị trí An Giang rất quan trọng về an ninh nguồn nước của cả vùng ĐBSCL. Vì thế báo cáo đã mô tả, phân tích và đề xuất rất cụ thể về nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tầm quan trọng tài nguyên nước đối với An Giang, quốc gia và vùng ĐBSCL.</li> <li>- Xây dựng được mục tiêu liên quan cụ thể đến: (i) Quản lý và sử dụng nước xuyên biên giới qua giảm phụ thuộc và tối ưu hóa về quản lý và sử dụng nước ngoài quốc gia; điều hòa, sử dụng công bằng và hợp lý từ các đối tượng liên quan trong hệ thống lưu vực sông Mê Kông; (ii) Đối với tỉnh: Quy hoạch sử dụng nước phải có tính chất kỹ thuật chuyên ngành cho các lĩnh vực ngành và khu vực cụ thể.</li> <li>- Tiếp cận quản lý và sử dụng bền vững: Phải tiết kiệm, gắn với giá trị nước trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, phòng ngừa thiên</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>tai và sạt lở; khắc phục được hạn hán và thiếu nước cục bộ; bảo tồn các hệ sinh thái đất ngập nước.</p> <p>- Quản lý và sử dụng: (i) Phân vùng chức năng nước dựa vào các yếu tố về điều kiện tự nhiên, nguồn nước, ranh giới hành chính, phát triển đô thị và dân cư, đối tượng ngành và lĩnh vực phát triển. Phân làm 03 vùng để quản lý liên quan 03 vùng phát triển kinh tế và sinh thái tự nhiên của tỉnh; (ii) Phân bổ sử dụng và quản lý: Dựa vào bối cảnh và xét ưu tiên sử dụng nguồn nước trong hai trường hợp là bình thường và hạn hán. Mỗi trường hợp đã xây dựng các cấp độ ưu tiên rất cụ thể.</p>	
21	<p><b><i>Phương án phòng chống thiên tai và ứng phó BĐKH:</i></b></p> <p>a) Về phòng chống thiên tai</p> <p>Báo cáo đã đưa ra được:</p> <p>- Phương án dựa vào quan điểm, mục tiêu và phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai.</p> <p>- Nguyên tắc: Đồng thời xây dựng được nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện, quản lý rủi ro do tác động thiên tai.</p> <p>- Nội dung: (i) Đưa ra được các nội dung phòng, chống thiên tai lồng ghép vào Quy hoạch tỉnh; (ii) Xây dựng được phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng theo bối cảnh định hướng quy hoạch của tỉnh.</p> <p>b) Phương án ứng phó BĐKH</p> <p>Đã mô tả được: Quan điểm, mục tiêu: (i) Xây dựng được quan điểm và dự báo tác động BĐKH tại An Giang theo phiên bản mới nhất (2020). Từ đó</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>đưa ra được (ii) Mục tiêu ứng phó, xây dựng các hành động và đề xuất được giải pháp cụ thể.</p> <p><i>Kết luận:</i> Về phương án bảo vệ tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; sử dụng và quản lý nguồn nước được đề xuất cụ thể và tương đối toàn diện và tương thích với nội dung đánh giá ĐMC.</p>	
22	<p><b><i>Phân bố và sử dụng nguồn lực đất đai:</i></b></p> <p>Phân bố và sử dụng nguồn lực đất đai tùy theo đánh giá hiện trạng đất đai, chuyển mục đích sử dụng theo quy hoạch và dựa vào pháp lý cụ thể. Báo cáo về sử dụng nguồn lực đất đai đã làm nổi bật các nội dung khả thi như sau:</p> <p>a) Dựa vào kết quả và nhu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và hiện trạng sử dụng đất đai của tỉnh</p> <p>Đã thể hiện được:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan điểm, định hướng nhu cầu sử dụng đất thời kỳ quy hoạch.</li> <li>- Xác định nhu cầu và phân bố chỉ tiêu: (i) Phân bổ sử dụng đất cho ngành và lĩnh vực, kế hoạch phân bổ đến từng đơn vị huyện; (ii) Từ đó đã đưa ra các chỉ tiêu sử dụng đất theo yêu cầu chức năng và theo loại đất; đồng thời (iii) Xác định loại đất cần thu hồi và diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng và đất chưa sử dụng đưa vào thời kỳ quy hoạch.</li> </ul> <p>b) Phân kỳ sử dụng đất và tính phù hợp pháp lý thời kỳ quy hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân kỳ: Từ kết quả trên, báo cáo phân kỳ sử dụng đất rất chặt chẽ cho từng giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Tính pháp lý: Qua hai kết quả đánh giá trên, phân bổ và sử dụng đất đai thời kỳ quy hoạch theo tiêu chí và chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất đai tuân thủ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và có sự tương tác với nội dung bản thảo về sửa đổi Luật Đất đai 2013 theo tinh thần nội dung Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022, trong đó sử dụng đất tiết kiệm, đúng mục tiêu và hiệu quả đã thể hiện trong phân bổ và sử dụng đất đai trong quy hoạch.</p> <p><i>Kết luận:</i> Phân bổ và sử dụng đất đai đáp ứng được phát triển các nội dung Quy hoạch tỉnh như nhận xét và đánh giá trên về nhu cầu phân bổ và sử dụng đất đai thời kỳ quy hoạch, theo chỉ tiêu của Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng xu thế trong nội dung của Luật Đất đai 2013 sẽ sửa đổi theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022. Vì thế báo cáo Quy hoạch tỉnh và sử dụng đất đai trong thời kỳ quy hoạch khả thi và hợp lý.</p>	
23	<p><b><i>Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên và cơ hội nguồn lực thực hiện quy hoạch:</i></b></p> <p>Tính khả thi:</p> <p>- Danh mục các chương trình và dự án ưu tiên: Đã dựa vào nội dung Quy hoạch tỉnh phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên và cơ hội phát triển cơ sở hạ tầng; bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng tài nguyên nước và ứng phó BĐKH. Từ đó đưa ra được các tiêu chí ưu tiên để chọn lựa chương trình và dự án ưu tiên chấp nhận được.</p> <p>- Tính khả thi và nguồn lực thực hiện: Đã đưa ra các giải pháp cơ bản về (i) Khả thi quy động nguồn lực vốn qua dự báo, định hướng quản lý, thu hút và</p>	Nhất trí với ý kiến tham gia.

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>sử dụng vốn đầu tư; (ii) Phát triển nguồn nhân lực, tập trung 03 giải pháp về đào tạo và bồi dưỡng, giáo dục và đào tạo nghề, nâng cao năng lực chính quyền; (iii) Giải pháp KHCN: Liên quan đến KHCN về môi trường và KHCN thực hiện các nội dung thời kỳ quy hoạch; (iv) Cơ chế và chính sách liên kết phát triển trong nước và quốc tế; (v) Quản lý và kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn; (vi) Cải cách hành chính và nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước; (vii) Giải pháp về tổ chức thực hiện với vai trò UBND và các Sở ngành liên quan; (viii) Lồng ghép đánh giá ĐMC để quản lý, thực hiện và giám sát các yếu tố và nội dung thực hiện quy hoạch cũng được làm rõ.</p> <p><i>Kết luận:</i> Danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tiên và nguồn lực thực hiện như đánh giá trên đã được xem xét và tích hợp nhiều yếu tố ưu tiên cũng như có sự suy xét nguồn lực thực hiện hiệu quả và khả thi. Do vậy dự án ưu tiên và nguồn lực thực hiện trong thời kỳ quy hoạch chấp nhận được.</p>	
24	<p><b><i>Điều kiện tự nhiên về tài nguyên nước:</i></b></p> <p>- Tài nguyên nước: Khả năng cân bằng cung - cầu nước sử dụng, tại mục Mục 3.2. về tài nguyên nước từ trang 53 đến trang 61. Báo cáo rất thú vị và đã dự báo được nhu cầu tổng lượng nước sử dụng của tỉnh đến năm 2030 tại Bảng 3 trang 60 là 15.366.322,8 m<sup>3</sup>/ngđ; phân bổ cho sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và công nghiệp đến tuyến huyện. Trong đó các huyện vùng Bảy Núi như Tri Tôn, Tịnh Biên và Thoại Sơn có nhu cầu sử dụng nước nhiều hơn các tỉnh khác. Đồng thời, nguồn cung từ nước mặt, nước mưa và nước ngầm cũng được đưa ra mục đích sử dụng rất chi tiết.</p> <p>- Ngoài ra, cần nhấn mạnh thêm như sau:</p> <p>+ Cần nhấn mạnh vào mô tả mối quan hệ thủy văn và tài nguyên nước.</p>	<p>Đã tiếp thu và thực hiện nghiên cứu, chỉnh sửa tại mục <i>XII. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra</i> (Chương III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>Vì thủy văn An Giang phụ thuộc rất nhiều vào hệ thống sông Mê Kông ở thượng nguồn tác động đến tài nguyên nước của tỉnh.</p> <p>+ Các phương pháp liên quan đến nguồn nước mùa mưa và sử dụng nước mùa khô của An Giang, nhất là khu vực Bảy Núi cần được nhấn mạnh thêm.</p> <p>+ Về sử dụng nước tiết kiệm cho nông nghiệp: Cần nhấn mạnh canh tác lúa theo quy trình quản lý nước ngập khô xen kẽ (AWD) và kết hợp 1P5G đã tiết kiệm khoảng 20% lượng nước và giảm khí thải nhà kính (GHG reduction) khoảng 6 tấn CO<sub>2</sub>/ha/năm (1P6G). Như thế cơ hội canh tác lúa giảm khí thải nhà kính An Giang có khả năng mở rộng để đóng góp sự tham gia của ngành nông nghiệp tỉnh An Giang vào chủ trương của Chính phủ về giảm khí thải vào năm 2050 như tuyên bố của Hội nghị COP26.</p> <p>+ Cách thức tưới tiết kiệm nước trên cây ăn quả cần nhấn mạnh thêm.</p> <p>+ Giữ nước vì cân bằng sinh thái và phát triển du lịch cần nhấn mạnh thêm, ví dụ khu du lịch rừng trà Trà Sư; khu du lịch vùng núi Thất Sơn...</p>	
25	<p><b>Tài nguyên đất:</b></p> <p>Báo cáo đã mô tả chi tiết tại mục 3.1 (trang 52) về 07 nhóm đất và 13 loại đất. Tuy nhiên cần nhấn mạnh thêm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mỗi quan hệ giữa nhóm đất và điều kiện địa hình.</li> <li>- Mỗi quan hệ giữa nhóm đất với điều kiện thủy văn và tài nguyên nước.</li> <li>- Nhấn mạnh hai yếu tố nước - đất và mối quan hệ của chúng, đây sẽ là cơ hội để thể hiện được mối quan hệ:</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 3. Tài nguyên thiên nhiên (Chương I, mục I).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vai trò và vị trí của An Giang và vùng ĐBSCL.</li> <li>+ Quản lý tài nguyên trong phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ của tỉnh tốt hơn.</li> <li>+ Yếu tố sinh thái tự nhiên liên quan phân 03 vùng không gian phát triển của tỉnh. (Vùng 1: Vùng trung tâm, gồm Long Xuyên - Châu Thành - Thoại Sơn; Vùng 2: Vùng phía Đông, gồm Tân Châu - An Phú - Phú Tân - Chợ Mới; Vùng 3: Vùng phía Tây, gồm Châu Đốc - Tịnh Biên - Châu Thành và Tri Tôn).</li> </ul> <p>- Điều kiện tự nhiên của tỉnh mang đặc thù đa dạng sinh học, phát triển nông nghiệp, quản lý tài nguyên sinh học và phát triển du lịch.</p>	
26	<p><b>Điều kiện xã hội:</b></p> <p>Báo cáo đã mô tả chi tiết từ trang 52 đến trang 59. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dân số và chất lượng dân số thời kỳ quy hoạch.</li> <li>- Tính đa văn hóa của tỉnh An Giang, cần nhấn mạnh về tính chất giao thoa văn hóa dân tộc Kinh - Hoa - Chăm và Campuchia, dẫn đến tập quán sống và hình thành nhiều tôn giáo khác nhau.</li> <li>- Chú ý đặc điểm sinh kế và chăm sóc sức khỏe thông qua mối quan hệ cộng đồng giữa bà con dân tộc Khmer tại An Giang và bà con sống gần biên giới nước bạn Campuchia. Việc này rất quan trọng trong lịch sử về cộng đồng, có tác động qua lại với nông nghiệp, dịch vụ, thương mại và cũng là yếu tố quan trọng xây dựng nền tảng quốc phòng toàn dân.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục II. Điều kiện xã hội (Chương I).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
27	<p><b><i>Đánh giá hiện trạng kinh tế:</i></b></p> <p>Báo cáo đã làm rõ, đầy đủ và chi tiết từ trang 61 đến trang 115. Tuy nhiên, cần sắp xếp và nhấn mạnh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp cận mối quan hệ kinh tế vùng, kinh tế cấu trúc và kinh tế ngành hàng.</li> <li>- Sắp xếp và nhấn mạnh về: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tăng trưởng và chuyển dịch kinh tế của An Giang so với vùng ĐBSCL.</li> <li>+ Chuyển dịch cấu trúc kinh tế trong nội tại tỉnh thời gian qua.</li> <li>+ Kinh tế ngành hàng: Từ chuyển dịch kinh tế cấu trúc cần nhấn mạnh kinh tế ngành hàng (ngành hàng quan trọng của từng khu vực kinh tế). Như thế phần tiếp theo về phân tích ngành hàng từ trang 74 đến trang 108 sẽ tác động đến chuyển dịch kinh tế cấu trúc rõ hơn.</li> <li>+ Khi sắp xếp và nhấn mạnh được nội dung trên thì sẽ chứng minh được “Phát triển cốt lõi kinh tế dựa vào nông nghiệp của An Giang” vì trong nền kinh tế An Giang, cấu trúc khu vực I tác động rất lớn đến khu vực II về công nghiệp chế biến và khu vực III về dịch vụ, thương mại và du lịch.</li> </ul> </li> </ul> <p>Chú ý kinh tế du lịch An Giang rất đa dạng do yếu tố sinh thái tự nhiên,</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 1. <i>Hiện trạng phát triển kinh tế</i> (Chương II, mục I).</p>



STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	văn hóa, di tích... vì thế cần quan tâm và nhân mạnh.	
28	<p><b><i>Liên kết vùng về quản lý và sử dụng nguồn nước và thủy lợi:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần nhân mạnh về không quan sinh thái liên quan vùng Tứ giác Long Xuyên. Quản lý hệ thống thoát nước ra biển Tây thông qua liên kết với Kiên Giang, nhất là quản lý và vận hành cống và đập Trà Sư.</li> <li>- Quản lý và sử dụng nước dựa vào lưu vực sông liên quan các địa phương cấp sông Tiền và sông Hậu, nhất là với Đồng Tháp và thành phố Cần Thơ.</li> <li>- Tương tác hệ thống quan trắc môi trường nước với mạng lưới quan trắc của Bộ Tài nguyên và Môi trường của khu vực ĐBSCL liên quan đến sông Tiền và sông Hậu.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4. <i>Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước</i> (Chương III, mục VI).</p>
29	<p><b><i>Liên kết vùng kết nối phát triển hạ tầng thị trường:</i></b></p> <p>Cần nhân mạnh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối hình thức giao thông và logistics của An Giang với trung tâm sản xuất, chế biến - tiêu thụ và thông quan tại thành phố Cần Thơ theo quyết định của Quốc hội.</li> <li>- Hành lang kinh tế cửa khẩu cần nhân mạnh với cửa khẩu Hà Tiên và Giang Thành, Đồng Tháp và Long An liên quan đến 03 cửa khẩu Kiên Giang đã quy hoạch.</li> <li>- Trung tâm đầu mối về phát triển nông nghiệp. Cần nhân mạnh liên kết với Đồng Tháp về sản xuất, chế biến gạo, cá tra và kết nối với thành phố Cần Thơ.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục IV. <i>Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội</i> (Chương III).</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
30	<p><b><i>Liên kết vùng kết nối phát triển du lịch:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cần nhấn mạnh sản phẩm và điểm đến có lợi thế so sánh của An Giang.</li> <li>- Liên kết vùng ĐBSCL, TP. HCM và quốc tế, nhất là các tuyến du lịch liên quan Campuchia.</li> </ul>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại mục 4. <i>Phát triển ngành du lịch</i> (Chương III, mục III).</p>

**PHỤ LỤC 3.4.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA LÊ ĐỖ MƯỜI ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1	<b>Về hiện trạng hạ tầng giao thông</b>	
	<p>Nội dung hiện trạng hạ tầng giao thông chỉ mang tính chất liệt kê số lượng, danh mục, quy mô (chiều dài, cấp kỹ thuật, diện tích v.v...) chưa có thuyết minh chi tiết hiện trạng của kết cấu hạ tầng kỹ thuật đối với từng tuyến như điểm đầu, điểm cuối, quy mô, kết cấu v.v... từ đó có những phân tích, đánh giá về tình trạng khai thác, khả năng đáp ứng nhu cầu vận tải, các tồn tại, bất cập của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông làm căn cứ để đề xuất phương án phát triển.</p>	<p>Đã tiếp thu bổ sung thuyết minh chi tiết hiện trạng của kết cấu hạ tầng kỹ thuật đối với từng tuyến như điểm đầu, điểm cuối, quy mô, kết cấu v.v... tại phụ lục 17, 18 của phụ lục II, trong Phụ lục đính kèm.</p>
	<p>Đề nghị tách riêng nội dung về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và hàng hải, đồng thời bổ sung các phân tích, đánh giá làm rõ tiềm năng, lợi thế của kết cấu hạ tầng đường thủy trên địa bàn tỉnh, làm rõ các tuyến vận tải thủy nội địa kết nối giữa An Giang và địa phương trong Vùng ĐBSCL cũng như hệ thống cảng biển khu vực Đông Nam Bộ.</p>	<p>Đã tách riêng nội dung về kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tại mục 1.2. mục 1, mục IV, chương II và hàng hải tại mục 1.5, mục 1, mục IV, chương II.</p> <p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1.2. Hệ thống giao thông đường thủy, mục 1, mục IV, chương II.</p>
	<p>Đề nghị bổ sung phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối giữa Việt Nam và Campuchia trên địa bàn tỉnh (đường bộ, đường thủy bất cập), các tồn tại bất cập về hạ tầng kết nối và hoạt động vận tải tại khu vực các cửa khẩu giữa hai quốc gia, đặc biệt là khó khăn trong kết nối</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại mục 1.6.2. Khả năng kết nối giữa An Giang với Kiên Giang và Vương quốc Campuchia, mục 1, mục IV, chương II.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	giao thông tại các cửa khẩu quốc tế (CKQT Khánh Bình) trên địa bàn tỉnh.	
	<p>Đề nghị xem xét lại các đánh giá về thách thức đối kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đã lạc hậu hoặc không phù hợp (như đánh giá cần phải xây dựng các cầu lớn qua sông Hậu, sông Tiền; hiện nay các cầu Cao Lãnh, Vàm Công đã đảm bảo kết nối đường bộ của An Giang với các tỉnh trong Vùng v.v...).</p>	<p>Đã tiếp thu và bỏ phân nhận định về thách thức đối kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đã lạc hậu hoặc không phù hợp (như đánh giá cần phải xây dựng các cầu lớn qua sông Hậu, sông Tiền; hiện nay các cầu Cao Lãnh, Vàm Công đã đảm bảo kết nối đường bộ của An Giang với các tỉnh trong Vùng v.v...). tại 1.6.3. Những cơ hội, thách thức phát triển ngành kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, mục 1, mục IV, chương II.</p>
	<p>Đề nghị bổ sung thêm một số nội dung trong phân tích, đánh giá hiện trạng làm cơ sở để đề xuất định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong quy hoạch, bao gồm: hoạt động vận tải (số lượng phương tiện, sản lượng vận tải, thị phần vận tải v.v...); hệ thống cảng cạn, ICD, trạm dừng nghỉ v.v...; nguồn vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua.</p>	<p>Đã bổ sung thêm một số nội dung trong phân tích, đánh giá hiện trạng như góp ý tại mục 1.3. Hoạt động vận tải, mục 1, mục IV, chương II.</p>
2	<p><b>Về phương án phát triển mạng lưới giao thông</b></p>	
	<p>Phương án phát triển mạng lưới giao thông cần triển khai xây dựng trên cơ sở dự báo nhu cầu vận tải cũng như quan điểm, định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, do đó đề nghị bổ sung các nội dung trên trong mục Phương án phát triển mạng lưới giao thông của Quy hoạch tỉnh.</p>	<p>Đã bổ sung nội dung quan điểm phát triển tại mục 1.1. Quan điểm phát triển, mục 1, mục VI, chương III; nội dung dự báo nhu cầu vận tải tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1, mục VI, chương III; nội dung định hướng phát</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		<p>triển kết cấu hạ tầng giao thông được bổ sung tại mục 1.3. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông đường bộ, mục 1, mục VI, chương III.</p>
	<p>- Về phương án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ: đề nghị cập nhật các nội dung liên quan đến phương án phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia (Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), đặc biệt làm rõ vai trò, định hướng phát triển các tuyến quốc lộ quy hoạch mới trên địa bàn tỉnh (Quốc lộ 80B, 80C). Đề nghị bổ sung định hướng phát triển đường đô thị phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh</p>	<p>1. Đã cập nhật các nội dung liên quan đến phương án phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia (Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) tại mục 1.3.1. Đường cao tốc, và mục 1.3.2. Đường quốc lộ, mục 1, mục VI, chương III.</p> <p>2. Đã làm rõ vai trò, định hướng phát triển các tuyến quốc lộ quy hoạch mới trên địa bàn tỉnh (Quốc lộ 80B, 80C) tại đoạn thứ 2 và đoạn thứ 8 của mục 1.3.2. Đường quốc lộ, mục 1, mục VI, chương III.</p> <p>3. Đã bổ sung định hướng phát triển đường đô thị phù hợp với định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh tại mục 1.3.4. Hệ thống đường đô thị, mục 1, mục VI, chương III.</p>
	<p>- Về phương án phát triển giao thông đường thủy nội địa: đề nghị cập</p>	<p>1. Đã cập nhật các tuyến đường</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>nhập các tuyến đường thủy nội địa quốc gia, hành lang vận tải thủy (theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), đồng thời đánh giá vai trò, tiềm năng phát triển của tỉnh trên các hành lang này. Đối với quy hoạch phát triển hệ thống bến thủy nội địa, đề nghị nghiên cứu quy hoạch theo hướng mở, định hướng không gian và quy mô phát triển gắn với các hành lang vận tải thủy, các tuyến đường thủy nội địa chính yếu trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>thủy nội địa quốc gia, (theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) tại mục 1.4.1. Đường thủy do trung ương quản lý, mục 1, mục VI, chương III.</p> <p>2. Đã cập nhật các tuyến hành lang vận tải thủy (theo Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050), đồng thời đánh giá vai trò, tiềm năng phát triển của tỉnh trên các hành lang này tại mục 3.2. Hành lang đường thủy, mục IV, chương III.</p>
	<p>- Về phương án phát triển và kết nối đường sắt: đề nghị không đưa nội dung này trong báo cáo quy hoạch (có thể điều chỉnh sang nội dung định hướng kết nối giao thông vận tải).</p>	<p>Đã điều chuyển nội dung phương án phát triển và kết nối đường sắt vào mục 1.7. Định hướng kết nối giao thông, mục 1, mục VI, chương III.</p>
	<p>- Đề nghị bổ sung một số nội dung liên quan đến phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bao gồm: kết cấu hạ tầng hàng hải, hệ thống cảng cạn, ICD, trạm dừng nghỉ v.v...</p>	<p>Bổ sung một số nội dung liên quan đến phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bao gồm: kết cấu hạ tầng hàng hải, hệ thống cảng cạn tại các mục 1.5. Công trình phục vụ vận tải</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
		thủy, mục 1, mục VI, chương III.
3	<b>Rà soát lại một số nội dung góp ý trước đây tại Hội thảo tham vấn (TS. Phạm Hoài Chung – Viện Chiến lược và phát triển giao thông vận tải đóng góp)</b>	
	- Đề nghị bổ sung thêm một số nội dung trong phân tích, đánh giá hiện trạng làm cơ sở đề xuất định hướng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trong quy hoạch, bao gồm: hoạt động vận tải (số lượng phương tiện, sản lượng vận tải, thị phần vận tải v.v...); hệ thống cảng cạn, trạm dừng nghỉ v.v...; nguồn vốn đầu tư cho KCHT GT trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn vừa qua.	Đã bổ sung thêm một số nội dung trong phân tích, đánh giá hiện trạng như góp ý tại mục 1.3. Hoạt động vận tải, mục 1, mục IV, chương II.
	- Đề nghị bổ sung nội dung về dự báo nhu cầu vận tải để làm căn cứ đề xuất phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, lưu ý tách khối lượng của đường thủy nội địa và đường biển.	Đã bổ sung thêm nội dung dự báo nhu cầu vận tải tại mục 1.2. Dự báo nhu cầu vận tải, mục 1, mục VI, chương III;
	- Đề nghị tổng hợp các nội dung liên quan đến phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia (đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường thủy nội địa, hàng hải v.v...) trong mục phương án kết nối kết cấu hạ tầng giao thông của An Giang với hệ thống kết cấu hạ tầng Vùng, quốc gia (từ trang 306 – trang 309) vào nội dung phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.	Đã tổng hợp các nội dung liên quan đến phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia (đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường thủy nội địa, hàng hải v.v...) trong mục phương án kết nối kết cấu hạ tầng giao thông của An Giang với hệ thống kết cấu hạ tầng Vùng, quốc gia (từ trang 306 – trang 309) vào nội dung phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tại mục 1.3.1. Đường cao tốc, và mục 1.3.2. Đường quốc lộ, mục 1, mục VI, chương III.

**PHỤ LỤC 3.5.****GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CHUYÊN GIA TRẦN TRỌNG HẠNH ĐỐI VỚI  
QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
1	<p><b>Phần Mở đầu:</b></p> <p>Đề nghị sắp xếp lại nội dung theo đúng thứ tự như đã lưu ý tại Hội thảo tham vấn ý kiến ngày 27/5/2020: (I) Sự cần thiết lập quy hoạch; (II) Các căn cứ lập quy hoạch; (III) Các yêu cầu của nhiệm vụ lập quy hoạch gồm: (1) Tên, phạm vi, ranh giới; thời kỳ lập quy hoạch; (2) Quan điểm, nguyên tắc và mục tiêu lập quy hoạch; (3) Các yêu cầu chính về nội dung và phương pháp lập quy hoạch; (IV) Kết quả thực hiện quy trình lập quy hoạch (theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch).</p>	Đã tiếp thu và sắp xếp lại Phần Mở đầu.
2	<p><b>Căn cứ lập quy hoạch:</b></p> <p>Cần bám sát quy định Điều 20 Luật Quy hoạch, trong đó nội hàm mục III đã được tôi lưu ký tại văn bản góp ý ngày 27/05/2022 tại Hội thảo tham vấn ý kiến.</p>	Đã tiếp thu và chỉnh sửa lại mục Căn cứ lập quy hoạch
3	<p><b>Phần II: Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:</b></p> <p>Tên Phần II: Làm chính xác lại là “Nội dung quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.</p>	Đã làm chính xác lại tên Phần II.
4	<p><b>Chương I: Phân tích, đánh giá, dự báo các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh An Giang</b></p> <p>- Nội dung Chương I không đầy đủ theo quy định. Bỏ cục Chương I cũng chưa thật phù hợp. Đề nghị bổ sung nội dung và sắp xếp lại như sau: (1) Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường; (2) Các yếu tố và điều kiện xã hội; (3) Bối cảnh quy hoạch, trong đó phải xác định được: (3.1) Vị thế, vai trò của tỉnh An Giang</p>	Đã bổ sung nội dung và sắp xếp lại như sau: (1) Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường; (2) Các yếu tố và điều kiện xã hội; (3) Bối cảnh quy hoạch, trong đó phải xác định được: (3.1) Vị thế, vai trò của tỉnh An Giang



STT	<b>Ý kiến tham gia góp ý</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>vai trò của tỉnh An Giang đối với vùng và quốc gia; (3.2) Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến sự phát triển của tỉnh; (3.3) Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn.</p> <p>- Đề nghị sắp xếp bố cục và trình tự theo đúng trật tự và quy định.</p>	<p>đối với vùng và quốc gia; (3.2) Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến sự phát triển của tỉnh; (3.3) Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn.</p> <p>- Riêng nội dung Vị thế, vai trò của tỉnh An Giang đối với vùng và quốc gia được đề ở phần VI. CÁC ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ XÁC ĐỊNH VỊ THẾ, VAI TRÒ CỦA TỈNH AN GIANG vì đây là kết quả rút ra từ các phân tích, đánh giá nhận định nêu trên.</p>
5	<p><b>Về sử dụng các từ ngữ:</b></p> <p>- Tên Chương III: Làm chính xác lại là “Đánh giá thực trạng phát triển tỉnh An Giang”.</p> <p>- Tên mục I: Làm chính xác lại là “Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội”.</p> <p>- Tên mục III: Làm chính xác lại là “Thực trạng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng”.</p> <p>- Tên mục IV: Làm chính xác lại là “Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật”.</p> <p>- Tên mục V: Làm chính xác lại là “Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội”.</p> <p>- Tên mục VI: Làm chính xác lại là “Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (phân tích SWOT) và xác định các tồn tại, hạn chế cần giải quyết (các điểm nghẽn). Các điểm yếu và thách thức là các điểm nghẽn cần</p>	<p>Đã làm chính xác lại tên các Chương, mục như góp ý.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	được hệ thống lại theo từ các khía cạnh kinh tế, xã hội, BVMT, an ninh quốc phòng làm cơ sở để đưa ra các quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển.	
6	<p><b>Về nội dung mục III, chương II:</b></p> <p>- Đối với khoản 1, Mục III “Thực trạng phát triển hệ thống đô thị”. Đề nghị tập trung đánh giá: (1.1) Đô thị hóa và tăng trưởng; phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị; (1.2) Thực trạng tổ chức không gian của hệ thống đô thị; (1.3) Tình hình thực hiện chương trình phát triển đô thị của quốc gia và của tỉnh An Giang.</p> <p>- Đối với khoản 2, Mục III “Thực trạng phát triển hệ thống nông thôn”. Đề nghị tập trung đánh giá: (2.1) Hiện trạng tổ chức không gian lãnh thổ nông thôn; (2.2) Thực trạng phát triển hệ thống các điểm dân cư nông thôn; (2.3) Tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p> <p>- Bỏ thực trạng phát triển nhà ở tại khoản 3 Mục III. Nội dung này không có liên quan đến Mục III.</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa tại khoản 1, Mục III “Thực trạng phát triển hệ thống đô thị” và khoản 2, Mục III như góp ý.</p> <p>Thực trạng phát triển nhà ở vẫn giữ lại nội dung vì báo cáo thẩm định có yêu cầu chỉnh sửa trên nội dung này.</p>
7	<p><b>Về nội dung của mục VI:</b></p> <p>- Khoản 1: Bối cảnh đưa lên Chương I đúng với quy định.</p> <p>- Nên áp dụng phân tích SWOT và ma trận SWOT cho khoản 2 Mục VI.</p> <p>- Khoản 3: “Vị thế, vai trò của tỉnh An Giang” đối với vùng và quốc gia cần viết cô đọng và gọn lại. Nội dung này phải đưa vào nội dung Chương I, thay vào đó là “Xác định các tồn tại, hạn chế (còn gọi đó là các điểm nghẽn) và các vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh. Đây là nội dung rất quan trọng, nhưng báo cáo chưa xác định được.</p>	<p>Nội dung “Vị thế, vai trò của tỉnh An Giang” nếu đưa vào Chương I thì không đủ cơ sở để nhận định đánh giá vai trò, vị thế của tỉnh. Việc xác định nội dung này phải dựa kết quả rút ra từ các phân tích, đánh giá nhận định nêu trên ở Chương I.</p>
8	<p><b>Chương III: Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</b></p>	<p>Đã tiếp thu ý kiến và bố cục lại cho phù hợp</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>- Về sử dụng các từ ngữ</p> <p>Tên Chương III: Sử dụng không chính xác vì trùng với tên của Phần II của Báo cáo quy hoạch.</p> <p>- Về bố cục: Căn cứ vào Điều 27 Luật Quy hoạch, Chương III có thể chia thành 09 chương: (i) Chương III: Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển; (ii) Chương IV: Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội; (iii) Chương V: Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các khu chức năng; (IV) Chương VI: Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật; (V) Chương VII: Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội; (VI) Chương VIII: Phương án phân bố và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo các loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; (VII) Chương IX: Phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên đa dạng sinh học; phòng, chống thiên tai và ứng phó với BĐKH; (IX) Chương XI: Thực hiện quy hoạch hoặc “Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch); (X) Chương XII: Xử lý tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược vào QHT.</p>	
9	<p><b>Về nội dung của mục I (Chương III theo báo cáo QH):</b></p> <p>- Nội dung sắp xếp chưa phù hợp với logic, gồm: (1) Quan điểm phát triển; (2) Mục tiêu phát triển và tầm nhìn; (3) Xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển; (4) Các chỉ tiêu dự báo nhu cầu và triển vọng phát triển (theo phương án chọn); (5) Các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá.</p> <p>- Nội dung xây dựng các kịch bản và lựa chọn phương án phát triển còn thiếu các kịch bản về quy mô dân số, lao động và đô thị hóa; các kịch bản về tổ chức không gian lãnh thổ.</p>	Đã tiếp thu ý kiến
10	<b>Nội dung của mục II, III (Chương III theo Báo cáo QH):</b>	Đã tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa tại nội dung “Phương hướng phát triển các

STT	<b>Ý kiến tham gia góp ý</b>	<b>Trả lời, giải trình</b>
	<p>- Các ngành quan trọng nên sắp xếp thành 3 khu vực: Công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp. Chi tiết các ngành thuộc 3 khu vực sẽ viết vào nội dung của từng cụm ngành.</p> <p>- Bổ sung nội dung “Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực quan trọng” theo quy định gồm: (i) Mục tiêu phát triển; (ii) Phương hướng phát triển và sắp xếp, tổ chức không gian ngành hoặc lĩnh vực quan trọng; (iii) Các giải pháp phát triển, đảm bảo tính thống nhất cho tất cả các nhóm ngành, lĩnh vực quan trọng.</p> <p>- Lưu ý nhóm ngành dịch vụ, bao gồm: Du lịch, thương mại, thông tin truyền thông, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng và các dịch vụ khác (BPO, môi giới, kinh doanh BĐS ...). Do đó, không nên tách ra rời rạc như trong báo cáo. Ngoài ra, nhiều ngành dịch vụ rất quan trọng có thể tạo ra tăng trưởng lớn, nhưng đã không được phân tích, đánh giá?</p>	<p>ngành và lĩnh vực quan trọng” theo quy định.</p>
11	<p><b><i>Nội dung của mục IV (Chương III theo Báo cáo QH):</i></b></p> <p>Nội dung mục IV không đầy đủ theo quy định. Đề nghị bổ sung một số nội dung còn thiếu gồm: (i) Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng đã được xác định trong QHV và các QH cấp quốc gia; (ii) Về kết nối kết cấu hạ tầng, cần bổ sung kết cấu hạ tầng cấp điện; (iii) Bổ sung phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định các vùng khuyến khích phát triển và các vùng hạn chế phát triển (Phạm vi, ranh giới, quy mô; vai trò, chức năng và các định hướng khuyến khích hoặc hạn chế phát triển).</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa</p>
12	<p><b><i>Nội dung của mục V (Chương III theo Báo cáo QH):</i></b></p> <p>- Bổ sung phương án phân bố dân cư đến đơn vị hành chính cấp huyện.</p> <p>- Nội dung khoản 1 Điểm 1.1 Mục tiêu phát triển cụ thể viết lẫn sang phương án phát triển. Đề nghị chỉ đưa ra chỉ tiêu phát triển chính về dân số, đai</p>	<p>Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại Nội dung của mục V (Chương III theo Báo cáo QH)</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>đai, cơ sở hạ tầng.</p> <p>- Điểm 1.2 Định hướng phát triển hệ thống đô thị, bao gồm: (i) Định hướng phát triển mạng lưới đô thị cho các giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030; kế hoạch phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị, không bao gồm giai đoạn 2031 - 2050; (ii) Định hướng phát triển không gian theo vùng và các hành lang. Riêng định hướng phát triển đô thị trung tâm các cấp (điểm 1.3, 1.4 và 1.5), gộp lại thành một khoản. Bỏ điểm 1.6, nội dung này thuộc phương án phân bố và khoanh vùng sử dụng đất.</p> <p>- Nội dung khoản 2: Cần sắp xếp lại phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 27 Luật Quy hoạch gồm ba nội dung: (i) Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; (ii) Phân bố hệ thống các điểm dân cư; (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.</p> <p>- Nội dung khoản 3,4 bỏ vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của mục này.</p> <p>- Nội dung khoản 5: Phương án phát triển các khu chức năng; cần viết gọn lại, không đi vào chi tiết, chỉ nên tập trung vào: (i) Phạm vi, ranh giới; (ii) Quy mô; (iii) Tính chất; (iv) Định hướng phát triển là những cơ sở để lập QHXD các khu chức năng sau này.</p> <p>Nhìn chung, Mục V viết quá dài; nhiều hình vẽ và nội dung không cần thiết.</p>	
13	<p><b>Nội dung Mục VI và Mục VII:</b></p> <p>- Các phương án kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội trình bày thiếu sự thống nhất và tính nhất quán.</p> <p>- Về nội dung, chỉ nên tập trung vào (i) Mục tiêu; (ii) Dự báo nhu cầu, triển vọng và các chỉ tiêu phát triển; (iii) Định hướng phát triển mạng lưới; (iv) Kiến nghị danh mục dự án đầu tư ưu tiên; (v) Giải pháp và nguồn lực phát</p>	<p>Nội dung tích hợp kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội trình bày bám theo văn bản 373/BKHĐT-QLQH ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn cách thức, mức độ chi tiết tích hợp quy hoạch tỉnh.</p>

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	triển.	
14	<p><b>Nội dung mục VIII: (Chương III, theo báo cáo QH):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ khoản 1, thay vào đó là mục tiêu.</li> <li>- Làm chính xác tên và nội dung khoản 2: Định hướng sử dụng đất của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.</li> <li>- Bổ sung khoản 3: Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm 16 chỉ tiêu theo Quyết định số 326/QĐ-TTg và 22 chỉ tiêu theo Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Khoản 2 đổi thành khoản 4. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng gồm: 08 khu chức năng theo quy định Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.</li> <li>- Bổ sung khoản 4: Tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất, phân bố và khoanh vùng sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.</li> <li>- Bỏ khoản 6, thay vào đó là lập bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.</li> </ul>	Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại mục VIII
15	<p><b>Mục XIV (Chương III, theo Báo cáo quy hoạch):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm chính xác tên mục XVI lại là “Xử lý tích hợp báo cáo đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch tỉnh.</li> <li>- Nội dung mục XVI theo quy định tại Thông tư số 08/2019/TT-BKHDT ngày 17/5/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&amp;ĐT.</li> </ul>	Đã tiếp thu chỉnh sửa như góp ý tại mục XVI
16	<p><b>Về hình thức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ cục Báo cáo: Sắp xếp lại cho phù hợp với logic chuyên môn và quy định của pháp luật.</li> <li>- Nội dung Báo cáo QH còn dài, vừa thừa lại vừa thiếu. Nhiều từ ngữ sử</li> </ul>	Nhất trí với ý kiến tham gia và đã có chỉnh sửa như góp ý

STT	Ý kiến tham gia góp ý	Trả lời, giải trình
	<p>dụng không chính xác.</p> <p>- Số lượng các sơ đồ, bản đồ gồm 5.3 danh mục là quá nhiều. Cần nghiên cứu thể hiện tích hợp phù hợp với mục IX Phụ lục I Nghị định số 37/2019/ND-CP.</p> <p>Đối với các bản đồ thể hiện các phương án phát triển nên sử dụng nền thống nhất trên cơ sở là bản đồ phương án QHSDĐ và bản đồ mạng lưới giao thông làm khung chuẩn, trên cơ sở nền đó thể hiện nội dung phát triển các ngành theo hệ thống ký hiệu phù hợp với quy định của các Bộ, Ngành. Ngoài ra, một số bản đồ thể hiện trên nền không thống nhất. Đề nghị kiểm tra, làm chính xác lại.</p>	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 3 năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 783/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 8579/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất thông qua Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện thủ tục hồ sơ Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, Kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại An Giang, Báo Nhân dân tại An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT - TH An Giang, Website tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Phụ lục**  
**NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG**  
**THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**  
*(Kèm theo Nghị quyết số ... /NQ-HĐND ngày tháng ... năm 2023)*

---

## **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH AN GIANG**

### 1. Quan điểm phát triển tỉnh

Tỉnh An Giang có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh biên giới và đối ngoại của khu vực Tây Nam bộ cũng như của cả nước.

#### 1.1. Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

- Phát triển An Giang trở thành tỉnh năng động, hiện đại, văn minh, sinh thái và bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia<sup>1</sup>; phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm phát triển bao trùm<sup>2</sup> và hướng tới thịnh vượng; phát triển vì con người, chú trọng gìn giữ và tôn tạo sự đa dạng văn hóa, các giá trị truyền thống, lịch sử; tôn trọng quy luật tự nhiên và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên.

- Phát triển nhanh, mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hướng đến tăng năng suất, giảm giá thành, tăng hiệu quả và tăng giá trị. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế tỉnh theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi mô hình sinh kế theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp, các khu vực kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế hợp tác xã.

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước ngọt của vùng đất đầu nguồn, hạn chế các tác động xấu đến môi trường sinh thái; bảo đảm phục hồi và phát huy giá trị sinh thái cho thế hệ mai sau như: tăng diện tích dành cho rừng và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên; phục hồi và tăng đa dạng sinh học; phục hồi đất; phát triển các giá trị cảnh quan đặc thù của từng tiểu vùng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và

---

<sup>1</sup> Hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch.

<sup>2</sup> Quan điểm phát triển bao trùm nhấn mạnh đến khía cạnh mọi người đều được tham gia quá trình phát triển và cùng được hưởng thụ thành quả của phát triển, không bỏ ai lại phía sau, không bỏ bên lề đối với một thành viên nào của xã hội.

giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đảm bảo bộ máy quản lý nhà nước thực sự năng động, thân thiện, kỷ luật, hiệu quả. Chính quyền địa phương giữ vai trò kiến tạo, then chốt trong việc thúc đẩy hợp tác địa phương, liên kết vùng và hội nhập quốc tế; tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên, thu hút đầu tư, tăng cơ hội việc làm, giảm bất bình đẳng, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng sống của cư dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động mở rộng các quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

## 1.2. Quan điểm về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển kinh tế - xã hội

- Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển đảm bảo phát huy vị thế chiến lược của tỉnh và tầm quan trọng của liên kết với vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng thủ đô Phnôm Pênh (Campuchia); đảm bảo tính có thể mở rộng, có thể liên kết của các không gian phát triển mới trong tổng thể mối quan hệ liên ngành, liên vùng. Ưu tiên phát triển các hành lang kinh tế, khu vực trọng điểm, cực tăng trưởng để tạo động lực phát triển.

- Phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính bình đẳng về cơ hội phát triển, tiếp cận của người dân; đồng thời, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế tự nhiên, văn hóa... của các tiểu vùng, các địa phương, tạo dựng nền tảng phát triển bền vững cho tỉnh.

## 1.3. Quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Ưu tiên phát triển nhanh hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu chức năng như khu kinh tế cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch..., hạ tầng phục vụ chuyển đổi số phù hợp với định hướng tổ chức và khai thác lãnh thổ, tạo ra các không gian phát triển mới với tầm nhìn dài hạn. Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ tại các khu vực động lực, hành lang kinh tế, những điểm đầu mối (hub) cấp vùng, xuyên biên giới, tạo động lực phát triển đột phá ở những địa bàn có tiềm năng, lợi thế; đồng thời, từng bước mở rộng hạ tầng kết nối giữa các khu vực, bảo đảm sự phát triển hài hòa, cân đối giữa các tiểu vùng trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách địa phương, kết hợp với ngân sách Trung ương để tập trung đầu tư tạo sự kết nối giữa hạ tầng nội tỉnh với hạ tầng của quốc gia và của vùng. Huy động nguồn lực doanh nghiệp và dân cư tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 2. Mục tiêu phát triển tỉnh đến năm 2030

### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững trên cơ sở đẩy mạnh

ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển bền vững chắc hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và một số ngành công nghiệp chế tác<sup>3</sup>, là trung tâm sản xuất nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển giống nông nghiệp, giống thủy sản và dược liệu, là đầu mối giao thương, hợp tác quốc tế với Campuchia và các nước khu vực ASEAN, là trung tâm du lịch tâm linh và du lịch sinh thái của vùng; không gian kinh tế - xã hội được bố trí hợp lý, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối hiệu quả với các địa phương trong vùng; đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng cao; an sinh xã hội được bảo đảm; các giá trị văn hóa truyền thống, tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được gìn giữ, bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được cải thiện; tiềm lực quốc phòng được củng cố, ngày càng vững chắc; chính trị, an ninh trật tự được ổn định.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

### a) Mục tiêu phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7%/năm.
- Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: khu vực nông lâm thủy sản chiếm 20%, công nghiệp - xây dựng chiếm 25%, dịch vụ chiếm 50%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5%.
- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 157,5 triệu đồng (khoảng 6.000 USD).
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 10 năm 2021-2030 là 653 ngàn tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn 05 năm 2021-2025 đạt 41.300 tỷ đồng; 05 năm 2026-2030 đạt 63.000 tỷ đồng.
- Tổng thu từ hoạt động du lịch đạt 10.000 tỷ đồng vào năm 2030.
- Đến năm 2030, kinh tế số đạt trên 20% GRDP của tỉnh.

### b) Mục tiêu phát triển xã hội

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50% vào năm 2030.
- Hoàn thành cơ bản mục tiêu xây dựng nông thôn mới vào năm 2030.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân dưới 0,9%/năm thời kỳ 2021-2030. Dân số trung bình năm 2030 là 1.945 ngàn người.
- Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 70%.
- Đến năm 2030 đạt 30,5 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân.
- Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó: tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 39%.

<sup>3</sup> Đó là các ngành công nghiệp chế tác phù hợp với trình độ nhân lực của tỉnh, đồng thời, có thể giải quyết nhu cầu việc làm, ổn định xã hội trong quá trình chuyển đổi, hội nhập quốc tế của tỉnh (chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào chiều rộng sang chiều sâu; chuyển đổi từ nông nghiệp, nông thôn sang phi nông nghiệp, đô thị...).

- Đến năm 2030, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1%/năm; cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn.

c) Mục tiêu về bảo vệ môi trường

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng<sup>4</sup> từ 2,78% - 3,10% thời kỳ 2021-2030.

- Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt tại đô thị đạt 100%, tại nông thôn đạt trên 80%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại đạt 100%.

- Đến năm 2030, 100% số khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

d) Mục tiêu về quốc phòng - an ninh

- Chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; đảm bảo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

- Đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân.

đ) Mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng

- Phát triển hệ thống kết cấu giao thông vận tải đa phương thức kết nối liên tỉnh và quốc tế, trong đó chú trọng phát huy thế mạnh của tỉnh về giao thông thủy nội địa.

- Phát triển hạ tầng năng lượng, năng lượng tái tạo đảm bảo chủ động cân đối năng lượng cho nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Hạ tầng thủy lợi được xây dựng đồng bộ phù hợp với chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời đảm bảo chủ động kiểm soát lũ, ứng phó với lũ cực đoan, phòng, chống sạt lở.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn; từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch. Đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%.

### 3. Các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá phát triển

#### 3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Chuyển đổi nhanh sang mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững.

- Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh.

- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, bảo đảm tính kết nối, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông và các khu chức năng kinh tế, xã hội

<sup>4</sup> Không bao gồm diện tích trồng cây phân tán trên địa bàn.

quan trọng.

- Phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa, con người An Giang.
- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tăng trưởng xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

### 3.2. Các khâu đột phá

- Cải cách mạnh mẽ nền hành chính, xây dựng chính quyền số, thể hiện cam kết nhất quán của các cấp lãnh đạo trong điều hành, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Quy hoạch tỉnh.

- Thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hành lang kinh tế dọc theo tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; hệ thống giao thông kết nối đến các đô thị động lực, khu kinh tế cửa khẩu An Giang, các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm đầu mối và các vùng nguyên liệu nông thủy sản.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng số, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế số, xã hội số và thu hút đầu tư phát triển trọng điểm một số cơ sở đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và chuyên dịch cơ cấu lao động, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 4. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, An Giang là tỉnh phát triển toàn diện, hiện đại, văn minh, sinh thái, bền vững và mang bản sắc văn hóa sông nước của vùng đất đầu nguồn sông Cửu Long; có trình độ phát triển khá so với cả nước; chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao; là điểm đến hấp dẫn cho người dân và du khách từ mọi miền đất nước; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là kết nối thông suốt với khu vực, trong nước và quốc tế; là thủ phủ của ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tinh của cả nước; là đích đến của các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, chế biến thực phẩm lớn của thế giới; là đầu mối giao thương hàng hóa, dịch vụ của vùng với thị trường Campuchia và các nước khu vực ASEAN; là địa phương gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử, đa dạng sinh học, đồng thời là phát triển bền vững mô hình kết hợp giữa du lịch tâm linh, du lịch sinh thái với thương mại hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của địa phương. Quốc phòng và an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

## II. PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

#### 1.1. Ngành nông nghiệp

- Đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Sản xuất nông nghiệp, thủy sản quy mô hàng hóa lớn, chất lượng cao, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển công nghiệp chế biến tinh lương thực - thực phẩm, gắn kết với hoạt động thương mại, dịch vụ logistics, du lịch.

- Phát triển 03 nhóm ngành hàng chủ lực: lúa gạo; cá tra; rau màu, cây ăn trái và 02 nhóm ngành hàng tiềm năng: chăn nuôi bò và nấm ăn - nấm dược liệu.

- Là một trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo, kết nối với các trung tâm đầu mối nông nghiệp, thủy sản khác của vùng.

- Bố trí không gian sản xuất nông nghiệp gắn với từng vùng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát huy tính liên kết theo cụm ngành.

- Thúc đẩy tập trung, tích tụ đất đai để hình thành các vùng sản xuất, vùng nguyên liệu quy mô lớn, đặc biệt là hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

## 1.2. Ngành công nghiệp

- Tập trung phát triển vững chắc hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm. Trước mắt là cơ cấu lại khu vực công nghiệp chế biến theo hướng đổi mới, nâng cấp công nghệ cho các sản phẩm đang có lợi thế so sánh, nhất là sản phẩm từ gạo, cá tra, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi lên phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Xây dựng các cụm liên kết công nghiệp chuyên ngành chế biến lương thực - thực phẩm, thúc đẩy tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tiếp tục thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp năng lượng tái tạo để tạo việc làm trong ngắn, trung hạn và đáp ứng nhu cầu huy động ngân sách.

- Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng bền vững, thân thiện môi trường.

- Nâng cao tính tập trung, mật độ của các khu, cụm công nghiệp trên cơ sở gắn kết với khu vực đô thị và phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối liên vùng.

## 1.3. Ngành dịch vụ

### a) Về thương mại

- Phát triển thương mại hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho các ngành sản xuất; xây dựng thương hiệu hàng hóa, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn kết hoạt động thương mại với các hoạt động sản xuất, tiêu thụ. Liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng để phát triển các hoạt động thương mại biên giới, xuất nhập khẩu, nhằm phát huy vai trò trung tâm đầu mối giao thương hàng hóa của vùng với thị trường Campuchia và các nước khu vực ASEAN.

- Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ từ mạng lưới chợ dân sinh, chợ đầu mối, hệ thống kho chứa, kho cung ứng, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm đầu mối về nông nghiệp, thủy sản nước ngọt<sup>5</sup>.

- Thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh; phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại quan trọng; tăng cường kết nối, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và khu vực. Phát triển đa dạng phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại; tổ chức và vận hành hiệu quả các hệ thống cung ứng, phân phối các nhóm hàng hóa chủ yếu trên thị trường.

#### b) Về du lịch

- Xây dựng An Giang trở thành trung tâm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái của vùng; đưa ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu, điểm du lịch, các tuyến du lịch; đẩy mạnh liên kết, hợp tác hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất của ngành du lịch. Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch; phát triển du lịch thông minh; quản lý du khách và tài nguyên du lịch.

#### c) Về dịch vụ

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội và hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ trung gian hỗ trợ sản xuất kinh doanh, dịch vụ giá trị gia tăng cao để tạo thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics để tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và xuất nhập khẩu; phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, vận tải, logistics, thương mại, du lịch.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí, mua sắm, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông tại các đô thị trung tâm.

### 2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu

#### 2.1. Giáo dục và đào tạo

- Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; coi giáo dục phổ thông là nền tảng, đào tạo nhân lực chất lượng cao là khâu đột phá.

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới, quy mô, cũng như đảm bảo bố trí đủ diện tích đất cho các cơ sở giáo dục; đẩy nhanh công tác phổ cập giáo dục ở tất cả các

<sup>5</sup> Theo Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.



cấp; xây dựng công tác phân luồng, hướng nghiệp hiệu quả.

- Phát triển quy mô các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với đổi mới, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, đảm bảo đào tạo nghề gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục đủ số lượng, đạt chất lượng; đảm bảo trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức.

- Huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

## 2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe

- Phát triển hệ thống y tế của tỉnh theo hướng hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến. Quan tâm phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tăng cường năng lực công tác y tế dự phòng và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến huyện.

- Phát triển hệ thống y tế theo hướng tăng cường xã hội hóa, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, song song với phát triển y tế tư nhân; y tế dự phòng chủ động; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; kết hợp y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, y học hiện đại với y học cổ truyền.

- Phát triển đội ngũ cán bộ y tế đủ số lượng, đảm bảo chất lượng năng lực, đúng cơ cấu và đạt chuẩn về y đức.

- Đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại cho các cơ sở y tế công lập từ tỉnh đến cơ sở, nhằm nâng cao chất lượng phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng để đáp ứng nhu cầu của người dân.

## 2.3. Văn hóa, thể dục thể thao

- Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

- Phát triển văn hóa, gia đình đảm bảo giữ gìn bản sắc văn hóa, con người An Giang; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao trong quần chúng. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa phát triển thể dục thể thao.

## 2.4. An sinh xã hội

- Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, đào tạo nghề, tạo việc làm.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo, khá giả.

## 2.5. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ; hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo tại tỉnh, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

- Tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, tăng cường liên kết với các viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cùng với đào tạo, thu hút và trọng dụng nhân lực.

## 2.6. Quốc phòng, an ninh

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội và khu vực biên giới.

## 3. Tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực

### 3.1. Các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tập trung

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bố trí lại các phân vùng sản xuất nông nghiệp, gồm: vùng chuyên canh sản xuất lúa, rau màu, cây ăn trái, vùng trồng cây dược liệu, khu chăn nuôi và vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh.

### 3.2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

Phân bố các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung nằm trong hành lang kinh tế hoặc có kết nối thuận lợi đến các tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, các trục quốc lộ, tuyến vận tải thủy quan trọng qua tỉnh.

### 3.3. Phân bố không gian phát triển dịch vụ

#### a) Phân bố các trung tâm đầu mối thương mại, dịch vụ và logistics:

- Thành phố Long Xuyên: hình thành 01 trung tâm đầu mối nông nghiệp cấp vùng tại khu vực xung quanh cảng Mỹ Thới, gần với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt - là nơi cung cấp các dịch vụ về logistics, nghiên cứu phát triển, đào tạo và chuyển giao công nghệ, thu gom, chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

- Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, huyện Tịnh Biên, huyện An Phú là đầu mối giao thương hàng hóa đến thị trường Campuchia và các nước trong khu vực. Trong đó, Châu Đốc là trung tâm phát triển dịch vụ đô thị tổng hợp, công nghiệp, thương mại, du lịch và biên mậu; Tân Châu là trung tâm thương mại - dịch vụ, đầu mối giao thông thủy bộ của khu vực qua biên giới Campuchia.

b) Phân bố các khu vực thương mại - dịch vụ, hạ tầng thương mại quan trọng khác nằm trong các hành lang kinh tế hoặc có kết nối thuận lợi đến các tuyến giao thông vận tải quan trọng qua tỉnh.

## 4. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

#### 4.1. Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

- Phát triển hạ tầng giao thông quốc gia theo quy hoạch, gồm các tuyến: cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, quốc lộ (QL) 91, QL 91D, QL 80, QL 80B, QL 80C, QL N1, QL N2.

- Cảng biển An Giang thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### 4.2. Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đầu tư chuyển cấp các tuyến đường tỉnh thành quốc lộ<sup>6</sup>; nâng cấp và mở mới các tuyến đường tỉnh<sup>7</sup>; đầu tư các cầu trọng điểm<sup>8</sup> trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành 02 tuyến vận tải thủy liên tỉnh trên địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; tuyến vận tải thủy kết nối với Campuchia (tuyến sông Mê Kông).

#### 5. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

- Phát triển nguồn điện, bao gồm nguồn năng lượng tái tạo, phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng và nâng cấp mạng lưới điện đảm bảo năng lực cấp điện, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải.

#### 6. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Hình thành mạng bưu chính công cộng kết nối Trung tâm bưu chính quốc gia - Trung tâm bưu chính vùng, rút ngắn tốc độ giao hàng liên tỉnh và quốc tế.

- Xây dựng kho dữ liệu tập trung, dùng chung, vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo.

- Triển khai xây dựng “Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang”, quy mô 5,9 ha, tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên.

- Phát triển các nền tảng chuyển đổi số, dữ liệu số, các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, giáo dục - đào tạo, y tế, tài nguyên - môi trường, giao thông vận tải và logistics...

- Thực hiện sắp xếp các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở đảm bảo đúng quy hoạch,

<sup>6</sup> Chuyển cấp các tuyến thành quốc lộ: ĐT.955A thành QL.N1; ĐT.942, ĐT.952, ĐT.954: thành QL.80B; ĐT.941, ĐT.958: thành QL.N2; ĐT.945: thành QL.80C.

<sup>7</sup> Nâng cấp các tuyến: ĐT.941; ĐT.943, ĐT.944, ĐT.945, ĐT.946, ĐT.947, ĐT.948, ĐT.949, ĐT.951, ĐT.953, ĐT.955B, ĐT.957, ĐT.959, ĐT.960. Dự kiến mở mới các tuyến: ĐT.950; ĐT.942 (mới); ĐT.943B; ĐT.944B; ĐT.946B; ĐT.954 (mới); ĐT.956 và một số tuyến khác phát sinh đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>8</sup> Các cầu: cầu An Hòa, cầu Tôn Đức Thắng, cầu Năng Gù, cầu Châu Đốc, cầu Phú Hữu (sông Hậu); cầu Mỹ Luông (nhánh cù lao Giêng, sông Tiền); cầu Thuận Giang (sông Vàm Nao); cầu Tân Châu (sông Tiền).

đúng định hướng hoạt động và mục tiêu đề ra theo quy hoạch của Trung ương.

#### 7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

- Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu cho trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Thực hiện kiểm soát lũ xuyên biên giới thông qua nạo vét kênh rạch, tăng khả năng thoát lũ. Đồng thời, thực hiện chức năng trữ nước, cấp nước, chia sẻ nguồn nước và chuyển đổi sinh kế bền vững ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau.

- Đảm bảo cấp nước chủ động cho sản xuất vụ Thu Đông, nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa và các mục tiêu khác trong sản xuất nông nghiệp.

#### 8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung và các nhà máy đốt chất thải rắn ở các địa phương; các trạm xử lý nước thải tập trung ở các đô thị. Xây dựng các trạm xử lý nước thải độc lập ở các khu, cụm công nghiệp.

#### 9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

##### 9.1. Hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo: tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Mở rộng và phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Mở rộng không gian các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có và phát triển các cơ sở đào tạo nghề mới tại các khu vực động lực phát triển của tỉnh. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Hình thành các trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề, góp phần hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng, trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### 9.2. Hạ tầng y tế

Phát triển thành phố Long Xuyên trở thành một trong những trung tâm y tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tuyến tỉnh, các trung tâm y tế các huyện; xây dựng mới các bệnh viện tuyến tỉnh.

##### 9.3. Hạ tầng văn hóa, thể thao

Xây dựng nhà hát tỉnh, sân vận động tỉnh; cải tạo, nâng cấp, mua sắm thiết bị cho các trung tâm văn hóa - thể thao huyện, thị, thành phố; phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa...

##### 9.4. Hạ tầng an sinh xã hội

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây mới các trung tâm bảo trợ xã hội công lập đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng chính sách.

- Xây dựng mới các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập để chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội.

### 9.5. Hạ tầng thương mại

- Nâng hạng mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh gắn liền với các tiêu chí, tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới; tiêu chí, tiêu chuẩn nâng loại đô thị, thành lập mới đô thị.

- Phát triển mạng lưới siêu thị đảm bảo sự hài hòa giữa thương mại hiện đại (siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tự chọn...) và truyền thống (chợ, cửa hàng...).

- Phát triển mạng lưới trung tâm thương mại phù hợp với lộ trình nâng cấp, nâng loại đô thị các thị trấn, trung tâm cụm xã, thị xã và thành phố.

### 9.6. Mạng lưới tổ chức khoa học công nghệ công lập

Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tăng quy mô, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

## III. PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

### 1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

#### 1.1. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

Vùng liên huyện thành phố Long Xuyên - huyện Châu Thành - huyện Thoại Sơn: là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh; là vùng kinh tế động lực của tỉnh, với lợi thế vượt trội về thương mại, dịch vụ, du lịch, chuyển giao công nghệ và trung tâm đầu mối cấp vùng.

Vùng liên huyện thị xã Tân Châu - huyện An Phú - huyện Phú Tân - huyện Chợ Mới: là vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản hàng hóa lớn của tỉnh; chức năng đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa với thị trường Campuchia (qua cửa khẩu Vĩnh Xương và Khánh Bình); giữ vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Vùng liên huyện thành phố Châu Đốc - huyện Tịnh Biên - huyện Châu Phú - huyện Tri Tôn: là trung tâm du lịch cấp quốc gia, trung tâm kinh tế biên giới của tỉnh; chức năng đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa với thị trường Campuchia (qua cửa khẩu Tịnh Biên); giữ vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

#### 1.2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng thành phố Long Xuyên: là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh; là trung tâm chuyển giao công nghệ về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là lúa gạo và thủy sản nước ngọt.

- Vùng thành phố Châu Đốc: là trung tâm đô thị, thương mại, dịch vụ; trung

tâm du lịch có yếu tố tâm linh; trung tâm đặc biệt về văn hóa, xã hội cấp vùng; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng thị xã Tân Châu: là trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo phía Bắc của tỉnh; chức năng đầu mối giao thương quốc tế của vùng qua cửa khẩu Vĩnh Xương, có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng huyện An Phú: là huyện sản xuất nông nghiệp chuyên canh lúa, cây ăn quả, nuôi trồng và chế biến thủy sản; phát triển kinh tế cửa khẩu; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng huyện Tịnh Biên: là trung tâm đô thị cửa khẩu giao thương quốc tế, trung tâm du lịch, dịch vụ, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo; chức năng đầu mối giao thương quốc tế của vùng qua cửa khẩu Tịnh Biên; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng huyện Tri Tôn: là huyện sản xuất nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu lúa, vùng chuyên canh cây ăn quả, vùng chăn nuôi gia súc; phát triển du lịch sinh thái, du lịch có yếu tố tâm linh kết hợp với văn hóa truyền thống các dân tộc.

- Vùng huyện Châu Phú: là huyện sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp kết hợp phát triển du lịch gắn với phát triển thương mại, dịch vụ.

- Huyện Châu Thành: là huyện sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Thoại Sơn: là huyện sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất nông nghiệp chuyên canh; là trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái của tỉnh.

- Vùng huyện Phú Tân: là huyện sản xuất chuyên canh lúa nếp, rau màu và nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn của tỉnh.

- Vùng huyện Chợ Mới: là huyện sản xuất nông nghiệp chuyên canh rau màu, cây ăn trái; sản xuất công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm. Phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, sông nước miệt vườn.

## 2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 27 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Long Xuyên); 01 đô thị loại II (thành phố Châu Đốc); 02 đô thị loại III (thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên); 12 thị trấn là đô thị loại IV, gồm 08 đô thị hiện có (An Phú, Phú Mỹ, Cái Dầu, Tri Tôn, An Châu, Chợ Mới, Núi Sập, Phú Hòa) và 04 đô thị nâng cấp (Long Bình, Chợ Vàm, Ba Chúc, Óc Eo); 11 đô thị loại V, gồm 08 đô thị hiện có (Đa Phước, Vĩnh Thạnh Trung, Cô Tô, Vĩnh Bình, Cần Đăng, Mỹ Luông, Hội An, Hòa Lạc) và 03 đô thị thành lập mới (Mỹ Đức, Thạnh Mỹ Tây, Lương An Trà).

## 3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

### 3.1. Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Tổ chức, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn đảm bảo phát triển bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

- Việc mở rộng, xây dựng mới các khu dân cư nông thôn cần đảm bảo đồng bộ các hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội giáo dục, y tế. Các khu vực làng nghề cần tổ chức theo hướng bảo tồn, kết hợp với phát triển du lịch.

### 3.2. Phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Phát triển hình thái không gian dân cư nông thôn theo đặc trưng của từng tiểu vùng. Các điểm dân cư hình thành theo tuyến bổ sung các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân; tạo cảnh quan sinh thái có khả năng bảo vệ, điều tiết môi trường và các không gian sinh hoạt cộng đồng kết hợp sản xuất cho người dân.

### 4. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn:

Sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, cải thiện đời sống nhân dân; đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc đi đôi với xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu.

### 5. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp

#### 5.1. Khu kinh tế cửa khẩu An Giang

Nghiên cứu điều chỉnh phạm vi, quy mô, tính chất của khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang nhằm phù hợp với định hướng phát triển của vùng, của tỉnh. Đặc biệt điều chỉnh không gian phát triển, đề xuất các khu chức năng mới trong khu kinh tế cửa khẩu để kết nối và phát huy hiệu quả tuyến hành lang kinh tế biên giới với Campuchia, cũng như tuyến hành lang kinh tế dọc cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

#### 5.2. Khu công nghiệp

- Phát triển 05 khu công nghiệp đã có trong quy hoạch, gồm: khu công nghiệp Bình Long, khu công nghiệp Bình Hòa, khu công nghiệp Vàm Cống, khu công nghiệp Hội An và khu công nghiệp Xuân Tô.

- Giai đoạn 2026-2030, thành lập mới khu công nghiệp Định Thành, huyện Thoại Sơn, quy mô diện tích 155 ha. Sau năm 2030, mở rộng diện tích lên 300 ha.

#### 5.3. Cụm công nghiệp

Giữ nguyên 04 cụm công nghiệp, gồm các cụm: Mỹ Quý (thành phố Long Xuyên), Vĩnh Mỹ (thành phố Châu Đốc), Long Châu (thị xã Tân Châu) và Phú Hòa (huyện Thoại Sơn).

Mở rộng diện tích 05 cụm công nghiệp hiện hữu, gồm các cụm: Bình Đức (thành phố Long Xuyên); Vĩnh Bình (huyện Châu Thành); Tân Trung (huyện Phú Tân); An Phú (huyện An Phú); Lương An Trà (huyện Tri Tôn).

Quy hoạch mới 30 cụm công nghiệp, gồm các cụm: Thành phố Châu Đốc (01 cụm): Vĩnh Tế; Thị xã Tân Châu (04 cụm): Châu Phong, Long Sơn, Vĩnh Xương, Long An; huyện Chợ Mới (05 cụm): Hòa An, Hòa Bình, Long Giang, Nhơn Mỹ, làng nghề Long Điền A; huyện Thoại Sơn (02 cụm): Tân Thành, Vĩnh Trạch; huyện Châu Thành: cụm Hòa Bình Thạnh; huyện Châu Phú (06 cụm): Mỹ Phú, Mỹ Phú 2, Mỹ Phú 3, Bình Mỹ 1, Bình Mỹ 2, Bình Mỹ 3; huyện Phú Tân (03 cụm): Bình Thạnh Đông, Chợ Vàm, Phú Bình; huyện An Phú: CCN Long Bình; huyện Tri Tôn (04 cụm): Lương An Trà 2, Lương An Trà 3, Cô Tô, Núi Tô; huyện Tịnh Biên (03 cụm): An Nông, An Cư, An Phú.

#### 5.4. Khu du lịch

Tập trung phát triển các khu du lịch trọng điểm sau: khu di tích Quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng; khu di tích Quốc gia đặc biệt Ốc Eo - Ba Thê; khu du lịch Quốc gia Núi Sam; khu du lịch Núi Cấm; khu du lịch Núi Sập; không gian phát triển du lịch Cù Lao Giêng.

#### 6. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai

Thời kỳ 2021-2030, thực hiện phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện phù hợp, thống nhất và đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2025 và đến năm 2030 được phân bổ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất: đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 353.683 ha, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 286.653 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 66.579 ha; đất chưa sử dụng khoảng 451 ha.

### **IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN**

#### 1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

##### 1.1. Phân vùng bảo vệ môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: (1) khu dân cư tập trung ở đô thị; (2) nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (3) khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; (4) khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải, gồm: (1) Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; (2) vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; (3) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (4) khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; (5) Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của UBND cấp tỉnh; (6) Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.



- Vùng bảo vệ môi trường khác, bao gồm: toàn bộ phần diện tích còn lại của tỉnh nằm bên ngoài vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được nêu ở trên.

### 1.2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo tồn và phát triển các khu bảo vệ cảnh quan đã được thành lập, gồm: khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư; khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyền.

- Thành lập 03 khu bảo vệ cảnh quan, gồm: khu bảo vệ cảnh quan Núi Cấm, khu bảo vệ cảnh quan cụm núi Thoại Sơn (cụm Núi Sập, Núi Ba Thê, Núi Tượng, Núi Nhỏ), khu bảo vệ cảnh quan Núi Sam.

- Thành lập 02 khu bảo tồn loài - sinh cảnh, gồm: khu bảo tồn loài - sinh cảnh Búng Bình Thiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Cô Tô - Túc Dụp - Tà Pạ.

- Chuyển đổi cấp độ và mở rộng từ khu bảo vệ cảnh quan thành khu bảo tồn loài - sinh cảnh, gồm: khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Trà Sư; khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Tri Tôn.

### 1.3. Bảo vệ và phát triển rừng:

Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp.

2. Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên: tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung các khu vực tiềm năng để bổ sung vào quy hoạch, làm cơ sở quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Quản lý, phân bổ nguồn nước đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân dùng nước, cấp đủ nước cho các ngành kinh tế, ưu tiên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp có giá trị cao; bảo vệ tài nguyên nước không bị ô nhiễm, suy thoái cạn kiệt, bảo vệ chức năng nguồn nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang.

### 4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Xác định các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao trên địa bàn tỉnh, gồm: khu vực dễ bị tổn thương do lũ; khu vực rủi ro do sạt lở đất; khu vực rủi ro do đông lốc, sét; khu vực rủi ro do mưa lớn; khu vực rủi ro do hạn hán; khu vực rủi ro do xâm nhập mặn; khu vực rủi ro do nắng nóng; khu vực rủi ro cháy rừng do tự nhiên.

Từng bước xây dựng nền kinh tế các - bon thấp, tăng trưởng xanh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng phó biến đổi khí hậu của các bên liên quan; tận dụng các cơ hội từ

biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội.

## **V. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và một số dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội quan trọng khác. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn.

### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho các ngành kinh tế, cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, ưu tiên cho các cơ sở kinh tế hoạt động trong các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu chức năng theo quy hoạch. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước.

### **3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Chú trọng ưu tiên thu hút dự án đầu tư công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch hơn và thân thiện với môi trường; quan tâm xem xét, bố trí các dự án đầu tư vào khu cụm công nghiệp đảm bảo đúng phân khu chức năng, loại hình sản xuất phù hợp theo Quy hoạch. Phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm an ninh năng lượng.

Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thúc đẩy sản xuất, dịch vụ, tiêu dùng thông minh, du lịch, y tế, giáo dục, thông tin và truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử.

### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

Nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.

### **5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền, đặc biệt gắn với thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước

Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước:

tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

#### 7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau theo quy định của pháp luật, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 05 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định./.